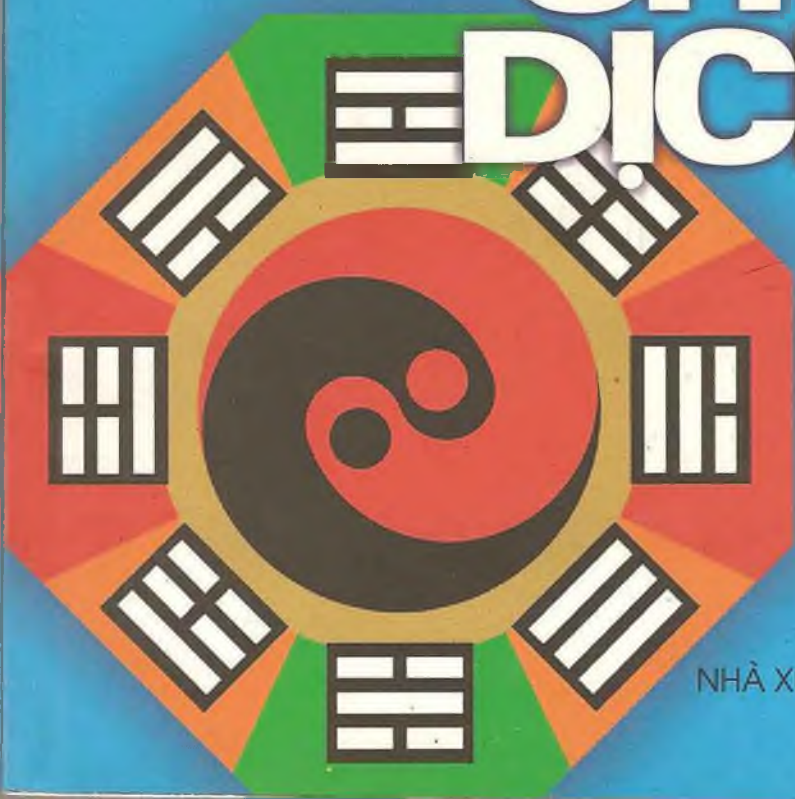


TRI THỨC GIA ĐÌNH

LÝ NGỌC SƠN
LÝ KIỆN DÂN

CHỮA BỆNH THEO CHU DỊCH



NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ

Biên dịch theo bản tiếng Trung Quốc,
của LÝ NGỌC SƠN và LÝ KIẾN DÂN

LỜI GIỚI THIỆU

Chu Dịch hay Dịch Học xuất hiện tại Trung Hoa cổ xưa, nội dung của học thuyết này có quan hệ mật thiết với các lĩnh vực của đời sống xã hội phương Đông như: Y học, Khí công phu, Địa lý phong thủy, Dưỡng sinh, Lịch pháp...

Đối với Y học phương Đông (Trung y), là một ngành chẩn đoán và trị bệnh trên nền tảng và tinh thần của Dịch Học. Từ bao đời nay các nhà y học phương Đông đã trị bệnh theo phương hướng cân bằng Âm Dương, theo sự điều hòa mối quan hệ tương sinh, tương khắc, tương chế, tương hòa... trong lục phủ ngũ tạng theo học thuyết Ngũ hành phản ánh trong cơ thể một con người. Ngành Dược học của phương Đông cũng phân chia các vị thuốc từ thảo mộc, sa khoáng, động vật theo tiêu chuẩn tính Dương và âm (hàn, nhiệt, bình), để từ đó tạo ra một phương thức dược tính sao cho phù hợp với sự cân bằng Âm Dương trong người khi điều trị. Do đó, khi nói đến y học phương Đông, người ta luôn luôn nói đến vấn đề Dịch lý. Chính vì vậy, đã tạo ra một học phái Dịch Học trung y là Y Dịch.

Cuốn sách "Chữa bệnh theo chu dịch" của hai tác giả Trung Hoa họ Lý: Lý Ngọc Sơn và Lý Kiện Dân, đã mô tả sự đồng nhất giữa các bộ phận trong cơ thể một người với không gian sinh tồn - không gian Âm Dương (hay Không gian Dịch Học) là một vấn đề trọng tâm mà Y Dịch đã chỉ ra. Nội dung cuốn sách đã phản ánh rõ nét sự tương đồng giữa các bộ

phận cơ thể với các dạng thức không gian, điều mà cuốn sách gọi là *Bát Quái* cùng với lượng số tự nhiên đặc biệt của chúng (từ 1 đến 9). Từ đây có thể "điều chỉnh" bằng ý giữa các dạng thức không gian với các bộ phận cơ thể sao cho trở về trạng thái quân bình Âm Dương, lúc đó mọi bệnh có thể được tiêu trừ, cơ thể con người phát triển, tồn tại bình thường. Đây chính là phương pháp "luyện ý" để chữa bệnh rất độc đáo rút ra từ tư tưởng của Y Dịch mà hai tác giả Lý Ngọc Sơn và Lý Kiến Dân nêu ra. Mục đích chung của phương pháp luyện ý mà cuốn sách đề cập tới cũng vẫn là hướng mọi người làm chủ lấy mình, **làm chủ thiên nhiên tại chính bản thân**, để đạt tới sự cân bằng Âm Dương tuyệt đối - tới cái không vĩnh cửu của vũ trụ, lúc đó, cá nhân có trạng thái đặc biệt mà lúc thường không có, điều mà nhà tư tưởng lỗi lạc Trung Hoa cổ Trang Tử viết:

"Tập trung chí của mi, không nghe bằng tai mà nghe bằng tâm, không nghe bằng tâm, mà nghe bằng hơi. Nghe ngừng ở tai, tâm ngừng ở chỗ phù hợp. Hơi ấy trống rỗng mà đợi vật vậy. Chỉ có đạo mới tập hợp được trống không. Trống không vô tư, ấy là chay lòng vậy" (Trang Tử - Nhân gian thế).

Cuốn sách có giá trị trong nghiên cứu y học phương Đông, trong dưỡng sinh, trị bệnh một cách giản đơn mà bất cứ ai ở bất cứ đâu cũng có thể áp dụng được.

BÙI BIÊN HÒA

Viện Thông tin Khoa học Xã hội

Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

LỜI TỰA

"Chu Dịch" là đại biểu văn hóa truyền thống của Trung Quốc, còn *tượng số* lại đóng vai trò "hạt nhân" của *dịch học*. "Tượng số" và "Dịch chiêm" là hai kho báu tinh thần cực kỳ phong phú trong "Dịch học" mà trong đó "Tượng số" chính là cơ sở của nó.

Lý luận *tượng số* của "Chu dịch" đã thấm sâu trong văn hóa truyền thống, ứng dụng linh hoạt. Từ cổ đến nay dù là tư duy triết học, thiên văn khí tượng, tâm lý y học hay lịch số kiến trúc, dự toán đo đạc địa lý... đều không thể không liên quan mật thiết với *tượng số*, đủ để thấy *tượng số* có địa vị trọng đại trong văn hóa truyền thống.

Cuốn "Chữa bệnh theo chu dịch" do hai học giả Lý Sơn Ngọc và Lý Kiện Dân biên soạn. Các ông đã tuân thủ các nguyên lý *tượng số dịch tượng*, đồng thời lấy lý luận *tàng tượng* của Đông y làm cơ sở, kết hợp với ý niệm khí công, đã sáng tạo ra một phương pháp điều trị *tượng số bát quái*. Đây là một phương pháp điều trị bằng khí công loại mới, thông

qua người bệnh đọc nhằm một nhóm *tượng số bát quái* được sắp xếp theo y dịch để đạt tới mục đích chữa khỏi bệnh, nó được kết hợp hữu cơ giữa Chu dịch, đông y và khí công dưới sự chỉ đạo của tư tưởng triết học biện chứng duy vật của Chu dịch, lấy học thuyết *bát quái* làm hạt nhân, lấy lý luận tàng tượng của đông y làm cơ sở, lấy *tượng số bát quái* làm môi giới truyền đạt tin tức, đồng thời lại tiếp thu được phương pháp điều trị đơn giản, thực dụng mà kỳ diệu của nhiều thành quả nghiên cứu khoa học hiện đại.

Tượng số bát quái, gồm 8 quẻ, tượng và số. Tám quẻ là cần (☰), đoài (☲), ly (☱), chấn (☳), tốn (☴), khảm (☵), cấn (☶), khôn (☷), tượng của bát quái tương ứng có số của bát quái là Thiên, Trạch, Hỏa, Lôi, Phong, Thủy, Sơn, Địa, tức là số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 của *tiên thiên bát quái*. Cổ nhân nói: "Bát quái thành liệt, tượng tại kỳ trung" (tức 8 quẻ xếp thành hàng, tượng nằm trong nó). Có nghĩa là nói bát quái chia nhau đại biểu 8 loại tượng vật nói trên. Cổ nhân nói: "Phục Hy vẽ bát quái bắt đầu từ số" tức là các số tự nhiên nói trên. Như vậy tượng và số là gắn với nhau không thể tách ra được, nó là một thực thể, được gọi "tượng dĩ định số", "số dĩ trưng tượng". Dịch học cho rằng bát quái là mô thức cơ bản của kết cấu vũ trụ, tượng của bát quái là tượng trưng vạn

sự, vận vật (kể cả phủ tạng cơ thể). số của bát quái là dịch số của vận sự, vận vật của vũ trụ. Tượng số là kết quả tạo hóa tự nhiên, là căn nguyên về vận động của vũ trụ.

Chính thể quan hợp nhất giữa trời và người của "Chu dịch". Thế giới vật chất là một thể tương quan với nhau, thông liền với nhau, mà bát quái là mô thức kết cấu cơ bản của nó, lớn đến thiên thể vũ trụ, nhỏ đến phủ tạng, tế bào của cơ thể người đều như vậy cả. Lý luận "Tự nhiên toàn tức luận" hiện đại cho rằng, toàn vũ trụ từ cách nhìn vĩ mô hay vi mô đều có luật *toàn tức luận*. Lý luận "luật toàn tức sinh vật" hiện đại cho rằng bất cứ một phần nhỏ nào của sinh vật đều là "hình ảnh thu nhỏ" của chính thể, giữa chính thể và cục bộ đều có liên hệ tính chất toàn tức. Như vậy Bát quái là hình ảnh thu nhỏ toàn tức của cả vũ trụ, còn cơ thể con người cũng là hình ảnh thu nhỏ toàn tức bát quái của cơ thể con người, giữa chúng đều có liên hệ về tính chất toàn tức, là một chính thể thông suốt với nhau. Bác sĩ Lý Ngọc Sơn có nêu: Khi người bệnh đọc nhầm một nhóm số bát quái, sẽ hình thành sóng tin tức với năng lượng nào đó, những sóng này sẽ được vận chuyển từ đại não đến mọi phương vị của phủ tạng. Khi những sóng tin tức này làm thức tỉnh, kích thích phát động những tin tức bát quái tương ứng trong phủ tạng và tế bào hội tụ thành sóng tin tức với năng lượng nào

đó, sẽ cùng hoàn thành hai hạng mục, một là điều chỉnh chức năng chính thể, hai là xung kích vào các "ổ bệnh" cục bộ, khiến các tổ chức kết cấu bát quái của ổ bệnh từ vô trật tự biến sang có trật tự, khiến trường cơ thể cộng chấn đồng bộ với các vũ trụ, từ đó hợp nhất được trời với người, thông các kinh lạc trong cơ thể, cân bằng âm dương, điều hòa khí huyết, đạt tới mục đích chữa bệnh làm khỏe người.

Bác sĩ Lý Ngọc Sơn cũng từ "Chu dịch" và các văn kiện cổ tìm được lấy Càn là đầu, đại tràng; Đoài là mắt, tim; Chấn là chân, Can; Tốn là đùi, mật; Khảm là tai, thận; Cấn là tay, dạ dày; Khôn là bụng, tỳ. Đã tìm ra các cách ghi dùng trong các đơn thuốc trong "Thiên địa chi cốt" còn phát hiện ra cách dùng số hay của "số" trong các đơn thuốc của các danh y cổ xưa. Như trong đơn thuốc có ghi "Đại táo 6 quả" mà không cần là to, nhỏ, chẳng cần đến trọng lượng mà chỉ là "sáu" điều đó phải chăng là ngẫu nhiên chăng? Ở đây không chỉ là 6 quả có tác dụng dược tính của nó, mà số "6" cũng lại là mảnh cắt về tin tức, điều đó nói lên rằng các người xưa đã dùng *tượng số* kết hợp với thuốc trên lâm sàng.

Bác sĩ Lý Ngọc Sơn dựa trên thực tiễn lâm sàng đã bao quát các đặc điểm của điều trị tượng số là: "tự nhiên", "tự do", "tự vi" và "mỗi chìa mở một khóa".

"Tự nhiên" là chỉ khi người bệnh đọc nhằm *tượng số*, tâm trạng tự nhiên, hình thái tự nhiên,

không cần có tác động đặc biệt ở bên ngoài, cũng không cần tư thế đặc biệt nào, cũng chẳng cần ý niệm đặc biệt nào.

"Tự do" là chỉ khi người bệnh đọc nhằm *tượng số* có thể tiến hành tự do, tùy lúc, tùy nơi, cũng không cần chọn thời gian, địa điểm, chiều hướng, lúc trà dư tửu hậu, sớm hoặc tối, đi, ngồi, nằm, đánh răng, súc miệng, xem ti-vi, tán gẫu... đều được.

"Tự vi" là chỉ yêu cầu người bệnh tự mình lo liệu không cần phải có nhiều người một lúc, không cần có sự ám thị và chỉ dẫn của thầy dạy khí công, không cần khí công sư phát ngoại khí.

"Mỗi chìa mở một khóa" là chỉ điều trị cho mỗi người một khác, mỗi bệnh một khác, không phải một nhóm *tượng số* là dùng cho tất cả mọi người, mà là mỗi bệnh thì đều có nhóm *tượng số* khác nhau, tức là mỗi người, mỗi bệnh sẽ có một "số" riêng. Nó không phải là hàng vạn người tập một loại công, hàng nghìn người niệm một số, mà là chìa nào mở khóa nấy.

Vấn đề mấu chốt của phương pháp điều trị *tượng số bát quái*, tức là điều trị bệnh chứng, lập số như thế nào. Cũng tương tự như đông y "thuốc đông y vô hình", "khí công bất động" uy lực của *tượng số* rất lớn, nếu không lập được số chính xác thì cũng khó đạt được mục đích chữa bệnh, do đó cần phải nắm vững lý luận cơ bản của Chu dịch và

đông y. biết được phương pháp điều trị bệnh chứng. nếu không sẽ không hiểu được và không nắm được "bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng. tùy loại để chọn tượng, lấy tượng để chọn số, thì trị bệnh chứng, cân bằng âm dương" là những nguyên tắc của liệu pháp tượng số bát quái, nếu không hiểu và nắm được phương pháp cụ thể lập số, tức là không biết lập số theo tượng của bát quái, lập số theo sinh khắc của ngũ hành, lập số theo học thuyết tàng tượng, lập số theo tả sứ quân cự, lập số theo tuần hành kinh lạc. Chọn lập số không thể đơn giản, không chỉ là cứ đau đầu là niệm 1, đau chân là niệm 4, mà học vấn của liệu pháp *tượng số bát quái* là toàn bộ nằm trong cách chữa theo bệnh chứng và cách lập số. Vậy thì đặc điểm "Chìa nào mở khóa nấy" có ảnh hưởng đến tính phổ cập của liệu pháp này không? Liệu pháp *tượng số bát quái* gồm có đặc điểm tự nhiên, tự do, tự vi, điều đó sẽ tạo ra các điều kiện có lợi mang tính phổ cập, còn chìa nào mở khóa nấy, đó chính là tư tưởng minh triết, là tinh thần cầu thực của nền y học cổ truyền, chỉ cần có hiệu quả điều trị tốt, được quảng đại người bệnh tiếp thu. Liệu pháp *tượng số bát quái* nó truy tìm thực dụng và hiệu quả thực tế.

Chúng tôi tin rằng, liệu pháp *tượng số bát quái* sẽ mang đến những nụ cười ấm áp cho mọi nhà.

XÍCH PHONG NHẬT BÁO

CHƯƠNG I
CƠ SỞ LÝ LUẬN
CỦA LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

PHẦN I
LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI
VỚI CHU DỊCH

Nguồn gốc tượng số của liệu pháp tượng số bát quái là từ "Chu dịch". Liệu pháp tượng số bát quái là một phương pháp điều trị đơn giản thông qua nhằm đọc một nhóm mật mã tượng số để chữa khỏi bệnh. Tượng số là nội dung cơ bản của "dịch số", trong Chu dịch thì toàn là tượng và số. Như trong "Chu dịch" phần "Hệ từ" có nói: "tượng giả, tượng dã; tượng dã giả, tượng dã". Nghĩa là: Tượng tức là hình tượng và ngược lại: "Hình tượng cũng là tượng". Nói một cách khác, tượng là chỉ tượng của âm dương vạn vật, vũ trụ; số là chỉ số của âm dương vạn vật vũ trụ. Tượng là cơ sở vật chất của

số, số là tư duy trừu tượng của tượng, (tượng dĩ dịch số, số dĩ dịch tượng) hai cái đó gắn liền với nhau không thể phân cách: là nhất thể, đều hàm chứa những tin tức vũ trụ phong phú, là hình ảnh thu nhỏ của thiên đạo, địa đạo, nhân đạo, là môi giới trọng yếu để trường bát quái cơ thể người cùng cộng chấn với trường bát quái vũ trụ.

Liệu pháp tượng số bát quái là một phương pháp điều trị vận dụng tượng số bát quái để chữa bệnh, cho nên cần phải học tập nghiên cứu liệu pháp tượng số bát quái, phải nắm vững và thành thuộc tri thức cơ sở của bát quái. Liệu pháp tượng số bát quái còn được gọi tắt là "tượng số liệu pháp".

A. HỌC THUYẾT BÁT QUÁI

Bát quái là quái treo 3 hào được tổ hợp thành một quái, gồm hào dương (—), hào âm (— —), là các dấu hiệu của 8 loại hiện tượng cơ bản nhất, tượng trưng trong vũ trụ của "Kinh Dịch", là đại biểu tính năng vạn vật đều biến hóa theo hai khí âm dương, là chỉnh thể của vạn tượng bao la. Bát quái bao hàm trong quan hệ chỉnh thể quan, vận động quan, bình hoành quan của vạn vật vũ trụ, bát quái tượng số liệu pháp trong quan hệ lấy bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng, chính là thể hiện nguyên lý vĩnh hằng của vũ trụ. Học thuyết bát

quái là lý luận hạt nhân của liệu pháp tượng số. Bát quái là một loại quái 3 hào, gồm có 8 cái gọi là kinh quái hoặc đơn quái. Bát quái đều có quái hình, quái danh, vật tượng trưng, thuộc tính chức năng v.v..., như bảng sau:

Quái	Can quyết (câu để dễ nhớ)	Số quái	Tư nhiên	Thuộc tính chức năng cơ bản	Ngũ hành	Cơ thể	Quan hệ gia tộc
	Can tam liên	1	Thiên	Kiên (khoẻ)	Kim	Đại tràng, đầu	Bố
	Đoài thượng khuyết	2	Trạch	Duyệt (vui)	Kim	Phế tràng, Khẩu (mồm)	Thiếu nữ
	Ly trung hư	3	Hoả	Lê (đẹp)	Hoả	Tâm bào, Mục (mắt)	Trung nữ
	Chấn ngưỡng mãnh	4	Lôi	Động	Mộc	Can (Can) Túc (chân)	Trưởng nam
	Tốn hạ đoạn	5	Phong	Nhập (vào)	Mộc	Đâm (mật) Củ (đuôi)	Trưởng nữ
	Khảm trung mãn	6	Thủy	Hãm (lún lôm)	Thủy	Thận Nhĩ (tai)	Trung nam
	Cấn phục uyển	7	Sơn	Chỉ (ngừng)	Thổ	Vị (dạ dày) Thủ (tay)	Thiếu nam
	Khôn lục đoạn	8	Địa	Thuận	Thổ	Tỳ (lá lách) Phúc (bụng)	Mẹ

1. Quái tượng và quái số

Tượng số là thuật ngữ thường thấy trong học thuyết bát quái, nó bao hàm thần uy rất lớn, cơ bản nhất là tượng của bát quái: mỗi một quái tượng đều hàm nghĩa một số nhất định, tức là "tượng dĩ định số", (Tức vốn đã được xác định ở số), "số dĩ trưng tượng" (Số vốn được tượng trưng ở tượng), tượng số thực chất là nhất thể. Nay giới thiệu giản đơn về quái số và quái tượng như sau:

Quái tượng là các sự vật tượng trưng cho một quái. "Dịch giả tượng dã", (Dịch vốn là tượng vậy).

Bát quái đại biểu cho tính chất cơ bản của vạn vật, vạn sự của vũ trụ, tính chất của vạn sự, vạn vật có thể trừu tượng thành 8 loại. Trong "Thuyết quái" nói: "càn là ngựa, khôn là trâu, chấn là rồng, tốn là gà, khảm là lợn, ly là trĩ (chim trĩ), cấn là chó, đoài là dê. Mà càn còn là đầu, khôn là bụng, chấn là chân, tốn là đùi, khảm là tai, ly là mắt, cấn là tay, đoài là miệng" v.v... Chữ "là" ở đây không phải chữ "là" bất biến, cần hiểu nó một cách tương đối, không cố định. Cũng tức là bát quái có thể đại biểu cho bất cứ vật gì, sự vật mà nó đại biểu là vô hạn. Nhưng bản thân nó ngược lại cái gì cũng đều không phải (các loại quy nạp vạn tượng khác của tượng bát quái, còn ít được bàn luận tới...).

Từ đó chúng ta có thể hiểu nội dung "tỷ loại

thủ tượng" (so loại lấy tượng) của bát quái, tuân hoàn từng bước quy luật của nó. mới có thể vận dụng linh hoạt lập số của tượng trong sinh lý, bệnh lý trong cơ thể con người.

Cái gọi là quái số chỉ là những chữ số tượng trưng cho mỗi quái. Chữ số tượng trưng cho bát quái, được phân thành tiên thiên bát quái số và "hậu thiên bát quái số". Số được dùng trong liệu pháp tượng số là số của tiên thiên bát quái (xem bảng trên) .

2. Bát quái đồ

Về hình thức bản đồ của bát quái, cổ nhân có để lại tiên thiên bát quái đồ và hậu thiên bát quái đồ. Theo truyền thuyết tiên thiên bát quái đồ là do Phục Hi vẽ, nên được gọi là "Phục Hi bát quái đồ". Nó gồm hai loại là "Phục Hi bát quái phương vị đồ" và "Phục Hi bát quái thứ tự đồ". Còn hậu thiên bát quái là do Văn Vương làm ra, nên được gọi là "Văn Vương bát quái đồ". Nó cũng gồm hai loại là "Văn Vương bát quái phương vị đồ" và "Văn Vương bát quái thứ tự đồ". Trong quá trình chúng tôi nghiên cứu tiên hậu thiên bát quái phương vị đồ và thứ tự đồ, có thể tìm hiểu được liệu pháp tượng số. Nguyên nhân vì sao lại lấy số của tiên thiên và của hậu thiên.

Dưới đây xin trình bày các nội dung có liên quan đến bát quái của tiên thiên và hậu thiên.

1. Tiên thiên bát quái phương vị đồ



Từ bản vẽ trên cho thấy.

Quẻ càn ở phương nam, quái số là 1.

Quẻ đoài ở đông nam, quái số là 2.

Quẻ ly ở phương Đông, quái số là 3.

Quẻ chấn ở đông bắc, quái số là 4

Quẻ tốn ở tây nam, quái số là 5.

Quẻ khảm ở phương Tây, quái số là 6.

Quẻ cấn ở tây bắc, quái số là 7.

Quẻ khôn ở phương bắc, quái số là 8.

Người xưa lấy bên trên là Nam, bên dưới là Bắc, bên trái là Đông, phải là Tây. Bản họa này gọi là "Phục Hi bát quái phương vị đồ".

Trong phần "Thuyết quái" của Chu dịch có

viết: "thiên địa định vị, sơn trạch thông khí, lô phong tương bạc, thủy hỏa tương xạ" đây là cơ sở lý luận của tiên thiên bát quái phương vị.

Trong câu nói trên đã dùng 8 loại vật tượng trưng đại biểu cho 8 quái (8 quẻ), nói rõ phương vị của chúng. Đó chính là tương đối theo cặp.

Thiên địa (2 quái càn, khôn). Sơn trạch (2 quái cần, đoài) Lô phong (2 quái chấn, tốn). Thủy hỏa (2 quái khảm, ly).

Hình thành tiên thiên bát quái phương vị đồ, còn gọi là bát quái đối đãi đồ (đối đãi có nghĩa là trong tương quan đối lập). Như vậy tiên thiên bát quái đã định ra không gian, và đã dùng 8 thuộc tính để định ra các hiện tượng tự nhiên của vạn vật trong vũ trụ; cho nên tiên thiên bát quái đồ là bản vẽ mô thức về tượng tự nhiên của thiên địa. Vì vậy nó đã phản ánh được như quy luật nguyên bản, và sự tồn tại của tiên thiên.

Phần "Hệ từ" của Chu dịch có nói: "Dịch hữu thái cực thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái". Đó là tiên thiên bát quái và quá trình sản sinh ra thứ tự của nó, là quá trình hình thành vũ trụ. Quá trình này tự nhiên đã hình thành nên một thứ tự, tức càn 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khảm 6, cần 7, khôn 8. Cho nên tiên thiên bát quái sinh, tự đắc kỳ số. Vì thế số

tiên thiên là tự nó sinh ra bản thân nó. tức là nguyên bản của thế giới là đầu nguồn. Bất cứ trường hợp nào, thứ tự quái của nó đều cố định, luôn bất biến; cho nên có thể bao hàm những tin tức của vạn sự vạn vật vũ trụ. Đó là một trong những căn cứ dùng số của tiên thiên cho bát quái tượng số liệu pháp.

Nhà triết gia dịch học nổi tiếng đời Bắc Tống, người sáng tạo đầu tiên của phái tượng số học của Dịch học là Triệu Khang Tiết đã sáng tạo độc lập phương pháp dự đoán "Mai hoa dịch số", tức dùng tiên thiên bát quái đồ và hậu thiên bát quái đồ. Tới nay đã có lịch sử trên ngàn năm, trong các phương pháp dự đoán khác, tiên thiên số, đều chiếm vị trí quan trọng. Đó là căn cứ thứ hai để dùng tiên thiên số cho liệu pháp tượng số bát quái.

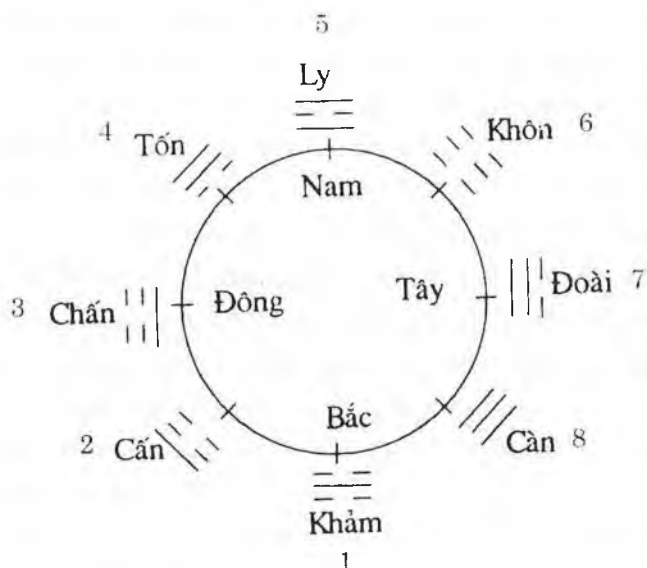
Trong thực tiễn lâm sàng của liệu pháp tượng số bát quái, cũng chứng tỏ quan hệ đối ứng giữa tiên thiên bát quái số với cơ thể con người, (tham khảo các bài chữa điển hình ở chương II). "Số dĩ trưng tượng", "tượng dĩ dịch số". "Hán thư luật lịch chí" viết: "Bản đồ do Phục Hi tự vẽ là bắt đầu tự tượng số". Tượng số thực chất là một thể, là quan hệ máu thịt, gắn liền không thể tách rời; là môi giới hợp nhất giữa thiên và nhân. Liệu pháp tượng số cho rằng thế giới vật chất là một chỉnh thể quan

hệ tương hỗ. là một hệ thống thông suốt với nhau. Còn thái cực bát quái là mô thức kết cấu của hệ thống cả thế giới vật chất (vĩ mô và vi mô), lớn như thiên thể vũ trụ, nhỏ như tế bào cơ thể con người, đều phân bố thành mô thức kết cấu bát quái; đúng với lý luận "sinh vật toàn tức luật", "tự nhiên toàn tức luật". Vì thế khi đọc nhằm một bài tượng số nào đó, thì tin tức hoặc hình thức là sóng điện từ, hoặc sóng ánh sáng, sóng âm thanh, tóm lại đều truyền đi dưới hình thức sóng, thứ nhất là tác dụng vào chĩnh thể để điều chỉnh; thứ hai là tác dụng vào bộ phận tương ứng, gây nên chấn động, kích thích, làm cho trường bát quái của bộ phận tương ứng cộng chấn với trường của con người và trường vũ trụ để chuyển hóa từ trạng thái không trật tự sang có trật tự để đạt hiệu quả chữa bệnh.

2. Tiên thiên bát quái thứ tự đồ

	8	7	6	5	4	3	2	1	
	Khôn 	Cần 	Khảm 	Tốn 	Chấn 	Ly 	Đoài 	Cần 	8 quái
Bát quái									4 lượng
Tứ tượng									Thái âm
Lượng nghi	Âm				Dương				2 nghi

3. Hậu thiên bát quái phương vị đồ



Từ bản vẽ trên thấy:

Quẻ ly ở phương Nam, quái số là 5

Quẻ khảm ở phương Bắc, quái số là 1.

Quẻ chấn ở phương Đông, quái số là 3.

Quẻ đoài ở phương Tây, quái số là 7.

Quẻ tốn ở Đông nam; quái số là 4.

Quẻ cấn ở Đông bắc, quái số là 2.

Quẻ càn ở Tây bắc, quái số là 8.

Quẻ khôn ở Tây nam, quái số là 6.

Theo truyền thuyết, hậu thiên bát quái là do

Chu Văn Vương làm ra, nên còn được gọi là Văn Vương bát quái. Hậu thiên bát quái cũng được làm ra dựa theo "Thuyết quái" Trong "Thuyết quái" có "Đề xuất hồ chấn, tề hồ tổn, tương kiến hồ ly, chỉ dịch hồ khôn, thuyết ngôn hồ Đoài, chiến hồ Càn, lao hồ Khảm, thành ngôn hồ Cấn". Đó là căn cứ lý luận của hậu thiên bát quái.

Quan hệ mật thiết giữa hậu thiên bát quái với tứ thời, ngũ phương, ngũ hành, lấy ngũ hành tương sinh để làm thứ tự, phân loại vạn vật, vạn sự theo ngũ hành để nạp nhập vào trong bát quái, lấy sự dịch chuyển của tứ thời để biểu thị quy luật vận động sinh ra và thu về của vạn vật. Như vậy thể hiện của hậu thiên bát quái là quá trình lưu động. Cho nên hậu thiên bát quái còn gọi là bát quái lưu hành đồ [chữ lưu hành có ý là sự vận động biến hóa của thứ tự thời (thời thứ)].

4. Hậu thiên bát quái thứ tự đồ



Hậu thiên bát quái đồ, lấy quan hệ bố mẹ, con trai, con gái đưa vào bát quái, nói lên căn khôn là gốc của âm dương, tổ tông của vạn vật. Thiên địa sinh vạn vật, vạn vật không phân lưỡng tính âm dương, tức là chỉ quy luật biến hóa của vạn vật vũ trụ (trong đó kể cả người).

Số của hậu thiên được hình thành trong biến hóa của vận động, lại lấy nhân sự làm mốc (cơ chuẩn), nên rất khó bao hàm tin tức sinh hóa của vạn vật, cho nên liệu pháp tượng số không thể dùng số của hậu thiên, mà là dùng tiên thiên số và hậu thiên đồ.

Có thể nói tóm lại, tiên thiên bát quái đồ và hậu thiên bát quái đồ là thể đối lập thống nhất, là quan hệ thể dụng. Tiên thiên bát quái đồ là bản đồ mô thức của hiện tượng tự nhiên của thiên địa; còn hậu thiên bát quái đồ là mô thức của dịch chuyển của tứ thời, sự sinh trưởng và thu về của vạn vật; tức là bản đồ tương giao của âm dương, của trời và đất. Hạt nhân lý luận của tiên thiên đồ là học thuyết âm dương. Tức căn thiên vi dương, khôn địa vi âm. Dương khí tăng lên do chấn, ly, đoài, đến căn là cực (cực điểm), âm khí hạ thấp do tốn, khảm, cấn đến khôn là cực. Hạt nhân lý luận của hậu thiên bát quái là học thuyết ngũ hành. Chấn, tốn thuộc mộc, ly thuộc hỏa, khôn cấn thuộc thổ, đoài căn thuộc kim, khảm thuộc thủy. Mộc, hỏa,

thổ, kim, thủy là các nguyên tố cơ bản của vạn vật và cơ thể người. Cho nên hậu thiên bát quái lấy "tiên thiên vi thể, hậu thiên vi dụng", là quan hệ giữa thể và dụng. Chỉ có tiên thiên mà không có hậu thiên, sẽ không có (căn bản) gốc. Liệu pháp tượng số của tiên hậu thiên. Như trong lập tượng số, nếu không xuyên suốt, lấy tượng để chọn tượng (thể) của bát quái dùng cho sinh lý bệnh lý và quản là lấy quá trình (dụng) sinh khắc chế hóa của ngũ hành từ đầu đến cuối (thủy chung). Tức là mối quan hệ gắn bó không chia cắt là tiên thiên vi thể, hậu thiên vi dụng; bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng.

B. HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH

Học thuyết ngũ hành được coi như tất cả sự vật (kể cả người) trong vũ trụ đều cấu thành bởi sự vận động và biến hóa của 5 loại vật chất: mộc, hỏa, thổ, kim, thủy. "Ngũ" là chỉ vật chất không thể thiếu được trong sinh hoạt của 5 loại: mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, "hành" là chỉ vận động và biến hóa. Người xưa đã lấy thuộc tính của 5 loại: vật chất để suy diễn trừu tượng, dùng để nói lên toàn bộ thế giới vật chất, còn cho rằng 5 loại vật chất không những có quan hệ tương hỗ tư sinh, tương hỗ chế ước, mà còn không ngừng vận động và biến hóa.

Nhân loại phát hiện sự vận động không ngừng và tác dụng tương hỗ của ngũ hành là quy luật và nguyên nhân sinh diệt biến hóa của vũ trụ. Trong hệ thống lớn của vũ trụ, bát quái có thuộc tính ngũ hành; vì thế bản đồ ngũ hành là đơn giản, nhưng vạn vật của trời đất có hàm chứa ở trong đó. Học thuyết ngũ hành có tư tưởng triết học sâu sắc là một bộ phận quan trọng trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH

1. Phân loại ngũ hành đối với thuộc tính của sự vật

Các nhà y học cổ đại vận dụng học thuyết ngũ hành, lấy tổ chức phủ tạng, hiện tượng sinh lý, bệnh lý của cơ thể con người và sự vật giới tự nhiên có liên quan đến đời sống nhân loại, dùng phương pháp "tỷ loại thủ tượng" (so sánh thể tượng), dựa vào tính chất, tác dụng, hình thái khác nhau của sự vật để phân biệt quy nạp vào ngũ hành: mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, để nói lên quan hệ phức tạp về sinh lý bệnh lý của con người, và quan hệ hoàn cảnh ngoại giới với con người. Tham khảo bảng quy loại ngũ hành dưới đây:

Bảng 2. Qui loại ngũ hành gián biểu

Giới tự nhiên						Ngũ hành	Cơ thể người				
Ngũ vị	Ngũ sắc	Ngũ hóa	Ngũ khí	Ngũ phương	Ngũ thời		Ngũ tạng	Ngũ phủ	Ngũ thể	Ngũ quan	Ngũ hoa
Chua	Xanh	Sinh	Phong	Đông	Xuân	Mộc	Can	Đàm	Gân	Mắt	Móng
Đắng	Đỏ	Trưởng	Nhiệt	Nam	Ha	Hỏa	Tâm	Tiểu tràng	Mạch	Lưỡi	Mũi
Ngọt	Vàng	Hòa	Thấp	Trung	Trưởng Ha	Thổ	Tỳ	Vì	Thịt	Mồm	Môi
Chát	Trắng	Thiếu	Tào	Tây	Thu	Kim	Phế	Đại tràng	Bi	Mũi	Lóng
Mặn	Đen	Tăng	Hàn	Bắc	Đông	Thủy	Thận	Bàng quang	Xương	Tai	Tóc

Người xưa đem vạn sự, vạn vật lấy phương pháp "tỷ loại thủ tượng" (phân loại lấy tượng) quy nạp thành 5 loại lớn, để mọi người nhận thức thế giới đơn giản và có qui luật. Phương pháp quy nạp này, trên cơ bản đã không là bản thân... của mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, mà là những đặc điểm của chúng, đã khái quát trừu tượng ra 5 loại thuộc tính của các sự vật khác nhau: như đặc điểm của tính mộc là sinh phát, nhu hòa, phạm loại vật liệu nào có đặc tính này đều thuộc "mộc"; đặc điểm của hỏa là dương nhiệt, là nóng, phạm loại nào có đặc tính này đều thuộc "hỏa"; đặc điểm của thổ là trường

đường, biến hóa, loại nào có đặc tính trên đều thuộc "thổ"; đặc tính của kim là thanh túc, cứng khỏe, những loại nào thuộc đặc tính này đều thuộc "kim"; đặc tính của thủy là lạnh ẩm, chảy xuôi, những loại nào thuộc đặc tính này thì thuộc "thủy".

2. Thừa vũ sinh khắc của ngũ hành

Học thuyết ngũ hành chủ yếu lấy quan hệ tương sinh, tương khắc của ngũ hành để thuyết minh quan hệ tương hỗ giữa các vật. Tương sinh tức là tư sinh và trợ tương hỗ; tương khắc tức là chế ước và khắc chế tương hỗ.

Quan hệ tương sinh của ngũ hành là: mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

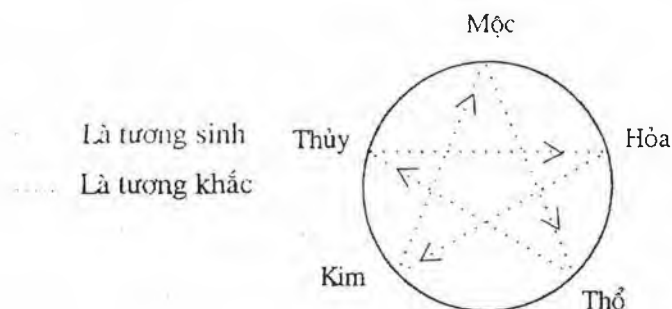
Quan hệ tương khắc của ngũ hành là: Mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Quan hệ tương khắc của 5 loại này, là tuần hoàn không có đầu, và vô cùng, hình dưới là hình vẽ ngũ hành tương khắc.

Quy luật thể hiện đường liền nét là tương sinh, đường ngắt quãng là tương khắc.

Trong quan hệ tương sinh của ngũ hành, bất cứ một "hành" nào, đều có "sinh ngã" "ngã sinh", sinh ngã là "mẹ", ngã sinh là "con", cho nên trong

quan hệ tương sinh của ngũ hành, còn gọi là quan hệ "mẹ con".



Bản đồ sinh khắc của ngũ hành

Trong quan hệ tương khắc của ngũ hành, bất cứ một chữ "hành" nào, đều có hai mặt "ngã khắc", "khắc ngã", ngã khắc là ngã sở thắng (tôi thắng), khắc ngã là ngã sở bất thắng (tôi không thắng), cho nên trong quan hệ tương khắc ngũ hành còn gọi là "sở thắng" và "sở bất thắng". Như mộc sinh hỏa tức mộc là "mẹ" của hỏa, hỏa là "con" của mộc. Như kim khắc mộc thì mộc không thể thắng kim, vậy kim là "sở bất thắng" của mộc; mộc khắc thổ, tức mộc thắng thổ, vậy thổ là "sở thắng" của mộc. "Loại kinh đồ dục" nói: "Cái tạo hóa chi cơ, bất hà vô sinh, diệc bất hà vô chế, vô sinh tắc phát dục vô do, vô chế tắc cang nhi vi hại" tức là nếu không có sinh, sẽ không có sự phát triển và trưởng thành

của sự vật; không có khắc sẽ không thể biến hóa và phát triển trong hệ duy trì sự hiệp đồng bình thường. Tức là trong sinh có chế, trong chế có sinh, mới vận hành không nghỉ. Nói cách khác, tất cả sự vật trong giới tự nhiên đều tuân tự tương sinh theo mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, đồng thời cũng tuân tự tương khắc theo mộc hỏa thổ kim thủy, chạy quanh lại trở về ban đầu như chiếc vòng không đầu, không ngừng vận động và biến hóa.

Tương thừa, tương vũ là hiện tượng ngược lại về sự phát triển biến hóa của sự vật. Thừa có ý là thừa hư xâm nhập; quy luật phản sinh vũ là nhờ mạnh lấn át yếu quy luật phản khắc. Tương thừa là sự thái quá của tương khắc, vượt quá mức độ chế ước thông thường, là một biểu hiện làm mất đi sự hiệp đồng bình thường trong quan hệ giữa các sự vật. Như khi mộc khí thiên căng (chì tiến), mà kim không thể khắc chế bình thường với mộc, mộc thái quá sẽ đi thừa (thắng) thổ, làm thổ càng yếu đi. Tương vũ, là ngược lại với tương khắc, nên gọi là "phản khắc" lại là một biểu hiện khác làm mất đi sự hiệp đồng bình thường trong quan hệ tương khắc bình thường, nếu như kim khí không đủ hoặc mộc khí chì tiến, thì mộc sẽ phản ngược lại "vũ kim".

Tóm lại tất cả thế giới vật chất, dù là thiên thể hay nhân thể, đều phải tuân theo quy luật sinh

khắc ngũ hành cân bằng tương đối và có thứ tự, nơi bảo đảm được tính ổn định tương đối nội bộ. Đó cũng là quy luật phải tuân thủ trong liệu pháp tượng số.

II HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH ỨNG DỤNG TRONG ĐÔNG Y HỌC VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

Ứng dụng học thuyết ngũ hành của Đông y là dùng phương pháp nhân loại ngũ hành của thuộc tính sự vật và quy luật biến hóa thừa vũ sinh khác, để giải thích sinh lý cơ thể người và hiện tượng bệnh lý, để chẩn đoán lâm sàng và điều trị.

1. Thuyết minh về chức năng sinh lý và quan hệ tương hỗ của tạng phủ

Học thuyết ngũ hành đem nội tạng con người, lần lượt quy vào ngũ hành, dùng đặc tính của ngũ hành để nói lên đặc điểm hoạt động sinh lý của ngũ tạng. Như can huỷ điều đạt, có chức năng sơ thông, mộc có đặc tính sinh phát, nên lấy can thuộc "mộc": tâm dương có tác dụng làm ấm nóng, hỏa có đặc tính dương nhiệt, nên tâm thuộc "hỏa": tỳ là nguồn của sinh hóa, thổ có đặc tính sinh hóa vạn vật, nên tỳ thuộc "thổ". phế khí chủ túc giáng (dẹp xuống), kim có thanh túc, thu gom, nên phế thuộc "kim". thận là chủ thủy, có

chức năng tàng tinh. thủy có đặc tính ẩm ướt, cho nên thận thuộc "thủy".

Học thuyết ngũ hành, nói lên quan hệ nội tại về chức năng sinh lý giữa các tổ chức phủ tạng cơ thể con người, như tinh của thận (thủy) để dưỡng can, can (mộc) giữ huyết để cứu tim, nhiệt của tim (hỏa) để ôn tỳ, tỳ (thổ)... hóa sinh khí để nạp cấp cho phổi. thanh túc của phế (kim) để hỗ trợ nước cho thận. Đó là quan hệ tương hỗ tư sinh của ngũ tạng. Thanh túc của phế (kim) giảm xuống, có thể kiềm chế sự tăng lên của dương can; sự điều đạt của Can (mộc), có thể sơ tiết ung uất của tỳ (thổ) vận hóa của tỳ (thổ) có thể ngăn chặn lại sự tràn trề của thận (thủy); sự ẩm ướt của thận (thủy) có thể ngăn được sự tăng lên của tâm hỏa; sự dương nhiệt của tim (hỏa), có thể hạn chế thái quá thanh túc của phế kim. Đó là quan hệ chế ước tương hỗ của ngũ tạng.

2. Thuyết minh ảnh hưởng bệnh lý giữa các phủ tạng

Học thuyết ngũ hành cũng có thể nói rõ về ảnh hưởng tương hỗ giữa các phủ tạng trong điều kiện bệnh lý, như Can bị bệnh có thể truyền sang tỳ, là mộc thắng thổ; tỳ bị bệnh có thể ảnh hưởng đến Can, là thổ vũ (lấn át) mộc; bệnh Can còn có thể ảnh hưởng đến tim, là bệnh của mẹ sang con; ảnh

hưởng phế, vì mộc lấn át kim: ảnh hưởng tới thận, là bệnh của con sang mẹ. Bệnh Can là như vậy, các bệnh của các tạng khác cũng thế đều có thể dùng quan hệ sinh khắc thừa vũ của ngũ hành để thuyết minh ảnh hưởng tương hỗ trên bệnh lý của chúng.

3. Dùng để chẩn đoán và chữa trị

Hoạt động chức năng nội tạng của cơ thể người và sự thay đổi khác thường trong quan hệ tương hỗ của chúng, đều có thể phản ảnh trên các mặt từ sắc mặt, âm thanh, hơi thở, mạch đập v.v... Sự biến hóa của ngũ tạng với ngũ sắc, ngũ âm, ngũ vị và tương quan mạch đập biến hóa, trên việc phân loại quy tụ của ngũ hành đều có liên quan tới nội tạng. Cho nên khi chẩn đoán bệnh lâm sàng, đều có thể có được tài liệu chẩn đoán bởi bốn cách: nhìn, nghe vọng, hỏi vấn và bắt mạch (thiết), sau đó căn cứ vào thuộc tính của ngũ hành và quy luật biến hóa sinh khắc thừa vũ của nó để phán đoán bệnh tình, nếu thấy mặt xanh là mộc thắng thổ; người bệnh tim, nhìn mặt có màu xám đen, là thủy khắc hỏa v.v...

Sự phát sinh và phát triển của bệnh tật, đôi khi có liên quan khác thường với quan hệ sinh khắc với nội tạng. Khi điều trị, ngoài việc điều trị cho tạng bị bệnh ra, còn phải xét đến các phủ tạng liên quan khác để kết hợp điều trị. Những nhà y

học đời sau đã vận dụng quy luật sinh khắc thừa vũ ngũ hành, còn soạn ra rất nhiều phương pháp điều trị cụ thể, như bồi bổ sinh kim, tư (thêm) thủy hàm mộc, phò thổ ức (chế) mộc, tráng thủy chế hỏa.

Quy luật biến hóa sinh khắc thừa vũ ngũ hành kể trên cần tìm hiểu nắm vững, mới có thể chỉ đạo chẩn đoán và chữa trị trong liệu pháp tượng số. Trong liệu pháp tượng số chính là dùng quy luật biến hóa sinh khắc của ngũ hành, qui nạp ra "Mẫu tử bổ tả pháp" có hàm nguyên lý sinh khắc chế hóa ngũ hành, có hàm nghĩa dùng quan hệ bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng.

Bảng 3. Bảng sơ lược của "Mẫu tử bổ tả pháp" (lấy đôi kim 2 là "ngũ").

Bổ tả	Mẹ sinh ra tôi	Tôi sinh ra con	Tôi ở giữa hư và thực
Bổ	Thổ sinh kim 820		
Tả		Kim sinh thủy 260	
Bình bổ bình tả			Kim 20

Bảng trên chỉ là thí dụ lấy thổ sinh kim, kim sinh thủy và đôi kim ở vào giữa hư và thực. Các cái khác cũng phỏng theo như vậy.

"Mẫu tử bổ tả pháp" tham khảo phần "Điều trị bệnh chứng" mục I phần III, chương I.

III. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG

Âm dương trong "nhất âm nhất dương chi vị đạo" là thuộc tính của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Học thuyết âm dương cho rằng, thế giới là kết quả đối lập thống nhất của hai khí âm dương, trong "Tố vấn âm dương ứng tượng đại luận" có nói: "thanh dương vi thiên, trọc âm vi địa, địa khí thượng vi vân, thiên khí hạ vi vũ". Bất cứ sự vật nào trong vũ trụ đều bao hàm hai mặt là đối lập tương hỗ và liên hệ tương hỗ của âm dương. Bất quái phân ngũ hành, ngũ hành phân âm dương, âm dương là cương (chủ yếu) của "dịch".

Học thuyết âm dương cho rằng, nội bộ bất cứ sự vật nào trong vũ trụ đều có thể chia làm hai phần âm và dương. Còn âm hoặc dương nào trong mỗi sự vật lại có thể phân thành âm dương. Loại sự vật này tức là hiện tượng đối lập còn có liên hệ tương hỗ là vô cùng vô tận, tức "Kỳ đại vô xứ, kỳ tiểu vô nội". (Ý vô cùng lớn, vô cùng nhỏ).

Âm dương đại biểu cho hai mặt tương hỗ đối lập, tương hỗ liên hệ của sự vật, nhưng lại không định hạn ở một sự vật nào, âm đại biểu sự vật âm tính, dương đại biểu sự vật dương tính. Nói tóm

lại, phàm cái gì hoạt động, tại ngoại, bay lên. ấm nóng, rõ ràng, tính tiến hành, cơ năng kháng tiến (tiến triển), đều thuộc dương; còn cái gì trầm tĩnh, nội tại hạ xuống, hàn lạnh, tối tăm, lùi lại, cơ năng giảm lùi. đều thuộc âm. Đủ thấy bất cứ sự vật nào trong vũ trụ, đều có thể khái quát vào hai loại âm dương.

1. Nội dung cơ bản của học thuyết âm dương

a. Đấu tranh đối lập của âm dương

Học thuyết âm dương cho rằng, tất cả sự vật trong thế gian đều tồn tại hai mặt âm dương đối lập tương hỗ. Đối lập tương hỗ, của hai phía âm dương chủ yếu biểu thị là giữa chúng vừa chế ước tương hỗ... lại vừa đấu tranh tương hỗ. Thí dụ: mùa hạ đúng là dương rất nóng, nhưng sau hạ chí âm khí lại dần dần nảy sinh, dùng để chế ước với dương oi bức, mùa đông đúng là âm hàn nhiều, nhưng sau đông chí, dương khí lại bắt đầu trở lại dùng để chế ước âm rét lạnh. Sự biến hóa của tất cả sự vật trong vũ trụ, đều phải tuân theo quy luật nhất định, tức là phải kinh qua quá trình tất nhiên là sinh trưởng, lớn lên, già đi và chết. Nó bắt đầu từ sơ sinh rồi lớn lên, khi đã phát triển tới cực độ sẽ quy về tiêu vong để biến thành một sự vật mới khác; Khi sự vật mới đã thành thực thì đã ẩn

phục nhân tổ diệt vong. khi sự vật cũ đã bại hoại thì cũng đã chuẩn bị sinh trưởng cái mới. Đại vũ là như thế, con người, một tiểu vũ trụ cũng là thế.

Trong trạng thái sinh lý bình thường của con người, hai phía âm dương cũng không phải cứ nằm yên trong một thể thống nhất mà là bài bác nhau, đấu tranh với nhau. Cái gọi là "âm bình dương bí" cũng là trạng thái cân bằng động thái trong đấu tranh đối lập âm dương. Tóm lại, sự đấu tranh đối lập của âm dương, sẽ thúc đẩy sự phát triển biến hóa của sự vật

b. Ý tồn (dựa nhau tồn tại) của âm dương

Âm dương là đối lập nhau, nhưng lại dựa nhau để tồn tại, dù là phía nào. đều không thể thoát ly đối phương để tồn tại độc lập. Nếu không có động thì sẽ không có tĩnh; nếu không có lên thì cũng không có xuống; nếu không có nóng thì cũng không có lạnh; nếu không có ngoài cũng sẽ chẳng có trong; không có thực thì cũng chẳng có hư v.v... Tất cả hai phía âm dương đối lập nhau đều như vậy, âm dựa vào dương để tồn tại, dương cũng vậy. mỗi phía đều có một điều kiện với một phương pháp để tồn tại. Quan hệ dựa nhau để tồn tại này của âm dương, được gọi là "hỗ căn". Kết hợp với sinh lý của cơ thể mà nói thì cũng vậy, âm chỉ vật

chất ở bên trong cơ thể, gọi là "âm tại nội", dương chỉ chức năng biểu hiện bên ngoài, gọi là "dương tại ngoại". Dương tại ngoại là biểu hiện sự vận động vật chất nội tại, cho nên nói dương là "âm chi sú"; âm tại nội là cơ sở vật chất của cơ năng sinh sản, cho nên nói âm là "dương chi thủ".

Nếu âm dương đều mất đi điều kiện dựa nhau để tồn tại tức là "cô âm" và "độc dương" cũng tức là không thể sinh hóa và sinh sôi (tư sinh).

c. Chuyển hóa tiêu trưởng (tức mất đi và lớn lên) của âm dương

Âm dương là đối lập tương hỗ, y tồn tương hỗ của hai bên, nhưng nó không ở trạng thái tĩnh bất biến, mà chúng luôn ở trạng thái vận động "âm tiêu dương trưởng" hoặc "dương tiêu âm trưởng". Như giới tự nhiên, từ đông chí đến xuân hạ, khí hậu dần từ lạnh chuyển sang nóng, đó là quá trình "âm tiêu dương trưởng"; ngược lại, từ hạ chí đến thu đông, khí hậu từ nóng chuyển dần sang lạnh, đó là quá trình "dương tiêu âm trưởng". Nói ngay đến cơ thể con người, những cái sinh ra do hoạt động (dương) của cơ năng, tất nhiên phải tiêu hao đi vật chất (âm) dinh dưỡng, đó là "dương trưởng âm tiêu". Còn khi vật chất (âm) dinh dưỡng được trao đổi bù đắp, và còn phải tiêu hao một năng lượng (dương) nào đó, đó là quá trình "âm trưởng

dương tiêu". Do tiêu và trưởng của âm dương đã thúc đẩy sự vật không ngừng biến hóa và phát triển. Trong trường hợp bình thường, tiêu trưởng của âm dương sẽ ở trạng thái cân bằng tương đối. Nếu quan hệ tiêu trưởng này vượt quá hạn độ nhất định, không đảm bảo được cân bằng tương đối sẽ xuất hiện bên mạnh bên yếu của âm dương, nếu nói về người thì sẽ sinh bệnh.

Hai mặt âm dương của sự vật, khi phát triển đến một giai đoạn nhất định, cũng có thể phát triển theo hướng ngược lại, âm có thể chuyển hóa thành dương và ngược lại. Trong "Âm dương ứng dụng đại luận" có "trọng âm tất dương, trọng dương tất âm", "hàn cực sinh nhiệt, nhiệt cực sinh hàn", điều đó nói lên âm dương phát triển đến giai đoạn nào đó, có thể chuyển hóa lẫn nhau. Trong quá trình phát triển bệnh, do âm chuyển sang dương hoặc dương chuyển sang âm, đó là những thay đổi ta thường thấy được.

Đấu tranh đối lập. Y tồn hồ căn, Chuyển hóa tiêu trưởng của âm dương, là nội dung cơ bản của học thuyết âm dương. Quy luật cơ bản của nó được quán triệt từ đầu đến cuối của liệu pháp tượng số bát quái.

Tóm lại "âm dương giả, thiên địa chi đạo dã, vạn vật chi cương kỷ, biến hóa chi phụ mẫu, sinh

sát chi bản thủy". Nếu muốn nắm được liệu pháp tượng số bát quái, cần phải nắm được học thuyết âm dương.

2. Ứng dụng của học thuyết âm dương đối với đông y học và liệu pháp tượng số bát quái

a. *Thuyết minh về kết cấu tổ chức của cơ thể*

Đông y học thì lấy kết cấu tổ chức cơ thể người là có thuộc tính tương đối, đều qui nạp phân loại bằng âm dương, cho rằng cơ thể là một chỉnh thể hữu cơ, tất cả kết cấu tổ chức của người, đều có quan hệ hữu cơ, lại có thể phân thành hai mặt âm dương đối lập lẫn nhau (hỗ tương). Đại thể là: phần trên của người thuộc dương, phần dưới thuộc âm; bên ngoài thuộc dương, bên trong thuộc âm; phần lưng ngoài thuộc dương, phần bụng thuộc âm; cạnh bên phía ngoài thuộc dương, cạnh bên phía trong thuộc âm. Nếu nói về tạng phủ: lục phủ thuộc dương, ngũ tạng thuộc âm. Trong ngũ tạng cũng phân ra âm dương, tức tim phổi thuộc dương, còn Can, tỳ, thận thuộc âm. Còn đối với mỗi tạng phủ cũng chia ra âm dương như tim có tâm âm, tâm dương; thận cũng có thận âm và thận dương. Kết cấu của cơ thể người rất phức tạp, nhưng đều có thể phân thành âm dương với cái tên "nhân sinh hữu tình, bất ly dương".

b. Thuyết minh chức năng sinh lý của người

Đối với chức năng sinh lý của người, Đông y cũng khái quát bằng học thuyết âm dương. Hoạt động sinh lý bình thường của người là kết quả bảo đảm sự hiệp đồng đối lập thống nhất của âm và dương. Sinh hoạt sinh lý của người lấy vật chất làm cơ sở, nếu không có âm tinh sẽ không thể sinh ra dương khí. Mà kết quả của hoạt động sinh lý lại do tác dụng của dương khí, và liên tục hóa sinh âm khí... Nếu như âm dương xa rời nhau không tác dụng lẫn nhau, thì hoạt động sinh mệnh con người sẽ ngừng nghỉ. Vì vậy trong "Tố vấn, sinh khí thông thiên luận" có nói: "âm bình dương bí, tinh thần nãi trị, âm dương ly quyết, tinh khí nãi tuyệt". (Ý là âm dương chỉ bình và bí còn chữa được, nếu âm dương cách biệt sẽ không chữa khỏi tinh khí).

c. Thuyết minh về thay đổi bệnh lý con người

Học thuyết âm dương nói lên sự thay đổi bệnh lý cho rằng: sở dĩ cơ thể sinh bệnh, là do sự mất cân bằng về âm dương, xuất hiện hiện tượng bên mạnh bên yếu. Quan hệ phát sinh và phát triển của bệnh là hai phương diện chính và tà. Cơ năng chống lại bệnh tật là --- chính khí, và nhân tố gây bệnh --- tà khí, tác dụng tương hỗ giữa chúng; trong trường hợp chúng đấu tranh với nhau

đều có thể nói rõ bằng âm dương. Tà bệnh còn phân thành âm tà và dương tà, còn chính khí gồm hai phần là âm tinh và dương khí. Dương tà gây bệnh, có thể coi là dương thịnh làm tổn thương âm, nên sinh ra chứng nhiệt; còn âm tà gây bệnh, có thể coi là âm thịnh làm hại dương, nên xuất hiện chứng hàn; khi dương hư, không thể chế ngự được âm thì xuất hiện chứng hư hàn do dương hư âm thịnh; trường hợp âm dịch hư bản không thể chế ngự dương nên xuất hiện chứng hư nhiệt do âm hư dương cương (tiến). Cho dù sự biến hóa của bệnh là đa biến phức tạp, nhưng đều có thể dùng "âm dương thất điều", "âm thịnh tắc hàn, dương thịnh tắc nhiệt, dương hư tắc hàn, âm hư tắc nhiệt" để thuyết minh một cách khái quát.

Ngoài ra bất cứ mặt nào của cơ thể hư tổn đến mức độ nhất định, đều sẽ dẫn đến bất túc (không đủ) đối với đối phương, tức là "dương tổn cập âm", "âm tổn cập dương" rồi đến cuối cùng là âm dương lưỡng hư.

d. Chẩn đoán bệnh

Nguyên nhân căn bản của phát sinh và phát triển bệnh là do mất cân bằng âm dương, vì vậy bất cứ chứng bệnh nào, cho dù biểu hiện lâm sàng có phức tạp đến đâu, thiên biến vạn hóa thế nào cũng có thể khái quát là "chứng âm" và "chứng

biện chứng là cương lĩnh các loại biện chứng, mà âm dương trong đó lại là tổng cương, lấy biểu lý thống lĩnh làm bằng. hàn nhiệt, hư thực, tức biểu là nhiệt, thực thuộc dương, còn lý là hàn, hư thuộc âm; thí dụ: đoán bằng nhìn, nếu thấy màu sắc trôn nhàn tươi sáng là thuộc dương, nếu tối ám là thuộc âm; đoán bằng nghe: âm thanh trong rõ thuộc dương, nếu là trầm, dứt quãng là thuộc âm; bằng bắt mạch: nếu là mạch nổi, số, đại, hoạt, thực thuộc dương, nếu trầm, chậm, nhỏ, sáp hư, thuộc âm. Cho nên, để chẩn đoán chính xác, trước hết phải phân rõ âm dương, mới nắm được bản chất của bệnh. Trong "Âm dương ứng tượng đại luận" nói: "thiện chân giả, sát sắc án mạch, tiên biệt âm dương". Đó là cái lý của tổng cương biện chứng âm dương.

e. Dùng điều trị bệnh

Do âm dương bên mạnh, bên yếu, đó là nguyên nhân căn bản phát sinh và phát triển của bệnh tật; vì thế điều chỉnh âm dương, khiến nó cân bằng tương đối là nguyên tắc cơ bản của điều trị. Nếu dương nhiệt thịnh mà tổn hại âm dịch (tức bệnh âm khi dương thịnh), cũng có thể tổn hại đến các dương khác còn lại, phải dùng phương pháp "nhiệt tắc hàn chi"; nếu âm hàn thịnh tổn hại đến dương khí (tức âm thịnh thì bệnh dương), có thể tổn thương đến âm khác, còn lại thì dùng phương pháp

"hàn tác nhiệt chi". Ngược lại, nếu âm dịch không đủ để chế ngự được dương tăng, hoặc do dương khí không đủ để chế ngự được âm thịnh, thì phải bổ âm hoặc dương và chỗ không đủ, không được chế ngự âm mà là lại trở thành âm thịnh thì phải bổ cho chỗ không đủ của âm hoặc dương. Nói khái quát là: "tổn kỳ hữu dư" "bổ kỳ bất túc," (thương tổn nhưng không phải hết, có bổ nhưng cũng không phải là đủ). Tóm lại, làm sao để đạt được nguyên tắc cân bằng tương đối mới.

Liệu pháp tượng số từ đầu đến cuối phải trên nguyên tắc theo lý "pháp vu âm dương, hợp vu số thuật" để cho lý luận âm dương xuyên suốt từ đầu đến cuối. Như âm hư dương cương (tiến) thì phải tư âm tiềm dương, dùng bài 640 hoặc 20.640 là bổ Can thận; 640 là bổ Can nhưng "can thận cùng nguồn" nên thực chất là bổ Can thận. Hoặc như tỳ khí (dương) hư, có thể là kiện tỳ ích khí (dương), lập số là 380, thì biện chứng thi trị (tức chữa trị trên cơ sở biện chứng) đều phải dựa vào cương của âm dương.

Tóm lại, học thuyết bát quái, học thuyết ngũ hành, học thuyết âm dương dùng để thông suốt chỉ đạo chẩn đoán và điều trị lâm sàng cho liệu pháp tượng số.

*Bảng 4: Âm dương ngũ hành bát quái
phân phối vào tạng phủ*

Ngũ hành	Mộc		Hoả		Thổ		Kim		Thủy	
Âm dương	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm
Tạng		Can		Tâm		Tỳ		Phế		Thận
P phủ	Đám		Tiểu tràng		Vị		Đại tràng		Bàng quang	
Bát quái	Tốn	Chấn	Ly	Ly	Cấn	Khôn	Cấn	Đoài	Khảm	Khảm

Vũ trụ tức là người, người tức là vũ trụ; vũ trụ là bát quái, bát quái là vũ trụ. Bát quái chia thành ngũ hành, thành âm dương, chúng là phương thức biểu đạt có thể chia, có thể hợp trong đại hệ thống của vũ trụ luận, là công cụ của thuyết lý "thiên nhân hợp nhất", là cốt lõi về lý luận của liệu pháp tượng số bát quái.

PHẦN II

HỌC THUYẾT TÀNG TƯỢNG CỦA ĐÔNG Y VỚI LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

Liệu pháp tượng số bát quái được xây dựng trên cơ sở Dịch học (bát quái đồ + ngũ hành), lấy lý luận đông y làm cơ sở và dùng tượng số làm môi giới được coi là một loại liệu pháp khí công. Lý luận cơ sở của đông y ở đây chủ yếu là học thuyết tàng tượng. Vì học thuyết tàng tượng là lý luận cốt lõi của đông y. Trong thực tiễn lâm sàng, cách lập số của liệu pháp tượng số bát quái với cách trị liệu biện chứng cùng với dùng thuốc đông y, châm cứu là rất giống nhau, nguyên tắc cơ bản của nó là nhất trí; chỉ khác là trên lâm sàng, liệu pháp tượng số bát quái là dùng tượng số mà không cần đến thảo dược hoặc kim bạc, vì thế nếu không nắm được học thuyết tàng tượng của đông y thì không thể nắm vững được liệu pháp tượng số bát quái. Nhưng liệu pháp tượng số khi vận dụng học thuyết tàng tượng trên lâm sàng, lại có đặc điểm riêng,

thí dụ về mặt "lấy tượng theo phân loại", chẳng qua là đem tượng về sinh lý bệnh lý của các tạng phủ qui về ngũ hành, rồi mới tiến thêm một bước qui loại vào bát quái, kết hợp chặt chẽ thành một khối giữa bát quái đông y và khí công, sẽ nâng học thuyết tàng tượng tiến xa hơn.

I. SƠ LƯỢC VỀ HỌC THUYẾT TÀNG TƯỢNG

Học thuyết tàng tượng của đông y, nói đơn giản là học thuyết tạng phủ về cơ thể con người. Tạng phủ ở đây, không đơn thuần là một khái niệm giải phẫu học mà quan trọng hơn là có những khái niệm về các mặt sinh lý, bệnh lý học. Người xưa cho rằng tàng tượng hàm ý nghĩa, một là chỉ tạng của cơ thể, hai là lấy tượng theo phân loại. Tượng ở đây bao gồm những phần lộ ra bên ngoài của tạng phủ, có thể trực tiếp nhìn thấy hình tượng cụ thể của nó, còn bao gồm cả tượng trưng những tiềm tàng trong nội bộ của phủ tạng, cũng là tượng của sinh lý, bệnh lý. Cái gọi là lấy tượng theo phân loại, nói đơn giản là dùng phương pháp so sánh để nói lên hiện tượng sinh lý, bệnh lý rất phức tạp giữa các tổ chức của phủ tạng cơ thể người, nó chỉ ra và nắm vững quan hệ về ảnh hưởng tương hỗ và chế ước tương hỗ giữa hoàn cảnh với tạng phủ và giữa tạng phủ với nhau. Nếu

theo thuộc tính chức năng và đặc điểm khác nhau của phủ tạng cùng với phân loại theo ngũ hành: Can hỷ điều đạt, có chức năng sơ tiết, mộc có đặc tính sinh phát, cho nên lấy Can thuộc "mộc"; tâm có tác dụng làm ấm nóng, mà hỏa có đặc tính dương nhiệt, nên lấy tâm thuộc "hỏa"; tỳ chủ yếu là nguồn sinh hóa, thổ thì có đặc tính sinh hóa vạn nên tỳ thuộc "thổ"; phế khí là chủ của túc giáng, kim có đặc tính thanh túc thu kiểm (thu lại) nên phế thuộc "kim", thận tàng tinh có chức năng của nước, thủy có đặc tính làm nhờn, nên thận thuộc thủy. Lý luận tạng phủ dùng phương pháp phân loại này, không những đem lục phủ ngũ tạng quy về ngũ hành, đồng thời còn đem các hiện tượng phức tạp về các mặt sinh lý, bệnh lý giữa các tạng phủ dùng quan hệ sinh khắc chế hóa của ngũ hành để phân loại. Ngoài ra lý luận tạng tượng của đông y thì dùng chính thể quan "thiên nhân hợp nhất", vận dụng nguyên lý "viễn thủ trừ vật, cận thủ trừ thân" (xa lấy vật, gần lấy người), dùng phương pháp "lấy tượng phân loại" đã làm thông ứng giữa vật chất của thế giới tự nhiên với phủ tạng của cơ thể người, như trong bát quái "tôn vi phong", trong "Nội kinh" coi "phong" có đặc tính làm lay động (tức là tượng của phong) để áp dụng vào các cơ chế bệnh của cơ thể, phạm những bệnh tật nào có tính hoạt động, biến động, di động, giao động (như nhức

đầu hoa mắt, bị chân động, cơ rút, cơ cơ và tê bì lan truyền v.v... đều thuộc "phong", từ đó đã sáng lập lên lý luận "phong thông khí do Can".

Tóm lại: đông y trên cơ sở tư duy phân loại sơ lược của "Chu dịch" đã dùng phương pháp lấy "tượng phân loại" áp dụng rộng rãi trong bệnh lý học và sinh lý học đã đẩy mạnh sự phát triển của đông y học, trở thành một môn đặc biệt trong đông y học.

Trong thực tiễn lâm sàng qua liệu pháp tượng số bát quái dùng phương pháp "lấy tượng theo phân loại" tức là tượng và các quan hệ tương hỗ về sinh lý bệnh lý của tạng phủ, để lấy ra số; tuyệt đối không chỉ căn cứ về tượng số đối chứng với các phủ tạng rồi sử dụng một cách máy móc hoặc các ký hiệu đơn giản, mà phải là tuân theo các nguyên tắc "bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng, lấy tượng theo phân loại, điều trị biện chứng, cân bằng âm dương (điểm này sẽ nói ở thí dụ sau). Học thuyết tàng tượng của đông y lấy thiên tượng, địa tượng; nhân tượng hợp thành nhất thể, và được quán triệt âm dương ngũ hành, nó là tinh hoa của chính thể quan tương ứng giữa người với thiên địa, là cơ sở lý luận đặc sắc có một không hai để chẩn đoán "lấy ngoài đoán trong" tương ứng với nội ngoại của đông y.

Vì vậy giáo sư Dương Lực đã chỉ rõ: "Nguồn gốc của học thuyết tàng tượng đông y là dựa vào

"Chu dịch": đồng thời liên hợp giữa thiên tượng, vật tượng và nhân tượng để cùng phát triển, nhất là khi tiếp thu trên cơ sở dịch lý, và lấy tượng theo phân loại, đã khiến việc lấy tượng mở ra một đột phá mới, đã sáng lập học thuyết tàng tượng đông y - hạt nhân lý luận đông y đặc sắc, đã trở thành sinh lực vĩnh hằng của đông y học" (Chu dịch với đông y học). Liệu pháp tượng số cũng được chứng minh trong thực tiễn lâm sàng, cần nắm vững chính xác và vận dụng liệu pháp tượng số bát quái, cần thành thuộc và nắm vững, vận dụng học thuyết tàng tượng đông y.

II. HỌC THUYẾT TÀNG TƯỢNG VỚI LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

Học thuyết tàng tượng, cũng là học thuyết của tạng phủ. Tạng phủ tức là lục phủ ngũ tạng và 3 loại phủ đặc biệt. Ngũ tạng là chi tâm (bao gồm cả tâm bào lạc) Can, tỳ, Phế, thận; lục phủ là ruột non, đởm (mật), vị đại tràng, bàng quang, tam tiêu. Sự phân biệt giữa tạng và phủ là căn cứ vào chức năng, đặc điểm của chúng. Ngũ tạng tàng trữ tinh, khí, thần, huyết và dịch, lục phủ chủ yếu là thu, nạp, tiêu hóa, hấp thu, truyền dẫn, bài tiết vật chất, nên được gọi "tạng dĩ tàng vi chủ, phủ dĩ thông vi dụng".

Ngoài lục phủ ra, còn có phủ đặc biệt là não, tủy, xương, mạch, mật và bào thai của phụ nữ. Vì nó có cái khác biệt với ngũ tạng bình thường, và cũng khác biệt với lục phủ nói chung, nên gọi là "phủ đặc biệt". Về các mặt sinh lý bệnh lý cũng như quan hệ phủ tạng chúng có quan hệ mật thiết gắn bó cực nhiều.

Dưới đây giới thiệu sơ lược về sinh lý, bệnh lý của tạng phủ và vận dụng trong liệu pháp tượng số bát quái của chúng.

A. SINH LÝ, BỆNH LÝ CỦA NGŨ TẠNG VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

1 Tâm (tim)

Tim, quẻ ly, tượng hỏa, số 3, thuộc hỏa.

Tim nằm trong lồng ngực, cùng biểu lý với ruột non trong lục phủ. Mạch máu chủ như ôm trên mặt. Mạch chủ của tim có chức năng thúc đẩy huyết dịch vận hành trong mạch đi nuôi toàn cơ thể. Mạch là đường thông cho huyết dịch vận hành, huyết dịch được vận hành trong mạch, chủ yếu nhờ sức đẩy của tim, nên "khí hành thì huyết cũng hành", "khí là bố của huyết, còn huyết là mẹ của khí". Tim và mạch quan hệ mật thiết nhất là các mạch máu trên mặt lúc nào cũng tràn đầy. cho

nên thịnh suy của tâm khí, sự thay đổi xấu tốt của mạch máu, đều phản ảnh qua mạch tượng và màu sắc của mặt. Nếu khí huyết thịnh, mạch máu sẽ tràn đầy, thì mạch tượng điều hòa có sức; sắc mặt hồng hào nhẵn trơn; nếu tâm khí không đủ, mạch sẽ hư không (hẫng), có thể xuất hiện mạch nhỏ yếu, hoặc nhịp đập thất thường, sắc mặt tái nhợt v.v... Nếu gặp phải bệnh này, khi lấy tượng số chủ yếu là bổ ích tâm khí. Thường lấy số là 650, lấy bổ thận dương trợ tâm khí. 650 tuy là thủy sinh mộc, mà Can thận cùng nguồn, 5 là dương mộc, cho nên thực chất là làm chấn (khỏe) thận dương. Do nguồn khí của tạng phủ là từ thận, nên thận dương được phấn chấn, sẽ trợ tâm khí, giúp cho tâm khí. Cũng lập số như vậy thường thường lợi cho bồi bổ trực tiếp khí tâm trạng.

Tạng thần. Thần là cái tên chung cho hoạt động sinh mệnh của cơ thể con người. Tức là chỉ hoạt động tinh thần, ý thức và tư duy của con người. Sinh lý học hiện đại cho rằng, hoạt động tinh thần, tư duy của người là chỉ chức năng của đại não, nhưng đông y học cho rằng nó có liên quan đến ngũ tạng, chủ yếu là chức năng sinh lý của tim. Vì thế nếu chức năng tim bình thường, thì thần trí trong sáng, tinh thần bình thường. Nếu chức năng tim có trở ngại, sẽ gây ra mất ngủ, đa mộng và hay quên v.v... thậm chí có khi tinh thần

bất bình thường. Những chứng bệnh trên, trong các trường hợp bình thường chủ yếu là chữa kiện tỳ an thần, lập tượng số là 30.80, trong đó 3 là quẻ ly, chủ tâm, 8 là quẻ khôn chủ tỳ, ngoài ra 30.80 còn là nhị nguyên. Hiệu quả bồi bổ không rõ ràng, có thể gây phấn chấn khí của tạng phủ, cho nên 30.80 có thể chấn tim, tỳ, kiện tỳ an thần.

Khai khiếu (lỗ) ra lưỡi. Khai khiếu là chỉ mối quan hệ giữa các bộ máy nội tạng của cơ thể với bộ máy hoặc tổ chức bên ngoài. Trạng thái cơ năng của bộ máy nội tạng ra sao, thường được phản ánh qua các bộ máy bên ngoài. Bệnh của tim thường được phản ánh qua lưỡi. Như máu trong tim không đủ, lưỡi sẽ có màu trắng nhạt; khi tâm hỏa gây viêm hoặc tâm âm hư, thì lưỡi đỏ, thậm chí thân lưỡi bị rộp lên. Cho nên có cách nói "tâm khai khiếu ra lưỡi, và tâm vi thiệt (lưỡi) chi miêu (mâm) (rêu)". Khi xuất hiện máu trong tim không đủ, thấy lưỡi có màu trắng nhạt thì coi đó là chứng tim thất thường, có thể lập tượng số là 430, để gây phấn chấn cho Can, bổ máu cho tim. Trong đó 4 là quẻ chấn, chủ can, can chủ tàng huyết, thuộc mộc; 3 là quẻ ly, chủ tâm, thuộc hỏa, cho nên 430 là chấn mộc sinh ly hỏa 3, bổ tâm huyết.

Mồ hôi là dịch của tim. Mồ hôi là do dịch nhờn sinh ra, mà dịch nhờn là một bộ phận của huyết dịch, cho nên được nói là "máu và mồ hôi cùng

nguồn". Nếu mồ hôi ra quá nhiều, sẽ gây tổn thương gân cốt và hao máu; ngược lại nếu người bệnh thiếu máu, dịch nhờn xấu, thì nguồn mồ hôi không đủ, sẽ không ra mồ hôi, cho nên người xưa có nói "đạt huyết giả vô hãn (mồ hôi), đạt hãn giả vô huyết".

Phụ chú: Tâm bào.

Tâm bào, quả ly, tượng hỏa, số 3, thuộc hỏa.

Tâm bào còn gọi là tâm bào lạc, là tổ chức bao quanh ngoài của tim, có tác dụng bảo vệ tim và cùng biểu lý với tam tiêu của lục phủ.

2. Phế (phổi)

Phế, quả đoài, tượng trạch, số 2, thuộc kim.

Phế (phổi) nằm trong lồng ngực, cùng biểu lý với đại tràng trong lục phủ. Chủ khí, tư (điều khiển) hô hấp, chủ khí của phế bao gồm 2 mặt là khí hô hấp và khí chủ của thân thể. Khí hô hấp chủ của phổi là chỉ phổi có tác dụng điều khiển hô hấp, là môi trường trao đổi thế khí trong và ngoài cơ thể. Cơ thể người thông qua phổi để hít không khí tự nhiên trong lành và thở ra các khí độc trong cơ thể, tiến hành thay cũ đổi mới, làm cho không khí luôn được trao đổi. Cho nên trong "âm dương ứng tượng đại luận" có nói "thiên khí thông do phế".

Khí thân chủ của phổi. Sự hình thành của khí với phổi có quan hệ mật thiết, tông khí được hình

thành bởi tinh khí do với khí hít vào của phổi được tích lại trong phổi. lên cổ họng để điều khiển hô hấp "phế chiếu bách mạch", tông khí lại thông qua tất cả các mạch phân bố khắp trên thân thể, chúng làm nóng, tứ chi bách hài (hài cốt tứ chi) và duy trì hoạt động sinh lý bình thường của nó. Cho nên phổi có tác dụng chủ trì khí của toàn thân.

Chức năng của chủ khí phổi bình thường, thì hô hấp sẽ đều đều nhịp nhàng. Nếu phổi thiếu khí sẽ làm hô hấp thiếu lực hoặc do không đủ không khí làm cho tiếng nói sẽ bị nhỏ lại, người mệt mỏi cảm thấy không còn sức, liệu pháp tượng số cho dạng bệnh này sẽ là bổ phế khí là chính, lập tượng số là 820. trong đó 8 là quẻ khôn, chủ tỳ, thuộc thổ; 2 quẻ đoài. chủ phế, thuộc kim, cho nên 820 là tỳ thổ sinh phế kim, tức là khí của mẹ bổ cho hư của con.

Chủ tuyên phát, ngoại hợp bì mao (lông da). Tuyên phát có ý là rải rác. Phế chủ tuyên phát là chỉ sự thúc đẩy của phế khí làm cho khí huyết và các dịch nhờn được phân tán đi khắp cơ thể, trong thì đến các kinh lạc tạng phủ, ngoài thì đến các cơ bắp là da lông, không chỗ nào là không đến. Nếu phế khí không được tuyên phát mà ngưng lại thì sẽ sinh ra tức ngực, tắc mũi ho v.v... Liệu pháp tượng số chủ yếu là phán chấn năng lực tuyên phát của tạng đó, tả thì lấy kiện tỳ, lập số là 2000.80. Trong

đó 2 là quẻ đoài, chủ phế thuộc kim, sau 2 là ba số 0, có thể làm tăng sự phấn chấn của chức năng tạng đó; 8 là quẻ khôn, chủ tỳ, thuộc thổ có thể làm phấn chấn phế khí của tỳ.

Da lông ở ngay trên mặt cơ thể, nó như một chiếc áo giáp để chống lại các tà khí bên ngoài. Phế chủ bì mao, là chỉ phối thông qua tác dụng tuyên phát của nó, mang các tinh của nước và cốc vận chuyển đến khắp da lông, làm ấm da lông, chống lại sự xâm nhập của ngoại tà. Còn các lỗ chân lông của da cũng có tác dụng tán khí để điều tiết hô hấp. Phế khí khi hư, da sẽ không được mịn chặt, dễ bị phong hàn, cảm cúm, ra mồ hôi v.v..., như trên lâm sàng thường thấy bệnh ngứa da tức là khi mặt da không săn thì không thể chống đỡ được phong hàn (nhiệt). Liệu pháp tượng số của bệnh này có thể lập số 2000 để làm phấn chấn khí của tạng đó. "Phế chủ bì mao" được lấy tượng số là 2, để tuyên phát ngoại tà, làm chức năng bảo vệ bên ngoài.

Chủ túc giáng, thông điều thủy đạo, - túc giáng tức là thanh túc giảm xuống. Túc giảm tức là phế khí luôn luôn giảm xuống, làm cho nước của thượng tiêu cũng không ngừng chảy xuống bàng quang làm thông thoát tiểu tiện, cho nên có câu nói "phế vi thủy chi thượng nguồn" (phổi là thượng nguồn của nước). Nếu phế khí không được thanh túc sẽ trở ngại cho việc giảm xuống, có thể xuất

hiện các chứng chạy ngược của phế khí gây nên buồn bực, ho, đoản hơi; đồng thời làm cho nước không chảy xuống được bằng quang gây ra những chứng bệnh nước tiểu vận chuyển không thuận lợi như khó tiểu tiện, nước tiểu ít, phù v.v...

Tuyên phát với túc giáng là hai mặt bồi bổ cho nhau. Tuyên giáng bình thường thì phế khí thông thoát, hô hấp được điều hòa. Nếu chức năng này mất đi sự hiệp trợ sẽ gây ra các chứng bệnh "phế khí bất tuyên" hoặc "phế thất túc giáng" gây ra ho, đoản hơi, túc ngực v.v... Phương pháp lập tượng số của bệnh này cũng giống như ở trên là 2000.80.

Thông điều thủy đạo. là chỉ phế khí có tác dụng thúc đẩy và duy trì sự cân bằng việc thay thế nước dịch. Nghiên cứu này do sự tuyên phát và túc giáng của phế khí mà có. Tuyên phế khí làm ra mô hôi, giáng phế khí mà có. Tuyên phế khí làm ra mô hôi, giáng phế khí lại làm lợi tiểu, nó thể hiện cụ thể là phế khí thông điều thủy đạo. Gọi là hành, thủy hành, khí chỉ thủy, chỉ, là nói thông điều thủy đạo được hoàn thành bởi tuyên phát với túc giáng của phế khí. Nếu phế mất đi túc giáng, tuyên phát sẽ gây cho tiểu tiện khó và phù v.v... Liệu pháp tượng số có thể dùng khí để phần chắn cho tạng đó, lấy lợi túc giáng là làm ấm thận dương, lợi cho việc thay thế thủy dịch. Có thể lập số là 2000.60, trong đó 2 là quả đòai chủ phế, thuộc kim, cho nên 2000 làm phần chắn khí của tạng này, thúc

đây tức giáng. 6 là quẻ khảm, chủ thận, thuộc thủy. 60 là để cố vũ cho thận dương làm lợi cho việc thay thế thủy dịch. 2 và 6 là quan hệ kim sinh thủy, kết hợp 2 tạng này sẽ đủ thay thế cho thủy dịch.

Khai khiếu do mũi. - Mũi là đường thông cho hô hấp, phế khí thông qua mũi, nếu phế khí bình thường hô hấp thuận lợi, thì khứu giác của mũi mới được bình thường, cho nên nói: "mũi là khiếu của phế". Mũi còn thường xuyên là đường thông của ngoại tà xâm nhập vào phổi, phổi bị ngoại tà xâm nhập, phế khí bất tuyên, sẽ xuất hiện chứng tắc mũi, chảy nước mũi, hắt xì hơi, và khứu giác không linh lợi v.v... Nếu do phong hàn gây ra nói chung có thể lập tượng số là 70 hoặc 07. Trong đó 7 là quẻ cấn, chủ vị thuộc dương thổ, còn thuộc dương minh kinh, kinh của nó chạy lên, nên lập số theo vòng kinh, ôn kinh tản hàn.v.v...

3. Tỳ

Tỳ, quẻ khôn, tượng địa, số 8, thuộc thổ.

Tỳ nằm trong khoang bụng, có biểu lý giống vị trong lục phủ.

Chủ vận hóa. - Tác dụng chủ vận hóa của tỳ gồm 2 mặt là vận hóa tinh của thủy cốc và vận hoá của thủy thấp, hai tác dụng này đều hoàn thành thông qua tỳ khí.

Vận hóa tinh của thủy cốc chủ yếu là chức

năng tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển các chất dinh dưỡng và thủy dịch cho hệ tiêu hóa. chức năng của tỳ. khi được hoàn thiện kiện toàn, thì các thực phẩm thu vào mới được hóa thành huyết dịch và các vật chất tinh túy mới được vận chuyển đến lục phủ ngũ tạng, hài cốt tứ chi và các bộ máy, tổ chức, đem dinh dưỡng đến toàn thân. Nếu tỳ hư, vận hoá sẽ mất chức năng, thủy cốc không được vận hóa tốt, sẽ gây ra biếng ăn, đầy bụng, tiêu chảy. người mệt mỏi và phù v.v..., đông y gọi là "Tỳ thất kiện vận". Lập tượng số của nó nói chung là 380. Trong đó 3 là quẻ ly chủ tâm thuộc hỏa; 8 là quẻ khôn, chủ tỳ, thuộc thổ. Bài này là hỏa sinh thổ, tức là khí của mẹ bổ cho hư của con.

Vận hóa thủy thấp. - Tính của tỳ là hỷ tác ác thấp (thích nóng ghét ẩm), tỳ có tác dụng xúc tiến thay đổi thủy dịch, tức chuyển vận mọi nhu cầu về thủy dịch, vận chuyển và phân bổ cho khắp các tổ chức, các bộ máy quanh người, để phát huy tác dụng bổ dưỡng làm nhờn, sau khi thay thế xong, thủy dịch không cần thiết được đưa ra thận, bàng quang thải ra ngoài. Nếu tỳ mất đi chức năng này, tỳ sẽ khó khăn về thấp ẩm, sẽ gây ra các chứng: nặng đầu, người nặng nề, bụng chướng đầy, đi ngoài ra nước v.v... nên đã có câu: "Giả thấp thũng mãn, giai thuộc do tỳ" (thấp, sưng, đầy đều thuộc tỳ). Trong quá trình vận chuyển phân bổ thủy dịch

và thay thế đều do 3 tạng hiệp đồng hoàn thành tức phế, tỳ, thận. Vì vậy trên lâm sàng gặp tỳ bị tà thấp thì xuất hiện chứng nặng đầu, người nặng nề, bụng chướng, tiêu chảy v.v... Liệu pháp tượng số thường là dùng thanh kiện tỳ lợi thấp, thường lấy tượng số của hai tạng phế và thận, lập số là 650.30.820. Trong đó 6 là quả khảm chủ thận, thuộc thủy; 5 là quả tổn, chủ đảm thuộc dương mộc và biểu lý giống Can mật, "Can thận đồng nguồn", cho nên 650 cải thiện cho thận dương, đẩy lui âm tà; 3 là quả ly, thuộc hỏa, có hiệu quả làm ấm nên có thể ích tỳ dương; 8 là tỳ thổ, 2 là quả đoàn, phế kim, 820 có thể làm nhòn tỳ, chấn tỳ dương, trợ phế khí, lợi tức giáng, vì thế 650.30 820 để ôn thận, chấn tỳ dương, vận hóa thủy thấp.

Chủ thống huyết - Thống có ý là thống nhiếp (tức là thống lĩnh), khống chế, quản hạt.

Tỳ thống huyết là chỉ tỳ khí có tác dụng thống nhiếp huyết dịch, giữ cho nó không tràn ra ngoài mạch. Tỳ là nguồn sinh hóa của khí huyết, lại có tác dụng thống nhiếp huyết dịch, chức năng này của tỳ khí thống nhiếp huyết dịch, ngoài nguyên nhân "khí là bổ của máu" ra, còn có quan hệ mật thiết với tỳ khí chủ thăng. Vì vậy chứng xuất huyết của "tỳ bất thống huyết", cũng tức là kết quả của "khí bất nhiếp huyết". Nếu tỳ bất thống huyết mà đại tiện ra máu, niệu băng và có các điểm tím

v.v... nên lấy kiện tỳ thống huyết là chủ. Tượng số của nó là 380.20. Trong đó 380 là kiện tỳ ích khí; 2 là quẻ đoài là phế kim, 20 có thể chấn phế khí để tả tỳ khí, cho nên 380.20 kiện tỳ thống huyết; cũng có thể lấy 380 v.v...

Chủ cơ bắp, tứ chi. Tỳ vị là "hậu thiên chi bản". Vận hóa của tỳ và chức năng của thống nhiếp, làm cho cơ bắp của toàn cơ thể mới được dinh dưỡng đầy đủ và cũng duy trì được chức năng bình thường. Cho nên chức năng vận hóa của tỳ có bình thường hay không, tất nhiên sẽ có quan hệ đến sự mập mạp và gầy còm của cơ bắp

Sự hoạt động chức năng bình thường của tứ chi cơ thể có quan hệ mật thiết với tỳ khí. Tỳ khí mà khỏe mạnh, thì khí trong sạch được phân bố khắp người; khi dinh dưỡng được vận chuyển đầy đủ thì bắp thịt cũng căng đầy, tứ chi nhẹ nhàng linh hoạt. Ngược lại nếu tỳ mất đi kiện vận, thanh dương không được phân bố, dinh dưỡng yếu kém tất sẽ làm cơ bắp mềm nhão, tứ chi thiếu lực v.v...; loại chứng bệnh này thường phải chữa theo phương pháp hoãn bổ tỳ khí. Phương pháp lập tượng số là 80.20.650 v.v... trong đó 80 là chấn tỳ, 20 là cổ động phế khí, 650 là thiện chấn thận dương để tả trợ tỳ vận.

Khai khiếu do môm, "kỳ hoa tại thân". - Tỳ khí

kiện vượng, môi sẽ đỏ bóng, thích ăn, ăn ngon, khẩu vị thì bình thường. Nếu tỳ mất kiện vận hoặc tỳ khí bất túc, thì môi sẽ nhợt và vàng. Ăn uống hay thay đổi hoặc khẩu vị thất thường v.v... lâm sàng thường lấy kiện tỳ hoặc vận hóa làm chủ. Lập tượng số nói chung là 820. Trong đó 8 là khôn thổ, là tỳ; 2 là đoài kim, chủ phế; cho nên 820 tuy là thổ sinh kim, nhưng diện mạo giống như tả tỳ, nhưng khí của phế chủ - thân, vẫn không mất đi kiện tỳ vận hóa.

4. Can

Can, quẻ chấn, tượng lôi, số là 4, thuộc âm mộc.

Can nằm trong khoang bụng, biểu lý giống mật trong lục phủ.

Chủ tàng huyết. Can có chức năng giữ huyết dịch và điều tiết lượng máu. Huyết dịch trong các bộ máy của cơ thể thường tùy tình hình sinh lý khác nhau mà thay đổi lưu lượng máu, khi cơ thể được nghỉ ngơi thì nhu cầu huyết dịch của cơ thể là bé nhất, huyết dịch còn dư ra được giữ ở Can; khi cơ thể hoạt động, lượng huyết dịch cần thiết của cơ thể tăng lên, Can sẽ tiết ra các huyết dịch lưu trữ để cung cấp cho nhu cầu hoạt động của cơ thể. Huyết dịch được tàng giữ trong Can và chức năng điều tiết lượng máu có liên quan mật thiết với các

hoạt động của các tổ chức tạng phủ của cơ thể. Nếu máu trong Can không đủ có thể xuất hiện hoa mắt nhìn không rõ, cơ bắp bị co giật, gập vào duỗi ra không thuận lợi, phụ nữ hành kinh ít kinh thậm chí bế kinh v.v... Trên lâm sàng thường lấy bổ Can huyết là chủ, lập tượng số có thể là 640 hoặc 40. Trong đó 640 là thận thủy sinh can mộc, nhưng vì Can thận đồng nguồn nên có thể cùng bổ Can thận, lấy tư âm bổ huyết là chính, 40 làm phấn chấn khí của tạng đó, giúp giữ máu cho Can.

Chủ sơ tiết (khai thông bài tiết) - sơ tiết có ý là khai thông, chủ sơ tiết của Can là chỉ tính năng sinh lý phát sinh, phát triển của can khí. Chức năng này không tách rời tinh chất "hỷ điều đạt" của can khí. Can chủ sơ tiết, chủ yếu quan hệ đến tăng giảm và điều tiết thông thoáng về khí của cơ thể. Khí (khí cơ) là khái quát có tính hình thức cơ bản về hoạt động chức năng tạng phủ của con người. Chức năng của can chủ sơ tiết, trực tiếp ảnh hưởng tới điều tiết khai thông của khí cơ. Nếu can khí không thông sẽ thấy buồn khôn tả, buồn đến muốn khóc, kinh nguyệt không đều, và ảnh hưởng đến chức năng tỳ vị v.v... Trên lâm sàng thường dùng phương pháp làm thông thoát can khí. Lập tượng số là 430.20, trong đó 4 là can mộc, 3 là ly hỏa, 430 là làm thông can khí để an thần; 2 là quẻ

đoài phế kim. có thể là khí của chủ thận, nên có thể điều đạt can khí tả dĩ.

Chủ cân (gân cốt) "Kỳ hoa tại chảo" biểu hiện trên móng. Gân tức màng gân (bao gồm cơ kiện). Màng gân là một loại liên kết các khớp xương và cơ bắp, là tổ chức điều khiển vận động, chủ cân thuộc Can lá vì toàn bộ gân cốt được Can nuôi dưỡng; vì vậy tất cả vận động của các chi, tuy là do gân điều khiển, nhưng đều lệ thuộc vào sự mạnh yếu của Can. Nếu máu trong Can không đủ, không thể nuôi gân, sẽ làm cho gân cốt chân tay run rẩy, hoặc co duỗi không thuận lợi v.v... Khi tà nhiệt xâm nhập gây ra tiêu hao máu, máu không đủ làm mạnh gân sẽ thấy tứ chi bị co giật, các bắp nổi lên, những chứng bệnh do Can không đủ máu, nói chung lấy tượng là 640 hoặc 40 (ý nghĩa của chúng giống như trên).

Máu của Can thịnh hay suy, ảnh hưởng đến sự vận động của gân, "chảo vi cân chi dư" móng là cái dư thừa của gân cho nên nó cũng ảnh hưởng đến sự thay đổi khô hay bóng của các móng. Nếu Can đủ máu, gân cốt sẽ khoẻ, các móng cũng chắc cứng; còn khi Can thiếu máu, gân cốt cũng yếu, các móng cũng mỏng và mềm, dễ biến dạng và cũng dễ nứt móng, rời móng.

Khai khiếu do mắt. Tinh khí của lục phủ ngũ

tạng được thông qua mạch máu để tới mắt. do vậy mắt và lục phủ ngũ tạng có liên quan với nhau nhưng chủ yếu là Can, vì Can giữ máu, các kinh mạch của nó nối liền với mắt, cổ nhân có nói "Can thụ huyết nhi năng thị" Can có được máu, mắt mới sáng, cho nên chức năng Can ra sao được biểu hiện ở mắt. Can nóng thì mắt đỏ, nếu Can không đủ máu thì mắt sẽ khô, thị lực mờ hoặc bị mù v.v... Khi lập tượng số trường hợp Can hỏa làm mắt đỏ lên hay sưng đỏ là 003, trong đó 3 là quẻ ly, chủ nhân, thuộc hỏa. 00 là số chẵn là âm, nếu số 0 đứng đầu của tượng số là âm, có hiệu quả là thủy khắc hỏa. Còn nếu Can không đủ máu làm cho mắt khô, thì trong lập số có thể là 640 bổ máu Can hoặc 650 bổ máu Can, số trên dùng cho người âm hư, còn số dưới dùng cho người âm dương đều hư.

6.Thận

Thận, quẻ khảm, tượng thủy, số 6 thuộc thủy.

Thận nằm trong khoang bụng, trái, phải mỗi bên một quả, biểu lý giống bàng quang trong lục phủ.

Tàng tinh, chủ phát dục, sinh sản. Tinh là vật chất cơ bản cấu tạo thành cơ thể người, cũng là cơ sở vật chất hoạt động các cơ năng của cơ thể người. Nó được phân thành tiên thiên và hậu thiên. Tinh của tiên thiên được giữ tại thận, nhưng phải được

tiếp sức của tinh thủy cốt của hậu thiên mới phát huy được tác dụng. Tinh có thể hóa khí. Sự hóa khí từ tinh của thận, tức là thận khí. Sự thịnh suy của tinh khí thận có quan hệ tới khả năng sinh sản, phát sinh phát triển, cho nên có câu: "thận hữu tiên thiên chi bản". Con người từ tuổi ấu thơ, tinh khí của thận dần dần được đầy đủ, phát triển tới tuổi thanh niên sẽ sản sinh ra một loại vật chất "thiên quý" làm cho con trai sản sinh ra tinh trùng, con gái bắt đầu hình thành trứng, xuất hiện kinh nguyệt, và giới tính bắt đầu hình thành, có năng lực sinh sản; cho đến già, tinh khí của thận dần yếu đi là cũng dần mất đi năng lực sinh sản và năng lực giới tính, hình thể cũng già yếu đi.

Tinh khí của thận gồm có thận âm và thận dương. Thận âm còn gọi là "nguyên âm" hay "chân âm", là nguyên gốc của âm dịch cơ thể người, có tác dụng làm nhón các tổ chức các phủ tạng. Thận dương còn gọi là "nguyên dương" hay "chân dương" là nguyên gốc của dương khí cơ thể người, có tác dụng làm ấm và sinh hóa các tổ chức phủ tạng, nhưng nếu nói như trên thuộc tính của âm dương thì tinh thuộc âm, khí thuộc dương, cho nên nhiều khi gọi tinh là "thận âm" và thận khí là "thận dương". Hỏa của mệnh môn (cửa sống) của thận giống cơ bản thận dương. Thận âm và thận dương

trong cơ thể là chế ước nhau, dựa nhau sinh tồn duy trì sự cân bằng động trên cơ thể. Nếu như trạng thái cân bằng động này bị phá vỡ, sẽ hình thành chứng bệnh vừa thịnh vừa suy của âm dương như nóng lòng, mất ngủ, mơ mộng mị, ra mồ hôi, nhức đầu hoa mắt, di tinh v.v... và trở thành bệnh âm hư dương cương; là dạng thận âm hư không đủ để chế ngự dương, nên lập tượng số là 640.6 là khảm thủy, là thận, còn 4 là chấn mộc, là Can; mà Can thận đồng nguồn, cho nên 640 là tư âm tiềm dương. Nếu như lại xuất hiện tinh thần mệt mỏi, đau lưng, tứ chi lạnh, khó tiểu tiện hoặc tiểu tiện nhiều lần, nam giới liệt dương, nữ giới không có thai v.v... thì thuộc thận dương hư nhược, chức năng làm nóng và sinh hóa do không đủ mà sinh ra; thường là phẩn chấn thận dương là chính, tượng số là 20.650. Trong đó 6 là quẻ khảm, chủ thận; 5 là quẻ tốn, thuộc dương mộc, trên lâm sàng có thể thấy 650 gây phẩn chấn thận dương, 20 là quái kim sinh thận thủy, trợ thận khí.

Chủ thủy - Bản thân thận là tạng thủy, những tinh mà nó giữ thuộc về một loại của nước, mà trong người lại luôn phải thay thế thủy dịch, chủ yếu là dựa vào tác dụng của dương khí trong thận. Thủy dịch là do dạ dày thu nạp, do tỳ vận chuyển, thông qua phổi rồi về thận, sau khi được thanh lọc

khí hóa của thận trở về phổi. vận chuyển đi các tạng, còn những chất độc thì lọt xuống bàng quang và thải ra ngoài cơ thể. Cứ tuần hoàn như vậy luôn luôn duy trì được sự cân bằng về thay thế thủy dịch cho toàn cơ thể. Nếu thận dương không đủ, khí hóa thất thường, việc thay thế thủy dịch có trở ngại nên sẽ dẫn đến bệnh tật, như đi tiểu ngắn và ít, phù toàn thân v.v...; trong liệu pháp tượng số thường dùng bổ ích thận dương, kiện tý hóa thấp là chủ yếu, lập tượng số nói chung là 650.3820 v.v... Trong đó 650 giống như trên, còn 3820 là hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, hỏa sinh thổ có thể làm mạnh tý. thổ sinh kim làm trợ khí của thận, 3820 có thể kiện tý ích khí, mà việc thay thế thủy dịch của cơ thể tuy là trách nhiệm của phế tý thận, nhưng nó cũng có quan hệ mật thiết với các tạng khác, cho nên trong 650.3820 có đủ tượng số của ngũ tạng, nhưng chủ yếu chỉ là phế tý thận.

Chủ nạp khí. - Hô hấp của cơ thể người tuy chủ yếu là do phổi, nhưng sau khi khí hít vào cần phải nạp vào thận, nên có nói "phế chủ hô hấp, thận chủ nạp khí". Chức năng thận chủ nạp khí loại này có ý nghĩa quan trọng với hô hấp của người. Chỉ cần thận khí có đầy đủ nạp bình thường mới làm cho đường phổi thông thương hô hấp điều hòa. Nếu như thận hư thì khí hút vào không thể

nap được tới thận, cho nên hô hấp rất ít, gây ra bệnh đoán hơi. Trên lâm sàng thường dùng bổ thận nạp khí, tượng số là 260.50 là đoài kinh sinh thận thủy, thêm 50 để tả thận khí.

Chủ cốt, sinh tủy, "kỳ hoa tai phát" biểu hiện ở tóc - chủ cốt sinh tủy cũng là tinh khí của thận, xúc tiến chức năng sinh trưởng phát dục. Thận giữ tinh, tinh sinh tủy, tủy ở trong xương, xương dựa vào tủy mà sống. Tinh của thận đầy đủ thì có đủ nguồn sinh hóa cho xương tủy, do vậy xương cốt được tủy dinh dưỡng nên được rắn chắc. Nếu cốt tủy hư thiếu, hóa nguồn cốt tủy không đủ, không đủ dinh dưỡng cho xương cốt, nên dễ làm cho xương yếu và gãy, thậm chí phát triển không tốt. Những trẻ nhỏ chậm biết đi xương mềm yếu, là do tinh tiên thiên của thận không đủ và khi cốt tủy hư rỗng cũng sẽ gây nên đau lưng nhức xương, thậm chí chân không muốn động v.v... Thận có thể sinh tủy chủ cốt, còn "răng là chỗ dư của xương" cho nên răng cũng phải dựa vào tinh của thận được dinh dưỡng đầy đủ, nếu tinh của thận không đủ thì răng bị lung lay dễ gãy v.v...

Tủy chia ra làm tủy xương và tủy cột sống, tủy cột sống thì chạy thẳng lên não, nên não được hình thành do tủy. Cho nên được gọi là "não là bể của tủy". Chức năng của não là duy trì sự hoạt động tư duy về

tinh thần, nên còn gọi là phủ của nguyên thân. Vì tủy não dựa vào sự sinh hóa liên tục của tinh thần, nên não là hoạt động tinh thần chủ yếu của cơ thể. Nếu thận tinh không đủ gây ra hiện tượng nhức đầu, hay quên, mất ngủ, tư duy trì trệ v.v...

Tinh và huyết, có thể dựa vào nhau, tinh đủ thì huyết vượng. Nguồn dinh dưỡng cho lông và tóc là do máu, cho nên tóc còn được gọi là "huyết dư", sự dinh dưỡng của tóc tuy nguồn là do máu, nhưng sinh cơ của nó lại do thận khí. Cho nên tóc là ngoại hậu của thận, sự sinh trưởng và rụng tóc, tóc nhờn hay tóc khô đều có liên quan đến sự thịnh suy của tinh khí thận.

Các chứng bệnh do thận tinh kém nói trên, lập tượng số thường dùng là 20.650.30.80. 6 là khảm thủy, là thận, 5 là tổn mộc thiên tả dương khí, lại trợ cho Can âm (mật và Can cùng biểu lý). 3 là ly hỏa, cổ vũ phế khí, điều khiển khí của thận thường dùng lợi tỳ thận khí hóa. Cho nên tuy là bổ thận tinh là chính, nhưng vẫn cần phải sự hỗ trợ của các tạng khác mới có thể lợi cho tư bổ thận tinh, giữa các ngũ tạng là trong sinh có khắc, trong khắc có sinh. Đồng thời cũng có thể cùng phối hợp sử dụng một số thuốc khác.

Khai khiếu do tai và nhị âm. Chức năng thính giác của tai là dựa tinh khí của thận được dinh dưỡng đầy đủ. Thận chủ tàng tinh, tinh khí của

thận đầy đủ, thính giác của tai sẽ nhanh nhạy. Nếu thận tinh không đủ sẽ gây ù tai và thính lực giảm thiểu. Tượng số của nó là 20.650.30.80.

Nhị âm. Là chỉ bộ máy sinh dục tiền âm và hậu môn hậu âm. Tác dụng của tiền âm là thoát nước tiểu và sinh đẻ, còn hậu âm là để thải phân. Việc bài tiết nước tiểu tuy là do bàng quang, nhưng chủ yếu dựa vào khí hóa của dương thận, còn cơ năng sinh dục của cơ thể lại dựa vào thận là chủ yếu, cho nên chứng bệnh đái nhiều và liệt dương chủ yếu là do thận dương không đủ. Việc đại tiện cũng bị ảnh hưởng bởi độ ấm của thận dương. Cho nên khi thận dương không đủ sẽ gây ra dương hư hoả suy và trở thành táo bón, cũng có thể do tỳ thận dương hư mà trở thành tiêu chảy v.v... Phàm những chứng bệnh do thận dương hư suy gây ra đại tiện không thông, liệt dương, tượng số phần lớn lấy là 650.30.820 là chính để bổ thận dương, ích tỳ khí. Trong đó 30 là nguyên chỉ để làm hóa hoãn gấp cho tỳ dương.

B. SINH LÝ. BỆNH LÝ CỦA LỤC PHỦ VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

1. Đảm (mật)

Đảm, quả tớn, tượng phong, số 5, thuộc dương mộc.

Mật nằm ở phần trên của khoang bụng cùng

với Can, trong chứa các tinh mật. Các nước mật thì được tưới vào trong ruột có tác dụng xúc tiến tiêu hóa thực phẩm. Bệnh Can có thể ảnh hưởng đến mật, bệnh mật cũng ảnh hưởng đến Can. Người bệnh mật đa số dịch mật ợ lên miệng thấy đắng, đau sườn, ợ ra nước vàng và dịch mật chảy tràn ra ngoài thì trở thành chứng vàng mật và thân. Trong liệu pháp tượng số đa phần dùng phương pháp lợi mật; tượng số nói chung là 50.820, trong đó 50 có lợi về khí mật, 820 là chấn tý dương, ích phế khí có khả năng làm mạnh hiệu quả lợi mật.

Mật tuy là trong lục phủ, nhưng do nó chứa dịch mật mà không tiếp thu thủy cốc hoặc cặn bã, nó khác với ngũ phủ khác, cho nên được gọi là "phủ đặc biệt"

2. Vị (dạ dày)

Vị, quả cân, tượng sơn, số 7, thuộc dương thổ.

Dạ dày ở phần trên khoang bụng, dưới hoành cách, trên nối với thực quản, dưới nối với ruột non, miệng trên của nó là cửa phun tức thượng nguyên, miệng dưới là hạ nguyên, còn giữa thượng hạ nguyên là trung nguyên, cả 3 thông nhất là "vị nguyên". Dạ dày chủ yếu là thu nạp, làm nóng và nát thủy cốc ăn uống vào mồm, qua thực quản đưa vào dạ dày cho nên được gọi là "thủy cốc chi hải"

Các thực phẩm được nạp trong dạ dày qua vị khí làm tiêu nát thức ăn, chuyển xuống ruột non, các chất tinh túy được tỳ vận hóa đến toàn thân để nuôi dưỡng các tổ chức bộ máy. Việc dinh dưỡng có đầy đủ hay không thì quyết định bởi tác dụng chung của tỳ và vị, cho nên gọi tỳ vị là "hậu thiên chi bản". Vì thế việc chẩn đoán chữa bệnh trên lâm sàng đều rất coi trọng đến sự thịnh suy về khí của tỳ vị. Cho rằng "hữu vị khí tắc sinh, vô vị khí tắc tử", đó là một vấn đề quan trọng để chẩn đoán bệnh tật.

Khi dạ dày nhờn thì tốt, nóng thì xấu. Bệnh dạ dày dễ gây nên thương tổn do hỏa. Biểu hiện là khô miệng thích uống nước, mặt lưỡi đầy rêu vàng v.v... Trong liệu pháp tượng số thường lấy số là 007.04 thường dùng hòa vị sơ can sinh luật. 4 là chấn mộc, chủ can, 7 là chấn thổ, chủ vị, 4 và 7 phối hợp dùng để sơ can hòa vị, không lại ở trước tượng số, thiên âm có hiệu quả tư âm trước chấn thổ 7 có 00 là số chấn, là âm, cho nên 007.04 không chỉ hòa vị sơ Can mà còn kiêm cả lực thiên âm (lệch về âm).

3. Tiểu tràng (ruột non)

Tiểu tràng, quẻ ly, tượng hỏa, số 3, thuộc hỏa.

Tràng nằm trong khoang bụng, trên nối với dạ dày, dưới thông đại tràng. Chức năng của (tiểu tràng) ruột non là để phân tích chất tinh và chất

bã (thanh trọc). Tiểu tràng trên nối với dạ dày để tiếp thu thức ăn đã được dạ dày chuyên hóa, để tiêu hóa thêm một bước rồi phân thành loại tinh và trọc. Thủy tinh cốt do tỳ chuyên vận đi khắp cơ thể còn chất bã được chuyên xuống đại tràng, thủy dịch không dùng đến thấm vào bàng quang. Chức năng đó của ruột non "tổ vận" được gọi là "thụ thịnh hóa vật". Do chức năng của ruột non như trên nếu có bệnh, ngoài ảnh hưởng đến chức năng hấp thu tiêu hóa còn xuất hiện những khác thường về tiểu tiện. Như tiểu tràng nhiệt thịnh, tiểu tiện ngắn, đỏ, đục và đau v.v... tượng số nói chung được lập 0002.03. Trong đó 2 là quẻ đoài, chủ phế, phế chủ túc giáng, thông điều thủy đạo, đồng thời bệnh ở cửa niệu đạo là quẻ đoài, 000 để làm tăng hiệu quả của nó, nằm trước số 2 thiên về âm để đề phòng thương âm do lợi tiểu quá nhiều, 3 là quẻ ly, chủ tâm, tâm cùng biểu lý với tiểu tràng, 03 có thể tả tâm hỏa để làm nguội tiểu tràng.

4. Đại tràng (ruột già)

Đại tràng, quẻ cân, tượng thiên, số 1, thuộc kim.

Đại tràng nằm trong khoang bụng, trên nối với tiểu tràng, đầu dưới là hậu môn. Chức năng chủ yếu của nó là tiếp các vật chất từ tiểu tràng đổ xuống, sau khi hấp thu lại một số thành phần nước

thừa trong đó, còn lại biến thành phân và thoát ra ngoài qua hậu môn. Cho nên đại tràng là một con đường thông để chuyển dẫn các chất cặn bã. Khi đại tràng có bệnh, việc chuyển dẫn thất thường đã gây ra nhiều loại bệnh tật: như đại tràng hư không thể hấp thu được nước cho nên đã đại tiện ra nước: nếu đại tràng bị nóng và tích thì gây nên chứng táo bón. Trong liệu pháp tượng số, nếu đại tiện ra nước thì lấy chấn phế khí, làm ấm và thông thận dương là chính, lập tượng số là 20.650. Trong đó 2 là quả đoài, thuộc kim chủ phế khí của chủ - thận; phế và đại tràng cùng biểu lý, cho nên 20 là để xúc tiến hóa khí của đại tràng. 650 là chấn thận dương, ôn đại tràng để làm chức năng nó trở lại bình thường. Còn khi đại tiện bị kết bón, lập số là 80.160.40. 8 là quả khôn là bụng để điều khí cơ của phần bụng, trong 160, 1 cần kim, là đại tràng, 6 là khảm thủy, là thận, 160 là kim sinh thủy, tả nhiệt tà cho đại tràng; 4 là chấn mộc can, để làm thông khí cơ, cho nên 80.160.40 tả nhiệt thực đại trường, thông khí cơ để thông đại tiện.

5. Bàn quang

Bàn quang, quả khảm, tượng thủy, số 6, thuộc thủy.

Bàn quang ở phần bụng dưới, là một trong bộ máy để thay thế thủy dịch, chức năng chính của nó

là chúng hóa nước, chứa và thoát nước tiểu. Trong quá trình thay thể thủy dịch trong người, các dịch thể để phải thông qua tác dụng hóa khí của dương khí hạ tiêu mới biến thành nước tiểu thoát ra ngoài. Nếu hóa khí bàng quang bất lợi sẽ xuất hiện bí đái, đái sót... liệu pháp tượng số của chứng bệnh này là phấn chấn thận dương, thúc bàng quang hóa khí, tượng số được lập là 2000.650. 2 là phế kim, để điều khiển khí cơ toàn thân. 650 ôn thông thận dương làm bàng quang hóa khí thuận lợi. Nếu bàng quang mất đi tính tự (khống chế) hãm, có thể xuất hiện đái nhiều, đái không tự kìm chế được v.v... tượng số thường lấy số 60 để chấn thận khí tăng hiệu quả hóa khí của bàng quang.

6. Tam tiêu

Tam tiêu, quẻ ly, tượng hỏa, số 3, thuộc hòa.

Tam tiêu là cái tên chung của thượng tiêu, trung tiêu và hạ tiêu. Được phân bố như sau: thượng tiêu là từ hoành cách ngực trở lên, trung tiêu là đoạn từ hoành cách tới trên rốn, từ rốn trở xuống đều thuộc hạ tiêu. Nếu phân biệt theo nội tạng, thượng tiêu gồm tim và phổi; trung tiêu gồm tỳ và vị; hạ tiêu gồm Can, thận, đại tiểu tràng, bàng quang v.v...

Chức năng sinh lý chủ yếu của tam tiêu là con đường vận chuyển nguyên khí có tác dụng điều

khiến khí hóa cơ thể. Nguyên khí bao gồm khí nguyên âm và nguyên dương, là động lực chính của hoạt động sinh mệnh con người, có phát nguồn từ thận: giữ tại dưới rốn, nhờ sự lưu thông của tam tiêu đến khắp cơ thể. Nó đẩy các hoạt động các bộ máy tổ chức, các tạng phủ. Vì thế tam tiêu có quan hệ toàn quá trình với độ tinh của thủy cốc, sự tiêu hóa và hấp thu các thủy dịch thay thế, vận chuyển phân bố và bài tiết.

(Phụ lục I) Não

Não là một phủ đặc biệt nó nằm trong hộp sọ hình thành bởi các tủy, nên cổ nhân có nói "não vi tủy chi hải", "tủy hải bất túc", "tắc não truyền nhĩ ô" (tức là não là bể của tủy, nếu bể tủy này không đủ thì sẽ gây nên ù tai). Não là cơ sở vật chất của tất cả các hoạt động tinh thần. Người xưa đã có nhận thức nhất định về chức năng sinh lý bệnh lý học của não, nhưng trong học thuyết tạng phủ của đông y, có phân sinh lý, bệnh lý của não quy vào ngũ tạng như tâm tạng thần, chủ hỷ; phế tạng phách, chủ vi; tỳ tạng ý; chủ tư; can tạng hồn, chủ nộ; thận tạng chí, chủ khủng v.v..

(Phụ lục II) Bào thai

Bào thai còn gọi là bào cung, tức tử cung, nằm ở bụng dưới. Chủ về kinh nguyệt và bào thai. Nó quan hệ mật thiết với thận và mạch xung, nhâm.

Tóm lại, tạng phủ đôi với đông y, nó không những là một khái niệm giải phẫu học mà quan trọng hơn là khái niệm về sinh lý và bệnh lý học. Mỗi tạng phủ không chỉ có các hiện tượng riêng về chức năng sinh lý, bệnh lý, mà còn có quan hệ mật thiết về sinh lý và bệnh lý giữa tạng với tạng, phủ với phủ và tạng với phủ. Như quan hệ thừa vũ sinh khác giữa các tạng phủ đã giới thiệu trong học thuyết ngũ hành, nói rõ những ảnh hưởng lẫn nhau trên bệnh lý và tương hỗ tương sinh, trợ trưởng, tương hỗ chế ước, khắc chế trên sinh lý của phủ tạng. Quan hệ sinh khắc thừa vũ ảnh hưởng lẫn nhau, liên hệ lẫn nhau giữa các phủ tạng trên nó sẽ xuyên suốt từ đầu đến cuối trong điều trị biện chứng về liệu pháp tượng số.

Quan hệ biểu lý âm dương và độ sâu nông về vị trí của lục phủ ngũ tạng nói chung có thể nói, ngũ tạng thuộc lý thuộc âm, lục phủ ở ngoài ngũ tạng, thuộc dương. Các phủ tạng lại có quan hệ biểu lý tương đối (xem bảng).

Bảng 5

Âm	Lý	Tạng	Tâm	Tâm bào	Can	Tỳ	Phế	Thận
Dương	Biểu	Phủ	Tiểu trường	Tâm tiêu	Đảm	Vị	Đại tràng	Bàng quang

PHẦN III

ỨNG DỤNG LÂM SÀNG CỦA LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

I. ĐIỀU TRỊ BIỆN CHỨNG

Liệu pháp tượng số bát quái và đông y đều bắt nguồn từ "Chu dịch", cùng với việc bắt mạch. Do vậy liệu pháp tượng số bát quái cần phải kiên trì trên nguyên tắc chữa trị biện chứng với cương lĩnh là học thuyết âm dương ngũ hành. Biện chứng là phân tích, phân biệt rõ các chứng cứ về bệnh tật. Chứng bệnh là tập hợp một loạt các triệu chứng như phát sốt, miệng khát, táo bón, lưỡi vàng v.v... Nếu nói cho từng triệu chứng thì không thể phản ảnh hết tính chất bệnh tật, nhưng kết hợp lại với nhau, chúng có thể cùng phản ảnh được các tính chất về bệnh tật đó là - chứng nhiệt.

Biện chứng và chữa trị là lý, pháp của liệu pháp lượng số bát quái được vận dụng cụ thể trên lâm sàng, là 2 mắt xích quan trọng nhất. Biện

chúng là nhận thức về bệnh tật, còn chữa trị là chọn nguyên tắc và phương pháp điều trị tương ứng. Chỉ khi có biện chứng chính xác, chọn phương pháp điều trị xác đáng, mới thu được hiệu quả theo dự đoán.

Phương pháp biện chứng có nhiều loại, như biện chứng bát cương là phương pháp cơ bản nhất. Bệnh tật thì vô vàn loại, mà triệu chứng cũng biến hóa muôn phương, nhưng phản ánh trên con người thì chỉ phân biệt bệnh tật nếu không thuộc âm thì thuộc dương; vị trí bệnh không thuộc biểu thì thuộc lý; tính chất của bệnh không thuộc nhiệt thì thuộc hàn; sự thịnh suy của tà chính không thuộc hư thì thuộc thực; tất cả đều quy nạp qua 8 loại là âm, dương, biểu, lý, hàn, nhiệt, hư, thực. Bát cương là thống nhất đối lập, liên hệ với nhau. Biện chứng bát cương là tổng cương của các loại biện chứng, mà âm dương lại là tổng cương trong đó.

Trên cơ sở biện chứng, chọn ra nguyên tắc bổ tả tương ứng, tức "hư thì bổ, thực thì tả", những triệu chứng giữa hư và thực thì dùng "bình bổ bình tả". Trung liệu pháp tượng số bát quái có bao gồm "mẫu tử bổ tả pháp", tức là "mẹ sinh ra tôi là bổ", "tôi sinh ra con là tả", khi "tôi" ở vào giữa hư, thực thì dùng bình bổ bình tả để làm phán chấn khí cơ của tổ chức tạng phủ. Thí dụ phế khí hư thì lập số

là 720. Trong đó 7 là căn thổ mẹ, 2 là đoàn kim con (tôi). Bài này là căn thổ mẹ sinh đoàn kim con tức mẹ sinh ra tôi thì bỏ hư cho tôi; nếu phé thực, thì lập số là 260 hoặc 2600 (nếu thấp tà thịnh thì lấy số 0 lẽ còn ngược lại lấy số 0 chẵn). Trong đó 2 là đoàn kim tôi, 6 là khảm thủy con, cho nên bài này là tôi sinh khảm thủy 6 để lấy tả chữa thực cho tôi. Nếu phé (tôi) ở vào dạng khó phân biệt hư thực, tức sẽ lấy tượng số 2 để bình bổ tả làm phần chẩn tạng đó tức là số 20.

Phương pháp mẫu tử bổ tả nói trên là nói tới phủ tạng có bệnh.

Đối với các phủ tạng ở trạng thái sinh lý bình thường, thì sinh khắc ngũ hành của nó theo thứ tự, tức là trong sinh có khắc, trong khắc có sinh và sinh khắc cân bằng trong âm dương. Với trạng thái sinh lý bình thường này thì tượng số niệm chỉ để tăng nhanh quá trình sinh khắc chế hóa của nó giúp làm khỏe người mà thôi. Số niệm là 820 có thể nâng nhanh hiệu quả kiện tỳ ích khí; nếu nói trên quan hệ sinh khắc ngũ hành, 820 là thổ sinh kim, trong đó khôn thổ mẫu 8 tuy sinh đoàn kim tử 2 làm tổn thương khí, nhưng đồng thời khôn thổ mẫu cũng bị sinh; tức "sinh tôi", "tôi sinh", đồng thời cũng hàm nghĩa "tôi khắc", "khắc tôi". Nếu như chỗ này ở vào trong sinh có chế, trong chế có

sinh (tức thuận thứ tương sinh, cách vi tương khắc), chu nhi phục thủy, tuần hòa vô tận, tự mình điều tiết, cân bằng trạng thái, và đoàn kim 2 là phế. điều khiển khí toàn thân bao gồm khí của tỳ. vì thế, khí của đoàn kim 2 được bổ, tỳ khí tự sinh. Ngược lại một tổ chức phủ tạng nào đó của cơ thể có bệnh mà tỳ phế lại ở trạng thái bình thường tương đối thì tạm dùng 820, hoặc 80, 20 thường là kiện tỳ ích khí hoặc làm phấn chấn khí của tạng phủ đó, tăng nhanh hiệu quả khỏi bệnh. Cho nên khi điều trị bằng "mẫu tử bổ tả pháp" trong quá trình lập tượng số là dùng tượng số của phủ tạng bình thường tương đối với ý đồ là tăng hiệu quả.

Tổng kết phần trên, với các phủ tạng có bệnh, có thể do một khí trong ngũ hành ở trạng thái quá hoặc bất cập, tượng số niệm là chỉ dùng "mẫu tử bổ tả pháp" thì chưa hẳn đã hết đau và bổ cũng chưa đủ. Còn đối với phủ tạng bình thường thì những số niệm là có thể tăng thêm lực sinh khắc chế hóa của nó.

Trong quá trình dùng "mẫu tử bổ tả pháp" cũng cần chú ý các nguyên tắc "tiêu bản hoãn cấp", "tiêu bản kiểm soát" "đồng bệnh dị trị", "dị bệnh đồng trị" v.v... Tiêu bản nói ở đây có nghĩa là tiêu chuẩn các chứng trạng, bản chất nguyên nhân bệnh; tiêu chuẩn về tà bệnh, tiêu chuẩn về chính khí. Như đau bụng lạnh do tỳ thận hư gây ra hay

hạ lợi thanh cốc tiêu chảy suốt 5 canh, phù v.v... nói chung không thuộc chứng cấp mà nên là "hoãn tắc trị kỳ bản" tức là ôn bổ tỳ thận là chính. Cho nên tượng số lấy là 650.80. Trong đó 650 là ích thận dương, 8 là chấn tỳ khí, để đạt ôn bổ dương của tỳ thận, đạt mục đích giúp đuổi tà.

Ngược lại, nếu lấy chứng trạng làm chính như rất đau, bí đái, hôn mê... thì trước hết phải trị chứng, sau đó mới trị tới nguyên nhân. Nhưng cũng có thể dùng tiêu bản kiêm cố.

"Đồng bệnh dị trị" tức là cùng một thứ bệnh, nhưng do thể chất người bệnh khác nhau, các nhân tố gây bệnh cũng khác nhau, các giai đoạn phát bệnh khác nhau, nên biểu hiện và hình thức chứng trạng cũng không giống nhau, cũng có nghĩa là các phương pháp chữa trị tương ứng cũng khác nhau. Như cũng là ù tai, điếc tai cũng có phân biệt hư, thực. Chứng hư: phần lớn là nhức đầu, hoa mắt, đau nhức lưng, tinh thần mệt mỏi, mạch nhỏ v.v... thuộc chứng trạng thận hư, nên phải bổ thận. Tượng số được lập là 260; là đoàn kim sinh thận thủy. Chứng thực: đa phần là căng đầu, tắc mũi, miệng đắng, cổ khô, đau sườn, lưỡi có rêu, mạch hoạt thuộc chứng trạng can đảm hỏa thịnh, nên phải làm sạch can kinh; nói chung lập tượng số là 4300, mộc sinh hỏa, tức "đồng bệnh dị trị".

"Dị bệnh đồng trị" là bệnh khác nhau, biểu hiện khác nhau, nhưng khi phát bệnh có cùng tính chất và điều trị theo cùng phương pháp, như do tỳ khí hư đã gây ra tiêu chảy dài ngày, lòi dom, sa tử cung v.v... tuy biểu hiện của chúng bệnh khác nhau, nhưng bản chất phát bệnh giống nhau đều do tỳ hư gây ra, nên đều chữa trị là kiện tỳ. Lập tượng số là 380.20 là kiện tỳ ích khí, tức "dị bệnh đồng trị".

Tóm lại, cần tuân hoàn dùng "pháp vu âm dương, hợp vu số thuật", chữa trị bệnh chứng là "mẫu tử bổ tả pháp".

II. CÁCH LẬP TƯỢNG SỐ

A. Cách đọc tượng số

Cách đọc 8 tượng số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 cũng hoàn toàn giống cách đọc bình thường, nếu có số 0 đọc là "không", như 3810 đọc là ba tám một không.

B. Kết cấu của hàng số

Cách lập số đơn giản là kết cấu nhất nguyên, như 650 hoặc 30; cách lập số phức tạp là kết cấu nhị nguyên hoặc tam nguyên như 650.30 hoặc 650.30. 820 v.v...

C. Tổ hợp tượng các số nguyên

Tổ hợp các "nguyên" trong lập tượng số, nói chung căn cứ "mẫu tử bổ tả pháp", tức khi cần bổ tả, thì tượng số của nó nói chung tổ hợp vào trong một "nguyên": Khi bình bổ, bình tả tượng số của nó đơn độc trong một "nguyên". Như máu Can không đủ sẽ lấy 640 là thủy sinh mộc, bổ Can huyết; Nếu Can khí uất (thực) sẽ lập số là 430 hoặc 4000 là mộc sinh hỏa để tả Can uất; nếu là giữa hư và thực, thì bình bổ, bình tả, tượng số của nó là chỉ đơn độc trong một "nguyên", nếu đau đùi, lập số 50 v.v... Dấu chấm giữa các nguyên, khi niệm hãy ngừng lại chút thời gian.

D. Chức năng số 0 và cách vận dụng

Trong tượng số, việc dùng số 0 là rất phổ biến, nó có hàm nghĩa và chức năng đặc biệt của nó: Cổ nhân dùng số 0 biểu thị tượng hỗn nguyên khí của thái cực; nếu không có dẫn dắt của khí vô hình thái cực "0", thì bát quái cũng không tồn tại. Vì vậy nó không thể thiếu được trong lập tượng số. Trong thực tiễn lâm sàng chỉ rõ, chức năng cơ bản của 0 là làm tăng năng lượng sóng tin tức để thông kinh khí âm dương. Nói chung khi dùng số 0 là chặn tức thiên âm, nếu 0 là lẻ thì thiên ôn dương, nếu số 0 đặt trước tượng số là hơi thiên về âm, nếu đặt sau là hơi thiên về dương.

E. Cách lập số

Cách lấy số cho liệu pháp tượng số bát quái cũng tương tự như kê đơn thuốc và cách châm cứu của đông y. Nếu lập số theo lý luận tàng tượng, lập số theo quân cự tả sứ hoặc lập số theo tuần hoàn của kinh lạc. Nhưng nó có điểm độc đáo là theo tượng về sinh lý, bệnh lý của các tổ chức tạng phủ con người, cũng với tính chất, hình thái khác nhau có liên quan đến vật thể tự nhiên. đều cho tác dụng riêng biệt qui về bát quái tức là "tỉ loại thủ tượng" (Lấy tượng theo phân loại). Dù lập bất cứ tượng số nào, đều có hàm ý quy loại bát quái của "tỉ loại thủ tượng". Một là lập số theo quy luật sinh khắc ngũ hành, loại này giữa các tượng số nói chung là ứng dụng biến hóa trên cơ sở duy trì trật tự tương sinh ngũ hành, và đã mang quy luật sinh khắc chế hóa ngũ hành, quán triệt từ đầu đến cuối về cách lập tượng số.

1. Lập số theo tượng của bát quái

Như bệnh ở chân, nói chung là lấy tượng số 4, trước và sau có thêm số 0 hoặc thêm 0 cả trước lẫn sau. Quả chân đối ứng với chân, quái số là 4. Trước hoặc sau thêm số 0 để thông kinh khí. Như học sinh Lý Viện, có lần khớp gót chân bị treo, bị sưng tấy rất đau đến nỗi không thể đi khám được. Sau

khi khám, lập số 0004000, lệnh cho niệm. Quá trình cô niệm thấy chỗ đau đột nhiên lạnh, rồi đột nhiên nóng, rồi dần dần cảm thấy dễ chịu. Sau 20 phút, cho thử đi lại, thấy trở lại bình thường. Sau 4 ngày thì vết sưng mất hẳn. Trước và sau 4 đều có thêm 3 số 0, là để tăng lợi tiểu, tiêu sưng và có tác dụng tản ứ hoạt huyết.

2. Lập số theo lý luận tàng tượng

Như bệnh về da, nói chung lấy số 2, thêm 0. Vì 2 là quẻ đoài, chủ phế theo lý luận tàng tượng thì "phế chủ bì mao", tượng số là 2 có thể chữa bệnh về da, như một nữ giáo sư người dân tộc Mông tự nhiên bị mẫn ngứa gãi đau không chịu được, vừa khó chịu vừa mất ngủ, uống thuốc không khỏi. Sau khi khám cho số 0002 và lệnh cho niệm, chỉ qua mấy phút sau, thấy toàn thân nhẹ nhõm, và sau mười mấy phút thì hết ngứa. Trong đó 2 là để giải tà khí trên mặt da, thêm 3 số 0 để đẩy mạnh sơ phong lợi thấp. Số 0 đặt ở trước là hơi thiên về âm, có ý là để phòng lực sơ phong giải biểu có thể làm tổn âm.

3. Lập số theo "quân cự tả sứ"

"Quân cự tả sứ" là pháp độ các bài thuốc của tổ chức đông y. Nêu lên tác dụng chính, phụ của thuốc trong đơn thuốc, đồng thời thông qua việc gia giảm thêm bớt để có thể phát huy hơn nữa về

tác dụng thuốc. Cách lập tượng số cũng vậy, chữ "quân" trong đó là chỉ thuốc có tác dụng chủ yếu đối với bệnh tình, còn "cự", là hiệp đồng để tăng cường hiệu quả thuốc của quân, chữ "tả" có hai hàm nghĩa, một là hiệp trợ với thuốc của "quân" để phát huy hết tác dụng của thuốc, hai là thuốc dùng để điều trị một số triệu chứng thứ yếu. "sứ" cũng có hai hàm nghĩa, một là thuốc dẫn kinh, hai là để hỗ trợ tác dụng thuốc trong đơn.

Thực tiễn lâm sàng chứng minh tượng số nếu dùng thuốc đông y theo pháp độ "quân cự tả sứ", trong tình hình chung thì hiệu quả càng tốt.

Như can dương hơi tăng lên sẽ gây ra đau đầu, buồn bực thiếu ngủ có thể dùng số 640.30.80. Trong đó 6 là quân, là quả khảm làm mát thận âm; 4 là cự, là quả chấn, dùng bổ Can âm. 640 là tư âm tiền dương, 8 là quân, là quả khôn, 80 để kiện tỳ để tăng thanh (sạch) giảm (bản) ô, 3 là tả, là quả ly chủ tâm, 30 để an thần.

4. Lập số theo kinh lạc tuần hành

Như bệnh của mũi có thể lập số là 07. 7 là quả坎, chủ vị thuộc dương minh vị kinh, làm cho dương minh vị kinh chạy lên mũi cho nên có thể lấy số theo tuần kinh là 07. Một bệnh nhân họ Lăng do viêm mũi đã bị đau vùng trán. lệnh niệm 07 thì ngay ngày hôm đó đã có hiệu quả.

5. Lập số theo qui luật ngũ hành sinh khắc

Lập tượng số là kết cấu nhất nguyên hoặc đa nguyên, phần lớn các trường hợp giữa các tượng số cần đảm bảo quan hệ tương sinh (theo thứ tự tương sinh ngũ hành của bát quái hậu thiên) như 650.30.820, bài này có hiệu quả ôn thông thận dương, kiện tỳ ích khí. Trong đó 6 là quẻ khảm, thuộc thủy, 5 là quẻ tôn thuộc mộc, tức thủy sinh mộc; 3 là quẻ ly thuộc hỏa, mộc sinh hỏa; 8 là quẻ khôn thuộc thổ, hỏa sinh thổ; 2 là quẻ đoài thuộc kim, thổ sinh kim; 2 và 6 lại là kim sinh thủy. Có khi trong kết cấu đa nguyên, giữa các 2 nguyên cạnh nhau có thể xuất hiện quan hệ tương khắc. Như lập tượng số để điều trị tà thực của vị, nói chung là 40.70. Trong đó 4 là quẻ chấn thuộc mộc, 7 là quẻ cấn thuộc thổ, mộc khắc thổ, nhưng khi lập số cùng nguyên, giữa các tượng số không thể có quan hệ tương khắc.

Trong việc lập tượng số, cần coi trọng tác dụng quan trọng của số 0, căn cứ vào công hiệu khác nhau của số lẻ 0 và tính chất khác nhau đặt trước và sau tượng số, cần linh hoạt phối hợp để lập tượng số. Như viêm kết mạc cấp tính, tượng số của nó là 003. 3 là quẻ ly, thuộc hỏa chủ mục, tượng của viêm kết mạc cấp tính là hỏa, 00 là số chẵn, hơi lạnh cho nên 003 đúng với ý thủy khắc

hỏa để đạt hiệu quả tả hỏa.

Mấy phương pháp lập số nói trên, có thể chọn theo bệnh tình trên lâm sàng. Khi lập số theo tượng của bát quái, tuyệt đối không được lý giải máy móc về tượng của bát quái, cần phải nắm vững linh hoạt đôi với "lấy tượng theo phân loại". Trong quá trình lập số cần phải phân biệt đối tượng, vì các tố chất cá thể cũng có những sai biệt nhau, tức là cùng một biểu chứng, hư chứng hoặc hàn chứng, mật mã để lập số cũng không hẳn giống nhau.

Tóm lại, trong quá trình lập tượng số cần phải phát huy đầy đủ "tượng số" của nó, đó là thứ thuộc đông y vô hình, khí công nhưng không động.

Tất cả những điều nói trên, yếu lĩnh cơ bản để lập tượng số có thể khái quát là: bát quái vi thể, ngũ hành vi dụng; Tỷ loại thủ tướng, dĩ tượng định số, biện chứng thi trị, bình hoành âm dương.

III. MẤY ĐIỂM THUYẾT MINH

1. Khi điều chỉnh tượng số xong, là có thể lệnh cho người bệnh niệm, trong quá trình niệm nếu đầu, dạ dày, tim v.v... không cảm thấy gì thì cứ tiếp tục niệm, tức là đã sản sinh tác dụng chữa bệnh làm khỏe thân thể. Quan sát thời gian người

bệnh niệm các mật mã tượng số. nói chung ngắn là vài giây, vài phút; nếu dài là mười mấy phút hoặc mấy chục phút thì sẽ thấy các cảm ứng khác nhau. như xuất hiện đầu mát, mắt sáng, thân thể nhẹ nhàng, dễ thở v.v... ngược lại, nếu xuất hiện ở đầu hoặc dạ dày chưa thoải mái hoặc có cảm ứng tim đập thất thường, ngắn hơi, khó chịu v.v... thì nói chung việc lập số có sai sót. cần lập lại số mới. Có những bệnh nhân không có những cảm ứng rõ ràng nhưng kiên trì niệm thì cũng có hiệu quả tương tự.

2. Niệm mật mã tượng số không câu nệ vào thời gian địa điểm, tư thái, phương hướng, trong sinh hoạt bình thường có thể tiến hành cả khi đi, khi ngồi và khi nằm. Nếu như sau khi thả lỏng nhập tĩnh, hoặc trước khi ngủ, hoặc sau thức giấc cũng có thể niệm thì hiệu quả càng tốt. Căn cứ vào bệnh tình, thời gian mỗi lần niệm có thể dài hoặc ngắn. Lúc nào nghĩ thấy thì niệm hoặc tưởng niệm đều được. Tất cả đều tuân theo tự nhiên.

3. Sau khi người bệnh đã khỏi, có thể tiếp tục niệm như cũ để củng cố hiệu quả điều trị, vừa là để tăng cường sức khỏe.

4. Trong quá trình niệm các mật mã tượng số, cơ năng sinh lý trong cơ thể sẽ ở vào trạng thái điều giải, năng lượng tin tức tương ứng trong tế bào của cơ thể luôn luôn tăng lên và xung kích vào

ổ bệnh. khi đó những chứng trạng ở phần bị bệnh có khả năng tạm thời nặng lên; chỉ cần đầu, dạ dày và tim không có cảm giác gì là có thể tiếp tục niệm.

5. Liệu pháp tượng số có thể sử dụng riêng rẽ trên lâm sàng, cũng có thể phối hợp với châm cứu v.v...

6. Trong quá trình điều trị, căn cứ vào sự thay đổi bệnh tình của người bệnh mà điều chỉnh thích đáng tượng số, nếu trong quá trình niệm cảm thấy dễ chịu thì vẫn làm như các bài đã có, không nên thay đổi.

Những người bệnh tinh thần không bình thường hoặc trí nhớ kém thì cấm sử dụng.

IV QUI LOẠI TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

Bảng 6

Tên	Căn	Đoài	Ly	Chấn	Tốn	Khảm	Cấn	Khôn
Hình								
Thứ tự	1	2	3	4	5	6	7	8
Tự nhiên	Thiên	Trạch	Hoả	Lôi	Phong	Thủy	Sơn	Địa
Thuộc tính	Kiến	Duyệt	Phụ	Đông	Nhân	Hàm	Chi	Thuần
Ngũ hành	Kim +	Kim -	Hoả +	Mộc -	Mộc +	Thủy +	Thổ +	Thổ -
Cơ thể	Đầu Ngực Xương Chân phải Đại tràng	Miệng Phổi Răng Mép Hong Khi quản Đờm rãi Sườn phải Cánh vai phải Hậu môn	Mắt, Tim, Vú, Ruột non Tam tiêu Tam bao Hồng cầu	Cán, Chân, Gân Sườn trái Cánh vai trái	Đàm Đui Bắp tay trái trái Khí quản	Thận Bàng quang Tai, sườn Sống lưng Xương Hậu môn	Mũi, lưng, Vai sườn, Tay dới ngón tay Xương Sinh dục nam, Mu chân, Vú Chân trái Xương gò má	Bụng, Tỳ Vi, Cơ bắp, Thịt mỡ, Vai phải
Bệnh tật	Đại tràng Sống lưng, Đui phải Phân đầu Xương	Vòm miệng, Ho đờm Đường tiểu, Hậu môn Huyết áp thấp Ngoại thương, Da - khí quản, khí hư, Bi thương ở đầu	Mắt, Tim Bóng Huyết dịch vú	Cán, Gân Móng Phụ khoa Chân Xương sườn Ngoại thương Thiếu màu Thanh dới, Bệnh dột phát	Cán mặt Đui, Bắp tay, Lưng vai trái Cảm gió Cảm cúm Xương bắp Hen xuyên Mạch máu	Thận Bàng quang Niệu đạo Huyết dịch, Tai Thận hư Xuất huyết Đau lưng	Tỳ - Vị, Mũi, Tay Sườn vai Chân lưng Tuần hoàn máu không tốt Sưng lấy nhọt sỏi	Bụng (tiêu hoá da dày, ruột, Da (ghẻ lở) (nấm) Lao động mệt mỏi Trung khí suy hư Hàn thấp

Qui loại bát quái bên trên là giải biểu “theo tượng quy loại”, bát quái đại biểu 8 tính chất của sự vật, sự vật mà nó đại biểu là vô hại. Tính chất của vạn sự vạn vật đều có thể lấy ra 8 loại tượng. Vì thế việc lý giải trong biểu mang hàm nghĩa “tỷ loại thủ tượng”, mới có thể vận dụng linh hoạt trong lâm sàng.

CHƯƠNG II

TÀI LIỆU LÂM SÀNG VỀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI

Liệu pháp Tượng số bát quái đã được thu thập qua 10 năm, chỉ trong những năm từ 1991 đến năm 1993, đã có tới 1860 bệnh nhân được quan sát lâm sàng và hiệu quả đã đạt tới trên 98%, tỷ lệ chữa khỏi đạt 71%. Trong đó có 1059 người là nữ, còn nam có 801 người; người cao tuổi nhất là 75, người ít tuổi nhất là 8 tuổi; gồm trên 70 loại bệnh điển hình (trong 101 người trong quá trình chữa theo liệu pháp Tượng số bát quái, có 18 trường hợp được phối hợp chữa cùng với liệu pháp châm cứu) và có giải thích theo cách chữa. Sau đó kèm theo lời tự thuật của 101 bệnh nhân, giúp độc giả tham khảo.

A. 101 Loại bệnh điển hình

Thí dụ 1: Chị Trương 40 tuổi, giáo viên tiểu học ở Mộc Gia Doanh.

Đã có trên 10 năm viêm loét cổ tử cung cộng thêm nhiều bệnh như viêm mũi, viêm dạ dày,

huyết áp thấp, thiếu máu, trĩ, khó chịu, mất ngủ, không muốn ăn, hai mắt khô và có hiện tượng muỗi bay trước mắt... đã nhiều năm gắn liền với bệnh và bạn với thuốc. Người cao 1,56 m; nặng 38 kg, người gầy da bọc xương. Tuy đã đi chữa trị khắp nơi nhưng vẫn không khỏi, cuối cùng cảm lấy rất đau khổ không kể xiết. Tinh thần bạc nhược, mạch yếu, lưỡi mọc rêu, tiếng nói nhỏ, thân thể yếu đuối vẫn ở dạng tiêu hao mạn tính. Phủ tạng thì hư tổn, âm dương đều hư; cố chữa để đuổi hết tà khí.

Tượng số được lập trên cơ sở 640.380 và 260.4380 được điều chỉnh gia giảm cái làm trước cái làm sau theo bệnh tình, mỗi lần chọn một tổ số để niệm. khi bắt đầu niệm, trong ngày đã cảm thấy dễ chịu, lòng tin đã được tăng lên nhiều lần. Sau đó hàng ngày kiên trì niệm, sức khỏe thấy dần dần khá lên. Kiên trì niệm chừng nửa năm tiên thiên đã được bổ, hậu thiên đã có nguồn sinh hóa, âm dương phủ tạng đã dần được cân bằng. Niệm qua trên 2 năm bệnh tình đã giảm, không uống thuốc mà khỏi. Không những đã hết bệnh, tinh khí được đầy đủ, thân thể nhẹ nhàng đã có kỹ thuật luyện tập để giúp chữa bệnh cho người khác (xem tự thuật 1).

Giải thích: **640.380**

Trong đó 6 là quẻ khảm chủ thận, thuộc thủy; 4 là quẻ chấn, chủ Can, thuộc âm mộc, cho nên 640 là để tư bổ Can thận. 3 là quẻ ly, thuộc hỏa. 8 là quẻ khôn chủ tỳ thuộc thổ, cho nên 380 là ôn bổ tỳ dương, nhu dưỡng nhãn mục, tư âm trừ phiền.

Thí dụ 2: Bà Chương 62 tuổi người nhà của học viện.

Từ năm 1982 bà bị viêm Can, thể chất dần suy kiệt, đã chữa nhiều nơi không chuyển biến, ngược lại bị biến chứng bệnh phong làm bà cao huyết áp, xơ cứng động mạch, bệnh tim, đau đầu ù tai, viêm dạ dày, viêm khớp v.v... Bệnh tình ngày càng nguy ngập, người gầy như que củi. Đây là bệnh người già lâu năm, tiên thiên đã tổn hao, hậu thiên mất dinh dưỡng, thanh dương không tăng, độc khí không giảm, âm hư dương cao, kinh mạch yếu. Phải chữa tư thủy hàm mộc, bổ Can ích thận, kiện tỳ hòa vị phối hợp để chữa trị.

Tượng số được lập trên cơ sở 650.30.820. Trong quá trình điều trị đã nhiều lần gia giảm điều chỉnh theo bệnh tình. Khi niệm ngay trong ngày đã thấy hiệu quả; sau đó tiếp tục niệm, sức khỏe ngày càng chuyển biến tốt. Bà đã kiên trì niệm gần 1 năm, không những các bệnh ngoan cố dần tiêu tan, thân thể đã có những thay đổi rõ rệt, thể trọng tăng hơn 10 kg, chân tay đã thấy có mồ hôi

(đã trên 10 năm không có mồ hôi, mồ hôi chân rất hôi) từ đó đã trừ dần được tà khí. Bầu vú đã khô kiệt nay thấy đầy ra như hồi còn trung niên. trước 7 đến 8 ngày mới đi đại tiện 1 lần, nay đã khôi phục bình thường. Nguyên thì da dẻ đã trở lại mềm bóng. Niệm lượng số chữa bệnh, đã khiến bà trở thành thói quen hàng ngày. Tối nay bà đã niệm được trên 2 năm, đã quét sạch các trạng thái bệnh tật trước đây trở lại như người bình thường (xem tự thuật 2).

Giải thích: 650.30.820

Trong đó 6 là quẻ khảm, chủ thận, thuộc thủy; 5 là quẻ tổn, chủ đả, thuộc dương mộc, quẻ tổn lại là gió, là tiến lùi, nó có khả năng sơ thông mạch lạc, lợi cho bài tiết mồ hôi, nên 650 là bố Can thận, phán chấn khí cơ; 3 là quẻ ly chủ tâm, mục, là ích tâm dưỡng mục; 8 là quẻ khôn, chủ tỳ thuộc thổ; 2 là quẻ đoài, chủ phế, thuộc kim, mà phế chủ khí, cho nên 820 là kiện tỳ ích khí 650.30.820 có thể được gọi là khí của ngũ tạng, sự thăng giáng, xuất nhập, nhanh chậm, cân bằng để đạt tới hiệu quả.

Thí dụ 3: Cô Trương 29 tuổi, công nhân dệt kim.

2 khớp gối của cô đau trên 3 năm chữa nhiều nơi không giảm, 2 đầu gối co như bị gấn chì, đau đớn, mỗi khi trời mưa âm u hay lao động mệt mỏi

thì đau nhức vô cùng, mùa hè thì không thể phong phanh được, lại còn mang tất. Sợ rét thích nóng, đi lại khó khăn, người gầy, lưỡi viêm đỏ, còn tay nóng, mạch trầm. Mạch chứng hợp than, cứ mùa đông tà khí làm đau khớp, làm tắc kinh lạc, huyết không thông.

- Gân cốt kém thuộc chứng hàn tê, phải chữa là ôn thông đốc mạch.

- Cục bộ thông lạc.

Tượng số được lập là 00100.0700 niệm chùng trên dưới 4 phút cảm giác thấy 2 đầu gối toát hơi lạnh, vội dùng tay bịt lại và dùng chân đè vào vẫn không thấy gì, hơi lạnh lúc tăng lúc giảm. Cứ như vậy khoảng một tuần, thì gối bắt đầu ấm lại là khỏi hẳn. Sau này có gặp mưa hoặc lao động mệt cũng không còn khó chịu nữa. Cứ làm như thế trong 1 năm để củng cố chữa trị (xem tự thuật 3).

Giải thích: 00100.0700

Trong đó 1 là quẻ càn, quẻ càn bản chất là dương, đốc mạch tổng đốc là dương của thân thể, do vậy càn 1 chủ đốc mạch; trước và sau 1 đều có thêm hai số 0 là số chẵn, thiên âm, ý là hoãn 1 để ôn dương. 7 là quẻ cấn là đầu gối, lấy 7 để ôn thông kinh lạc cục bộ; cấn lại là chủ vị, thuộc dương thô, hơi thiên về ôn, trước và sau nó có thêm hai số 0 là số chẵn, ý giống 00100. Cộng thêm

người gầy, người gầy dễ da hỏa, vì thế số 0 chẵn là để nó không nóng quá thành viêm. Còn thêm số 0 trước và sau nó, thường là để thông lạc được nhanh hơn, nhưng khi bệnh đã khởi thì thôi ngay, nói chung là không nên niệm

Thí dụ 4: Cô Trương 21 tuổi, công nhân bưu điện khu Tùng Sơn.

Cô bị trĩ đã trên 2 năm, mỗi khi làm việc mệt mỏi, gặp lạnh, đi táo là lại phát bệnh, thường thấy khó chịu bất an, đã chữa nhiều không thấy đỡ. Bệnh này là do khí huyết vận hành không thông thoát, kinh mạch bị tắc nghẽn, đọng máu, trọc khí chạy xuống hậu môn. Cách chữa là làm nóng mạch đốc, làm khỏe tỳ, tả dĩ tư âm, trừ phiền nhuận tràng.

Lập tượng số là 00100.800 phải thường xuyên niệm, thông qua niệm theo tượng số, có khi không có cảm giác, tăng hay giảm rồi sẽ khởi, hai năm sau vẫn không tái phát (xem tự thuật 4).

Giải thích: **00100.800**

Trong đó 00100 giống như thí dụ 3. 8 là quẻ khôn, chủ tỳ, sau 8 tháng thêm hai số 00 thiên về tư âm, trừ phiền nhuận tràng. Ngoài ra 1 lại là chủ đại tràng thông mạch đốc, chúng hợp với nhau nâng cao kiện tỳ, ôn thông mạch đốc, có hiệu quả làm tan trệ ứ cục bộ.

Thí dụ 5: Cô Vương 22 tuổi, văn nghệ quân đội 8185 ở Thâm Dương.

Một lần khi cô đang biểu diễn, không may bàn tay phải bị tẹo, hoạt động khó khăn và đau nhức. Nhân ngày về thăm nhà cô đi khám, cho cô niệm tượng số là 70, cô chỉ mới niệm có 5 phút là hết đau và khỏi. Ngoài ra cô còn bị hành kinh đến nửa tháng, có nhiều máu cục, người mệt mỏi, bụng đầy và ớn lạnh. Do khi diễn không kể đến nóng và lạnh, hàn tà thừa cơ vào tử cung, khí cơ kém đi, không còn sức vận hóa, mất đi sự thông nhiếp mà để quá đi lâu ngày không giảm. Cách chữa là ôn bổ tỳ thận, điều chỉnh khí cơ thông thoát.

Cô niệm số 3.820.60 đến chiều đã thấy có hiệu quả, niệm sau 3 ngày là ngừng ra máu, và sau 3 ngày nữa là khỏi hẳn (xem tự thuật 5).

Giải thích: 3.820.60

Trong đó 3 là quả ly, thuộc hỏa, chủ tâm, tâm lại là chủ huyết mạch; 8 là quả khôn, chủ bụng, chủ mạch nhâm (vì quả khôn bản chất là âm); 2 là quả đoài, chủ phê, chủ khí... nên 3820 là kiện tỳ thông huyết, ôn thông xung nhâm; 6 là quả khảm, chủ thận, đứng đằng sau 3820, tức mượn sức của tỳ dương để chấn thận dương, xung nhâm được điều hòa, mạch máu được củng cố và khỏi. Bàn tay đau lấy 7 là quả cấn, cấn là tay, sơ thông cục bộ.

Thí dụ 6: Cô Trần 26 tuổi, là học sinh của Học viện.

Do mẹ cô mất nên đau thương tuyệt vọng, cô khóc suốt ngày, đột nhiên cô mất tiếng, há mồm thì tiếng tự phát ra, ngậm miệng thì mất tiếng, những người cùng phòng thấy vậy bèn đưa cô đi cấp cứu tại bệnh viện địa phương. Bác sĩ nơi đó chưa từng thấy bệnh này nên chưa có cách chữa trị. Mặt cô lộ uất sắc, đầu lồi đỏ, họng khô, mạch trầm nhỏ. Nó thuộc can khí ú trì, phế khí tổn thương, khí cơ mất điều khiển, khí bị ú lại phát ra từ họng, giống như nấc. Thận là gốc của âm thanh, phế là cửa của âm thanh. Nên phải chữa là: sơ Can lý khí, bổ thận nạp khí.

Tượng số được lập là 60.40. Mới niệm chừng 2 phút, tiếng đã từ yếu không rõ rồi qua 20 phút sau, tiếng trong cổ họng đã mất, dặn cô về tiếp tục niệm để củng cố chữa bệnh. Qua hai ngày sau đến thăm thì cô đã khỏi, sau mười mấy ngày sau đến thăm, đã có hiệu quả rõ rệt (xem tự thuật 6).

Giải thích: 60.40

6 là quả khảm, chủ thận nạp khí; 4 là quẻ chấn, chủ can, chủ sơ tiết, hợp chúng lại là sơ can lý khí, bổ thận nạp khí để chữa khỏi.

Thí dụ 7. Bà Lý 52 tuổi, công nhân của Học viện.

Do nhiều năm lao động dài ngày bất kể phong

hàn nên thành bệnh. Vai phải của bà đã đau lâu đến 8 năm, không giờ lên được kể cả sang hai bên và đằng sau. Mỗi khi lao động mệt và gặp lạnh thì bệnh càng nặng. Đồng thời da dày lâm râm đau đã tới ngoài 20 năm. Mỗi khi bị da dày giày vò người ngáy dài ra, khó chịu, ớn lạnh không sao chịu được. Người gầy, mạch chậm và trầm, lưỡi trắng có rêu, mặt vàng xạm. Cách chữa là: ôn kinh thông lạc truy tê, hòa vị giảm nghịch.

Tượng số được lập là 650.000. Niệm nửa ngày, vai thấy giảm, đau vùng rốn (vị nguyên) cũng giảm. Niệm cho đến chập tối, những điều kể trên đều thấy đỡ. Do bệnh lâu năm, đã tổn thương chính khí, khí cơ vận hóa đều trì trệ không thông thoát, nên có dặn bà về cứ tiếp tục niệm để củng cố bệnh. Sau nửa năm đến thăm, bà nói "sau khi bệnh thuyên giảm, đã quên mất bài niệm tượng số, nên không tiếp tục niệm được nữa, tuy vậy bệnh tình đã chuyển biến tốt. chỉ khi có lao động mệt nhọc, thì thấy có khó chịu". (xem tự thuật 7).

Giải thích: **650.000**

Trong đó 6 là quả khảm, chủ thận, là thông; 5 là quả tổn, chủ đản mộc, là gió, là tiến thoái, sơ phong thông lạc, hỷ chấn dương khí. Cho nên 650 là phấn chấn thận dương, có tác dụng sơ phong tản hàn thông lạc, cộng thêm 3 số 0 của nguyên thứ 2,

có tác dụng chấn nguyên thứ 1, vì thế làm vai hết đau. Mặt khác, nguồn dương của tạng phủ do thận, thận dương phấn chấn, tý vị ấm dần, khí cơ được điều động thu hòa vị và giảm nấc ợ.

Thí dụ 8: Cô Túc, là kế toán.

Bốn năm trở lại đây, nửa thân bên trái dần cảm thấy khó chịu, có cảm giác như có gió thông từ trong người ra ngoài, nhất là tứ chi bị chứng đau tê do lạnh, ngày một nặng thêm, đến nỗi phải nằm giường bếp lò, trên đắp chăn vẫn chẳng tác dụng gì, cho đến mùa hè nóng bức cũng vẫn không thoát khỏi. Cộng thêm khắp người mỗi mệt, động một chút là ra mồ hôi. Đã đi chữa nhiều nơi vẫn không khỏi cảm thấy khổ sở vô cùng. Mạch chậm và trầm, lưỡi viêm, đó là hàn tà thừa hư xâm nhập, làm trì trệ kinh mạch, khí huyết không điều hòa, gân cốt cơ bắp không được bổ dưỡng. Cách chữa là: ôn bổ thận dương, tán hàn hành khí, thông lạc hòa huyết.

Tượng số được lập là 650.380. Qua niệm mấy ngày dần cảm thấy dễ chịu, và cứ thế tiếp tục niệm, hiệu quả ngày càng thấy khá lên rõ rệt. Sau gần nửa năm, tinh lực đầy đủ không thấy mệt mỏi. Mùa lạnh tại đông bắc, chỉ mặc mỗi chiếc áo len qua đông. Ngoài ra còn bị khô mắt nên có sửa thêm bài niệm cũ là 650.4380. Niệm xong thấy hết

và dễ chịu. từ đó trở đi lấy bài niệm này làm bài kinh nghiệm thường xuyên, vừa để chữa bệnh vừa để tăng cường sức khỏe. Lại có một lần, đột nhiên đau đầu nhức nhối muốn ngã, mặt mày tái nhợt, mạch yếu và nhỏ, tôi lại cho niệm 640.3820. Sau mười mấy phút niệm thì bệnh hết luôn (xem tự thuật 8).

Giải thích: **650.380**

Ý nghĩa 650 như trên. 3 là quẻ ly, chủ tâm, chủ huyết mạch, thuộc hỏa; 8 là quẻ khôn, thuộc tỳ, 380 có tác dụng ôn tỳ điều huyết; 650 có tác dụng làm phẫn chấn thận dương, cùng làm ôn thận kiện tỳ thông điều kinh lạc, khử tà do ngoài vào. Do mắt lại bị khô nên có chữa thêm bằng 650.4380, trong đó 4 là quẻ chấn, chủ can, bổ can huyết, 43 là làm nhòn mắt chữa khô mắt.

640.3820

Do cả khí và huyết đều kém nên làm mờ mắt. 640 là bổ Can huyết, tư thận âm. 3820 là kiện tỳ ích khí, khí huyết được bổ, nên hết đau đầu.

Thí dụ 9: Anh X 50 tuổi, là nhân viên của Học viện.

Có một lần do không cẩn thận đã bị treo lưng, không thể hoạt động tự do, bước đi rất khó, đau đớn vô cùng. Do đã đi khám cấp cứu tại một bệnh viện nào đó, không khỏi nên đến khám, trước tiên

chữa theo cách ấn huyết ép tai, không khởi, sau đó cho niệm tượng số 6000. Chỉ sau có mấy phút niệm đã thấy nhẹ nhõm, rồi tiếp tục niệm, không đến nửa ngày là khỏi (xem tự thuật 9).

Giải thích: 6000

6 là quả khảm, chủ thận, chủ yếu (lưng), mạch kinh thận là xuyên từ sống lưng đến sườn vậy 6000 là ôn thông cục bộ ứ đọng. Sau 6 có thêm ba số 0, có ý là làm mạnh chức năng của 6, có tác dụng làm thông nhanh các mạch lạc cục bộ.

Thí dụ 10: Bà Diêm 70 tuổi, xã viên Mộc Gia Doanh.

Bà đã có bệnh động mạch vành trên 30 năm nay, bệnh tăng theo tuổi già, mấy năm gần đây hay bị choáng đã phải nằm viện.

Do nhiều năm bà đã ăn quá nhiều chất mỡ và ngọt, gây ra thân chí thương tổn, tâm lạc khí huyết trì trệ không thông thoát. Theo y học truyền thống thuộc "huyết tâm thống", "hung tê".

Sau khi khám đã chữa qua ấn huyết tai, châm cứu tới trên nửa năm, về hiện tượng ngất đã cơ bản được khống chế, nhưng vùng trước ngực vẫn rất khó chịu; sau đó điều chỉnh bằng liệu pháp tượng số. Qua niệm mấy ngày, thấy khí huyết toàn thân thông thoát, rất thoải mái. Tinh lực ngày càng được nâng lên. Sau chừng nửa năm niệm, về cơ

bản đã khỏi. Tối nay đã niệm tối hai năm. tự thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm tình thoải mái. Bà đã dùng Tượng số chữa bệnh gần như là thói quen. Tượng số bà niệm là 640.30.80 (xem tự thuật 10).

Giải thích: **640.30.80**

640 là bổ ích Can thận, 30 là thông lạc, 80 là kiện tỳ, ôn thông tâm dương. Bệnh này là Can thận âm ô, 3 và 8 dùng riêng rẽ là để làm giảm bớt lực trợ dương và có công dụng khai thông.

Thí dụ 11: Có Mạn 33 tuổi, nhân viên ngoại thương.

Tháng 6 năm 1992, do sảy thai làm lưng đùi đau và phù, thường xuyên dùng thuốc nhưng bệnh không giảm, điều trị trên 20 ngày không kết quả mới đến khám. Nhìn qua người và mặt thấy phù, lưỡi xám tối có rêu, mạch yếu và chậm, ít nước tiểu. Đó là bệnh do thất huyết khí ô, thận khí ô tổn, tổn cập xung nhâm, tỳ dương thụ khốn, trợ âm bất giáng, khí cơ mất điều khiển. Cách chữa là ôn bổ tỳ thận, làm thông khí huyết.

Lập tượng số là 650.000.3820. Sau mười mấy phút niệm thấy mặt và mắt nhẹ đi. Niệm sau 40 phút thì đi tiểu tiện và đi nhiều lần. Sáng sớm hôm sau hết phù, đau đùi đau lưng cũng dần dần khỏi. Theo lời dặn là về cứ đến trưa là niệm để trợ tỳ dương (xem tự thuật 11).

Giải thích: **650.000.3820**

650 phần chân thận dương. 000 là làm mạnh thận dương, ba số 0 là số lẻ là dương có thể trợ thận dương tiêu trợ âm: 3820 là ôn bổ tỳ dương, thăng thanh, giáng trợ cùng hợp với nhau để có hiệu quả nhanh.

Có lần cô lên phố, cảm thấy bị lạnh, hơi dạ dày đẩy lên (vào khoảng cuối mùa thu), cô niệm 40.80 làm dạ dày dễ chịu hơn, nếu là do thận bị lạnh thì sửa thành 40.880, niệm trong mười phút, lạnh sẽ hết.

40 là thư giãn can khí, 80 là ôn tỳ, nhưng không dùng đến 880. Vì hiện tượng hư hàn không rõ ràng, thì không nên niệm 880 để đề phòng do viêm mà trợ hỏa.

Thí dụ 12: Bà Hồ 39 tuổi, giáo viên hệ chuyên Mông.

Vào một buổi tối năm 1991 đột nhiên bà bị mê đay, người ngứa không chịu được, bồn chồn mất ngủ. Đã mấy ngày uống thuốc không khỏi mới đến khám. Chứng bệnh của bà đã lan ra khắp người, thành từng mảng từng cục, luôn bực bội bất an, đầu lưỡi đỏ, có mọc lớp rêu mỏng, đó là tà phong nhiệt trên mặt da. Cách chữa là sơ phong thanh nhiệt, trị ngứa trừ thấp.

Tượng số được lập là 0002, chỉ qua mấy phút niệm đã cảm thấy nhẹ nhõm và cũng chỉ qua mười

mấy phút. ngứa cũng tiêu dần khỏi ngay trong ngày (xem tự thuật 12).

Giải thích: **0002**

2 là quẻ đoài, chủ phế, phế chủ bì mao, cho nên 2 có thể giải tà trên mặt; 000 có công dụng làm hết ngứa trừ thấp trên mặt của 2, nằm ở trước số 2 là thiên về mát, có thể trợ giúp thanh nhiệt. Nếu chỉ dùng 00 là số chặn thì khó trừ được tà thấp.

Thí dụ 13: Cô Vương, 25 tuổi công nhân nhà máy điện Xích Phong.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 1992, sáng trở dậy, phát hiện thấy bên vú phải sưng đỏ và rất đau, toàn thân phát sốt, vú đã sưng to như một quả trứng gà, gây khó chịu toàn thân. Cô đến khám ngay và biết là viêm tuyến vú cấp. Cách chữa là thanh nhiệt tiêu sưng, sơ thông nhũ lạc hóa ứ tản kết.

Tượng số được lập là 640.20. Sau khi niệm chừng 10 phút thì vẫn chưa cảm thấy gì cả, bảo cô về nhà tiếp tục niệm. Sau khi về nhà niệm thì thấy bệnh tăng lên, nhưng rồi không lâu đã cảm thấy dần dần thoải mái, sau hơn 1 giờ thì chỗ sưng đỏ đã tiêu, trước và sau đó niệm chừng 3 giờ người bệnh đã thấy khỏi (xem tự thuật 13).

Giải thích: **640.20**

Vú phải đi qua kinh dương minh, vú lại thuộc

về kinh quyết âm can kinh. 6 là quẻ khảm, chủ thận, chủ thủy có thể thanh nhiệt; 4 là quẻ chấn, chủ can, sơ tiết can kinh ứ trì, để tuần kinh; 2 là quẻ đoài, chủ phế, chủ khí là quẻ cân con của vị thổ cho nên lấy 20 có thể tả tà cho vị kinh, và có thể sơ tạo toàn thân, dùng để hoạt huyết tán kết.

Thí dụ 14: Bác Lãng 51 tuổi, người nhà của đội 3 địa chất Xích Phong.

Lưng ông bị đau nặng trên 20 năm, lúc nào cũng như vác một tảng đá sau lưng. Mỗi khi lao động mệt hoặc thời tiết thay đổi càng nặng thêm. Sống lưng là qua kinh mạch đốc, bàng quang thì phân bố ở hai bên sống lưng. Nhiều năm qua do tà đã gây hàn thấp cản trở kinh lạc, bệnh dai dẳng không đỡ. Do dương khí mạch đốc không bị tê làm cản kinh mạch bàng quang, gân cốt cơ bắp mất đi sự bồi dưỡng, tà kết ứ trì, không thông nên đau. Có cảm giác đau tê ngày càng nặng. Cách chữa và bổ ích thận khí, ôn thông mạch đốc, sơ đạo kinh của bàng quang.

Tượng số được lập là 640. 720. Sau khi niệm 2-3 ngày, cảm thấy nhẹ nhõm. Và sau niệm 1 tuần, 2 chi dưới lên đầy những chấm đỏ, đó là biểu hiện tà bệnh thoát ra ngoài. Bác sĩ có nói về nhà thì không nên châm trích vào cục bộ. Tiếp tục niệm mấy ngày nữa thì các mụn đỏ dần dần khô và tiêu đi,

cái cảm giác đau và nặng ở sau lưng cũng mất luôn. nên đã qua 2 năm chưa thấy tái phát. Ngoài ra trước đây còn hay say xe. sau này mỗi lần đi xe niêm Tượng số là cảm thấy an toàn không sao cả. Tôi nay đã niêm trên 3 năm, tinh lực tràn trề, không thấy mệt mỏi (xem tự thuật 14).

Giải thích: **640.720**

6 là quẻ khảm, chủ thận, 6 là bổ ích thận khí; mà nguồn âm dương của kinh lạc tạng phủ lại do thận, nên thận khí được bổ thì dương khí mạch đốc được phấn chấn, có thể thống đốc dương kinh của thân thể; quẻ khảm cũng là chủ bàng quang nên khí của bàng quang cũng dần được khai thông; 4 là Can có khả năng sơ tiết, tả sơ đạo kinh phí của kinh bàng quang, thông thì bất thống, 7 là quẻ cấn, là núi, lưng là tượng của cấn nên lấy là 7 để thông điều cục bộ; 2 là quẻ đoài, chủ phế, chủ khí có thể sơ tiết khí cơ của 7. Mà 720 là cấn thổ sinh đoài kim, là để con tả tà ú cho mẹ.

Thí dụ 15: Bác La 58, tuổi là giảng viên sư phạm.

Từ năm 80 trở lại đây thường bị đau lưng, ngày càng tăng thậm chí ngồi đứng không yên, mắt xệ xuống cứng đờ, nóng lóng đẽ cẩu. Đã 11 năm đi chữa nhiều không kết quả, cảm thấy tuyệt vọng nên đã nghiện chè rượu, thuốc lá, thích gì thì

dùng đó nên qua nhiều năm, càng túng quẫn, khổ hết đường nói.

Tháng 5 năm 1991, cùng với vợ đi tìm nơi chữa bệnh và đúng khi đó tĩnh mạch bì trái sưng phồng to rất khó chịu, cho niệם 10.820 sau mấy phút thì đã giảm được căng đau, sau đó quyết tâm chữa bệnh đau lưng. Khi kiểm tra mặt, thấy lưỡi đen, mạch trầm nhỏ sợ lạnh lưng. Đó là tà của âm hàn đã chui sâu vào các phủ trong lưng làm tê bì mạch lạc, đã qua nhiều ngày cơ bắp gân cốt không được ôn dưỡng, đau âm ỉ ngày càng tăng. Cách chữa là (hư tắc bổ chi), (hàn tắc ôn chi) bổ thận chấn dương.

Tượng số được lập là 650.3810. Mới bắt đầu tưng niệם mấy ngày lưng càng thấy đau, qua mấy ngày sau thì mới bắt đầu giảm dần. Tinh lực dần được tăng, ăn được ngủ được. Tiếp tục niệם khoảng 2 tháng, ăn ngủ tốt dần, tinh lực sung mãn, tư duy tỉnh táo, kiên trì ngoài nửa năm thì khỏi hẳn, sau 1 năm đến thăm lại thì đã khỏi hẳn (xem tự thuật 15).

Giải thích: **650.3810**

Sống lưng là ở trên đường mạch đốc, là chỗ hội tụ của dương, hai bên là các kinh bàng quang, là kinh của nước lạnh; kinh của thận lại chạy dọc theo sống lưng, lưng là phủ của thận. 6 là quẻ khảm chủ thận, là biểu lý của thận và bàng quang,

5 là quẻ tổn thuộc dương mộc, 650 giống như một điểm sáng có ích; 6 là dương chấn, 5 hoãn tảo về trục tà của âm hàn, 3 là quẻ ly, thuộc hỏa, 8 là quẻ khôn, thổ, 1 là quẻ càn là gốc của dương, chủ mạch đốc 3810 là ôn bổ tỳ dương, phấn chấn mạch đốc. 650.3810 là chấn lục của ôn dương dùng để chữa âm hàn nằm sâu và hư hàn.

Thí dụ 16: Bác Bao, 73 tuổi công nhân.

Một lần lao động không may bị treo hông phải, đau nhức không chịu nổi, phải có người vục đến khám. Xem chân phải của bác là phải nhắc chân đi từng bước rất khó khăn và cũng rất đau. Kiểm tra huyết áp bình thường không có hiện tượng viêm nhiễm, bảo bác niệm 0001000.70. Sau khi niệm trên 10 phút thấy đau đã bắt đầu giảm nhưng đầu, dạ dày và tim vẫn có cảm giác không thoải mái dễ chịu. Nói bác về tiếp tục niệm. Sau khi về đến nhà chẳng hiểu sao cái đau đã mất hẳn (tự thuật 16).

Giải thích: 0001000.70

1 là quẻ càn, chủ mạch đốc ba số 0 trước và sau 1 là không nóng không lạnh thiên về ôn thông (máu gặp lạnh sẽ vón cục), lục của nó tương đối mạnh. 0001000. 70 làm phấn chấn mạch đốc, thông đạo giả kinh, 7 là quẻ cấn là núi, phần hông là Tượng cấn lấy là 7 để sơ thông mạch lạc cục bộ. Hợp tấu với nhau để làm tăng nhanh hiệu quả.

Thí dụ 17: Cô Cân, 41 tuổi là nhân viên bưu điện khu Tùng Sơn.

Từ năm 1975 cô mắc bệnh sưng tuyến vú đã trở thành một vật cứng như quả trứng gà, đã trên 10 năm chữa trị đều không khỏi. Tâm lý nặng nề ngày càng tăng, sợ là bệnh không chữa khỏi. Năm 1988 cô đến khám. Bắt đầu là dùng phương pháp châm kim, tuy đã có hiệu quả, nhưng cục rắn đó khó tan. Sau này ngừng việc châm kim thay bằng liệu pháp tượng số. Qua niệm một thời gian, sinh lực dần tăng lên, có cảm giác dễ chịu. Qua hơn một tháng duy trì niệm, cục rắn cơ bản đã tiêu hết. Từ đó về sau cô vẫn thường xuyên niệm tượng số tăng cường sức khỏe. Tới nay cô đã duy trì niệm được 3 năm, tinh lực sung mãn, thể lực tăng gấp bội, đã quên đi những nỗi u sầu về bệnh tật. Cô tuy còn hoài nghi nhưng vẫn thường đến chữa bệnh theo tượng số, tượng số thường niệm là 640.000.720 (xem tự thuật 17).

Giải thích: 640.000.720

Bệnh này là ở thể dương thịnh. 6 là tư âm, để phòng viêm, trừ buồn bực. Vú là kinh can lấy số 4, một là để tiêu tán ứ kết, hai là để dẫn khí cơ, 000 là có thể phối hợp cùng với tượng số trước sau để sơ tán ứ trệ. Vú thuộc vị kinh, 7 là căn thổ vị để tuyến kinh; tượng căn lại là nham thạch, là cứng

rắn, lấy tượng số là 7 để trực tiếp vào bệnh, 2 là quẻ đoài là phá hủy tức có thể phá vật rắn, cũng tả căn thổ, 7 lợi cho bài tiết. Chúng cùng nhau tư âm trừ phiền, làm mềm và tán kết đạo dẫn ngũ lạc.

Thí dụ 18: Anh Vương, 25 tuổi, nhân viên địa chất đội 3 Xích Phong.

Ngày 10 tháng 4 năm 1992 đến khám. Anh nói là cạnh trái trong mồm anh có nổi lên một cục, không nuốt được đồng thời bên đầu, răng, tai đều đau. Khám thấy có vật sưng to bằng quả táo ở bên mồm, vừa mềm vừa đỏ; đầu lưỡi đỏ có rêu dày, môi khô mặt đỏ, mạch nhỏ, trông bộ dạng đau khổ. Đó là hỏa của kinh đản thừa cơ chui vào dạ dày; cần phải làm hết tà nhiệt trong mặt và dạ dày.

Tượng số được lập là 050.070, niệm chùng mười phút thấy nhẹ nhõm, giảm đau, về nhà tiếp tục niệm chùng 30 phút, thấy vật sưng mất tiêu (xem tự thuật 18).

Giải thích: 050.070

5 là quẻ tổn, chủ đản; 7 là quẻ cần, chủ vị, số 0 trước và sau Tượng số là không nóng không lạnh, 050.070 là dễ thanh tiết (làm hết) hỏa của 2 kinh.

Thí dụ 19: Bà Lâm 57 tuổi, là công nhân xi nghiệp.

Gần một năm nay bà đau một mắt, chỉ khi kéo mi mắt lên mới thấy dễ chịu. Bà còn thấy đau lưng

và rất dễ cáu gắt, v.v... chữa mãi cũng không khỏi. Người gầy top, có tựa, mạch nhỏ. Đó là bệnh can thận bất túc, không đủ khí huyết, không đưa tới mắt, nên mắt không được bổ dưỡng, nhìn rất chói mắt. Cách chữa là bổ Can thận, làm nhờn bổ mắt.

Tượng số được lập là 650, niệm chùng trên mười phút, hai mắt đã cảm thấy nhìn rõ, sau đó hơn nửa giờ, mi mắt đã được thư giãn nhìn được vật không còn thấy khó chịu nữa. Chùng nửa năm sau đến thăm bệnh đã khỏi hẳn (xem tự thuật 19).

Giải thích: **650**

6 là quả khảm, chủ thận; 5 là dương mộc, chấn dương tứ can, 650 bổ Can thận, ích khí huyết, mắt được bổ dưỡng và đã chữa khỏi.

Thí dụ 20: Bác Vương, 54 tuổi, nhân viên đội địa chất.

Ngày 19 tháng 8 năm 1992, bị xe va vào ngực trái rất đau không thể quay người được, thở là thấy đau. Đến bệnh viện cấp cứu, kiểm tra màng xương bị chấn thương, đã chữa nhưng không khỏi nên đến khám. Cho bác niệm 5000.80 để sơ thông trệ ứ cục bộ, thông lạc trị đau. Niệm chùng nửa giờ thì đã hết đau sau đó cho về tiếp tục niệm để củng cố chữa bệnh (xem tự thuật 20).

Giải thích: **5000.80**

5 là quẻ tớn, là gió là sườn ngực, chủ xuất nhập (hiện tượng đoán hơi). 5 là sơ dân cục bộ, trừ những ứ đọng mới sinh; 3 số 0 là làm tăng công hiệu của 5; 8 là quẻ khôn chủ tỳ, là ôn thông cục bộ. lợi hỏa ứ, ích khí huyết. để chóng khỏi.

Thí dụ 21 : Bác Đỗ 48 tuổi, là xā viên.

Tháng 2 năm 1992 bác đến khám. Thần kinh hông bên trái đã đau trên 2 tháng, đau liên tục suốt ngày đêm, không tự sinh hoạt được. Dù đã đi chữa nhưng ngày càng nặng thêm, không quản ngại bác đã đi hàng trăm cây số đến khám; tay chống gậy, dò dẫm từng bước thật khổ sở. Bác được chữa ngay, cho niệm 720 cho đến khi thông lạc cục bộ hết đau. Kết hợp châm cứu, niệm chừng mười phút, dần dần thấy đỡ, nét mặt đã tươi tỉnh. Sau đó lần thứ hai đến khám, nói là sau khi về lại đau liên tục suốt hai ngày đêm, khi hỏi lại mới biết bác đã niệm sai và lập lại tượng số cho bác là 720.60 là ôn kinh tản hàn, thông lạc trị đau. Sau chừng nửa giờ niệm, đau đã giảm. Tháng 2 đứng vào xuân nguyệt mộc, tỳ tạng là yếu nhất, nên bảo bác niệm nhiều vào buổi trưa để lợi hỏa sinh thổ, trừ âm hàn. Khi niệm các chi bệnh toát hơi lạnh. Cứ như vậy gia giảm trị liệu trên 10 lần là có thể ra đồng làm việc được (xem tự thuật 21).

Giải thích: **720.60**

7 là quẻ cấn, là núi, không là tượng cấn lấy để thông lạc trị đau mà quẻ cấn là chủ vị, chân dương thổ đuổi âm hàn, 2 là quẻ đoài, chủ khí, lấy cấn thổ 7 để sơ giải cục bộ, 6 là quẻ khảm, chủ thận để trợ kiện khí chữa tê bì. Chi của người bệnh thoát khí lạnh và hiện tượng bài tà hàn.

Thí dụ 22: Cậu Lưu 17 tuổi, là học sinh trung học Mông Cổ.

Đầu đau đã hơn một tháng, suốt ngày đau đầu âm u mơ màng, tâm tình nóng bức dọc, tai như bị tắc lại, họng như có gì cản lại, rất đau, kém ăn, kém ngủ, thể lực ngày càng giảm. Đã nghỉ học đi chữa đến hơn một tháng, bệnh không lui nên đến khám. Lưỡi mọc rêu hơi vàng, mạch yếu trông bộ dạng đau khổ. Đó là bệnh trọc đờm ứ lên cổ ngăn cản thanh dương. Cách chữa phải kiện tỳ hóa đờm, tăng việc làm giảm trọc, điều chỉnh để giúp tạng vận ngũ hành, thông điều khí cơ.

Tượng số được lập là 80.20.650.30. Bắt đầu niệm 820 đã thấy có hiệu quả. Đợi trọc khí giảm xuống, bắt đầu sửa thành 80.20.650 30. Sau 10 phút niệm thấy dễ chịu, đầu, tai, họng v.v... cảm giác như có vật bị trôi xuống, đã làm tiêu tan hết các cảm giác khó chịu thậm chí cảm thấy rất sảng khoái. Cứ như vậy điều trị mấy lần thì hoàn toàn chữa khỏi (xem tự thuật 22).

Giải thích: **80.20.650.30**

Trước tiên là niệ 820 là "cấp tác kỳ tỷ tiêu", sau sửa thành 80.20.650.30 là "hoãn tác trị tỷ bản". Trong đó 8 là kiện tỷ hóa đờm; 2 là chủ khí, sơ đạo khí cơ. 650 là bổ ích Can thận, thiên về chấn thận khí; 3 là chủ huyết mạch, thông mạch đạo cùng kiện tỷ hóa đờm thanh lọc giảm giáng trọc. Đó là vận hóa khí ngũ hành có trật tự, sinh mà có chế, chế mà có sinh, khí cơ được điều nên đã chữa khỏi.

Thí dụ 23: Có 63 tuổi, là nhân viên.

Tháng 5 năm 1993 sau khi truyền dịch tại bệnh viện địa phương đột nhiên hai bàn tay, mắt cá chân trái đều bị sưng đau, đã điều trị tại các bệnh viện lớn nhỏ ở địa phương, bệnh không những không giảm mà còn tăng lên đến mức độ không tự lo liệu được sinh hoạt, ruột nóng như thiêu đốt. Đã không quản ngại hàng trăm cây số đến khám bệnh. Qua kiểm tra bàn tay và chân đều thấy sưng đau, trông dáng bộ thật thiếu nảo, vội phải lợi tiểu giải độc ngay, là phương pháp tiêu sưng thông lạc. Sau đó cho niệ 160, phối hợp với châm cứu thấy có hiệu quả tức thì. Lần thứ 2 cho niệ 16000, sau khi niệ hiệu quả càng rõ ràng, cục bộ thấy nhẹ nhõm đã giảm đau nhiều. Hôm sau lại niệ 16000 mỗi lần từ 4 - 5 giờ thấy toàn

thân ra mồ hôi và cảm thấy có hành khí rất dễ chịu. Sau đó sửa thành 720.650.80 và 720.650.30. Qua điều trị 6 - 7 lần đã thấy khởi trên lâm sàng. Sau vẫn tiếp tục niệm thấy sinh lực tăng lên và đi làm bình thường (xem tự thuật 23).

Giải thích: **16000**

Bắt đầu niệm 160 là gây phẫn chấn mạch độc, ích thận khí, để lợi khai thông kinh khí, lợi thủy tiêu sưng giải độc. 16000 là để làm tăng mạnh chức năng đó. Sau khi niệm như vậy, mỗi ngày đến giờ dần thì toàn thân ra mồ hôi, đó là hiện tượng tà đạo đã bị thải ra ngoài da. Vì phế là chủ bì mao, nên giờ dần thì ra mồ hôi. Giờ dần là giờ kinh phế chảy.

720.650.80

7 là quẻ cần là tay, là chân trái có thể trực tiếp sơ đạo cục bộ. 2 chủ phế, điều hành khí cơ, tả cần thổ 7 sơ đạo khí huyết. 650 ích Can thận, chấn thận dương, đuổi tà âm. 80 là ôn tỳ, chấn tỳ dương. Sau 80 chuyển thành 30 là lợi mạch huyết, trợ ngũ hành vận động làm khỏe cơ thể củng cố chữa bệnh.

Thí dụ 24: Cô Hà 25 tuổi, là công nhân lắp ráp ô tô.

Sau khi đẻ không ra sữa đã uống thuốc đông y và dân gian đến trên nửa tháng liên tục vẫn không thấy sữa, người nhà sợ cuống cuống đưa đi khám

điều trị tượng số. Sau khi hỏi mới biết là bệnh Can uất khí trì, có trở ngại về sinh hóa. Nên điều trị là kiện tỳ ích khí, để thư Can giải uất, thông lạc hành trệ. Tượng số được lập là 38000.40 niệm ngay trong ngày đó thì chiều đã thấy sữa. Sau 3 ngày niệm, sữa ra đủ. Sau đó vì đau lưng nên ngồi nằm không yên, nên đã điều chỉnh chút ít là 38000.40.60, ngay trong ngày đó cục bộ đã thấy nhẹ nhõm, niệm 4-5 ngày sau thì đau lưng đã hết (xem tự thuật 24).

Giải thích: 38000.40.60

38000 là kiện tỳ ích khí, sinh hóa khí huyết. Chủ yếu là đại bổ khí huyết sau khi đẻ, sơ tiết hữu độ (khai thông đào thải có mức độ), phòng kỳ thương chính (đề phòng tổn thương chính khí). 40 là sơ can khí (khai thông Can). Sau vì đau lưng nên sửa thành 38000.40.60 để kiện tỳ bổ khí, thư Can ích thận.

Thí dụ 25: Bà Tôn 47 tuổi, là giáo viên.

Tháng 2/1993 khi kiểm tra sức khỏe, phát hiện thận có sỏi trong có một viên sỏi to 1 x 1cm. Do thân thể yếu không thể phá bằng kích quang, khám thấy người yếu, mạch hư, dễ ra mồ hôi, đoản hơi, khí huyết đều xấu. Cách chữa là tiêu thạch lợi thủy cùng với củng cố tỳ thận. Tượng số được lập là 720.40.60. Qua niệm thấy hết khó chịu. Khuyến thường xuyên niệm. Sau khi niệm được hơn 1 tuần

thì lại đi kiểm tra siêu âm, đã siêu âm 2 lần thấy không còn sỏi nữa. Cảm giác đau lưng cũng dần dần mất đi (xem tự thuật 25).

Giải thích: 720.40.60

7 là quẻ cấn, là đá. có ý là để chặn đá, 2 là đoàn kim, cấn thổ 7 sinh đoàn kim là con tả mẹ, ý là khai thông kết sỏi, 4 là chân mộc khắc cấn thổ 7 nghĩa là để phá sỏi. 7 lại là chấn dương minh vị, tỳ vị cùng biểu lý, nên tỳ khí được chấn. 6 là ích thận lợi thủy. 2 cái cùng nhau để làm tan đá lợi thủy, củng cố tỳ thận.

Thí dụ 26: Cô Tào 34 tuổi, là nhân viên xây dựng.

Cô đã đau đầu, toàn thân mệt mỏi cảm thấy không muốn bước, sau khi niệm khởi lại bị viêm? Được người giới thiệu gửi đi, dù phải ngồi xe tới 50km, kiểm tra thấy mặt vàng, lưỡi hơi thâm, mạch hư, huyệt cảm thấy như tắc đờm. Cách chữa là hóa đờm tả trợ, thông lạc thanh đầu, để trừ trợ đờm và cản thanh dương.

Tượng số được lập là 60.40.720, trước tiên là 650.820, sau là 650.820; 60.40.720; 60.40.30.720; 720.60.40.30 phối hợp với châm cứu. cộng với 21 lần chữa mới công phá được bệnh ngoan cố này. Sinh lực dần được tăng lên gấp bội. Mỗi lần phối hợp với châm cứu có kết hợp niệm số, hiện tượng đau nhức đã giảm rõ rệt. Khi đến chữa bệnh, đầu

tiên là dùng phương pháp chống đau thường dùng. cơ lý của nó vẫn được tiếp tục tham khảo thêm (xem tự thuật 26).

Giải thích: 60.40.30.720

7 là căn thủ vị là lưng, mạnh về trừ tà âm thấp; 2 là quái kim, khử đờm; tỳ vị cùng có biểu lý với nhau, tỳ "nguồn của sinh đờm", 7 là phẫn chấn tỳ dương để trừ trọc đờm. 4 là sơ đạo khí cơ. 60 là củng cố cơ thể. Vì mất khô nên sửa thành 60.40.30.270. Những trình bày trên phần lớn là để đuổi tà phải đi đầu; vì bệnh lâu nên có nhiều thương chính, cuối cùng là lấy 720.60.40.30 là để trừ tà vực chính.

Thí dụ 27: Em Tào 18 tuổi, là học sinh.

Em đã đau đầu nhiều năm, qua người giới thiệu tháng 6 năm 1993 em đã vượt hàng trăm cây số để đến khám. Kiểm tra thấy thể chất còn khá, hỏi về lịch sử bệnh biết là phải động não nhiều, khí huyết tiêu hao ngầm, mất đi sự dinh dưỡng của tủy. Cách chữa là bổ ích Can thận, sơ giải khí cơ của đầu. Bắt đầu bảo em niệm 650, niệm một lúc có cảm giác rất căng thẳng; sau sửa thành 60.50 thì không đến 3 phút sau thấy đầu thanh thản, mắt sáng; tiếp tục niệm trên 20 phút thì thấy hết đau đầu, và sau đó đặc biệt là đầu rất mát, rất dễ chịu. Sau này hỏi thăm thì em đã khỏi.

Giải thích: **60.50**

Đầu tiên là cho niệm 650, thấy đầu căng thẳng vì là bổ quá nhiều nên đã sửa thành 60.50 là bổ sơ vừa phải: ngoài ra em còn trẻ chỉ có chút ít những - ưu tư về thất tình, tượng số dễ lập, kinh lạc dễ thông nên mau khỏi.

Thí dụ 28: Bà Vương 54 tuổi, là xơ viên.

Khi nghe thấy người con dâu chữa theo liệu pháp Tượng số, vừa hiệu quả, vừa nhanh. Phương pháp đơn giản, nên cũng yêu cầu đi khám bệnh ho suyễn. Bà đã viêm khí quản trên 10 năm, vừa lúc bà đang bị ho và khó thở, nhìn có hiện tượng hư thực phức tạp nên cho bà niệm 20.60. Qua niệm mấy phút thấy có hiệu quả. Bà lại niệm 30 phút thấy đã như bình thường. Sau khi về nhà thì không thấy tái phát. Có căn dặn bà về nhà thường xuyên niệm để bồi bổ sức khỏe (xem tự thuật 28).

Giải thích: **20.60**

Bị ho và khó thở lâu ngày đó là do thận. 6 là bổ thận nạp khí, 2 là chủ kh, tả chấn thận dương để nâng cao thanh lọc lọc trọc khí. 2 là con của tỳ thổ. "tỳ là nguồn của sinh đờm, phế là cái để chứa đờm". Bệnh hư thực tương tạp này, lấy 20 để tả lọc đờm của tỳ và để hóa sạch đờm cho phổi, 2 cái kết hợp để bổ thận nạp khí và lý phế hoá đờm.

Thí dụ 29: Bác Lưu 60 tuổi, là xā viên.

Tháng 10 năm 1992. do một lần tức giận, phần nộ mà bị bệnh đái nhiều, đái gắp, tiểu tiện đau tức cùng với đau và nóng bụng dưới. Trên nửa năm nay đi chữa khắp nơi không kết quả, bệnh như giày vò thân thể khổ không nói hết. Qua người thân giới thiệu đến khám kiểm tra lưỡi thấy hơi đỏ sẫm, mạch trầm nhẹ, nét mặt hơi vàng tối, người gày. Đây là bệnh do phần nộ thương Can, khí uất hóa hỏa, thất thiệt uất tối hạ tiêu. cản trở khí của bàng quang. Bệnh thuộc về lâm chứng, y học hiện đại coi là phạm trừ cảm nhiễm hệ tiết niệu. Cách chữa là sơ can giải uất thông điều hạ tiêu, thanh nhiệt lợi thấp.

Tượng số được lập là 600.50. Đây là cơ sở có thể gia giảm để điều trị đồng thời phối hợp với châm cứu và nhĩ áp v.v... Điều trị trên 10 lần là khỏi (xem tự thuật 29).

Giải thích: **600.50**

6 là chủ thận, thận và bàng quang có biểu lý với nhau, trợ bàng quang khí hóa; mà sau 6 thêm hai số 0 là số chắn, thiên về mát, lợi cho thanh nhiệt. 5 là sơ can khí, làm thông thoát khí cơ để lợi thấp. 2 thứ phối hợp để sơ giải khí cơ bổ âm tể dương lợi cho bàng quang hóa khí, tiểu tiện thuận lợi.

Thí dụ 30: Bà Lưu 50 tuổi, là xà viên.

Cánh tay phải của bà đau đã đến 1 năm, đau đến mức độ không cầm nổi bát nước. Đã uống thuốc tiêm, nhưng không thấy hiệu quả. Những khi có gió lạnh, thời tiết âm u có mưa thì cái đau càng tăng. Khám thì thấy tay không đỏ cũng không sưng, chỗ đau thì cố định, lưỡi nhơn có rêu trắng, mạch hư. Đây thuộc bệnh phong hàn thấp tà luôn vào kinh lạc, khí huyết bị cản trở thuộc bệnh đau tê. Cách chữa là ôn kinh thông lạc, sơ can chỉ thống. Bắt đầu là niệm 20.60 lập tức có hiệu quả. Lần thứ 2 sửa thành 20.640 càng có hiệu quả hơn. Lần thứ 8 vẫn làm như cũ thì khỏi hoàn toàn (xem tự thuật 30)

Giải thích: **20.640**

2 là quả đoài, là cánh tay phải có thể sơ giải khí huyết cục bộ, trục tà tản hàn, 6 là thông thận, ích âm tể dương. 4 là chủ can lấy trừ can sơ gân. 640 là trục tà phù chính, mềm mà không nóng.

Thí dụ 31: Cô Vu 20 tuổi, là học sinh trung học.

Do phải thi lên lớp nên động não quá nhiều khiến cô đau đầu nôn mửa. Nhưng sau khi khám mấy bác sĩ đều không thấy khỏi ngay, nên đã đến để khám muốn chữa nhanh. Do vì động não quá nhiều, khí huyết tiêu hao ngấm cộng thêm luôn

căng thẳng, khí cơ bị trở ngại, tỳ vận mất điều khiến nên đã sinh ra nôn mửa, đau đầu. Tượng số được lập là 820.650. Mới niệm một lúc đã cảm thấy nhẹ nhàng đi nhiều. Ngày thứ 2 tiếp tục niệm, dần thấy giảm nhẹ. Sau này mỗi khi thi cử căng thẳng, nóng lòng hoặc học tập mệt mỏi là cô niệm tượng số đều thấy giảm xuống. Đặc biệt là một lần niệm tựa như có một luồng khí rất mát mẽ từ đáy lòng dâng tỏa ra toàn thân cảm thấy rất thoải mái (xem tự thuật 31).

Giải thích: **820.650**

820 là kiện tỳ ích khí thăng thanh giáng trọc. Tỳ khí hữu thanh, vị khí đắc giáng, 650 là ích Can thận, bổ tủy được nuôi dưỡng, nó trừ được phiền muộn.

Thí dụ 32: Chị Biện 22 tuổi là học sinh trung học.

Vào năm 1992 chuẩn bị thi rất căng thẳng nên chị đã đau một nửa đầu, khi nhẹ khi nặng, có lúc gãi đầu rất đau không chịu nổi, đã chữa nhiều nơi đến trên nửa năm vẫn không thấy có hiệu quả. Sau khi khám thấy lưỡi màu đỏ sẫm, mạch nhỏ yếu, cộng thêm nóng nảy dễ cáu, người gày v.v... Nó thuộc về dùng não quá độ, khí huyết tổn hao hư hỏa gây ra thiếu dương trì trệ bất thông. Điều trị bằng cách tư thủy hàm mộc, kiện tỳ sinh hóa. Tuy nhiên mấy lần dùng để chữa thấy không thích hợp

là do thiếu dương kinh mạch bị tắc tương đối rõ. Lệnh cho niệm 00 để phần chấn tinh khí. Niệm thấy thoải mái rồi tiếp tục làm đến 3 lần, kinh khí dần được thông, kết hợp với các chữa trị khác (đào trị). Cộng chữa đến 9 lần là khỏi và có dặn là về tiếp tục niệm, củng cố chữa bệnh, tăng sức khỏe mở mang trí tuệ.

Cô thường niệm trên cơ sở 820.60.530 (xem tự thuật 32).

Giải thích: 820.60.530

00 là làm phần chấn kinh khí. Người bệnh có hiện tượng âm u nên lấy số chấn 00.820 là kiện tỳ ích khí, sinh hóa khí huyết là củng cố hậu thiên. 60 là tư thủy hàm mộc để bình thiếu dương hư hỏa. 530 là sơ thiếu dương ú trệ. 530 là ở dạ trợ hỏa, nhưng vì nó đứng ở cuối cùng, lực của nó đã yếu, cộng thêm trước nó là kim để khắc mộc, 6 là để chế hỏa để bổ trợ trừ hỏa.

Thí dụ 33 : Bà Vương 64 tuổi, ở xương già da.

Có một lần bà bị cảm cúm 4 - 5 ngày, toàn thân đau nhức, ho, đau họng, ngày nhẹ đêm nặng, hàng ngày đều uống thuốc mà vẫn không khỏi. Khi kiểm tra tinh thần của bà còn tốt, mặt đỏ, lưỡi vàng họng đỏ, mạch nổi. Đó là bệnh tà phong nhiệt vào phổi, do phế khí không đủ cho nên đã dẫn đến cảm mạo. Cách chữa là sơ phong tản nhiệt, tuyên

túc phế khí. Lấy số niệm là 20.50. Niệm một lúc thì cảm thấy nhẹ nhõm. tiếp tục niệm thì khỏi ngay trong ngày.

Có một lần do uống nước hoa quả gây ra đau lưng, đồng thời đái nhiều, đái gấp, đái đau v.v... đến khám thì chân tay bà không ấm, tứ chi lạnh, lưỡi viêm mạch trầm nhỏ. Do tuổi già. thận dương không đủ, thận khí bất cố, tỳ hư vận hóa không đủ sức, vì vậy ăn ít thực phẩm nguội thì khí thận dương không thể tiêu hóa được, bàng quang thất ước đã gây tiểu tiện khó, đau lưng v.v... Cách chữa là ôn thận ích dương. Số niệm lấy là 200.50. Niệm 6 phút thì bệnh tình đã giảm mạnh, sau đó tiếp tục niệm và khỏi hẳn (xem tự thuật 38).

Giải thích: **20.50**

2 là chủ phế, tuyên túc phế khí, 5 là quả tởn chủ phong, sơ phong nhiệt. Tuyên phế sơ phong, phong nhiệt sẽ lập tức mất đi.

200.50

2 là đoàn kim sinh khảm thủy 6. Trong bài tuy không có 6, nhng mẫu khí cường, tử khí mạnh, cho nên chỉ lấy 200 làm phấn chấn mẫu khí. Mặt khác Can thận cùng nguồn, 5 là dương mộc, giải về trợ dương khí, lấy lục ôn dương để ôn thận. Phối hợp 200.50 có tác dụng ôn bổ thận khí, lợi bàng quang. Căn bệnh của nó là âm hư. cho nên sau số 2 là hai số 0 để đề phòng thương âm.

Thí dụ 34: Bà Trương 42 tuổi, là công nhân lắp ráp ô tô.

Bản thân bà yếu, rất sợ lạnh, ho không ngắt, uống thuốc 3 ngày không khỏi thì đến khám, đúng lúc đó thì đang khám cho người khác, chỉ mới nhìn qua mặt bà đã có biểu hiện tạng hàn, chỉ bảo bà niệm số 20. Sau hơn 10 phút niệm, ho giảm dần và hết hẳn (xem tự thuật 34).

Giải thích: 20

2 là chủ phế, tuyên phê tức giáng, nên chủ yếu là chữa về phổi thấy có công hiệu ngay.

Thí dụ 35: Anh Vương 37 tuổi, là xã viên.

Sườn bụng bên trái đã bị đau già nửa năm, lúc đau lúc không. Một lần đau kịch liệt, qua kiểm tra ở bệnh viện phát hiện thận kết sỏi. Trong thận trái có một hòn sỏi to bằng hạt đậu xanh. Qua người giới thiệu, người nhà đã dùng xe đẩy đến khám. Lúc khám là đang bị đau, đang cong lưng ôm bụng kêu rên không ngừng. Bảo niệm số 6000 để thử xem có phải nằm viện không. Chỉ mới niệm có mười lăm phút, bụng đã dần giảm đau nhưng dạ dày thì trướng, bên sườn trái thì vẫn đau không giảm. Đợt đến khám lại thì rất đau, có phối hợp thêm số niệm vẫn không có hiệu quả. Người trở nên bản thân, cảm thấy có điều gì sai sót. Bệnh này chính là tỳ vị hư hàn cho nên sửa thành

3820.650 để ôn tỳ kiện vận phán chấn thận dương là chính. Sau một thời gian niệm khí thoát, bệnh đã giảm đi. Lúc đến phải đẩy xe. khi về thì đã ngồi xe ô tô. Sau khi chữa đến lần thứ 3, viên sỏi đã bị vỡ thành miếng nhỏ và thoát ra ngoài. Sau đó về củng cố chữa trị 3 lần là khỏi hẳn (xem tự thuật 35).

Giải thích: 3820.650

Theo kinh nghiệm. bắt đầu cho niệm 6000, tuy bụng đã giảm đau, nhưng dạ dày vẫn trướng, sườn vẫn đau. 6000 tuy đã tới vùng bệnh, nhưng lực ôn dương chưa đủ nên chưa đuổi được tà hàn của tỳ và thận, do đó không thể nhanh được. Sau này sửa thành 3820.650 chỉ mười phút thì đã có hiệu quả. 3820 đã thấy rõ lực của ôn tỳ ích khí, tỳ khí kiện, vận hóa bình thường; 650 là ôn thận tán hàn, thận thì khí hóa. Cho nên ngũ hành sinh hóa có thứ tự, tà bệnh tự nó ra, nên gọi là "chính khí nội tôn, tà bất khả can".

Thí dụ 36: Anh Phó 33 tuổi, là nông dân.

Anh bị sỏi bàng quang đã ngoài 1 năm, đường kính viên sỏi từ 0,8 cm - 1cm Đã nhiều lần uống thuốc đông y không kết quả. Bệnh viện nào đó đã đề nghị điều trị theo phương pháp kích quang để phá sỏi. Nên đã chuẩn bị tiền và đồ dùng để chuẩn bị nhập viện, nhưng được giới thiệu đến khám. Ông nói rằng khi lưng và bụng dưới đau lúc mạnh

lúc yếu; khi đi tiểu có lúc bị ngắt đoạn; lưỡi có lớp màng mỏng, mạch hoạt. Cách chữa là ích thận khí, lợi tiểu thoát sỏi. Đã qua 2 lần điều trị châm kim và nhĩ áp, nhưng không kết quả. Tới lần thứ 3 cho niệm số 60.2000, lệnh cho thường xuyên niệm. Sáng sớm ngày thứ 2 khi đi tiểu thì đái ra 2 hòn sỏi to như hạt đỗ vàng và từ đó bệnh thấy lui. Sau đó nói về nhà thường xuyên niệm và đã khỏi bệnh (xem tự thuật 36).

Giải thích: 60.2000

60 là chấn kiện khí, có thể làm sạch khí dương để thi hóa; 2000 là chủ túc giảng, thông điều thủy đạo, ba số 0 sau số 2 là lực càng lạnh, nên đã có tác dụng lợi tiểu thoát sỏi.

Thí dụ 37: Anh Vương 28 tuổi, là công nhân may mặc.

Có lần anh hàn điện, không may đã làm bỏng hai mắt, mắt đỏ chảy nước mắt, nhức nhối không chịu được. Dùng thuốc và các bài thuốc dân gian cũng không giảm, suốt đêm không ngủ được. Ngày hôm sau vội đến khám. Sau khi khám cho niệm 03, không kết quả, sau sửa thành 003, qua 5-6 phút đã giảm; lại tiếp tục 20 phút niệm, bệnh đã tiêu tan. Sau đó tiếp tục niệm nửa ngày, mắt tuy đã trở lại bình thường nhưng vùng rốn thấy khó chịu; do vì 003 có tính chất thiên về lạnh nên đã làm tỳ vị hư

hàn. Vì vậy đã thôi không niệm số đó nữa và sửa thành số khác để điều chỉnh tý vị.

Giải thích: 003

3 là quẻ ly, là mắt. 003 thiên về lạnh, bệnh mắt như trên thuộc hỏa, chính là có ý thủy khắc hỏa, nên tý vị hư hàn đã gây ra vùng rốn khó chịu.

Thí dụ 38: Anh Mã 30 tuổi, là nông dân.

Đùi trái của anh căng đau đã nửa năm, khám bệnh viện cho là viêm tĩnh mạch, có khuyên anh làm phẫu thuật. Do sợ mổ nên đến khám. Sau khi khám cho niệm số 720.40. Phối hợp chữa với cách châm cứu, chữa một lần đã thấy có hiệu quả và mỗi lần châm cứu có bảo anh niệm số để làm mất cái đau của châm cứu. Nếu như ngừng niệm sẽ đau vô cùng. Chữa như vậy mấy lần về cơ bản là khỏi (xem tự thuật 38).

Giải thích: 720.40

Quẻ cấn là núi, là ngừng chỉ, là lỗi lên, là cây có nhiều đốt. Tĩnh mạch bị sưng cong là hợp với chấn, vì vậy 7 để giải cục bộ; 2 là chủ khí phần chấn các đường mạch. 4 là chủ can, chủ tàng huyết lấy để máu về nguồn và trợ khí cơ thi hóa, nên đã đạt hiệu quả.

Mỗi khi điều trị châm cứu, có nói bệnh nhân phải niệm số, thì đa số người bệnh cảm thấy giảm hoặc hoàn toàn không thấy đau.

Thí dụ 39: Bà Trương 41 tuổi, là nông dân.

Lưng bà đau nhức đến trên 1 năm, lúc nhẹ, lúc nặng. Khi nặng thì ảnh hưởng đến việc đi lại. Khi thời tiết thay đổi hoặc lao động thì đau nhức vô cùng. Khi đến khám thì bà đang đau. Kiểm tra chân tay bà vẫn ấm, tứ chi sợ lạnh, thân lưỡi hơi to có rêu trắng, mạch trầm nhỏ, đau là chính. Bệnh này là hàn tà gây tắc nghẽn, khí huyết bất lợi, gân mạch không được bồi dưỡng, nó thuộc về đau tê. Cách chữa là ôn thận, chấn dương, tản hàn thông kinh, do người gây yếu, nên bắt đầu đã điều trị bằng cách chôn kim 4 lần, hiệu quả không rõ lắm nên đã sửa thành niệm tượng số, lệnh cho bà niệm 650, ngay trong ngày đã có hiệu quả. Ngày thứ 2 bệnh đã lui. Nói bà tiếp tục niệm để bồi bổ cơ thể. Sau một lần đến thăm mới biết bà đã khỏi hẳn (xem tự thuật 39).

Giải thích: **650**

650 là bổ can thận, chấn thận dương, nói chung là thiên về trục tà âm hàn.

Thí dụ 40: Bà Trương 54 tuổi, là kế toán.

Nửa đầu bên trái bà đã bị đau gần 10 năm, chữa mãi không khỏi. mấy năm lại đây bệnh còn nặng thêm, mỗi lần phải dùng đến đầu óc hay suy nghĩ càng đau. Còn cảm thấy buồn bực mất ngủ.

cứ đến tối chân tay nóng lên. 2 mắt khô. Xem lưỡi thấy khô và rêu mỏng mạch nhỏ. người gầy v.v... đó là bệnh lao tâm quá độ, khí huyết bị đốt ngầm. thủy bất hàm mộc. hư hỏa thượng ưu (bốc lên), mệ và thiếu dương không thông thoát, não mất bổ dưỡng gây ra đau đầu. Cách chữa là tư âm giáng nghịch, lạc trị thông. Bắt đầu cho niệ 650, không hợp lắm nên sửa thành 60.50 thì thấy thoải mái, dưới bàn chân toát khí lạnh, đầu thấy mát. Chân tay nóng và buồn bực đều đã giảm. Sau này kinh nghiệm phải chú ý thấy mỗi khi niệm chân tay nóng. ngừng niệm thì mát. Lần sau đến khám để giải trừ mắt bị khô sửa niệm là 60.50.30. Khi niệm hoặc ngừng niệm, chân tay vẫn có cảm giác nóng lạnh như trước, mắt thì đã đỡ khô. Sau đó bụng bị trướng lên lại sửa 60.50.30.820 thì đã trừ được trướng bụng, chỉ còn lưỡi khô là chưa được hóa giải, sau đó lại sửa là 260.50 30.80 Sau khi niệm số này thì bệnh cơ bản đã giảm, và có nói về nhà tiếp tục niệm. Do đường xá xa xôi nên không đến thăm được (xem tự thuật 40) .

Giải thích: 60.50.30

Lúc bắt đầu niệ 650 không thích hợp là vì bổ quá nhiều, lại chưa được sơ; nên sửa thành 60.50 đã phối hợp được giữa bổ và sơ nên đầu đã thấy thoải mái. Trên cơ sở bổ ích Can thận cộng thêm 30 để trừ khô mắt.

260.50.30.80

Trên cơ sở bài trước 60 50.30 do trướng bụng nên thêm 820,820 đã làm mất trướng bụng. Mà 260 thì lực ích thận tương đối rõ, để làm tăng dịch thận nên sửa là 260.50.30.80 là để trừ lười khô, điều kinh. Trong quá trình niệm có cảm giác toát khí lạnh hoặc khi niệm chân tay nóng lên, đó là hiện tượng thoát tà.

Đầu là đỉnh cao nhất của người, là tụ hội của dương. Nên trên là dương là thiên; dưới là âm là đất. Việc thăng thanh giáng trọc của khí cơ chính là hợp với "thiên khinh địa trọng, thiên thanh địa trọc" của người xưa. Vì thế nếu như trọc khí thượng nghịch, nó sẽ đọng lại ở phần đầu.

Thí dụ 41: Bà Trương 58 tuổi, là giáo viên về hưu

Bà đã bị bệnh nấm da trâu trên 20 năm lan khắp người, chỗ đau thì vừa khô vừa nóng, nước vàng nhầy lên hóa cứng, gồ ghề, ngứa ngáy nhất là về mùa thu. Đã chữa nhiều nơi không khỏi, qua kiểm tra thấy tình hình còn được nên đã chữa theo tư âm thanh nhiệt, trọc phong trừ thấp.

Lập số là 650. 72000 Niệm trong hơn 2 tháng. bệnh đã giảm quá nửa, tính tình trở nên khá hơn. Sau sửa thành 2000. 60. Qua niệm hiệu quả thấy tốt hơn. Cứ đến mùa thu khuyên bà nên niệm nhiều, làm đi làm lại có hiệu quả phần lớn nấm đã

bớt, người bệnh rất phấn khởi. hiện nay vẫn còn chữa (xem tự thuật 41).

Giải thích: **650.72000**

650 là tư âm thanh nhiệt sơ phong, 7 là quẻ cần là lỗi, là hiện tượng nấm da đủ để làm tan kết những cái mềm cứng cục bộ: 2000 là sơ giải biểu tà, khử phong trừ thấp (650 là trừ chấn thận dương kiêm tư âm).

2000.60

2 là quẻ đoài, chủ phế, chủ bì mao dùng để sơ tán tà của da. 2000 ở trước thì hiệu quả càng mạnh. 60 là tư âm trừ phiền, lấy 2000 để thanh nhiệt trực phong trừ tà.

Thi dụ 42: Bà Mai 51 tuổi, là công nhân viên dài truyền hình.

Bà đau vai phải trên nửa năm, giờ chân giờ tay đều bị hạn chế. Thuộc bệnh viêm quanh vai, cách chữa là hoạt huyết tản hàn, thông kinh hoạt lạc.

Cho niệm số 820, sau khi niệm cảm thấy thoải mái nhẹ nhàng. Niệm được gần một tháng, cơ bản đã trở lại bình thường (xem tự thuật 42).

Giải thích: **820**

8 là quẻ khôn, là vai phải. 8 còn là chủ tỳ, tỳ là chủ cơ bắp, lấy 8 là đi thẳng vào khu bệnh, sơ giải cục bộ, 8 còn có lực tản hàn. Đoài kim 2 là con của khôn 8, do vậy tả tà hàn ngưng của mẹ.

Thí dụ 43: Cô Quách 38 tuổi, là nông dân.

Cô đã viêm túi mật tới 5 năm, thường đau bụng và tiêu hóa không tốt, sau lưng thấy đau và còn đau nửa bên đầu, hàng năm đều đi chữa bệnh, bệnh tình không giảm, cảm thấy rất khổ sở. Kiểm tra thấy lưỡi trắng có rêu, lưỡi hơi đỏ, mạch nhỏ v.v... Bệnh này là Can uất bất sơ, đả đạo bất lợi, mộc uất thừa thổ, tỳ vị đều tổn thương dẫn đến đau dạ dày, tiêu hóa không tốt v.v... Đả kinh lại chạy qua sau vai, bên đầu khí huyết không thông đã gây ra đau vai đau đầu. Cách chữa là sơ can lợi đả, thông minh hoạt lạc.

Tượng số được lập là 40.60.3800. Niệm qua một tháng thì bệnh cơ bản đã tiêu tan, sau đó tiếp tục niệm tới trên nửa năm, bệnh không tái phát nữa (xem tự thuật 43).

Giải thích: 40.60.3800

40 là sơ can lợi đả; 6 là chủ thận cùng biểu lý với bàng quang. Kinh bàng quang lại chạy qua hai bên cột sống, mà huyết bồi du lại ở vào kinh bàng quang, thông với lục phủ ngũ tạng, nên lấy 6 để sơ thông bàng quang kinh, phần chấn sơ tiết can, đả. 3800 là ôn kiện tỳ vị, thăng thanh giáng trọc, nên bệnh thuyên giảm, lấy số 0 chặn là để hoãn bớt trợ dương.

Thí dụ 44: Bà Trương 61 tuổi, người nông thôn.

Đã bị bệnh tim trên 30 năm. mỗi lần tái phát tim đập không ngớt. có cảm giác như tim nhảy lên đến cổ, toàn thân run lên, đầu căng muốn vỡ. Bệnh tình ngày càng nghiêm trọng, nhất là mấy năm về già càng thấy nặng thêm. Khi tim đập mới đầu độ mấy phút, rồi tăng đến mấy chục phút và có khi đến 2 giờ, cùng khi đó thì huyết áp tăng, đầu căng mắt mờ, cổ họng bị tắc hơi v.v... thường là rất buồn bực, mệt mỏi tinh thần, khổ không thể chịu được. Tuy đã chữa trị nhiều nơi, nhưng đều không hiệu quả và hầu như tuyệt vọng. Mất thiếu thần sắc, âu sầu. Lưỡi hơi tối, có rêu trắng, mạch nhỏ, người thì gầy. Hiện tượng mạch vẫn thuộc tâm dương hư suy, thủy trọc thượng nghịch. Vì vậy cách chữa là ôn tì hòa vị, ôn thông tâm dương, tiêu đờm giáng nghịch.

Số được lập là 720.40 (bắt đầu là cho ôn trong tâm dương, hiệu quả không tốt nên mới sửa thành 720.40). Trước tiên là làm ấm dương của hậu thiên, tiếp tục thông tâm dương, kiêm sơ lý khí cơ, hóa đờm giáng nghịch. Lại thêm do có hiện tượng dương cương, nên dặn là vào giờ Ngọ giờ dần của mùa xuân thì ít niệm để đề phòng trợ hỏa. Qua niệm trên nửa năm, bệnh lui dần, khỏe ra, tinh lực tăng gấp bội (xem tự thuật 44).

Giải thích: **720.40**

7 là quẻ cấn, là núi, là ngừng, lấy 7 có ý là giảm tim đập thất thường, mà 7 là chủ vị, chủ dương minh thổ, tuyên chấn dương của tỳ vị, vì thế dương khí hậu thiên được phán chấn tâm dương tỳ thông. 2 là chủ khí, không những ích dương của tỳ vị, mà còn tả trợ an thần, tâm khí giáng nghịch. 4 là sơ đạo khí cơ, giáng trợ tỳ phong. Hiệp lực cứu chữa khỏi bệnh.

Thí dụ 45: Bác Lãng 51 tuổi, người nhà đội địa chất.

Một lần bà mang thai, không may bị ngã, sút môi gãy răng: máu chảy đầm đìa, được đi cấp cứu. Môi bà bị sưng đau, hai răng cửa muốn rơi ra không thể ăn được, suốt đêm mất ngủ. Sáng sớm hôm sau vết sưng ở môi càng to, càng đau không giảm nên đã đến khám. Sau khi kiểm tra cho bà niệm ngay 2000.650 để hoạt huyết trừ ú, tiêu sưng trị đau. Niệm chừng trên 10 phút, cục bộ có cảm giác như có rất nhiều con kiến đang bò: cảm thấy rất thoải mái và dần dần đã giảm hết đau. Sáng sớm hôm sau thì vết môi sưng cơ bản đã tiêu tan, đồng thời thấy có da bị tróc. Cho đến ngày thứ 7 thì răng đã chắc lại mà chẳng cần uống thuốc.

Giải thích: 2000.650

2 là quẻ đoài là mồm. Lấy 2 để đi thẳng vào chỗ đau, tiến hành hoạt huyết hóa ú, tiêu sưng. Ba

số 0 là có chức năng làm mạnh lên. 6 là chủ thận, thận là chủ cốt mà răng là cốt, nên lấy 5 để bổ thận khí vực nó dậy, nên 650 để làm chắc răng.

Thí dụ 46: Bác Hình 40 tuổi, là nông dân

Lưng bị đau trên 1 năm, đến bệnh viện kiểm tra thì chất vôi xương tăng sinh, qua chữa thuốc mà không có hiệu quả nên phải đi xe hàng mấy chục km đến khám. Sau khi cho niệm số 60, ngay lúc đó thấy đỡ. Đến khám lại sửa thành số 1000.60 để thông mạch đốc, chấn thận khí. Qua niệm lần này càng thấy hiệu quả hơn. Để củng cố hiệu quả chữa bệnh phối hợp châm cứu. Sau này không thấy đến khám, nghe nói lưng đau không còn tái phát nữa (xem tự thuật 46).

Giải thích: **1000.60**

6 là quả khảm, chủ thận, thận là phủ của sườn, nên lấy 60 để thông thận khí hoạt lạc sơ kết. 1 là quả càn, càn là dương, mạch đốc thống nhiếp dương, lại còn chạy chính vào giữa sống lưng, cho nên 1000 là thông mạch đốc, chấn dương khí, ôn thông phủ sườn. Kết hợp cái trước, cái sau để thu hiệu quả càng tốt.

Thí dụ 47: Bà Liêm 62 tuổi, là nông dân.

Năm năm về trước do bị sỏi mật nên đã cắt mất túi mật. Tháng 7 năm 1998 đột nhiên khu

mặt đau lên hơn một tháng. nghe người giới thiệu đến khám, kiểm tra thấy lưỡi khô có rêu vàng mỏng, mạch huyền nhỏ. da mặt hồng... Thuộc bệnh Can uất khí trì thất vô điều đạt, kinh mạch bất thông, bất thông tắc thống, lại do uất mà hóa hỏa thương âm nên có hiện tượng âm hỏa bốc lên, chữa chủ yếu là sơ can lợi mật, thông lạc chỉ thống. Tượng số được lập là 40 niệm ngoài 10 phút, đau đã giảm nhiều, tiếp tục niệm 3 ngày về cơ bản thì khỏi hẳn. Đồng thời bệnh ho cũng đã giảm rõ rệt (xem tự thuật 47).

Giải thích: 40

4 là chủ can, can là chủ sơ tiết và tàng huyết, can khí điều đạt thì đau tự mất đi. Về cơ lý liệu pháp tượng số lại là điều trị cục bộ, điều chỉnh cơ thể làm cho âm dương cân bằng. Vì thế bệnh viêm khí quản mạn tính cũng đỡ nhiều.

Thí dụ 48: Cô Cao 20 tuổi.

Mắt cá bên phải bị căng và sưng đau có tới trên 10 năm, đi đường là cà nhắc. Mỗi khi phải lao động thì rất đau. Tuy chữa nhiều nơi nhưng không đỡ. Đến tháng 2/1993 cô đến khám. Qua 10 lần điều trị về cơ bản là đã chữa khỏi. Lập số là 4000. 820. Dặn về nhà thường xuyên niệm cho đến khỏi bệnh. Nhưng đến tháng 8 năm đó lại đến khám và

nói "cứ mỗi lần đi thấy căng đau". Căn cứ vào thời tiết đã sửa số trên thành 4000. 370. Ngay hôm đó niệm thì đã thấy bệnh giảm. sau đó có củng cố chữa thêm 4 lần có phối hợp với châm cứu (xem tự thuật 48).

Phạm khi dùng liệu pháp tượng số phối hợp với châm cứu, trước tiên phải niệm số thấy có hiệu quả rồi mới phối hợp liệu pháp châm cứu. Làm như vậy dễ dễ quan sát xem liệu pháp Tượng số có bị sai sót không.

Phương pháp phối hợp 2 nhóm trên chủ yếu là sơ giải khí cơ cục bộ, kiện tỳ trừ thấp, 2 lần chữa lại ở 2 mùa khác nhau, nên không thể giữ nguyên bài chữa.

Giải thích: **4000.820**

4 là quả chấn là chân, dùng 4 để sơ giải khí cơ cục bộ, 8 là khôn thổ chủ tỳ, chủ cơ bắp, dùng để kiện tỳ trừ thấp, ôn dưỡng cơ bắp. Mà tháng 2 (âm lịch) là chủ xuân mộc, mộc khắc thổ, tỳ khí kém nhất, phải chấn phấn tỳ dương, 2 là đoàn kim chủ phế, điều khiển khí của toàn thân dùng để trợ tỳ ích khí.

4000.370

Lần thứ hai đến khám đúng vào mùa thu là kim khắc mộc cho nên bỏ 2. Về mùa thu khí của can mộc là yếu nhất thổ khí cũng bất chấn; nên lấy

4000 để chấn an mộc. Chạy thẳng vào để sơ giải cục bộ. Lấy 7, một là chấn phân dương minh vì kinh vốn đa khí đa huyết, lợi cho hành khí hoạt huyết trừ thấp. Hai là tiêu tán trệ ứ cục bộ, vì kinh vị qua cục bộ. 370 là hỏa sinh thổ có thể trợ lực cho tim. Số 7 số 8 đều thuộc thổ nhưng dùng có khác nhau.

Thí dụ 49: Bà Trọng 48 tuổi, là nông dân.

Tháng 9 năm 1992 do đau thần kinh tọa đến khám, sau khi cho lập số có phối hợp với châm cứu, trên 10 lần và khỏi. Đến tháng 7 năm 1993, do lao động nên bệnh tái phát đến khám lại. Cho lập đến mấy nhóm số 1000.80; 70.40; 70.20: 70. v.v... Phối hợp với châm cứu chữa 7 - 8 lần là khỏi. Cách chữa trên là ôn thông mạch đốc, tán hàn trừ thấp (xem tự thuật 49).

Giải thích: 70

1000.80 là thông mạch đốc kiện tỳ trừ thấp. 7 là quẻ cấn, là núi, là hông, lấy núi là 7, 7 lại là chủ dương minh vốn để ôn giải cục bộ, tán hàn thông lạc. 40 là sơ đạo khí ngưng trệ. 2 là tuyên tán hàn tà cục bộ.

Hai lần đến xem bệnh đều vào mùa thu, tháng thu thuộc kim, thổ sinh kim, thổ khí dễ thương, thổ hư thì tà của hàn thấp dễ xâm nhập vào kinh lạc cục bộ gây tắc nghẽn mà sinh bệnh. Vì thế lấy số 70 là chủ phương có gia giảm để đạt hiệu quả.

Thí dụ 50: Bác Vương 35 tuổi.

Hai bên vai phía lưng bị đau đã trên nửa năm, tuy đã tiến hành xoa bóp, ấn huyết nhưng vẫn không khỏi nên đến khám. Thể chất thì còn tốt, hoạt động cổ có hạn chế, nên chủ yếu chữa tản hàn trừ thấp. Có nhắc là về nhà niệm số 5000 phối hợp với tiêm; lần thứ hai thì sửa thành 40.70 cũng phối hợp với tiêm nhưng cả hai lần không tốt lắm. Hỏi ra mới biết về nhà không niệm. Sau này yêu cầu phải niệm thật sự thì bắt đầu có hiệu quả. Sau lại sửa thành 50.70 qua 6 lần chữa thì đã khỏi (xem tự thuật 50).

Giải thích: 50.70.5

Là quả tổn, là gió là dương mộc để sơ phong tản hàn. 7 là quả cần là khớp, là lưng lấy để đi thẳng vào khu bệnh sơ thông cục bộ; 7 lại là chủ dương minh vị, chấn thổ dương, trừ hàn thấp, 40 là sơ đạo khí cơ.

Thí dụ 51: Cháu Tùng 13 tuổi, người nhà ở xương giấy da.

Hai đùi cháu nhức đau tới 10 ngày, nhất là về đêm dù nằm ở tư thế nào đều thấy khó chịu. Lập số cho cháu là 650.30.80 để khử tà hàn thấp, niệm hơn một ngày thì đã trừ được bệnh. Bắt đầu niệm 650.380 và 60.50.380 gây nên tê chân đều cảm thấy khó chịu nên đã bỏ không dùng. Sau sửa

thành 650.30.80 thì khởi (xem tự thuật 51).

Giải thích: **650.30.80**

650 thận dương để ôn thông kinh của nó. 5 là quả tởn là đùi, là phong, dùng 5 để sơ phong khu vực đau. 3 là quả ly, là tâm, là huyết mạch; lấy 30, một là để thông huyết mạch, hai là để ôn tỳ trừ thấp. Bắt đầu niệm 650.380 hoặc 60.50.380 đều làm cho chân tê khó chịu; vì bổ tỳ quá nhiều nên khí trì không thông thoát. Còn 650.30.80 thì thông bổ có mức độ, mà thông là không đau.

Thí dụ 52: Bà Thời 50 tuổi, nhân viên của viện.

20 năm trước bà đã bị bệnh vi trùng que, có ngày đã đau toàn thân, dần dần mắc bệnh huyết áp thấp, thân nhiệt thấp, viêm túi mật, viêm quanh vai. Rất khổ sở với nhiều bệnh và rất gầy yếu.

Tháng 4/1993 cánh mũi phía trái gần chỗ huyết tứ bạch có nổi lên một cục, lỗ mũi thì khô nóng, ngày càng đau, dưới cằm thì nổi hạch, toàn thân bị ê ẩm, đùi trái căng tê đi lại khó khăn, quanh mặt thâm tím, môi trên cũng thâm tím và bị tê không còn linh hoạt nữa, trong lòng cảm thấy rất khó chịu mệt mỏi, đại tiểu tiện không thông, tự thấy toàn thân cứng như tấm gỗ, và có ý nghĩ là bệnh nan y không thể chữa khỏi, bà còn rất sợ chấn động của xe, không muốn đến khám tại bệnh viện. Gần đây nghe nói lại bị ghẻ rất đau. Khi được

nhìn thấy. liền ghi cho một số đề niệm là 720.4000. dặn bà hãy niệm số đó, rồi lại tiếp tục đi ra để khám bệnh cho bệnh nhân. Khi bà niệm thấy lỗ mũi có hơi nóng toát ra, vai cũng có khí thoát ra. Sau đó về nhà tiếp tục niệm thấy tai cũng có tiếng kêu xì xì, khi thôi niệm thì cũng hết xì. Khi được khám lại và được kiểm tra tử mỷ thấy phát hoảng, không phải là ghẻ mà là một cái nhọt độc, độc khí quá lớn. Rồi cho sửa số niệm là 820.160.430 để thanh nhiệt nhổ độc. Khi bắt đầu niệm thì trong mồm cũng đùn ra những bọt trắng đến gần nửa tiếng rồi mới hết. Trong lòng cảm thấy nhẹ nhõm đi nhiều. Sau khi về nhà mấy ngày chỉ cần bắt đầu niệm là nước bọt trắng lại đùn ra và còn đau bụng đi ngoài, sau không niệm nữa thì vẫn xuất hiện theo chu kỳ là đùn nước bọt trắng và đi đại tiện lỏng; đồng thời toàn thân cảm thấy nhiều chỗ tà khí toát ra, nhất là thượng tiêu. Tiếp tục như vậy khắp người lên những nốt cái đỏ cái trắng, khi thì ngứa, khi thì cộm lên. Rồi đến một ngày từ mồm mũi nhổ ra được một vật như củ cải, sau đó toàn thân thấy nhẹ nhõm, chỉ còn thấy mệt và ảm. Qua kiểm tra thì khí độc cơ bản đã thoát hết. Sau đó sửa số là 650.30.820. Sau khi niệm vài chục phút cảm thấy toàn thân nóng lên, dần cảm thấy thích ăn, tinh thần chuyển biến tốt rồi dần khỏi bệnh và những bệnh đi theo cũng dần hết luôn. (xem tự thuật 52).

Giải thích: 820.160.430

8 là khôn thổ, là bụng; 2 là đoàn kim, chủ phế, chủ khí, đều có tác dụng làm thông khí cơ của bụng; mà thổ sinh kim, có thể bài tiết uất trệ của bụng, thông lợi đại tiện, thải ra tà độc. 1 là đại tràng, là đầu, thuộc kim; 6 là khảm thuộc thủy, nên 160 là kim sinh thủy. Có thể thanh tả đại tràng, đứng "đầu" là thoát tà độc; mà 6 là thận, chủ thủy, thanh nhiệt, 4 là quẻ chấn chủ can, can tàng huyết, chủ sơ tiết, trục độc; 430 là can mộc sinh ly hỏa, thanh tả nhiệt của huyết uất còn bổ ích tâm khí, sơ đạo huyết mạch, lợi toát độc.

650.30.820

650 là ích thận trợ dương; 30 là thông tâm khí, ích tâm dương; 8 là khôn thổ, là bụng; 2 là đoàn kim, chủ phế, phế chủ túc giáng, thông điều thủy đạo, còn 820 là thông điều tiểu đại tiện. Cho nên 650.30.820 là điều hòa tạng phủ, khử tà dư, để lợi cho sau này. Những dạng như phun nước bọt tiêu chảy, mẫn ngứa thoát khí nói như trên, đều là hiện tượng thải độc. Đối với 720.4000 là số đặt nhầm cho là bị ghê, nên đã bỏ không dùng đến nữa.

Thí dụ 53: Anh Tương 36 tuổi, công nhân dệt kim.

Sườn phải của anh đã đau đến một năm, ngày càng tăng, có khi có trận đau kịch liệt, bụng dưới có lúc khó chịu, tiểu tiện ít và không thông, tiểu

nhiều lần. Chẩn đoán là sỏi thận. Cách chữa là vực chính trừ tà, điều thông, khí cơ, phá sỏi lợi tiểu. Mới đầu cho niệ¹m 070, niệ¹m mấy ngày đau đã giảm. Lần thứ hai sửa thành 40.70. Niệ¹m những số này đã thải ra những hạt sỏi dạng bột, sang ngày thứ hai lại ra hạt sỏi to hơn, hai lần được chừng 05 g. Đau đã được giảm nhiều. Sau đó lại sửa thành 40.720, sau khi niệ¹m thì cơ bản đã thấy hết đau. Khi thấy tạm ổn thì ngừng điều trị. Một năm sau đến thăm lại thấy bệnh đã ổn định (xem tự thuật 53).

Giải thích: 40.70

7 là quẻ cấn là núi, là đá; 4 là quẻ chân thuộc mộc. 40.70 là mộc khắc thổ, lợi cho việc phá sỏi. 7 lại là dương thổ, chấn khí của hậu thiên, vực chính trừ tà. 4 là chủ can điều đạt khí cơ, lợi cho việc thoát sỏi. 2 là chủ phế, chủ tiêu giáng, thông điều thủy đạo. Cho nên 40.720 ngoài việc phá sỏi thoát sỏi ra, lợi khí cơ, thông điều, thủy đạo, mà sống lưng là tượng cấn nên 070 là điều thông khí cơ của phần lưng, làm giảm đau, trước và sau số 7 thêm số 0 là không nóng không lạnh, điều đạt khí cơ làm giảm đau, như vậy có ý là "cấp chi trị kỳ tiêu".

Thi dụ 54: Anh Lý 31 tuổi, là kỹ sư thủy lợi.

Anh đã đau dạ dày trên 10 năm, 2 - 3 năm lại đây bệnh nặng ra, dạ dày hay đau, anh đã uống

rất nhiều thuốc dạ dày đều không đỡ. Một lần anh đến khám bệnh, xin được điều trị bằng tượng số. Bên được lập 3 nhóm số dựa là sẽ chọn một nhóm thích hợp để niệm. Cũng rất đúng lúc, chiều ngày hôm sau lên cơn đau dạ dày anh chọn số 70.40 để niệm, thấy dạ dày hết đau. Cứ như vậy sau 3 tháng hồi lại bệnh tình của anh, anh trả lời "niệm 70.40, dạ dày từ đó không thấy đau nữa, cảm giác dễ chịu". Đây là nhóm số gọi là ôn vị tán hàn thư can (xem tự thuật 54).

Giải thích: 70.40

7 là quả坎, chủ vị đi thẳng vào chỗ bệnh, dạ dày là dương minh tinh thuộc dương, vì vậy lấy 7 để tuyên trực hàn tà để chấn vị khí; 4 là sơ can lý khí và dạ dày. 70.40 là hòa vị sơ can, tả hàn ôn thông.

Thí dụ 55: Chị Biên 41 tuổi, là nông dân.

Chị mắc chứng thèm ngủ đến gần 10 năm, ngày càng tăng, thường thấy người mệt mỏi, lưng trĩu xuống, lòng bàn tay dễ ra mồ hôi. Qua nhiều nơi chữa mà không khỏi, lúc nhẹ, lúc nặng. Kiểm tra thấy mặt vàng, lưỡi hơi viêm, mạch hư yếu v.v. đó là chứng tâm tỳ lưỡng hư: bệnh đã lâu tổn hại đến tạng cho nên chữa bằng cách bổ thận kiện tỳ, ôn thông tâm dương, bình điều âm dương. Số được lập là 650.3820. Qua niệm thì cảm thấy người thoải mái dễ chịu và chỉ niệm số đó trong mấy

ngày thì đã thấy bệnh tình chuyên biến rất nhanh. Sau một tháng đến thăm thì được biết bệnh không tái phát. Đúng là 10 năm bệnh ngoan cố mà chỉ vài ngày đã khỏi, sinh khí tràn trề (xem tự thuật 55).

Giải thích: 650.3820

650 là bổ ích Can thận, ôn chấn thận dương, thận dương thông đạt giả kinh; 3820 là ôn thông tâm dương, kiện tỳ ích khí, khí huyết lưu thông, lục phủ ngũ tạng cân bằng âm dương tất cả đều sẽ mất đi. Thí dụ này tuy chủ yếu là tâm tỳ lưỡng hư, nhưng do bệnh lâu ngày làm tổn hại đến tạng. Lập phương án này là có đầy đủ ngũ hành, có phân biệt chủ thứ, giúp cho sinh khắc hữu hóa để cùng chấn "thiên nhân hợp nhất".

Thí dụ 56 : Bà Trương 46 tuổi, dân thành phố.

Bà mắc một bệnh là: Vòm miệng và lưỡi luôn luôn bị co lại, hàm răng luôn bị khí lạnh xâm nhập, khí lạnh vào đầy miệng, dạ dày đầy hơi và lạnh dạ dày, tứ chi chỉ hơi ấm... Bà đã bị bệnh hai năm và không sợ tốn tiền bạc để chữa trị mà vẫn không khỏi. Bà đã thấy chán nản buồn rầu. Kiểm tra thấy mặt vàng, lưỡi viêm có rêu, mạch trầm hư, giữa rốn như có một cục bằng nắm tay, nếu chườm nóng là tan. Bệnh thuộc tỳ vị hư hàn, hàn ngưng vị nguyên, tuần kinh chạy lên vòm miệng. Cách chữa là phấn chấn thận dương, ôn trung trực hàn.

Lập số là 30.820.650, niệm mấy ngày đã thấy có hiệu quả, tinh thần người bệnh đã phần chẵn. Chỉ còn một ít hơi lạnh xâm nhập vào hàm răng, nhưng tiếp tục niệm như trên thì vẫn thấy không hết, nên đã sửa thành 650.380.720, khi niệm số này thì hàn khí đã hết, đồng thời phối hợp với tiêm (xem tự thuật 56).

Giải thích: 30.820.650

3 là chủ tim, tim là chủ huyết mạch, 30 là ôn thông dương, thúc đẩy khí huyết thông đạt. 820 là kiện tỳ ích khí; 650 là chấn thận dương. Phấn chấn thiên thiên, sinh hóa hậu thiên, khí huyết được thông đạt khắp thân, hàn tà tự rút.

650.380.720

Bài này là trên cơ sở ôn bổ tỳ thận, rồi trợ vị dương. Hiệu lực về ôn nhiệt của bài này là rất mạnh đủ thấy hàn tà ngưng trệ vị nguyên hơi nặng, nếu không có lực này thì không thể giải quyết được.

Thí dụ 57: Bác Lưu 56 tuổi, là nông dân

Bác Lưu đau lưng, đau lan xuống cả sườn đùi gần 3 năm nay, đã đến mấy bệnh viện, chẩn đoán là chất xương tăng sinh và mãi không khỏi. Đến cả bệnh viện chuyên khoa cũng bó tay và còn nói: "Cuộc sống sau này của bác khó có thể tự lo liệu lấy được" làm người bệnh phải suy nghĩ buồn

phiến, khô sở nhiều hơn, cũng may có người giới thiệu đến khám. Lần thứ nhất niệm số 10.60; lần thứ hai sửa thành 1000.80, qua niệm mấy ngày đã bắt đầu thấy hiệu quả, có kết hợp với tiêm. Lần thứ ba chỉ niệm 1000 hiệu quả thấy càng tốt. Cuối cùng lại điều chỉnh thành 7000.40, hiệu quả càng nhanh hơn. Tiếp tục niệm một số ngày thì coi như đã khỏi (xem tự thuật 57).

Giải thích: 1000.80

10.60 là sơ chấn đốc, thận nhị kinh. Sửa lên 1000.90 là ôn chấn mạch đốc, thông điều cục bộ. 1 là mạch đốc, 8 là tản hàn; sau tăng thêm 80 như là để giữ lại sự thông đạt quá độ của sức ôn nhiệt, sau đó thì cắt 80 để làm cho lực ôn thông, 1000 vừa đủ và chuyên dùng một lực nên hiệu quả cao hơn.

7000.40

7 là quẻ cấn là sống lưng để thông đạt cục bộ, ba con số 0 là lấy làm lực ôn thông của 7.40 là chủ can sơ đạo khí cơ tà bệnh tự mất đi. Bài này chủ yếu có liên quan với sơ thông của nhóm số trên. Có một số bệnh nhân kinh lạc toàn thân bị tắc nghẽn lớn, nhóm số thường phải điều chỉnh nhiều lần mới dần sơ thông được để đạt kết quả. Bài này đầu tiên niệm mới đầu chưa thấy gì, phải qua niệm nhiều lần mới thấy thoải mái, tiếp tục vừa niệm vừa điều chỉnh.

Thí dụ 58: Có Kỳ 28 tuổi, là giáo viên.

Thần kinh xương hông bên trái của cô đã bị đau 6 - 7 năm. lúc nặng lúc nhẹ. mỗi lần mệt mỏi hoặc rét. âm thấp thì đau càng nặng. Lại hay phát bệnh vào mùa thu. đau liên tục. sinh hoạt rất khó khăn. Uống thuốc và tiêm nhiều ngày không đỡ. Kiểm tra chân tay vẫn nóng. màu lưỡi hơi tối. mạch hư v.v... đó là thuộc bệnh hàn tê. Cách chữa là ôn kinh tản hàn thông lạc trị thống, trừ thấp. Bắt đầu cho niệm 7000; 100.70 đều không hiệu quả. và sau đó cứ niệm, lại thấy đau hơn. Bà Lý suy nghĩ ít phút sửa thành 70. niệm trong 40 phút thì cái đau hầu như đã tiêu tan. Lúc đến thì đi từng bước khó khăn bây giờ thì đi thẳng về nhà (xem tự thuật 58).

Giải thích: 70

7 là quả Cấn. là núi, hông thì có hình trái núi cho nên lấy 7 để chữa chân trái, để thông lạc cho đùi trái. Còn 7000 là có sức trừ tà tương đối mạnh, vì bệnh lâu năm chính khí đã tổn thương cho nên phải dùng hơi mạnh một chút. 100.70 trong đó 2 con số 0 là thiên về âm nên hàn tê tăng thêm âm tất nhiên sẽ đau. Còn 70 thiên về ôn không lớn, trong hoạt lực của nó ở dạng trung, vì vậy để đạt đến ôn trung tản hàn thông lạc trị thống.

Thí dụ 59: Bà Tương 40 tuổi, giáo viên tiểu học.

Vào một buổi chiều ngày chủ nhật bà dùng dao

đề bóc vỏ cây do không cẩn thận đã chém vào đầu gối một nhát rất đau. Ngày hôm sau bà đến khám vết thương khoảng chừng nửa tác đồ tẩy rửa nước và chỉ mới sát trùng qua loa, bèn cho bà niệm số 70. Mới niệm 4 - 5 lần thì miệng vết thương nóng rực lên có cảm giác ê ẩm như là khép miệng lại, rồi dần dần cảm thấy thoải mái. Sau 3 ngày do không thấy gì nữa nên đã thôi không niệm. Nhưng không đến một ngày sau, miệng vết thương lại chảy nước và đau nhức từng trận dần không đi được nữa, lúc đó mới biết không phải là vết thương nông mà đã có thể vào đến tận xương. Do vậy lại tiếp tục niệm 70, đau lại giảm. Sau đó cách một ngày đến khám thì sửa thành 7000, hiệu quả mạnh hơn, khi niệm cảm thấy khí nóng chạy quanh miệng vết thương cảm thấy rất là thoải mái, tiếp tục niệm hai ngày nữa thì thôi. Nhưng mới chưa được nửa ngày vết thương lại khó chịu không duỗi được cẳng chân, sau đó lại niệm luôn mấy ngày thì khỏi hẳn (xem tự thuật 59).

Giải thích: 70

7 là quẻ坎, là lỗi, là khớp, đầu gối giống tượng坎, có thể thông lạc cục bộ, hoạt huyết hành khí làm vết thương mau liền miệng. Lực của 7000 thì lớn hơn 70 nhưng chúng cũng giống nhau một điểm; thân người cũng là thân của bát quái

ngũ hành vi dụng, bệnh của con người cũng tương ứng bát quái. Dùng liệu pháp tượng số tức là đã ứng dụng âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa hợp với quan điểm "thiên chân tương ứng".

Thí dụ 60: Cô Vương 23 tuổi, người nhà đội địa chất.

Có một lần 2 mắt của cô tây đỏ và đau rất khổ sở không chịu được, dùng thuốc một ngày không khỏi nên đến khám. Xem thấy lưỡi đỏ, mạch huyền, mặt đỏ, đó là Can thận hỏa thịnh, nhiệt tà theo đường kinh lên khoang mắt. Cách chữa là thanh nhiệt giáng hỏa. Bảo cô niệm 003, qua niệm 2 mắt thấy nhẹ. Sau khi về nhà tiếp tục niệm đến ngày thứ 2 thì khỏi hoàn toàn. Nhưng khi niệm con số này làm cho dạ dày rất khó chịu bèn bảo cô thôi đừng niệm 003 nữa, dạ dày cũng dần dần không còn đau nữa (xem tự thuật 60).

Giải thích: **003**

Mắt đau là can đả hỏa thịnh gây ra, "thực tắc tả chi", "ngã sinh tử vi tả", 3 là ly hỏa là mục; là con của chấn mộc, số 0 chấn thiên về âm, đau mắt này là tượng hỏa, 003 được lập là thủy khắc hỏa, tử hỏa tả, mẫu (can mộc) hỏa cũng có tác dụng truy đuổi cho đến cùng. Nhưng vì vị nguyên hư hàn cho nên bệnh hàn lại dùng mát thì càng gây khó chịu.

Thi dụ 61: Bà Vương 66 tuổi, công nhân về hưu.

Tháng 10 năm nay bà bị cao huyết áp, xơ cứng động mạch, đã có di chứng mạch máu não nhẹ, đục thủy tinh thể là những bệnh hiểm nghèo vây quanh bà, tuy đã chữa nhiều mà không khỏi khiến tâm tính bà xấu đi, dễ cáu gắt... Mới đầu đến chữa tượng số bà còn hoài nghi, bà chỉ muốn chữa bằng tiêm châm. Nhưng sau đó bà chủ động yêu cầu chữa theo tượng số, lập số cho bà là 260 để bổ thận ích khí, tư âm tiềm dương. Qua thử nghiệm thì không cảm thấy gì cả, bảo bà cứ tiếp tục niệm. Niệm một ngày thì bệnh tình đã chuyển biến. Qua ba tháng sau bệnh đã thấy chuyển biến rõ rệt, thể chất đã tốt lên, tinh lực dồi dào. Mỗi khi thấy khó chịu thì niệm vài lần lại yên ổn; mỗi khi thấy cáu giận thì cũng niệm một số lần là bình can (xem tự thuật 61).

Giải thích: 260

Bài này là quái kim 2 sinh khảm thủy 6 là để bổ thận ích khí. Can thận lại cùng nguồn, tức bổ thận thì ích Can, các hiện tượng do khí ô âm hư dương càng sẽ dần giảm đi.

260 ở đây có hiệu quả bổ thận ích khí, vì thế do khí hư âm ô dẫn đến cao huyết áp hoặc thấp huyết áp thì đều thu được kết quả vì cơ lý dẫn đến bệnh là giống nhau.

Thí dụ 62: Có Vương 27 tuổi, nông dân.

Cứ mỗi lần đến mùa thu gặt, do lao động mệt nhọc, cái đau lưng của cô dần dần chạy xuống đùi trái, đau mãi không khỏi, khó khăn trong sinh hoạt, được giới thiệu đến khám bệnh. Đầu tiên được chẩn đoán là đau thần kinh tọa, là thông tê. Vẫn là tà của hàn thấp xâm nhập vào lưng và đùi trái, cản trở mạch lạc bất thông tắc thông nên chữa theo tản hàn trừ thấp, thông lạc trị thống.

Bài niệm là 70.20. Khi bắt đầu niệm thì thấy có giảm. Lúc đó là trời sắp tối nên bảo cô về tiếp tục niệm. Ngay đêm đó thấy dễ chịu, sang ngày thứ ba trở thành bình thường, đồng thời có phối hợp với châm cứu. Do bận mùa màng nên thôi không chữa nữa. Nhưng sau đó mấy ngày lại đến khám nói là lại đau. Qua hỏi mới biết do nghi ngờ liệu pháp tượng số nên ngừng niệm. Nên lại bảo cô tiếp tục về nhà niệm. Sau đó ngoài 20 ngày lại thấy cô đến khám, và nói rằng niệm thì thấy bên trái khỏi nhưng nó lại đau sang bên phải, cô tiếp tục niệm 70.20 thì thấy đùi trái đau không giảm. Vì thế bài niệm được sửa là 010.80, mới niệm hơn 10 phút thì đau đã giảm, tiếp tục niệm thì khỏi ngay trong ngày hôm đó (xem tự thuật 62).

Giải thích: 70.20

7 là quả cấn là núi, là chân trái, lấy 7 để đi

thẳng vào khu đầu, sơ đạo khí cơ, trực tà, 7 lại là dương minh vị, chấn dương thổ, trực hàm thấp: 2 là tuyên đạo khí cơ, thông tắc bất thông.

010.80

1 là quẻ hàn, là chân phải đi thẳng vào cục bộ, sơ đạo khí cơ, quẻ còn lại là gốc của dương, thông mạch đốc, ôn thông giả dương, 80 là ôn tỳ tản hàn tảo thấp.

Thí dụ 63: Cô Liên 22 tuổi, là học sinh.

Một lần nhảy dây, chẳng may cô bị trẹo lưng, uống thuốc mấy ngày không khỏi mới đến khám. Mới đầu cho niêm phân lưng thì thấy có nhẹ đi, sau sửa thành 6000, niêm trên 10 phút thì hết đau (xem tự thuật 63).

Giải thích **6000**

6 là thông thận, thận là phủ của lườn. Bệnh này không thuộc thể âm hư, 600 thông mà thiên về âm thì không hợp với bài này. 6000 là ôn thông kinh lạc trị thông.

Thí dụ 64: Cô Mỹ 21 tuổi, là học sinh.

Có một đêm, lưng đau không dứt cô không dám hoạt động, hô hấp khó khăn Ngày thứ hai vội đi bệnh viện cấp cứu, bó thuốc không thấy kết quả mới đến khám. Kiểm tra thấy cục bộ không có gì thay đổi. Trước hết cho niêm số 60, thấy đầu khó

chịu: sau sửa thành 6000 mới thấy dễ chịu, cơn đau giảm nhiều, muốn để chữa nhanh hơn thì phải niệm. 6000.20 chủ yếu là ôn thận thông lạc, nó thuộc về phần lưng bị ứ trệ hàn tà (xem tự thuật 64).

Giải thích: 6000.20

6 là chủ thận, thận là phủ của lườn, lấy 6 phần chấn thận khí, 2 là quẻ đoài, chủ phế, điều khiển khí cơ lấy để tuyên đạo khí cơ. Phối hợp 2 nguyên trước và sau (6000.20) là ôn thận thông lạc, tuyên đạo khí cơ, thông tắc bất thông. Lực ôn thông của 60 không đủ, ngược lại giúp cho tà khí đi lên đầu gây ra khó chịu. Hai thí dụ về đau lưng ở bên trên, đều dùng ôn thông phủ sườn, nên cùng lấy là 6000.

Thí dụ 65: Chị Trương 32 tuổi, công nhân dệt

Đùi trái của chị đã đau hai năm, đi bệnh viện khám thì cho là đau thần kinh tọa. Khi đau thì không đi lại được, sinh hoạt cá nhân cũng khó khăn, đã qua nhiều bệnh viện nhưng không chữa khỏi. Khi khám thấy mặt vàng, tinh thần mệt mỏi, mạch trầm và chậm, cạnh lưỡi có vết răng, thực chất là hàn tà xâm nhập gây nên bệnh. Cách chữa là ôn kinh tản hàn, sơ đạo khí cơ.

Bài niệm là 7000.20, trước tiên là niệm 7000, thấy cục bộ dễ chịu, sau đó sửa niệm thành 7000.20, niệm chừng 30 phút, thì hai chân đều không còn đau. Bảo vệ niệm thêm mấy ngày để

thông kinh lạc, trục hàn dưới tà. Sau đó đến thăm thì đã khỏi (xem tự thuật 65).

Giải thích: **7000.20**

7 là quẻ cấn, là lỗi, là khớp, là chân trái, là chúng khí huyết không thông, lấy 7000 đi thẳng vào chỗ bệnh, ôn thông khí huyết; 2 là quái kim, 20 là sơ tán uất trệ cục bộ.

7000 còn là ôn thông khí huyết, bệnh lâu thì ứ nhiều, lực của nó không đủ nên không trục được tà, ngược lại tà sẽ chạy ngược lên đầu gây ra khó chịu.

Thí dụ 66: Bà Lý 51 tuổi, là nông dân.

Cách đây 7 - 8 năm, bà bị phong thấp toàn thân, lúc nhẹ lúc nặng, thể chất giảm dần, sau đó kể phát kinh nguyệt không đều, viêm loét cổ tử cung, viêm niệu đạo, dạ dày v.v... chữa nhiều mà không khỏi, bệnh càng nặng dần, 10 năm nay không thể tham gia lao động thể lực được nữa, rất khổ sở. Nó là loại bệnh ngoan cố đã làm tổn thương chính khí. Cách chữa là trục chính trừ tà và điều chỉnh dần.

Số được lập là 20.650.380, đây là bài cơ sở có thể gia giảm điều trị. Vì kinh lạc bị tắc nhiều nên mới đầu niệm vài lần cảm thấy khó chịu. Nhưng qua vài lần điều chỉnh lại thấy dễ chịu, muốn ăn uống, thể lực tăng dần đã trừ được bệnh trước đây chỉ thích nằm. Qua mấy tháng điều trị bệnh tình

đã giảm nhiều. Vì đúng vào mùa thu hoạch bận nên về nhà tiếp tục niệm. Sinh lực đã dồi dào hơn ít thấy mệt mỏi. Mỗi lần lao động mệt thì lại tưởng niệm vài lần là đỡ mệt; khi thấy trên người không thoải mái niệm vài lần thấy hết ngay. Trước đây chuyên phải ngủ trên giường bếp lò đắp chăn lông vũ mà vẫn thấy lạnh thấu xương, nhất là 3 - 4 giờ sáng toàn thân vừa lạnh, vừa đau, chỉ còn cách dậy hoạt động. Còn nay thì sáng sớm tinh sương không những chỉ ấm mà rất dễ chịu, dưới chân đã thấy ra mồ hôi, hiện tượng này tôi chưa từng thấy bao giờ (xem tự thuật 66).

Giải thích: **20.650.380**

2 là chủ phế chủ khí, khí hành huyết hành, 650 là ôn thận ích can, tư âm tể dương, giới về đốỉ âm tà. 380 là ôn tỳ, chấn tỳ dương, trợ tinh hóa. Tiên thiên tể hậu thiên, "chính khí nội tồn, tà bất khả can". Tà bệnh giảm dần.

Thí dụ 67: Anh Đào 30 tuổi, giảng viên của Viện.

Trong tháng 10 năm 1993, khi anh đi xe trên đường đột nhiên đau dạ dày, tức hơi, quay người không được, hô hấp như bị nghẹn, cái đau quá lạ rất khó chịu, buộc phải quay về đi khám. Kiểm tra thấy khí trệ ở bên ngực trái, bệnh này thuộc về loại khó cử động, can khí đã đọng tại sườn trái. Mà vì

can khí uất trệ, mộc uất thừa thổ, nên đau dạ dày. Lệnh cho niêm số 4000, nửa ngày sau là khỏi (xem tự thuật 67).

Giải thích: **4000**

4 là quẻ chấn, là sườn trái, là Can. Can chủ sơ tiết, cho nên 4000 là giải nhanh khí trệ ở sườn trái. Vì can khí sơ thì vị khí sẽ giảm, cho nên đau dạ dày cũng tự mất đi.

Thí dụ 68: Cô Kim 29 tuổi, là nông dân.

Từ mùa xuân năm 1992, cô bị đau một đốt sống lưng, mỗi lần lao động thì càng đau. Đã qua kiểm tra tại mấy bệnh viện đều không giải quyết được gì. Bệnh tình ngày càng nặng thêm, và dần dần không làm được việc nhà nữa, cứ động làm là đau ghê gớm buộc phải nghỉ, chữa nhiều nơi không khỏi, trong lòng cảm thấy nóng ruột. Nơi đau là đốt sống số 10 ở sau ngực, nó không đỏ cũng không sưng, chân tay thì vẫn ấm, sắc mặt hơi tái, lưỡi hơi thâm, mạch trầm. Nó thuộc bệnh hàn tà ngưng trì cục bộ. Nên chữa là ôn thận thông lạc. Mới đầu cho niêm 160 phối hợp với tiêm chính. Sau sửa thành số 60. Thấy cục bộ đã nhẹ đi và thoải mái. Niêm trong một ngày, và 3 lần điều trị thì bệnh đã hết (xem tự thuật 68).

Giải thích: **80**

60 là bố quá dư, thông bất cập, là dễ sơ bộ chấn mạch độc, ôn thận dương, 60 là thông thận khí, ôn thận bổ dương, phối hợp 2 cái hợp lực bố dương thông lạc, đuổi hàn tà nhanh.

Thí dụ 69: Bà Vương 70 tuổi, là nông dân.

Bà bị viêm mũi đã hơn 30 năm, mỗi lần lao động hoặc cảm cúm, không dám sờ tới chỗ đau, cảm thấy ngáy ngát đau đầu; đặc biệt gần đây có khó khăn về kinh tế, không được chữa trị nên bệnh càng nặng thêm. Một hôm người hàng xóm đưa bà đi khám, cho niệm số 70; 720; 60. Qua niệm thấy có hiệu quả, nhất là 60 càng hiệu quả. Khi mới đến khám thì không dám sờ đến chỗ đau, qua niệm trên dưới 30 phút thì cái đau đã tiêu tán. Sau này bà tiếp tục niệm để củng cố và tăng cường thể chất ngay cả đến bệnh hoa mắt của người già, không cần uống thuốc cũng thấy khỏi (xem tự thuật 69).

Giải thích: 720

7 là thông dương minh kinh, nó chạy lên mũi và chạy vào trong mắt và hội giao với kinh bàng quang. Lấy 7 là tuần kinh thủ huyết; 2 là chủ phế, mũi là quyết của phế, cho nên lấy 2 để tuyên thông phế khí. Cho nên 70; 720 đều đạt hiệu quả.

60

6 là quả khảm, chủ thận, ôn thông thận dương.

Thận là phủ cửa sườn, mạch đốc thì đi theo sống lưng, nên thận dương là ôn chân mạch đốc cho tới chỗ đau, vì thế 60 đã gây hiệu quả. Mà 60 còn có tác dụng bổ thận sáng mắt.

Thí dụ 70: Cô Hà 26 tuổi, là công nhân lắp ráp ô tô

Sau khi sinh nở được nửa năm, cô mắc bệnh tim đập thất thường, ngày có đến mấy trận. Mỗi khi lao động hoặc lúc đói, căng thẳng, tim lại bắt đầu đập liên hồi, toàn thân mệt mỏi, tinh thần bất ổn, thấy đói không chịu được v.v... cô rơi vào tình trạng mất tinh thần, ngáy ngồ, gày còm khổ sở. Khám thấy mắt tái nhợt, lưỡi hơi bị viêm, có rêu, mạch hư nhỏ. Thuộc bệnh hậu sản thiếu được bồi dưỡng, tổn tý thận, tâm dương bất tuyên. Nên cho chữa theo bồi bản cố nguyên, ôn thông tâm dương.

Cho niệm số 40.30.70. Niệm chừng vài chục phút, tim đập đã ổn định hơn, người thấy dễ chịu, niệm vài ngày sau là khỏi (xem tự thuật 70).

Giải thích: 40.30.70

4 là chủ can, can tàng huyết, chủ sơ tiết, can mộc sinh tâm hỏa, ích tâm huyết; 30 là phấn chấn cơ tim để thông tâm dương; 70 là phấn chấn dương thổ, để bồi thổ cố nguyên.

Thí dụ 71: Bà Trương 53 tuổi, là nhân viên khí tượng.

Từ mùa thu năm 1992 trở lại đây hai khớp gối

của bà bị đau, đã đi chữa nhưng bệnh càng nặng thêm. Tuy đường sá xa xôi nhưng vẫn cố đến khám bệnh. Điều trị bằng một mã tượng số phối hợp với nhĩ áp liên tục chữa trên 3 tháng, bệnh tình dần chuyển biến tốt, không những thế tóc bạc còn đen trở lại, da dẻ cũng mịn màng, các móng chân móng tay mềm ra, sinh khí tăng dần. Nay cơ bản đã khỏi, còn niệm để củng cố tăng cường sức khỏe. Cơ sở tưởng niệm là 720.650.380.

Giải thích: 720.650.380

7 là quẻ cấn, là núi, là khớp nên lấy 7 để tác động thẳng đến chỗ đau, 2 là sơ giải cục bộ, 720 đặt ở đầu nhóm để tác động vào 2 khớp gối, 650 là chấn thận dương, ôn thông giả kinh, 380 ôn tỳ, táo thấp. Cho nên ôn bổ dương của tỳ thận làm cho hàn thấp tự mất đi.

Nếu đặt số hợp lý, thì dù đặt mấy nguyên, đều có thể vận hóa ngũ hành vào chỗ đau khiến âm dương cân bằng.

Thí dụ 72: Anh Vương 26 tuổi, khảo sát địa chất.

Do hoàn cảnh công tác phần lớn anh ở những nơi nhiều âm tà. Mấy năm lại đây tà hàn thấp đã xâm nhập vào người, có khi gây nên đau. Mấy lần đau đành phải nằm nghỉ ngơi, ban đêm ngủ không yên giấc. Ngày hôm sau anh đến khám, cho niệm

20.600. niệm được mấy chục phút có cảm giác như kiến bò ở lưng, rất thoải mái, sau đó lưng đau khởi, ngay trong ngày đã khởi hẳn (xem tự thuật 72).

Giải thích: **20.600**

2 là đoàn kim, chủ phế, chủ khí, chủ túc giáng, đây tà xuống dưới, 6 là quẻ khảm, chủ thận phủ, phần chấn thận khí, trục tà thông lao. Bệnh nhân là ở thể âm hư, dễ bốc hỏa cho nên sau 6 thêm hai con số 0 để đề phòng riêng.

Thí dụ 73: Có Vương 32 tuổi, là giảng viên.

Mấy ngày vừa rồi cô bị váng đầu, chồng thì đi học tập ở nước ngoài, con cái không người trông nom, trong người cảm thấy nóng ruột, tự mình phải lo ăn uống bồi dưỡng nhưng cũng không đâu vào đâu. Sau khi kiểm tra thấy huyết áp hơi thấp, người gầy yếu, dạ dày không tốt, mặt vàng, mạch hư. Đó là bệnh tý thận bất túc. Nên chữa là bổ ích tý thận và cho niệm 260, dần cảm thấy thoải mái, niệm mấy ngày là khởi hẳn (xem tự thuật 73).

Giải thích: **260**

2 là đoàn kim, chủ khí, 6 là khảm thủy, chủ thận, 260 là kim sinh thủy, bổ thận ích khí. Tiên thiên được bổ, tề dưỡng hậu thiên, bệnh váng đầu tự hết.

Thí dụ 74: Bác Triệu 45 tuổi, người nông thôn.

Tháng 11 năm 1993 dẫn vợ đến khám. Bác sĩ viết số mật mã cho vợ. khi vợ đang niệm, bác tự nhiên rất vui sướng nói: "Ngực trái của tôi đau đã trên nửa tháng nay vừa nhìn thấy số mật mã 380 trong tay vợ tôi thì ngực tôi đã hết đau rồi" (xem tự thuật 74).

Giải thích: **380**

380 có tác dụng kiện tỳ. Hàn trệ ở ngực trái, đặc ôn, tác sơ, đau đã tiêu tán. Hiệu lực của 380 ôn trung là rất mạnh, nó chấn mạnh hậu thiên, lực trực hàn tà; nên đã khỏi nhanh tuy nhiên cũng hiếm thấy.

Thí dụ 75: Em Cao 17 tuổi, là học sinh.

Tháng 10 năm 1993 ở mắt trái của em lên một nốt bọc, sưng cả một bên mặt, đau giật, ảnh hưởng đến học tập nên đến khám. Bà đã cho thay 3 lần uống thuốc, đồng thời cho uống thuốc giải độc vẫn không khỏi mà có chiều hướng nặng thêm. Khi đó bà cho niệm số 2000, niệm được vài chục phút đã cảm thấy nhẹ nhàng. Đợi đến cuối ngày thay thuốc thì thấy một cục mủ to bằng hạt đỗ thoát ra tự nhiên từ cái nốt, mặt đã hết sưng và nốt thì bình phục (xem tự thuật 75).

Giải thích: **2000**

2 là quái kim, chủ phế, phế chủ tuyên phát, ngoại hợp bì mao, làm chấn lệ khí, sơ thông lạc mạch cục bộ, trực tà ra ngoài. Mà tý thổ chủ cơ bắp, quái kim 2 là con của tý thổ, lực của 2000 là lớn có thể thải các tà độc của da thoát ra ngoài nên mau khỏi.

Thí dụ 76: Bà Nhiếp 44 tuổi, người trạm máy kéo.

Hai khớp gối của bà đã sưng trên nửa năm đi lại rất khó khăn, chữa nhiều nơi không khỏi tới mức gần đây không còn làm được gì nữa. Trong lòng rất khổ sở; qua giới thiệu đã dùng xe đẩy đến khám thử. Kiểm tra thấy khớp gối sưng to, màu sắc không có gì khác lạ, chỉ thấy đau đớn vô cùng, không dám sờ vào chỗ đau. Mặt thì vàng, tinh thần bạc nhược, sợ lạnh, tứ chi lạnh, lưỡi viêm, mạch trầm hư v.v... Chẩn đoán là tê thấp nên chữa bằng ôn thận thông dương, kiện tỳ táo thấp.

Điều trị bằng số 650 phối hợp với khiêu trị (châm thích). Sau 3 lần chữa đã thấy có biến chuyển, tinh thần đã phấn khởi. Sau đó càng chữa càng tốt lên, đã lo liệu được việc nhà, tự mình đến khám. Sau sửa lại số niệm là 1000.7000 thì hiệu quả càng tốt, qua một số ngày thì khỏi hẳn (xem tự thuật 76).

Giải thích: **650**

650 là ôn bổ thận dương, 6 là quả khảm chủ

thận. thông thận khí. 5 là dương mộc mà Can thận cùng nguồn nên dùng để trợ ôn chấn thận dương, nên 650 là ôn thông giả kinh.

1000 .7000

1. là quả càn, càn là gốc của dương, thông mạch đốc, mạch đốc thông nhiếp giả dương, trừ âm tà. 7 là ôn chấn thổ dương, táo thấp tiêu sưng, hai đầu gối là tượng trưng của cấn, lấy 7 thông đạt cục bộ. Nên 1000.7000 là ôn dương hóa thấp.

Thí dụ 77: Bà Vương 64 tuổi, ở xưởng giấy da.

Bà đã bị bệnh mấy lần điều trị tượng số và châm cứu gần như đã khỏi. Nhưng sau có một hôm do ngã, bị thương, cổ và sườn trái không thể quay được rất khó chịu nên đến khám. Nhìn mặt bà tái mét, bộ dạng thì đau khổ, mới đầu cho niệm 820.50, cổ tuy có đỡ nhưng vẫn rất khó chịu nên thay bằng 820.40, thấy khí ôn nhiệt lập tức chạy quanh khắp người rất thoải mái và dần dần khỏi hẳn, ngay cả bệnh cũ cũng đỡ hẳn (xem tự thuật 77).

Giải thích: 820.40

8 là quả khôn, chủ tỳ, tỳ chủ cơ bắp lấy để giải cơ, giảm đau; 2 là quả đoài, chủ khí, là sườn phải, vai phải để tuyên thông cục bộ. 820 là thổ sinh kim để tà trị cho tỳ thổ cơ bắp. 4 là chủ can, can là chủ sơ tiết, cho nên 820.40 cùng sơ giải cục bộ hoạt

huyết chống đau. Người bệnh lại là thể âm hư, 5 thuộc dương mộc, thiên về dương có khuynh hướng tổn thương âm, vì thế 820.50 cảm thấy khó chịu.

Thí dụ 78: Anh Cách 30 tuổi, là giảng viên.

Đau dạ dày trên 3 năm, tuy đã chữa nhưng không khỏi. Có một lần vừa đau dạ dày lại thêm choáng váng hoa mắt, khó chịu, mặt đỏ v.v... Qua kiểm tra thấy huyết áp cao. Trong lòng thì buồn bực muốn dùng ngoại khí công để chữa, nhưng đi tìm thầy hai ngày không gặp. Đành đến đây khám. Kiểm tra thấy mặt đỏ miệng đắng, trong lòng thấy buồn phiền v.v... thực ra đó là hiện tượng can dương thượng cang. Cho đây là tỳ vị hư nhược và cho niệm số 70.40 để thư can hòa vị, thăng thanh giáng trọc. Qua niệm đến ngày thứ hai thì huyết áp bình thường. Tiếp tục niệm thì dạ dày cũng hết đau (xem tự thuật 78).

Giải thích: 70.40

7 là quẻ cấn, chủ vị chấn vận vị khí; 4 là chủ can, chủ sơ tiết. 70 40 là hợp lực để cùng vận hóa vị khí, thăng thanh giáng trọc làm bệnh tự bình ổn.

Thí dụ 79: Bà Tống 65 tuổi, ở Sở thủy lợi.

Bà đau một bên đầu đã nhiều năm, ngày càng nặng thêm, đến mùa hè năm nay thì rất nghiêm trọng, cảm thấy khó chịu, nhức đầu, căng mắt, đến

mức gân dây không tự lo liệu được sinh hoạt. uống nhiều thuốc vẫn không khỏi. Kiểm tra thấy lưỡi hơi đỏ, có rêu, mạch nhỏ... Đây là lao lực tích lũy nhiều năm, can thận ô hao, não tủy bất túc, hỏa chạy lên đầu mà gây nên bệnh. Nên chữa theo cách bồi bản cố nguyên. Cho số mật mã là 260, niệm trên 10 phút, thấy đầu thư giãn, thân người mát mẻ. Yêu cầu tiếp tục về nhà niệm, sau 20 ngày bệnh đã khỏi hẳn (xem tự thuật 79).

Giải thích: 260

6 là chủ thận mà Can thận đồng nguồn; 2 là chủ khí làm ích khí, tuyên đạo khí cơ. Cho nên 260 là bổ ích Can thận, thông đạt khí cơ. Can thận được bổ, thăng giáng có trật tự, nên bệnh đã bình thường.

Thí dụ 80: Bà Khúc 63 tuổi, người của Viện.

Ba năm trước bà bị tẹo mắt cá ngoài chân bên phải, di chứng là bệnh đau đùi, nhất là hông, mắt cá ngoài, mỗi khi bị lạnh, lao động mệt là lại tái phát. Hai tháng trước đây bà lại ngã bệnh bị thương bên đùi phải, rất đau, khó đi lại, đã nhiều lần đến các bệnh viện uống thuốc, tiêm đều không khỏi, ngày càng nặng thêm, không tự lo liệu được nữa. Đến khám thấy chỗ đau không đỏ không sưng, mặt vàng, sợ lạnh, chân tay lạnh, mạch trầm nhỏ, lưỡi tối có rêu. Đó là bệnh hàn thấp thừa hư

xâm nhập, trì trệ kinh lạc, lại thêm bị thương, nên khí huyết càng bị ứ đọng, bệnh cũ cộng bệnh mới càng gây đau đớn. Chữa theo ôn kinh tản hàn, hoạt huyết trừ ứ là chủ yếu.

Cho niêm số 720.60.430 là phối hợp với nhĩ áp (ấn huyết tai). Niêm được vài chục phút, đã cảm thấy nhẹ nhàng. Tiếp tục niêm trên 40 phút nữa là bà đã có thể đi chậm được rồi, đau cũng giảm. Qua 4 lần chữa trong tuần bà đã có thể làm được một số việc trong nhà (xem tự thuật 80).

Giải thích: 720.60.430

7 là khớp là lỗi, hông cũng lỗi, 7 còn chủ dương thổ; 2 là chủ chấn khí làm hoạt huyết hành khí. Cho nên 720 là ôn thông cục bộ, để tuyên tiết uất trì cục bộ, tản hàn trừ tà; 3 là chủ tâm, chủ huyết mạch để đẩy huyết hành tới mạch đạo, 430 là chấn mẫu sinh ly tử, là tử tả mẫu, để bài tiết các ứ đọng trong mắt cá chân. Nhất là 60 thông thận khí, kích động khí trong kinh, là nguồn của âm dương. Cho nên 720.60.430 là dùng để trị bệnh đó.

Thí dụ 81: Bác Phó 65 tuổi, là công nhân.

Bác bị đau sườn phải đã 5 ngày mới đến khám, đau dần nặng lên nhưng vẫn đi được, bị ho, thở khó và đau. Đó là thuộc bệnh khi cử động thì bất lợi, khí cơ bị tắc bị ứ trệ ở bên sườn phải.

Cách chữa chủ yếu là sơ thông khí trệ cục bộ.

Cho niệm nhóm số 430.820 niệm trên 10 phút thấy đỡ nhưng cũng chưa rõ ràng. Cho sửa thành 430.80 thì thấy đỡ rõ rệt. Niệm trong 2 ngày thì khỏi hẳn (xem tự thuật 81).

Giải thích: 430.80

4 là quả chấn, chủ can, chủ sơ tiết; có thể bài tiết các uất trệ của nó, mà sườn thì lại chạy theo đường can kinh. Cho nên 430 có thể sơ tiết khí uất trệ của sườn. 80 là thông khí uất bị trì trệ, được ôn thì dễ tán, cho nên 430.80 ôn thông khí trệ cục bộ, 2 tuy có thể tuyên đạo khí cơ mà còn có lực ích khí trệ thì tuyên sơ không được bổ. Cho nên 430.80 có ưu điểm hơn 430.820.

Thí dụ 82: Bà Trương 46 tuổi, là nông dân.

Bà đã bị viêm giác mạc trên một năm, mắt vừa đỏ vừa đau không mở được, đến cả các khoang mắt cũng đều đau nhức. Khi đau đứng ngồi không yên, khổ không chịu nổi. Kiểm tra thì lưỡi có rêu vàng, ít nước bọt, mạch huyền nhỏ, có khi thấy buồn bực, miệng đắng. Đó là chứng can thận âm ô, hư hỏa nội trì đã lên khoe mắt. Cách chữa là tư thủy hàm mộc, tịch hỏa minh mục.

Mã số lấy là 260.50 để tư âm thanh can trừ phiền. Qua niệm đã thấy có hiệu quả. Trên cơ sở mã số đó có gia giảm điều trị 5 lần thì thấy dần dần giảm đau. Tiếp tục sửa thành 2000 thì càng

thấy có hiệu quả rõ hơn. Tiếp tục niệm mấy ngày về cơ bản đã chữa khỏi. Nhưng sau đó lại đi đái đau không thông, đái nhiều và bụng đau như dao đâm. Lại sửa thành 2000.30 để thanh thấp nhiệt bàng quang, thanh tâm giáng hỏa. Niệm trong một ngày là khỏi, tiếp tục niệm một số ngày nữa, bệnh hầu như khỏi hẳn (xem tự thuật 82).

Giải thích: **260.50**

6 là thông thận tư âm. 260 đoàn kim sinh khảm thủy, lấy 2 để tả trợ thận khí; 50 là ích Can, thanh Can. Hợp lực của 2 nguyên trước và sau để cùng tư thủy hàm mộc có hiệu quả bình giáng can hỏa.

2000

2 là quả đoàn, chủ phế, thông điều thủy đạo, chủ túc giáng, lục giáng hỏa tà, 2000 thấy có hiệu quả rõ hơn. Nó cũng trên cơ sở của mã số 260.50 là ích thận thanh can.

2000.30

30 là ích tâm trừ phiền; 3 là quả ly chủ tâm; mà tâm với tiểu tràng cùng biểu lý với nhau. Mà 2 chủ phế, "phế là thượng nguồn của thủy", do phế khí túc giáng khiến cho thủy đạo thông điều mà chạy xuống bàng quang. Cho nên 2000.30 hiệp lực mà thanh nhiệt cho bàng quang, thanh tâm giáng hỏa.

Thí dụ 83: Bà Dương 60 tuổi, người thị trấn.

Bà đã vầng đầu đau đầu trên 2 năm, thường có cảm giác đầu như có cái gì lồi ra ngoài. Nếu xem sách thấy khó chịu ngay: toàn thân thì vô lực đi đường thì loạng choạng không thể một mình ra ngoài, cộng thêm với buồn bực mất ngủ, tắc mũi, tiêu hóa không tốt, 7 - 8 ngày mới đi đại tiện một lần. Tuy đã chữa nhiều nơi nhưng vẫn không giải thoát được cái khổ này. Khi kiểm tra mắt đỏ, nhất là lưỡng quyền. Có khi họng khô miệng đắng, môi khô tím đỏ, đầu lưỡi đỏ, mạch huyền nhỏ... Nó thuộc bệnh can thận âm hư, hư hỏa thượng ưu, làm tắc thanh quản. Là Can thận thì âm ô, tạng phủ mất đi bộ dưỡng khiến đại tiện khô, tắc mũi, tâm phiền mất ngủ v.v... Cách chữa là tư âm giáng hỏa. Do tà bệnh thâm phục (chui sâu), cộng với tinh thần bạc nhược, kinh lạc bị trì trệ quá lớn, nên cho niệm thủ không có kết quả, sau một thời gian suy nghĩ cho niệm số 0, và đặn mỗi lần niệm một vài lần thì thôi. Cứ như thế không đến một tuần thì đầu đã cảm thấy thoải mái, đỡ mất ngủ, đại tiện dần trở lại bình thường, cho thấy được chân khí kinh lạc. Cho nên sửa thành 60.50. Qua thời gian niệm thì không cần người giúp đỡ mà tự mình đến khám bệnh. Sau này sửa thành 002, không những đầu thoải mái mà chân tay thấy có sức lực, sắc mặt đã khá hơn. Sau khi niệm 430

thấy kết quả hơn, phần đầu có cảm giác có rất nhiều vật gì rơi xuống, cảm thấy nhẹ nhàng, đầu óc thoải mái, đã có thể xem được sách. Sau ngoài 20 ngày thì bệnh đã tiêu tan (xem tự thuật 83).

Giải thích: **60.50**

Nói chung là làm tăng hiệu lực mật mã tượng số. Nếu dùng đơn độc, thường chỉ giúp cho phần chấn sinh khí. Nhưng phải nhận rõ tính chất của số lẻ, (áp dụng biện chứng). 60.50 là bình bổ can thận.

002

2 là quẻ đoài, chủ phế, phế chủ khí, điều khiển khí cơ, chủ tiêu giáng, mà 00 là thiên về âm nếu hiệp lực thì có hiệu quả sinh tư âm giáng hỏa.

430

4 là chủ can, can tàng huyết, 430 là chấn mộc sinh lý hỏa, là tử mẫu, cho nên 430 là hoạt huyết thông lạc; mà 4 là âm mộc có hiệu quả tư âm giáng hỏa.

Thí dụ 84: Có Mạnh 30 tuổi, là công nhân.

Tối mùng 10-10-1993, đột nhiên cô bị đau họng không chịu nổi nhất là bên trái, hạch sưng to, nuốt khó khăn, khó cúi đầu. Ngày hôm sau đã đi hơn 100 cây số đến khám. Khi kiểm tra hai bên amidan thì thấy sưng đỏ, có rêu vàng, mạch hoạt và hơi nhanh. Nó thuộc bệnh phế vị uất nhiệt, theo đường

kinh đi lên làm sừng cổ họng. Cách chữa là thông tả uất nhiệt cục bộ, lợi yên, thanh độc.

Cho niệm mật mã 5000.20. Khi niệm chừng 5 phút thì cảm thấy nhẹ. Khoảng chừng 20 phút thì bệnh đã giảm kể cả bệnh nặng lưng cũng giảm. Sau khi về nhà tiếp tục niệm thì ngày thứ hai khỏi hẳn (xem tự thuật 84).

Giải thích: 5000.20

5 là quẻ đoài, là trực, cổ là thẳng. Thêm 3 con số 0 là làm mạch thêm lực thông tả, 2 là quẻ đoài, là phế là cổ họng, có thể thanh lợi cục bộ, để thanh phế. Mà 5 là chủ đảm, có thể hòa vị giáng nghịch tả hỏa; mà 5 là quẻ tốn, là phong, có thể chữa được bệnh ngay cổ và cứng cổ, 2 lại là điều khiển cứng cơ. Cho nên 5000.20 không những thanh lợi cổ họng mà còn sơ giải bệnh đau lưng.

Thí dụ 85: Bác Vương 53 tuổi, là nông dân.

Do vì dùi trái của bác căng và đau, khó chịu, đi đường khó khăn, đi khám bệnh viện thì được biết là bị viêm tĩnh mạch. Nếu nó ăn sâu thì có nguy hiểm là phải cưa chân, và còn nghi là phương pháp tượng số chữa bệnh là vô lý, cho đến khi cùng đường, nghe người giới thiệu đến chữa thử xem sao. Khi kiểm tra thì tĩnh động mạch sau chân trái gần như nằm sâu ở trong rất yếu ớt, người bệnh còn sợ lạnh. Cách chữa là ôn kinh tản hàn, truy

thông mạch lạc. Bắt đầu thì điều trị bằng hai tuần châm cứu nhưng không thấy kết quả. Sau đó dùng liệu pháp tượng số phối hợp với châm cứu. Mã số là 650.380. Niệm chừng 10 phút thì chân của người bệnh đã thấy nhẹ nhàng. Lần thứ hai sửa thành 650.070. Khi niệm thấy như máu ở trong chân đang chảy, đầu các ngón chân xì hơi lạnh, tự cảm thấy thoải mái. Sau này có một lần đến khám có kể là: "Càng niệm tượng số thấy càng đau". Sau đó hỏi về số niệm đó thì đã niệm nhầm từ 650.070 thành 6500.070. Sau khi sửa lại 650.070 thì bệnh giảm ngay. Cứ như thế chữa đến ngoài 20 lần thì đã khỏi. Thời gian 2 năm lại đây có 2 lần bị nhẹ đều chữa 4 - 5 lần là khỏi. Vì sau này tham gia lao động nông nghiệp cuối cùng bệnh lại tái phát. Cho lập lại số 530.720; 530.380 và có gia giảm để điều trị thì thấy giảm nhiều. Chỉ còn ở đẳng sau đùi có chỗ bị căng, tuy đã nhiều lần niệm và cả châm cứu đều không thấy kết quả, đã cảm thấy bó tay. Qua nhiều ngày nghiên cứu cho sửa thành 500000.370.20, qua một tuần niệm đùi sau đã được sơ giải; lại sửa thành 0007000.2650, niệm trong một tuần thì bắp đùi nhỏ cũng được sơ giải, coi như đã khỏi. Sau này nhiều lần đến thăm thì bệnh đã khỏi (xem tự thuật 85).

Giải thích: **650.380**

6 là quả khảm, chủ thận; 5 là dương mộc nên 650 là ích Can thận, chấn thận dương. 3 thuộc hỏa,

8 chủ tý. 380 ôn thông tý dương. 650.380 gọi là ôn bổ, ôn thông tiên hậu thiên.

650.070

7 là quẻ cần, là dương minh vị, có tính thiên ôn, lại là chân trái. Nên 650.070 là phấn chấn thận dương, ôn thông lực chân bị bệnh. Hàn đặc ôn tắc tán, nên khi niệm thì trong chân bị bệnh cảm thấy như có máu chảy, các ngón chân thoát khí lạnh. Lại niệm 6500.070 đã gây nên càng đau vì hai số 0 sau số 65, nó thiên về lạnh, âm tà cộng thêm âm thì sẽ thành hại cho nên rất đau.

530.720

5 là quẻ tốn là đùi, có thể điều cục bộ; 3 là quẻ ly, chủ tâm, tâm chủ huyết mạch, có thể làm máu chạy vào mạch đao. Mà 5 là dương mộc, 3 thuộc hỏa nên 530 thiên ôn, để trừ âm tà, sơ giải cục bộ, 7 là dương minh vị, là chân trái, đùi trái. 2 là chủ khí, 720 là ôn thông cục bộ lại sơ tiết cục bộ, 530.380 đều có lực ôn nhiệt và có sức trừ âm tà.

500000.370.20

Sau 5 thì có 5 con số 0; lực ôn thông là rất mạnh, 370 cũng là ôn thông; 2 là chủ khí cơ, hợp lực của 3 nguyên càng thêm hiệu quả. Cuối cùng cũng chỉ là đẩy tà ngưng hàn sau đùi lớn.

0007000.2650

Trước sau số 7 có 3 con số 0 là để cường hóa cục bộ, lại không mất ôn nhiệt, 2650 là bổ thận ôn

dương. 2 nguyên trước sau kết hợp để trừ âm tà sau đùi trái.

Các bài trên, lực ôn nhiệt mỗi lần được tăng lên để trừ được những tà âm hàn nằm sâu mà các lực khác không thể trừ được. Dù là bài nào thì sau khi điều chỉnh vẫn thấy thoải mái. Nếu không theo nguyên tắc đó sẽ vi phạm vào nguyên tắc cân bằng động thái âm dương.

Thí dụ 86: Có Kim 22 tuổi, là học sinh.

Cô đã đau khớp gối tới 2 năm, gần đây lại đau vai trái, đau đến nỗi mất ngủ, đi học khó khăn. Một ngày gần đây, do thời tiết thay đổi mạnh lại có băng tuyết, rét đến thấu xương. Khi chính khí cơ thể đã không đủ, không thể chống đỡ được hàn tà, nên càng đau. Lệnh cho niệm 80.20 để tản hàn thông lạc. Khi niệm thì lập tức thấy hiệu quả, niệm trong một ngày thì vai đã đỡ, tuy nhiên hai khớp gối vẫn không chuyển biến, nên sửa thành số 7000, qua niệm thử 10 phút, cục bộ thấy dễ chịu, đã đi thử thấy ổn định, dặn về tiếp tục niệm để cho khỏi hẳn (xem tự thuật 86).

Giải thích: **80.20**

8 là quả càn, chủ tỳ, tỳ chủ cơ bắp, có tính thiên ôn, dùng để tản hàn giải cơ; 2 là chủ khí cơ, nên 80.20 là tản hàn giải cơ, tức giáng trục tà, vai sẽ tự hết đau.

7000

7 là quẻ cấn, là núi, là lỗi, là khớp mà hai đầu gối là lỗi, sau 7 là 000, để tăng tác dụng của nó, mà hai khớp gối lại bị tà âm, nên số 0 lẻ là để trợ dương lợi thấp.

Thí dụ 87: Bà Diêm 68 tuổi, là nông dân.

Bà bị bệnh mạch vành đã nhiều năm, cuối cùng bà muốn chữa theo liệu pháp tượng số. Có một lần vai phải bà bị thương cộng thêm viêm khớp vai cũ nên càng đau. Đồng thời đùi trái của bà bị co gân nên đi lại khó khăn. Bệnh cũ và bệnh mới cùng phát bệnh, cho bà niệm số 8000, để giải cơ tản hàn trừ thấp. Niệm chừng 20 phút, vai bà đã giảm đau. Nhưng bắp chân trái vẫn đau. Gân bị co ngán lại do hàn, mặt khác Can thận của người già đều kém nên gân, mạch đều mất đi sự bồi dưỡng. Sau đó sửa thành 8000.70. Niệm chừng 5 - 6 phút thì bệnh của bắp chân đã giảm, sau đó niệm chừng mấy chục phút thì bắp chân và vai đều tiêu tán (xem tự thuật 87).

Giải thích: **8000.70**

8 là quẻ khôn, chủ tỳ là chủ cơ bắp, 8 lại thiên ôn dùng để giải cơ tản hàn có hiệu quả ôn thông. Sau 8 có thêm 3 số 0 thì trợ lực, đau vai đã được giảm. Mà 8000 là phần chấn tỳ dương, trợ lực để thăng thanh giáng浊, nên khi âm tà bị đẩy

xuống thấp, bắp chân sẽ bị âm tà vây quanh, nên tạm thời đau lên. Sau khi niệm 70 thì đau đã lập tức giảm mà tỳ là chủ vận hóa, sinh khí huyết tư dưỡng can mộc. Can chủ cân, cho nên cân mạch được dưỡng thì sẽ khai thông; 8 là tỳ, chủ thăng 7 chủ vị chủ giáng, thiên ôn. Nặng 8000.70 là thăng thanh giáng trọc, tản hàn thông lạc có hiệu quả làm mềm gân khi thông mạch. Mà 70 đi thẳng xuống đùi trái nên hiệu quả càng cao.

Thí dụ 88: Anh Vương 23 tuổi, là công nhân mỏ than.

Đã trên một năm anh bị đau thần kinh tọa bên trái, chữa nhiều nơi không khỏi. Có người giới thiệu đến khám. Kiểm tra thấy sắc mặt buồn bã người gầy như que củi, tinh thần mệt mỏi, lưỡi hơi tối có ít rêu, mạch trầm nhỏ, tứ chi sợ lạnh, chỗ đau thì cố định, bước đi khó khăn. Thuộc chứng hàn tê. Cách chữa là ôn thận vực chính, tản hàn thông lạc. Lập số là 650.00700. Bắt đầu niệm thì đã thấy đỡ đồng thời cảm thấy chỗ chi đau có toát ra hơi lạnh. Sau khi niệm 30 phút, đùi trái đã có thể nhấc lên, bà đã đi lại ổn định trong phòng. Dẫn về nhà tiếp tục niệm, sau đó không thấy đến khám nữa. Qua chừng nửa năm chúng tôi may gặp được người bệnh mới biết lần đó anh đã khỏi. Qua hai năm rồi mà không thấy tái phát (xem tự thuật 88).

Giải thích: 650.00700

6 là quẻ khảm, chủ thận; 5 là dương mộc, 650 là ôn thận dương, thông giải mạch. 7 là chủ dương minh vị, là đùi trái, trước và sau nó có 2 con số 0 là thể thông cục bộ lại không thương âm. Mặt khác do người gày âm u mà lấy số 0 là chắn để phòng bị viêm. Niệm thấy thoải mái là đã hợp với bệnh. Còn chỗ đau thấy toát hơi lạnh là hiện tượng xả hàn tà.

Thí dụ 89: Chị Tần 22 tuổi, ở đội địa chất.

Chỉ bị tê mặt bên trái đến khám. Kiểm tra thấy mắt bên trái bị giãn to, mắt thì không thể nhắm được, mũi và mồm thì bị kéo ngược về phía phải, ăn uống khó khăn về bên trái. Cách chữa là sơ phong tản hàn, thông kinh hoạt lạc.

Tượng số lập là: 50.000, qua niệm thì cảm giác phần mặt trái bị co giật. Sau khi về nhà niệm một ngày rồi cho đến tối thì toàn thân cảm thấy khó chịu. Tiếp tục niệm mấy ngày nữa, cảm thấy trí lực tăng lên, toàn thân thấy thoải mái. Do thấy còn khó chịu nên đã sửa thành 5000.40. Niệm sau vài ngày thì bệnh méo mặt đã hoàn toàn khỏi.

Trước đây 2 mắt bị cận thị, thị lực chỉ có 0,7; 0,6. Sau khi qua niệm mặt mã trên 20 ngày thì thị lực đã tăng lên tới 1,2 và 1,1; bệnh đau dạ dày cũ cũng dần dần khỏi (xem tự thuật 89).

Giải thích: 5000.40

5 là quẻ tôn, là gió, là dương mộc, có thể ôn kinh sơ phong, ba con số 0 là số lẻ là thiên về ôn nhiệt để lợi thấp trừ hàn. Mà 4 thuộc can mộc là tư âm trừ phiến. Vì Can là mở hốc cho mắt, kinh mạch của nó thì nối với mắt nên thị lực của nó tăng. Mắt khác can khí được khai thông giúp cho hòa vị vận hóa, mà bệnh dạ dày sẽ tự mất đi. (bệnh này có phối hợp với châm cứu).

Can và mắt có biểu lý như nhau, nhưng tính chất khác nhau cho nên hiệu lực minh mục của 5 và 4 cũng khác nhau, đều phải theo biện chứng thi dụng.

Thí dụ 90: Cô Cao 35 tuổi, giáo viên mẫu giáo.

Thận của cô trước đây bị sa xuống, qua chữa trị cơ bản đã khỏi. Nhưng có một hôm do mệt mỏi, cô đã bị đau bên hông trái lan xuống cả đùi trái. Cô đến khám, lệnh cho cô niệm số 7000 để ôn thông cục bộ hàn tà. Qua niệm 20 phút, cơn đau đã giảm, duy chỉ còn một chỗ còn khó chịu. Do cô trước đã sa thận, thận khí đã có vấn đề, cho nên sửa thành 7000.80 để ôn bổ tỳ vị, hỗ trợ sinh hóa cho thận dương.

Qua niệm đã bồi bổ cho thận dương, vì sự hàn tà làm thận dương hư đã bị trục đi, cơn đau thấy giảm.

Giải thích: 7000.80

7 là quẻ cấn, là lỗi, hông trái cũng là lỗi, là dương minh vị nên đã lấy 7, ôn thông tản hàn. sơ

thông cục bộ. Sau 7 thêm 3 số 0 để tăng sức mạnh. 80 là ôn tỳ ích khí. Hai nguyên hợp lại để bồi bổ hậu thiên, tức là tề thận dương, để trực hàn tà đạt hiệu quả nhanh.

Thí dụ 91: Cậu Lâm 25 tuổi, là nhân viên mậu dịch.

Cậu đau dạ dày đã trên hai năm, lúc nhẹ lúc nặng, nhất là khi uống rượu là dễ tái phát. Một lần cậu đi công tác, vì uống rượu nên dạ dày đã đau 2 ngày, tuy đã uống thuốc mà bệnh cứ âm ỉ. Cũng may gặp cậu chúng tôi đã khám bệnh cho cậu. Mặt cậu nhợt nhạt, lưỡi có rêu, mạch hư hoạt, người gầy... thuộc chứng thấp nhiệt trở át gây ra vị hư bất hòa cách chữa là kiện tỳ hòa vị, sơ can giáng trọc. Lệnh niệm số 70.40, ngay lúc đó chỉ mới niệm 4 - 5 lần thấy dạ dày đã giảm đau. Nhưng tiếp tục niệm, thấy trong lòng rất khó chịu, nên đã sửa thành số 820.40, niệm xong là thấy nhẹ hẳn và mũi ngửi thấy mùi vị hôi thối như của một cái cây bị ngâm xông lên khoang mũi, rồi toàn thân thoải mái. Sau khi về đơn vị, tiếp tục niệm tới 50 ngày, gửi điện đến nói là đã khỏi (xem tự thuật 91).

Giải thích: **70.40**

70.40 tuy có là hòa vị thư can để giảm đau dạ dày, nhưng 7 có tính ôn và lại chạy thẳng vào dạ dày, nên đã làm tăng thấp nhiệt gây ra khó chịu.

820.40

8 là quẻ khôn, chủ tỳ, tỳ chủ vận hoá; 2 là đoài kim, chủ phế, tỳ (điều khiển) khí cơ, để trợ tỳ vận. 4 là sơ can, cùng hiệp trợ tốt hơn. Thấy mùi thối của cây, có thể là hiện tượng điều tiết can khí.

Thí dụ 92: Cô Trương 31 tuổi, là công nhân dệt.

Cô đau thần kinh tọa bên trái đã 2 năm, đau chính ở dưới sườn, lan tới cả bên đùi trái. Tuy đã chữa nhưng chưa khỏi, còn thấy nặng thêm, những lúc đó thì rất khó tự lo liệu được. Khi kiểm tra thấy lưỡi viêm, có rêu mỏng trắng, mạch trầm hư, chân tay sợ lạnh, tinh thần uể oải. Đó là chứng hàn tà thấp chui vào giữa các đốt sống. Cách chữa là điều kinh thông lạc, đuổi hàn trừ đau.

Số được lập là 7000.20. Càng niệm càng thấy thoải mái, đùi trái hình như có khí lạnh toát ra chạy xuống dưới và toát ra gót chân, cảm thấy rất thoải mái. Sau khi khám xong, ra khỏi buồng khám, chân tay bệnh nhân như đã khỏi, tiếp tục niệm một số ngày nữa là khỏi hẳn, sau nửa năm đến thăm thấy khỏi hẳn (xem tự thuật 92).

Giải thích: **7000.20**

7 là quẻ cấn, là lỗi, là khớp, sau số 7 thêm 3 số 0 là đồ ôn thông cục bộ, 2 là phế là tứ khí cơ. 7000.20 là ôn thông cục bộ, sơ tiết hàn khí để đạt kết quả.

Thí dụ 90 cũng tương tự, đều do hàn tà gây ra, nhưng hàn tà của thí dụ 90 là rõ ràng, bài này tuy cũng hàn tà gây ra, nhưng còn có hiện tượng uất khí, nên 2 thí dụ đều là số 7000, nhưng thí dụ trên là thêm 80, còn thí dụ này là 20 để lý khí.

Thí dụ 93: Cô Từ 37 tuổi, là học sinh chuyên ban Anh văn.

Do bị viêm chỗ nào đó đã 2 năm, cô thường bị đau lưng, nhức đầu, tinh thần uể oải, dễ mệt mỏi; bụng dưới thấy lạnh, tiếp tục đau âm ỉ lại còn chảy nước mắt. Đã chữa bệnh lâu không khỏi. Hôm đến khám, sắc mặt vàng héo, người gầy, sợ lạnh, lưỡi viêm, có ít rêu, mạch trầm nhỏ v.v... Nó thuộc chứng tỳ thận hư hàn, hạ nguyên ô tổn, mất đới mạch. Lệnh cho niệm 6000 để ôn thận thông mạch, kiện tỳ cố nhiếp. Niệm đến ngày thứ 2 thấy bạch đới ra nhiều, thấy cô đến hỏi, bác sĩ hơi phân vân, lệnh tiếp tục niệm, ngày thứ 3 thì bạch đới (khí hư) đã giảm, đến ngày thứ 5 thì bệnh đã lui khỏi. Và sau khi tốt nghiệp đến nửa năm, gặp lại thì cô đã khỏi (xem tự thuật 93).

Giải thích: **6000**

6 là quả khảm, chủ thận. 6000 là bổ ích thận khí, ôn thông kinh, phấn chấn dương khí. Cho nên đới mạch cố nhiếp, mạch nhâm thông điều, bệnh sẽ tự khỏi. Mà thận dương trợ hậu thiên, nên cũng kiện tỳ cố nhiếp.

Thí dụ 94: Cháu Thường 14 tuổi, là cháu gái.

Sau khi cắt ruột thừa, bụng cháu thường đau lâm râm, đồng thời bụng to ra. Đi khám là bị dính ruột. Đã uống thuốc và tiêm vẫn không khỏi, buộc phải mặc áo rộng thùng thình, có cảm giác rất khó tâm. Hai mẹ con thường chỉ ôm nhau khóc thút thít. Sau thấy một bác cũng bị bệnh tương tự chữa đã đỡ nhiều, nên cũng theo bà đến khám. Sau khi kiểm tra thấy sự phát triển bình thường, bụng hơi to, lưỡi còn được, có ít rêu trắng, mạch hư nhu v.v... Đó là thương khí do phẫu thuật, tỳ vận mất chức năng hoạt động, trọc đờm đọng trong bụng, không thể chuyển hóa được. Cách chữa là bổ ích tiên thiên, ôn thận tỳ dương, thăng thanh giáng trọc.

Tượng số được lập là 650.820, niệm mấy ngày thấy bụng nhỏ đi và hết đau. Tiếp tục niệm trên 20 ngày, bụng đã trở lại bình thường. Cháu rất mừng (xem tỵ thuật 94).

Giải thích: 650.820

650 là ôn bổ tiên thiên, tể tỳ dương sinh hóa, 8 là kiện tỳ, 2 là đào kim, chủ phế, tư khí cơ, nên 820 là trợ tỳ vận, dùng để tả tà đờm trọc trong bụng.

Thí dụ 95: Bác Vương 56 tuổi, là công nhân địa chất.

Bác bị thấp khớp gối trái mấy năm, mỗi lần

thời tiết thay đổi hoặc lao động mệt mỏi là phát bệnh, mỗi lần phát bệnh là sưng đau, đi lại khó khăn, thuốc thang đã nhiều không khỏi, nghe giới thiệu đến khám. Kiểm tra thì khớp gối trái sưng đau, không dám sờ nắn, đi lại khó khăn. Đó là chứng tà của âm thấp thừa lúc đau xâm nhập vào, làm tắc kinh mạch. Cách chữa là ôn thông cục bộ, đuổi mạch tà của âm thấp. Lệnh cho niệm mật mã 0007000 và đi ra ngoài. Niệm chừng nửa giờ, cơ bản đau đã hết. Niệm 3 ngày nữa thì trở lại bình thường, và sau đó tiếp tục niệm tới trên 3 tháng, toàn thân thấy thoải mái (xem tự thuật 95).

Giải thích: 0007000

7 là quẻ cấn, là núi, là lỗi, là khớp, 7 còn là chủ vị, chủ dương minh thổ, khớp gối lại có vị kinh đi qua, cho nên là tuần kinh thủ số, trước và sau 7 có thêm 3 số 0 là để làm tăng công hiệu của 7. Bệnh này là do âm tà gây hại, nên lấy số 0 là số lẻ. Còn trước và sau là 3 số 0 thường là làm nhanh hiệu quả, mà lại không lạnh. Sau đó thì thôi không niệm nữa, bệnh đã khỏi.

Thí dụ 96: Bà Sơ 33 tuổi, là nông dân.

Bà cứ bị nấc ợ liên tục đã tới 8 tháng, chữa mãi không khỏi, lòng rất khổ tâm. Khi kiểm tra thấy cạnh lưỡi có vết răng cưa, có rêu trắng, sắc mặt vàng, mạch trầm hư. Mỗi phút thường nấc đến

mấy lần. Bệnh thuộc hàn tà thừa hư chạy vào trung tiêu, làm cản dương tỳ, khí của tỳ vị thăng giáng bất lợi, vị khí chạy ngược lên gây ra nấc ợ.

Mã số được lập là 20.60.50.30 để ích thận nạp khí, tuyên đạo khí cơ, trục hàn giáng nghịch. Niệm một số phút thấy thoải mái, đã hết nấc. Dặn về nhà tiếp tục niệm một số ngày, và thế chỉ một lần là khỏi hẳn (xem tự thuật 96).

Giải thích: **20.60.50.30**

2 là quả đoài, chủ phế, mà phế lại là chủ khí, nên 20 là tuyên đạo khí cơ, 6 là quả khảm, chủ thận, thận chủ nạp khí, 60 bổ tiên thiên tể hậu thiên, tả trợ tỳ vận; 5 là quả đoài là dương mộc để khử tà hàn kiêm sơ đạo; 3 là quả ly, thuộc hỏa để trợ tỳ dương sinh hóa.

Mà 20.60.50.30 lại là thứ tự tương sinh ngũ hành, trong đó trong sinh có khắc, nên đã có tác dụng khí cơ vận hóa hòa thuận. Nó thuộc "hoãn tắc trị kỳ bản". Nếu như lại dùng số tỳ vị là 7, 8 v.v... thì ngược lại thêm phức tạp, lực của nó không chuyên, nên đã trợ cho hỏa.

Thí dụ 97: Cô Trung 39 tuổi, là giáo viên tiểu học.

Cô bị đau dạ dày đã trên 20 năm, bình thường cô không thể ăn uống đồ nguội lạnh, cứng và sống. Một lần cô đau vừa nôn vừa tiêu chảy phải đến

khám. Do cô có tập khí công nhiều năm nên thể chất còn tốt, chỉ mắc bệnh dạ dày không khỏi. Kiểm tra lưỡi viêm đỏ, có rêu trắng, mạch trầm chậm. Đó là chứng tỳ vị tố hàn, khi ăn đồ nguội lạnh thì không thể vận hóa được, gây ra nấc ợ. Cách chữa là ôn trung tẩn hàn sơ can hòa vị. Lệnh cho cô niệm số 40.70, khi niệm thì thấy dạ dày dễ chịu nóng lên, tiếp tục niệm 3 ngày sau thì dạ dày đã khỏi. Nay đã được 2 năm chưa thấy tái phát (xem tự thuật 97).

Giải thích: 40.70

40 là sơ can hòa vị. Vì có trọc khí bốc lên rõ rệt, nên 40 phải đặt lên trên, để hỗ trợ thư can có hiệu lực. Nên 40.70 cả 2 hợp lực sẽ trừ được bệnh đã ủ lâu năm.

Thi dụ: Bà Trinh, là nông dân.

Bà đã bị viêm khí quản tới trên 10 năm, thường nhức đầu, đoản hơi, lưng xệ xuống. Đã có lúc chữa, lúc không, bệnh không khỏi. Một hôm bà đến khám, kiểm tra thấy người gầy, mặt vàng, lưỡi thâm có rêu, mạch trầm hoạt. Lập mật mã cho bà là 20.640 để bổ thận nạp khí dần dần, tuyên phế hóa đờm. Làm cho bà ngủ được, thể lực tăng, đỡ mệt mỏi, tâm tình vui vẻ, bà chỉ tin vào liệu pháp tượng số, qua 8 lần chữa trị bà khỏi hẳn (xem tự thuật 98).

Giải thích: 20.640

2 là quẻ đoài, chủ phế chủ khí, 6 là quẻ khảm, chủ thận. thận chủ nạp khí, 4 là chủ can, chủ sơ tiết. Cho nên 20.640 là cùng ích thận vực chính, có công dụng tuyên phế lý khí. Niệm 20.640 thấy thoải mái, dần khỏi hẳn.

Thí dụ 99: Bà Tuy 44 tuổi, là nhân viên bưu điện.

Bà đã bị thoái hóa đốt sống cổ nhiều năm, hoạt động khó khăn, đau lưng, đã mệt mỏi, kém thể lực, thường xuyên tắc mũi, đã chữa không khỏi cảm thấy rất khổ sở. Khi khám thấy huyết áp hơi thấp, viêm lưỡi có rêu, chân tay thiếu ấm, mạch hư nhỏ v.v... Thuộc chứng tỳ thận khí hư, sinh hóa bất lợi, gân cốt không được bồi dưỡng, chính khí không đủ. Cách chữa là cường thận kiện tỳ, bồi bản vực nguyên.

Mã số cho bà 2650.380. Qua niệm cảm thấy thoải mái, dặn bà niệm thường xuyên, với bài này điều trị 10 lần, đã giải được bệnh, nên ngừng điều trị. Qua nửa năm hỏi thăm, không những bệnh đã khỏi mà thị lực cũng tăng, ít bị cảm cúm, ăn uống giảm nhẹ, thể trọng, tinh lực đầy đủ (xem tự thuật 99).

Giải thích: 2650.380

Thận sinh tủy chủ cốt; 6 là quẻ khảm, chủ thận nên lấy để trị bệnh này; 2 là chủ phế, phế là chủ khí; 5 là dương mộc, thiện trực âm tà, chấn

phần dương khí. 2650 là hồ thận ích dương; 380 là thiện chân tỳ dương. Nên 2650.380 có thể thúc đẩy tỳ thận hóa sinh, bồi bản vực nguyên, để nuôi kinh lạc tạng phủ, và gân cốt, từ đó thu hiệu quả.

Thi dụ 100: Bà Quán 51 tuổi, là nhân viên.

Trước bà đã bị cường tuyến giáp trạng, sau do uống thuốc không đúng, đã chuyển thành cơ năng tuyến giáp thoái giảm. Biểu hiện của nó là phản ứng chậm chạp, lưỡi khó nói, phù toàn thân, tinh thần mệt mỏi, sợ lạnh, lưỡi hơi tối, có rêu, mạch hư chậm, thuộc dạng tỳ thận hư hàn, có hiện tượng chính khí ô hao. Cách chữa là ôn bổ tỳ thận, trợ dương vực bản. Mã số cho là 650.30.820. Khi niệm cảm thấy nhẹ nhàng. Sau khi niệm tới 2 tháng, bệnh đã giảm dần và khỏi hẳn.

Nhưng có một lần bà đeo chiếc vòng bảo vệ sức khỏe, qua 20 phút sau cảm thấy đoản hơi, tim đập. Bà nghi là do đeo vòng, nên đã tháo ra. Sau đó mới biết chiếc vòng có từ tính. Sau khi tháo ra thì không còn đoản hơi và tim không đập mạnh nữa.

Lại có một lần, vì tai phải bà nghe kém nhiều năm, mỗi sáng bà ngồi trước khi niệm tượng số, bà có suy tưởng đến huyết dưng tuyến khoảng 10 phút, qua được mấy ngày là lại phù, nên bà đã thôi không suy niệm đến dưng tuyến nữa, và đã được

sửa mã số là 50.30.820.60, niệm được một số ngày thì phù đã giảm, mã số đó đã có hiệu quả, nhưng không triệt tới gốc, thể trạng của bà được quan sát thêm (xem tự thuật 100).

Giải thích: **650.80.820**

650 là ôn chẩn thận dương; 820 là kiện tỳ vận hóa, 3 thuộc hỏa để ôn bổ tỳ dương, 30 ở vào nguyên thứ 2, không trực tiếp hợp với 820 để hoãn do quá ôn bổ, gây trở ngại cho thể quá hư để được phân bổ. Với mã số 650.30.820 cứ niệm là thoải mái, là cách hợp trợ dương vực chính.

50.30.820.60

5 là quẻ tôn, là dương mộc, không những chẩn dương còn kiêm sơ tiết. Nằm trước dãy số để trợ lực. 50.30, ý của nó là đồng phương với (650.30.820), 60 ở phía sau dãy số, lực của nó hơi yếu không rõ ràng. Vì 6 không những trợ thận khí, còn tư âm. Khi tà của âm phù gây hại nên phù, ở phía sau để tránh tính chất tư âm sẽ thành hại, 50.30.820.60 có tính lợi tiểu đột xuất, mà lại không thương chính.

Quá trình niệm mã số này, trước sau sẽ xảy ra hai hiện tượng khác thường: một là có liên quan đến vòng từ tính, hai là đến huyết dừng tuyến. Trong chữa trị lâm sàng đã bỏ sót hai hiện tượng này do không rõ. Vì vậy khi sử dụng liệu pháp này

hãy tránh sử dụng các liệu pháp khác (trừ liệu pháp châm cứu truyền thống) nếu kiên dùng thì phải quan sát cẩn thận từ bản thân, để quyết định bỏ ngay để tránh gây ảnh hưởng đến liệu pháp tượng số đang áp dụng vào cơ thể.

Thí dụ 101: Bác Trương 46 tuổi, là công an.

Mấy năm lại đây bác bị ho, tức ngực, ra mồ hôi trộm. Cứ động làm là ra mồ hôi, mệt mỏi dần dần đến đau lưng, sợ lạnh, liệt dương, nhất là cảm cúm gần như suốt năm, đã chữa chạy nhiều nhưng không kết quả, người gần như không được bồi dưỡng. Sau này do vợ dẫn đến khám. Quan sát bệnh nhân thấy thở gấp, dễ ra mồ hôi, lưỡi còn được, hơi có rêu trắng, mạch trầm chậm Đó là chứng thận hư dẫn đến mệnh môn hỏa suy. Chữa theo cách ôn thận ích dương.

Lập mã số là 2000.650, khi niệm thấy không có cảm giác gì. Sau một thời gian, thì chứng thở đã thấy có hiệu quả, thể lực dần tăng lên, kể cả tức ngực, đoản hơi, đau lưng, ra mồ hôi trộm đã thấy giảm. Nhất là chứng liệt dương, cảm cúm hình như không biến chuyển, nên thiếu lòng tin, niệm tới nửa năm, thấy đã hữu ích, làm cho mọi người trong nhà vui vẻ sử dụng liệu pháp này để tăng cường sức khỏe (xem tự thuật 101).

Giải thích: **2000.650**

2 là đoàn, chủ phế, phế chủ khí. Sau 2 là ba số 0 thiên về dương, nó mạnh hơn một số 0, nên 2000 là ích phế khí, chủ tiêu giáng, tuyên phát, 6 là khảm, chủ thận, thận chủ nạp khí; 5 là tổn, thuộc dương mộc, đã chấn dương. Cho nên 2000.650 là bổ thận ích dương, làm nóng mệnh môn để thu được hiệu quả tốt.

B. 101 BÀI TỰ THUẬT CỦA BỆNH NHÂN

Tự thuật 1: Bác sĩ Lý kinh mến!

Tôi là giáo viên tiểu học thôn Mộc Gia, ở ngoại ô thị trấn Xích Phong. Họ tôi là Tương, năm nay 40 tuổi, 10 năm lại đây hàng trăm thứ bệnh quần quanh tôi. Cái khổ nhất đối với tôi là viêm dạ dày và bệnh phụ nữ. Mỗi bữa ăn cơm tôi chỉ ăn tí chút như người uống thuốc vậy. Không dám ăn đồ nguội và rắn, không những dạ dày rất đau, mà ăn vào là miệng nôn, đi tháo dạ; tử cung thì viêm loét, xung quanh cũng viêm rất nguy hiểm. Suốt ngày nếu không là kinh nguyệt thì cũng là khí hư, mùi hôi không chịu nổi, quần lót thì không thể để đến ngày thứ hai. Cứ đông lạnh qua đi thấy khá hơn, nhưng rồi lại đau vào đấy. Bác sĩ cũng nói là bệnh này không thể chữa khỏi tận gốc, cộng thêm lại thiếu máu, huyết áp thấp, thần kinh suy nhược, mất ngủ, tất cả giày vò tôi. Thể trạng trước là 56 kg,

nay chỉ còn 38 kg. Mỗi lần nghỉ đông hoặc hè, mọi việc đối với tôi chỉ là khám bệnh, uống thuốc, nhưng đều không kết quả. Một lần có một vị giáo sư đã mấy năm không gặp nhìn thấy tôi ông phải thốt lên: "Cô Tương hiện nay là cô đang đứng đó, nếu như cô nằm xuống có lẽ tôi tưởng cô đã chết rồi". Khi đó tôi suốt ngày buồn bực suy nghĩ linh tinh và cho rằng tôi không còn sống được bao lâu nữa. Khi tôi đang giành giật với sự sống chết, một bà cô tốt bụng đã đến bảo tôi, bác sĩ Lý ở viện Giáo dục chữa bệnh tốt lắm. Tôi rất vui vẻ muốn đến bác sĩ Lý khám thử xem sao, chữa trị với thời gian chưa dài đã thấy kiến hiệu. Sau đó tôi lại bỏ quăng. Đầu năm 1991 bệnh cũ lại tái phát, bắt đầu từ tháng 8 năm đó, bác sĩ Lý đã dùng liệu pháp tượng số chữa cho tôi. Thật không ngờ, sau khi tôi niệm những con số một khoảng thời gian nhất định đã thấy có hiệu quả rất đặc biệt, không những đã trị đến tận gốc bệnh nghiêm trọng của tôi mà còn cả về mặt tâm lý và sinh lý của tôi cũng có một sự thay đổi kỳ lạ.

1. Ăn được ngủ được, tinh thần thoải mái, tâm bình khí hòa, người nhẹ nhõm, thể trọng tăng lên 53 kg. Từ cuối năm 1991 khi trời lạnh tôi không đội mũ, đi giầy bông và mặc áo bông mà cũng không cảm thấy lạnh, cũng không có hiện tượng lạnh cước (trước đây cứ đến mùa đông tôi phải ăn

mặc như nhà du hành vũ trụ).

2. Hệ thống tiêu hóa rất tốt. Từ 1992 trở lại đây, 4 mùa tôi uống nước lạnh, ăn bánh bò, thịt hầm, đều ăn lạnh, đặc biệt ngày 20 -10 đến 12-11-1992, đột nhiên tôi không muốn ăn cơm, mà chỉ ăn rau, cho đến 24 -11 tôi chẳng thích ăn gì cả chỉ uống nước mát thôi.

3. Sau khi niệm tượng số đã loại được bệnh mà 20 năm nay tưởng không thể chữa khỏi như viêm mũi, trĩ, giác mạc kéo màng ngứa, cả khi uống nước, cái ám ảnh như có một con giun ở trong mồm đều không thấy nữa.

4. Khi tôi bị cảm cúm hoặc trong lòng có gì buồn phiền, sau khi niệm những con số đó thì lại khỏi. Tháng Giêng năm 1993, một bệnh dịch cảm cúm nguy hiểm đã lan tràn khắp thị trấn đến cả trường tôi, ai mắc bệnh đó đều phải tiêm và truyền dịch, cho đến người khỏe cũng phải từ 10 - 15 ngày mới khỏi. Tất cả các giáo viên trong trường tôi đều không thoát khỏi và cuối cùng tôi cũng bị, nhưng tôi đã có một lòng tin, cứ tối đến sau khi nằm lên giường niệm những con số đó, thì một lúc toàn thân tôi như là bốc lửa và ra mồ hôi, rồi ngủ lúc nào không biết, sáng sớm dậy, tôi như người bình thường đã hết bệnh. Lúc làm việc mệt mỏi tôi ngồi niệm một lúc thì mệt mỏi cũng tiêu tán. Khi gặp

những việc buồn bực, cái gát, tôi cũng niệm một lúc, nóng giận cũng sẽ tiêu tán. Tôi còn có thể chữa được những bệnh nhẹ cho học sinh và gia đình. Số mật mã mà tôi niệm là 260.4380 và 640. 380

Tự thuật 2: Bác sĩ Lý, kinh mến!

Tôi là Trương 62 tuổi, người nhà của Học viện Giáo dục. Từ năm 1982 tôi không may bị viêm Can, đã chữa rất lâu tại các bệnh viện không khỏi. Sau này tuổi già sức yếu tôi lại xơ cứng động mạch, viêm khớp v.v... Bệnh cũ chưa khỏi thì thêm bệnh mới đã tới mà tôi không thể chống đỡ nổi, chỉ biết nằm liệt trên giường, mỗi bữa tôi chỉ ăn được mấy miếng cơm, sức ngày càng yếu kém, người gầy chỉ còn da bọc xương, 2 con gái tôi thì bận lên lớp, có khi tôi cũng không thổi nổi nồi cơm. Trong trường hợp này, dù nhà tôi rất khó khăn cũng đành phải đi nằm bệnh viện, nhưng bệnh tình không thấy chuyển biến. Sau này bác sĩ Lý đến với tôi và đã nghiên cứu chữa bệnh cho tôi, qua một thời gian chăm cứu bệnh đã chuyển biến rõ rệt, bệnh viêm Can về cơ bản đã khỏi, các bệnh khác cũng giảm. Giờ đây tôi đã có thể xuống giường được và làm một số việc vặt trong nhà, mỗi bữa có thể ăn được một bát cơm. Nhưng bác sĩ Lý vẫn chưa vừa ý đã nghiên cứu một phương pháp chữa trị mới, đó là liệu pháp tượng số bát quái. Phương pháp này thật

tuyệt, chẳng dùng đến thuốc mà cũng không phải tiêm, cũng không phải bận bịu gì khác, chỉ cần trong lòng tưởng niệm một nhóm số, vừa có thể làm việc vừa chữa bệnh. Do tôi có nhiều bệnh nên cứ mấy ngày lại chuyển sang nhóm số khác. Từ tháng 8 năm 1991 đến nay những nhóm số chữa cho tôi kết quả càng tốt hơn. Thí dụ một lần chân tôi đau, đi lại khó khăn, bà cho tôi niệm nhóm số 0001000.80, chỉ niệm chừng 30 phút là khỏi; Mỗi lần tôi đau đầu rất ghê gớm, niệm nhóm số 650.30.20, chỉ mới bắt đầu niệm thì đã hết đau. Qua sự tận tình chữa trị của bác sĩ, bệnh của tôi căn bản đã khỏi, tới nay thì nhiều bệnh khác cũng đã khỏi hẳn không để lại di chứng gì và cũng không tái phát. Mặc dù hiện nay tôi đã khỏe, nhưng bác vẫn cho tôi niệm số. Thí dụ 650.80.030, sau lại sửa đổi thành 650.30.820 v.v... Niệm những con số đó tôi có cảm giác người tôi càng khỏe ra, thể trọng tăng thêm trên 10 kg, trước đây bầu vú của tôi như dán vào ngực, nay thì đã hồi phục gần như bình thường, da dẻ tôi như săn lại, thật là kỳ lạ. Hiện nay mỗi ngày cơ thể tôi cảm giác như đang có sức vươn lên. Nay thì cái gì tôi cũng muốn ăn, trước kia đồ cứng và lạnh tôi không dám ăn. Hiện nay có khi tôi ăn rất ít, thường ban ngày không ngủ, thân thể nay đã to béo gần gấp đôi. Trước đây chân tay tôi không có mồ hôi, hàng tuần chỉ đi đại

tiện một lần, chân hàng ngày đều nóng như uống phải hỏa long đan mà cũng ra mồ hôi. Có khi ban ngày hoạt động nhiều, tối đến mồ hôi chân ra có mùi rất thối. Đến nay với việc ra mồ hôi này, tôi cảm thấy người khỏe dần. Trước đây tôi thường xuyên mất ngủ, có khi cả ngày lẫn đêm không chợp mắt, người rất mệt mỏi, hiện nay tôi ngủ rất tốt và thân thể thấy rất nhẹ nhàng và có sức. Bác sĩ Lý! Bệnh của tôi đã khỏi hết rồi, được như vậy là nhờ công lao của bác, bác xứng đáng là một thần Y "diệu thủ hồi xuân"! (một bàn tay khéo léo lấy lại tuổi xuân). Tôi không bao giờ quên được ân tình của bác.

Tự thuật 3: Tôi là Trương Thị, 29 tuổi công nhân xưởng dệt kim Xích Phong.

Tháng 9 năm 1992, tôi nghe một bà dì ở xóm nói bác sĩ Lý ở Học viện Giáo dục khám bệnh rất giỏi. Lúc đó bệnh viêm khớp của tôi đã được trên 3 năm, đúng ra tôi còn đang trẻ, bệnh khớp không thể nguy hiểm như vậy, hai chân tôi suốt ngày nặng như chì, rất đau. Mỗi lần gặp thời tiết âm u lại càng đau, mùa hè mặc quần phải kèm theo cái bọc khớp gối. Uống thuốc và tiêm đều không khỏi, được bác sĩ Lý hỏi đến bệnh tình và cho một nhóm số, bảo tôi niệm 00100.00700, bắt đầu chừng ba bốn phút tôi cảm giác như đùi tôi có gió lạnh toát ra từ đầu gối, tôi cho rằng đó là lạnh nên dùng tay

ôm giữ. và còn lấy các thứ che đây lại nhưng không có tác dụng. hơi lạnh vẫn toát ra, tôi có cảm giác như hai cái đùi tôi ở trong băng giá. Sau một tuần thì nó bắt đầu trở nên ấm, hai đùi cũng hết đau và nhẹ nhõm đi rất nhanh. gặp trời âm u cũng không hề gì, nó giống như chân không đau vậy. Bệnh viêm khớp đã 3 năm mà chỉ 20 ngày sau đã chữa khỏi. Từ đó trở đi không thấy tái phát. Đó là bác sĩ Lý đã khôi phục lại hoạt lực cho hai đùi của tôi, đem lại sức khỏe cho hai chân của tôi. Tôi rất cảm kích. Nguyệt cho bác sĩ Lý trẻ trung vui vẻ vĩnh hằng!

Tự thuật 4: Tôi họ Trương, 21 tuổi chờ việc tại bưu điện.

Trước đây tôi đã bị bệnh trĩ. Khi phát bệnh, chỗ đau đỏ và sưng, chảy máu, táo bón, tính tình nóng nảy, sợ ăn uống. Tôi đã từng chữa theo cách bài thuốc trĩ và bó dẹt thuốc, nhưng hiệu quả chưa tốt, thường vẫn hay tái phát. Mùa xuân năm 1992, tôi đến khám bác sĩ Lý. Bác sĩ Lý cho tôi niệm số 00100.800. qua một thời gian bệnh tôi đã khỏi không bị tái phát nữa, tôi có cảm giác như chưa bị mắc bệnh này bao giờ.

Tự thuật 5: Chào bác sĩ Lý kính mến! Gần đây bác có bận không?

Tôi là diễn viên đội văn nghệ quân đội 8185

Thăm Dương, tháng 8 năm ngoái tôi về thăm nhà. Do trước đây, một lần tôi diễn xuất chẳng may bàn tay phải của tôi bị trẹo, sau khi về nhà tôi đến chữa chỗ bác. Khi đó không chỉ là bàn tay bị trẹo mà kinh nguyệt ra suốt 3 tháng không dứt, máu cứ ra nhiều cho nên tôi đề nghị bác chữa cho tôi luôn. Khi ấy bác nhìn thấy tay tôi và cho tôi niêm số 70, tôi cũng chẳng để ý đến, ngồi trong phòng khám bệnh viện niêm mới có 5 phút, tôi không ngờ tay tôi đã hết đau, tôi vận đi vận lại mấy lần không thấy đau, như vậy mới chỉ 5 phút đã chữa khỏi tay cho tôi. Ngoài ra bác còn cho tôi niêm thêm số để chữa kinh nguyệt, sau khi về nhà niêm trong 8 ngày thấy máu cục đã hết, huyết cũng không ra nhiều. Tôi tiếp tục niêm 3 ngày nữa kinh nguyệt đã ngừng hẳn và khỏi hoàn toàn. Mấy tháng sau tuy thời gian rất gấp nhưng kinh nguyệt cũng bình thường, nay tôi đã hoàn toàn vô sự.

Tôi cảm ơn nhiều về việc chữa trị của bác cho tôi, bác đúng là đoạt danh hiệu "Diệu thủ hồi xuân"! Cuối cùng chúc bác thành công trong sự nghiệp! Nghĩ gì được nấy.

Tự thuật 6: Tôi họ Trần, là học sinh lớp Anh Cương cấp 92.

Do mẹ tôi mất đi, nỗi đau thương quá độ trong tôi đã gây ra bệnh ác quái. Khi phát bệnh, mỗi lần

tôi ngậm miệng thì cuống lưỡi trong mồm phát ra một loại âm thanh giòn, giống như cồng “nhảy” với động mạch, nó cùng phối hợp mạnh mẽ với động mạch, khi há mồm ra thì hết, nhưng lại bị đoán hơi. Tôi đã đi mấy bệnh viện chữa, tất cả các bác sĩ đều nói chưa thấy bệnh này bao giờ, đều đoán là tôi có sự việc gì về mặt tinh thần. Cứ thế ngày qua đi. Tôi lại tìm đến một bác sĩ già tiêm mấy mũi thuốc, bệnh hơi có thuyên giảm. Ngày hôm sau tôi có đến Học viện Giáo dục Xích Phong và tìm gặp bác sĩ Lý. Bà thấy tôi, bảo tôi ngồi xuống để bà chữa, bà cho tôi một số đề niệm, bà nhấn nại quan sát chữa trị cho tôi. Lúc này âm thanh của tôi phát ra bắt đầu “nhảy” từ nhanh đến chậm, tiếng của nó là từ to đến nhỏ, cuối cùng là mất hẳn chỉ trong có nửa tiếng đồng hồ. Bác sĩ Lý như một thần y đã chữa khỏi bệnh cho tôi mà người khác không chữa nổi. Chẳng phải uống thuốc mà cũng chẳng tốn tiền. Qua lần này thì tôi tin rằng y đạo của bác sĩ Lý là cao minh, đồng thời tỏ lòng biết ơn rất sâu sắc. Chúc bác sĩ Lý công tác vui vẻ khỏe mạnh! Trong khi đó thì tôi niệm số 60.40.

Tự thuật 7: Tôi là nữ công nhân của Học viện giáo dục, 52 tuổi.

Tôi bị đau cánh tay trái đã lâu, đến mức không nhấc tay lên được, cũng không thể vác được, cũng

không xách được, khâu vị thì không tốt, đã từng bị bệnh giày vò, uống rất nhiều thuốc nhưng đều không kết quả. Nhưng sau nghe người giới thiệu đến chữa bác sĩ Lý, bác cho tôi nhóm số 650.000; và đồng thời chữa cho tôi 2 bệnh, bảo tôi thường xuyên niệm. Lúc đầu tuy chưa tin nhưng tôi vẫn niệm thử, và thật không ngờ mới có nửa ngày, tay trái tôi đã bình thường, và phần khởi hơn nữa là dạ dày đã hết đau, tôi đã dám ăn một số đồ rắn có cảm giác như không tin chính mình nữa, trong lòng rất là cảm kích mà muốn nói với toàn thế giới rằng bệnh của tôi giảm rồi.

Tự thuật 8: Tôi là Túc Thị, 26 tuổi.

Là kế toán. Khoảng 4 năm trước đây đột nhiên một nửa bên thân trái tôi có cảm giác như bị gió thổi vào trong, nhất là đùi, cánh tay lại càng rõ hơn, tuy tôi đã phải nằm giường lò, đắp chăn bông vẫn không cảm thấy ấm. Mùa hè tuy toàn thân ra mồ hôi, nhưng vẫn cảm thấy ớn lạnh. Tôi rất không yên tâm, đã đi chữa nhiều nơi. Một năm rưỡi trước may lại gặp được bác sĩ Lý bác sỹ đã dùng liệu pháp tượng số, chữa bệnh cho tôi nay đã giảm nhiều. Hiện nay mùa đông đến, tôi cũng không cần mặc áo bông, chỉ mặc áo len là thấy đủ. Đồng thời sau khi niệm số thần kỳ đó thì bệnh suy nhược cơ thể cũ của tôi cũng đã giảm nhiều, sinh

hoạt và công tác đã bắt đầu khá hơn. Nhóm số là 650.4380, sau 3 lần niệm tự nhiên bị nhức đầu choáng váng, bác sĩ Lý đã sửa thành 640.3820, sau 10 phút thì đầu tôi cảm giác lâng lâng thoải mái. Tôi vô cùng phấn khởi.

Tự thuật 9: Tôi là nhân viên, 50 tuổi.

Có một lần không may bị treo lưng đau đến nỗi không quay người được, miễn cưỡng lắm mới bước được vài bước, đã chữa tại bệnh viện không kết quả, sau này đến chữa ở bác sĩ Lý. Trước tiên bác sĩ ấn huyết tại, không hiệu quả lắm, sau này cho tôi niệm số 6000 và nói với tôi là thường xuyên niệm, tôi chỉ mới niệm có mấy phút thì lưng nhẹ hẳn, sau này chỉ cần nửa ngày là khỏi hẳn.

Khi đó tôi không hiểu nổi làm sao con số lại kỳ diệu như thế.

Tự thuật 10: Tôi là Diêm, 70 tuổi.

30 năm trước tôi bị bệnh mạch vành, đau đầu, hôn mê, gót chân đau. Cứ mỗi ngày qua đi thì bệnh tình càng nặng. Gần 10 năm lại đây tôi đã đi chữa khắp nơi không khỏi, số lần phát bệnh ngày càng nhiều, thường hay bị ngất ngã và phải nằm viện, tiêm và truyền dịch, suốt ngày chỉ thuốc với thuốc. Sau này khi nghe thấy bác sĩ Lý ở Viện Giáo dục chữa bệnh giỏi nên đã đến chữa. Mới đầu là ấn

huyết tai thấy có hiệu quả. Từ đó tôi không nằm viện nữa và cũng không bị hôn mê. Trước đây 3 năm bác sĩ Lý lại cho tôi chữa theo tượng số, thật không tin, chỉ với mấy con số mà đã làm cho tôi khỏi bệnh. Trước đó mấy ngày gót chân tự nhiên đau, có người dìu tôi đến gặp bác sĩ Lý, bác cho tôi niệm ngay số 60, chỉ sau 20 phút tôi đã đứng dậy đi lại không đau nữa, không khác gì người lành, tôi phấn khởi quá. Nếu không có bác sĩ Lý, tôi khó tin rằng tôi sống đến 70 tuổi, đúng bà là ân nhân cứu mạng của tôi. Sau này bác sĩ Lý lại cho tôi niệm nhóm số 640.30.80, sau khi niệm tôi cảm thấy tốt quá rồi người tôi đã có sức. Mấy ngày trước đây tôi lên phố mua 3 cân bánh quẩy cộng thêm làn đựng là 4 cân, hai tay tôi thay đổi xách một mạch về nhà đến trên 1 cây số. Tôi vừa đi vừa niệm, sau khi về nhà căn bản cũng không thấy mệt, trước đây chỉ mang xách một chút là đã mệt rồi. Tôi đã ngủ tốt. Trước đây cứ mỗi lần tỉnh dậy là đau đầu, còn nay khi tỉnh giấc thì cảm thấy rất thoải mái không sợ lạnh, chỉ cần một áo bông mỏng, đôi giày bông mỏng với một cái mũ khâu tay. Hàng ngày buổi sáng tôi còn đi dạo, không thấy lạnh. Nay tôi ăn đ-ược ngủ đ-ược, sức khỏe đầy đủ còn cảm thấy có gân sức. Tôi thật không biết nói thế nào, suốt đời tôi cảm ơn bác sĩ Lý!

Tự thuật 11: Tôi là Mai, công tác tại Công ty ngoại thương, ngoại ô Xích Phong.

Vào tháng 6 năm 1992, sau khi tôi bị sẩy thai thì bị phù và đau lưng, đùi, đã uống nhiều thuốc đông y không khỏi, trên 20 ngày phù càng nặng. Tôi đến chữa tại bác sĩ Lý, sau khi kiểm tra, bác cho tôi niệm số 650.000.3820, khoảng chừng sau 20 phút mí mắt tôi cảm thấy nhẹ đi, sau 30 đến 40 niệm, phút thì tôi bắt đầu đi tiểu tiện sau đó cứ cách nửa giờ tiểu tiện một lần. Đến sáng ngày hôm sau phù đã giảm hẳn, tôi thấy người có sức, tâm tình đã phấn khởi, vậy mà trước đây tôi đã phải tiêu hơn 200 bạc để mua thuốc chữa bệnh quái gở này mà không khỏi, nay chỉ niệm có mấy con số trong nửa ngày đã khỏi bệnh, tôi không biết tỏ lòng cảm kích như thế nào đối với bác sĩ Lý.

Có một lần vào khoảng cuối thu, tôi và bác sĩ Lý cùng lên phố. Khi đó tôi cảm thấy rất lạnh. Bác sĩ Lý cho tôi niệm số 40.80 và tôi có cảm giác hơi ấm lên, rồi bác cho tôi niệm 40.880, sau một lúc cả người tôi cảm thấy nóng lên, chỉ trong 10 phút, tôi đã không có cảm giác lạnh nữa. Tôi nghĩ rằng mấy con số của bác sĩ Lý cho tôi niệm đúng là con số thần kỳ.

Tự thuật 12: Tôi là Hồ Thị, 39 tuổi.

Là giáo viên chuyên ngành, vào chập tối năm 1991, đột nhiên tôi bị lên mề đay, rất ngứa không

chịu nổi, uống thuốc đông y và tây y đều không khỏi. Sau 7 ngày, tôi đến khám bác sĩ Lý, bà cho tôi niêm số 0002. Khi đó tôi niêm thấy toàn thân thoải mái, nhẹ nhõm, chỉ mấy phút sau thì bệnh tôi đã hoàn toàn khỏi hẳn, và sau này cũng không tái phát nữa.

Tôi rất khâm phục uy lực của những con số và cảm ơn bài thuốc kỳ diệu của bác sĩ Lý.

Tự thuật 13: Tôi là Vương Thị, nhân viên nhà máy điện Xích Phong.

Nay tôi đang nghỉ ở tại nhà. Ngày 28 tháng 12 sau khi trở dậy, phát hiện bên vú phải của tôi nổi lên một cục rắn rất to, người tôi phát sốt và đau; đến 10 giờ thì cục rắn đó đau vô cùng, tôi đoán là viêm tuyến vú, uống thuốc và tiêm cũng không thấy giảm. Tôi liền nghĩ tới bác sĩ Lý ở Viện Giáo dục, bà đã từng chữa nhiều bệnh nan y, vừa không phiền phức vừa không đau đớn. Không 10 giờ 30 phút tôi đến khám. Bà cho tôi niêm mấy con số, niêm không đến 20 phút, thấy cục cứng đau vô cùng và cảm thấy nóng lên, 11 giờ tôi về nhà, tôi luôn niêm số bác sĩ cho là 640.20. Đến 11 giờ 40 phút tôi đi gánh nước về nấu cơm, tôi lấy tay sờ vào vật cứng thì đã thấy không còn nữa, chỉ thấy hơi đau. Đến 2 giờ chiều, đã hoàn toàn khỏi hẳn. Tôi rất cảm ơn bác sĩ Lý đã giải thoát cho tôi khỏi

phải uống thuốc và tiêm mà lại khỏi nhanh như vậy, không ảnh hưởng đến việc bú của cháu nhỏ. Cảm ơn và lần nữa tỏ lòng cảm ơn thành kính.

Tự thuật 14: Tôi họ Lăng, 51 tuổi, người nhà đội Địa chất 3 Xích Phong.

Ngày 26 tháng 4 năm 1992, lưng của tôi như có cái gì đè nặng không thở được và rất đau. Đã 20 năm nay tôi không thể làm được việc gì nặng, đau đốn suốt ngày. Lần này thì đau rất nặng tôi bèn đến khám ở bác sĩ Lý, bác cho tôi niêm số 640.720, sau 10 phút niêm thì lưng tôi đã nhẹ hẳn và không đau nữa, tôi chỉ niêm có hai, ba ngày là khỏi hẳn, hiện nay tôi làm việc gì ở trong nhà đều không thấy đau nữa. Bác sĩ Lý đã chữa khỏi tận gốc căn bệnh đã hơn 20 năm của tôi. Ngoài ra trước đây tôi hay say xe, có một lần tôi ngồi xe, lên xe là tôi niêm con số đó, ngồi đến mấy tiếng đồng hồ không có cảm giác say, từ đó trở đi không còn say xe nữa, trong lòng rất phấn khởi vui vẻ như hoa nở trong lòng.

Tự thuật 15: Tôi là giáo viên trường chuyên Sư phạm dân tộc Mông Triệu Ô Đạt. Tôi là La.

Từ năm 1980 trở lại đây, tôi bị đau lưng ngồi đứng không yên, thường mất ngủ, hay quên, tiêu hóa kém, rất nóng vội, nóng tính, dễ cáu. Tôi đã đến kiểm tra ở bệnh viện về chức năng thận, nhưng không phát hiện thấy gì, rồi đến khám và

uống thuốc dân tộc Mông, vẫn không kết quả. Có bác sĩ nói: đây là chức năng thận bị suy thoái, là bệnh mạn tính, phải chữa lâu dài mới khỏi, và còn nói đây là bệnh từ bào thai (bẩm sinh) nên rất khó chữa v.v... Khi biết như vậy, tinh thần tôi rất buồn vì không có hy vọng chữa khỏi đau lưng. Khiến tôi đã ăn uống bữa bãi, ngày nào tôi cũng uống rượu, vì khi uống rượu, đau lưng cũng giảm đi chút ít, nhưng sau này lưng càng đau dữ dội, chẳng còn biết cách gì đành sống qua ngày, điều này tiếp diễn đã đến 11 năm.

Một ngày trong tháng 5 năm 1991, tôi đưa vợ tôi đến khám bệnh ở chỗ bác sĩ Lý. Bác đã cho vợ tôi niệm một nhóm số rồi sau đó thấy hỏi rằng có cảm giác gì không. Nói niệm để chữa bệnh tôi không tin, nhưng sau khi vợ tôi niệm đã có cảm giác tốt lên, tôi cũng không tin, có đúng là thế không? Vợ tôi sau khi khám xong còn để tôi khám, tôi chỉ với mục đích là thử xem, nói hết câu thì đùi trái tôi đau. Bác sĩ Lý hỏi tôi có phải bị ngoại thương hay do nguyên nhân gì? Tôi nói đây là kết quả học tập tại Trại 20 năm về trước, tĩnh mạch của tôi bị phồng lên và gây nên đau. Sau khi bà nghĩ một lúc bèn cho tôi một số 10.820 để tôi niệm. Khi đó đùi trái tôi rất đau, trong nhà lại đông người, tôi chỉ còn biết đứng, do đau quá nên ngồi đứng không yên. Tôi niệm một nhóm số đó, sau một lúc

không yên. Tôi niệm một nhóm số đó, sau một lúc hình như đau đã giảm nhẹ. Tôi đi quanh sân để niệm, vừa đi vừa niệm không đến 3 phút sau đùi tôi không đau nữa. Tôi cảm thấy rất kỳ lạ vì đó chính là sự thật. Và bà Lý cũng rất phấn khởi nói tôi như vậy là rất nhạy cảm đấy. Tôi nói vậy mà khi học khí công để chữa bệnh, mọi người đều bảo tôi rất chậm chạp, tôi không phải là người nhạy cảm, bà đã cười. Khi đó tôi mới chủ động nói thật với bác sĩ là tôi bị đau chân sau khi bà kiểm tra cho tôi và cho tôi niệm con số 650.3810, tôi niệm một thời gian thì bà có bảo tôi cần chú ý khi có phản ứng gì thì nói lại. Sau mấy ngày niệm con số này, đùi của tôi không giảm mà lại đau thêm, nhưng tôi vẫn kiên trì niệm. Sau một tuần lễ bệnh bắt đầu giảm dần. Một tháng sau tôi cũng đau ít đi, ngủ nhiều hơn. Sau 2 tháng trí nhớ của tôi được hồi phục, đã làm tôi có thể nhớ lại nội dung và quan điểm những sách trước đây tôi đã đọc, tư duy của tôi rất là hoạt bát, học tập cũng tiến bộ. Sau nửa năm, sức khỏe của tôi hoàn toàn khôi phục, đau cũng khỏi tận gốc, trong công tác học tập của tôi đã có những tiến bộ đột xuất.

Quá trình chữa bệnh thực tế của tôi đó là tài năng chữa bệnh của bác sĩ Lý. Tôi rất cảm ơn bác sĩ Lý có công hiến mới cho sự nghiệp Y học của Tổ quốc.

Tự thuật 16: Tôi họ Bao, 73 tuổi, là công nhân.

Một lần đang làm việc không cẩn thận tôi đã bị thương vào đùi, đau đớn không chịu nổi, có người dẫn vực tôi đến khám bác sĩ Lý. Sau khi kiểm tra bà cho tôi một nhóm số 0001000.70. Tôi mới chỉ niệm một thời gian chưa dài thì đùi tôi thấy không có gì phải chữa nữa, hết cả đau. Tôi với cái thân già đã sống trên 70 tuổi nhớ lại chỉ có mấy số thế thôi mà đã khỏi bệnh. Bác sĩ Lý thật là thần y, chỉ bằng mấy con số đó mà đã chữa khỏi bệnh cho tôi, tôi vô cùng cảm ơn.

Tự thuật 17: Tôi họ Cân, 41 tuổi, nhân viên bưu điện.

Năm 1975 tôi bị viêm tuyến vú, to như quả trứng gà, đã đi chữa nhiều nơi, uống nhiều thuốc không khỏi, trong lòng cảm thấy nặng nề sợ là bệnh không thể chữa khỏi. Năm 1988 nghe nói bác sĩ Lý ở Viện Giáo dục chữa bệnh giỏi, tôi đến châm kim một thời gian thấy bệnh đã có chuyển biến tốt. Năm 1989 bác Lý cho tôi niệm số 640.000.720, tôi đã niệm được hơn một tháng thì khối sưng đó ở trên vú đã hoàn toàn tiêu tan. Hiện nay tâm tình tôi rất là vui vẻ, cảm ơn bác sĩ Lý đã đem lại sức khỏe cho tôi, hàng ngày tôi đi làm cảm thấy thoải mái nhẹ nhàng.

Hiện nay hàng ngày tôi vẫn niệm và cảm thấy

sức khỏe càng tăng, làm việc gì tôi cũng không ngại. Từ ngày niệm đến nay người thấy nhẹ nhõm, còn trước đây làm một tí đã mệt, hiện nay không còn cảm giác đó nữa. Vì thế bây giờ với những con số này khi nào nghĩ tới tôi lại niệm. Bác sĩ Lý thường mua rất nhiều sách tại bưu điện, không biết bà đã nghiên cứu cái gì mà bằng mấy con số sao lại có uy lực đến thế.

Tự thuật 18: Tôi họ Vương, 25 tuổi, nhân viên địa chất.

Ngày 10-4-1992, trong mồm tôi sưng lên một cái bọng to; họng đau, nửa mặt đau, một miếng cơm cũng không nuốt nổi. Tôi đến khám bác sĩ Lý, bà cho tôi nhóm số 050.070, tôi niệm trên 10 phút thì đã thấy chuyển biến rõ rệt không còn đau nữa, sau khi về nhà niệm thêm hơn nửa tiếng nữa thì cái bọng sưng đó cũng tiêu tan mất, cả họng và đầu cũng hết đau, thế là khỏi hết rồi tôi phấn khởi nhảy cẫng lên.

Tự thuật 19: Tôi họ Lâm Thị, 57 tuổi, công nhân công ty tiêu thụ.

Mắt tôi bị đau, mở không ra, thường phải vén lông mi lên mới cảm thấy dễ chịu một chút, cứ như thế đã kéo dài hơn một năm nay. Đến khám bác sĩ Lý, bác cho tôi một con số 5.650, sau khi niệm nửa

giờ mắt tôi đã sáng lên nhiều và mi mắt cũng được thư giãn. Qua thời gian được bác sĩ Lý điều trị, hiện nay mắt tôi đã khỏi rồi

Tự thuật 20: Tôi họ Vương, là nhân viên đội địa chất.

Ngày 19-8-1992 tôi bị xe va vào bên ngực trái rất đau không lật người nổi và cũng không thể hít thở. Sau khi chụp phim mới biết tôi bị tổn thương màng xương, bác sĩ Lý cho tôi niêm số 5000.80. Tôi niêm không đến nửa giờ thì hết đau, sau này tôi cũng chẳng còn đau đốn gì nữa.

Tự thuật 21: Tôi họ Đỗ, 48 tuổi.

Vào tháng Giêng năm nay tôi bị đau đùi, đi khám bác sĩ nói tôi đau thần kinh tọa. Lúc đau nhất tôi không thể mặc được quần áo, tôi không ngủ được, phải nhờ người xoa đùi. Tôi đã qua nhiều bệnh viện, cũng tốn nhiều thời gian và mất thiếu tiền nhưng không khỏi. Sau nghe nói bác sĩ Lý chữa đau đùi rất giỏi, tôi đến khám. Sau khi bác sĩ Lý hỏi cận kề bệnh tình, đã cho tôi một nhóm số bảo tôi niêm, còn châm cứu cho tôi. Qua mấy lần chữa đã thấy đỡ. Có một lần tôi đã ghi ngược số niêm và thấy đau hơn mất 2 ngày 2 đêm, khi tôi đến thì không dám ngồi, tôi nói tình hình cho bác Lý nghe, bác bảo tôi đọc số đó, nghe xong

bác bảo ngược số rồi nên đã gây phản tác dụng. Bác Lý cho tôi hàng số 720.60, niệm chừng 10 phút, tôi đã thấy có chuyển biến rõ rệt. cũng không châm cứu nữa nên cũng không thấy đau lắm. Sau đó bà kết hợp với châm cứu, hiệu quả càng tốt, đùi trái của tôi chẳng mấy chốc đã khỏi, cảm tưởng ngón cái và ngón thứ hai có một hạt rất to lồi ra ngoài, sờ đến thì không thấy. Hiện nay tự tôi có thể mặc được quần áo, đi đứng cũng nhanh nhẹn hơn, nay chỉ thấy đùi có cảm giác toát hơi lạnh. Bệnh đã khỏi 80%. Bác sĩ Lý đúng là bác sĩ giỏi.

Tự thuật 22: Tên tôi là Lưu, 17 tuổi, học sinh lớp 9.

Trước đây một tháng tôi bị đau đầu, đã uống nhiều thuốc mà không khỏi, suốt ngày đầu cứ nặng trĩu ở trạng thái hôn mê. Trong lòng buồn bực có cảm giác như là ù tai, trong cổ họng hình như có một hạt như hạt đào chẹn trong cổ, gây ra một cảm giác đau đầu làm tôi không thể học hành bình thường được, tôi buộc phải nghỉ học để chữa bệnh. Tôi được biết có một thầy giáo ở trường tôi cũng bị như tôi, một nhân viên bị điếc dạng thần kinh, qua mấy lần được bác sĩ Lý điều trị đều khỏi.

Tôi có chút hy vọng tìm đến bác sĩ Lý, bà cho tôi niệm số 820, chỉ sau một lúc, đầu tôi cảm thấy tỉnh táo bình thường, cái hạt trong cổ họng cũng trượt xuống, kết hợp với châm cứu, cảm giác toàn

thân nhẹ đi rất nhiều. khí trong cổ họng chạy xuống rất nhanh, hầu như đã thay một đại não mới. Một tháng lại đây tôi đã có cảm giác rất thoải mái, đặc biệt là mấy ngày gần đây tôi niệm số 80.20.650.30 thì cảm giác nặng nề trên đầu tôi hoàn toàn mất. Nay tôi đã khỏi hẳn, tôi tiếp tục đi làm đề tài, đầu óc tôi không còn thấy buồn bực nữa.

Tôi đã bị bệnh trên 1 tháng đã được bác sĩ Lý chữa khỏi, hiện nay tôi rất an tâm học tập, vì thế tôi tỏ lòng cảm ơn chân thành đến bác sĩ Lý; đồng thời cũng xin thay mặt cho hàng trăm bệnh nhân đã được bác sĩ Lý chữa khỏi tỏ lòng biết ơn chân thành.

Tự thuật 23: Tôi là người dân tộc Tâm Kỳ, 38 tuổi.

Tháng 5 năm 1993, sau khi tôi được truyền dịch, đột nhiên hai bàn tay tôi sưng lên, cộng thêm đùi trái và chân cũng phù đau, không tự lo liệu sinh hoạt. Tôi đã đi chữa các bệnh viện lớn nhỏ tại đây đều không khỏi, thời gian đến trên 1 tháng không những không bớt sưng mà ngày càng nặng thêm. Đang trong lúc nguy kịch này thì nghe có bác sĩ Lý ở Viện Giáo dục chữa khỏi bệnh rất đặc biệt.

Lần đầu tiên tôi đến Viện Giáo dục, bác sĩ Lý bảo tôi niệm số 160 cộng với châm cứu, tôi cảm thấy bệnh đã nhẹ đi. Lần thứ 2 bà cho tôi niệm số 16000, đùi, chân và cả hai bàn tay đều đã giảm sưng, đồng thời hàng ngày toàn thân tôi ra mồ hôi

từ 4 - 5 giờ. Khi niệm tôi cảm thấy toàn thân có khí xuyên suốt. Lần thứ 3 niệm 729.650.80. sau 4 - 5 lần niệm hiện không ra mồ hôi nữa, cũng đã cảm thấy có hơi sức, nay giấc ngủ có giảm đi, đã có sinh lực, về cơ bản sức khỏe dần hồi phục, tôi đã đi làm bình thường.

Trước đây có bác sĩ nói tôi có khả năng phải cắt chi, gây cho tôi một áp lực tâm lý lớn, tư tưởng đè nặng, cơm chẳng muốn ăn, ngủ cũng không được. Còn hiện nay được bác sĩ Lý điều trị, bệnh tình rất nhanh khỏi, sức khỏe trở lại bình thường, trong lòng tôi rất phấn khởi.

Tự thuật 24: Tôi họ Hà, công nhân lắp ráp ô tô Xích Phong.

Ngày 21 - 3 - 1993 tôi sinh cháu gái, 3 ngày sau mẹ con tôi xuất viện bình an. Kèm với vui sướng là khổ tâm vì cháu không có sữa ăn. Cả nhà tôi cuống lên, vừa uống thuốc vừa tìm các bài thuốc dân gian nhưng vẫn không hiệu quả. Bà tôi bèn đến bác sĩ Lý và bác đã cho một nhóm số 38000.40 để tôi niệm. Sau khi niệm được nửa ngày là tôi đã có sữa, cứ liên tục mấy ngày niệm thì sữa đã đủ cho cháu ăn. Sau đó 2 ngày lưng của tôi bắt đầu đau, đã đau thì không thể ngồi được, đau đến chảy nước mắt... lại đi tìm bác sĩ Lý, lần này bác lại cho tôi số trước nhưng có thêm vào sau số 60, niệm được 4 - 5 ngày lưng tôi đã khỏi và không

thấy tái phát. Hiện nay con tôi đã được hơn 3 tháng, chóng lớn, rất thích đùa với mọi người, đó là phúc quý mà bác Lý đã đem lại cho chúng tôi. Mỗi khi nghĩ đến, tôi và cả nhà tôi rất cảm kích và biết ơn sâu sắc bác Lý.

Tự thuật 25: Tôi họ Tôn, 47 tuổi, nữ giáo viên tiểu học.

Thể chất của tôi thì quá tồi, nặng có 40 kg lại mắc rất nhiều bệnh khác nhau, như Can, tỳ, dạ dày, tim, lưng, nhất là ngày 29 - 2 - 1993 khi kiểm tra siêu âm tại bệnh viện thấy thận có kết sỏi, đường kính là 1 cm (khi đó là bác sĩ Lưu cho tôi biết). Sau này tôi đã đi chữa phá sỏi nhưng do người yếu không thể chịu nổi sự kích quang, cuối cùng có người giới thiệu đến khám bác sĩ Lý. Bắt đầu bác cho niệm 2 nhóm số, người đã thấy có sức khỏe ra, sau bác sửa thành 720.40.60. Sau khi niệm trên một tuần lễ, lại đúng vào lúc nhà trường kiểm tra sức khỏe (ngày 29 - 6), tôi đặc biệt lưu ý kiểm tra sỏi đến 2 lần cũng tại bệnh viện cũ với một bác sĩ cũ, qua kiểm tra đi kiểm tra lại, đã xác nhận là không có sỏi nữa, hiện tượng đau lưng đã chuyển biến tốt.

Điều này nói lên rằng chữa trị theo cách niệm số vừa đơn giản, dễ áp dụng lại không đau, không tác dụng phụ, hiệu quả nhanh chóng. Đây là phương pháp điều trị được nhiều người hoan nghênh.

Tự thuật 26: Tôi họ Tào, 34 tuổi, là nhân viên xây dựng.

Tôi bị phong thấp, đau đầu, nhức đầu gây ra mệt mỏi 7 - 8 năm đã qua nhiều lần chữa và uống thuốc không đỡ. Nay gặp bà Lý, bà cho niệm số và kết hợp châm cứu, niệm với các nhóm số 650.820; 60.40.720; 60.40.30.720; 720.60.40.30, v.v... Qua một thời gian chữa trị, trước mắt tình trạng sức khỏe của tôi đã tốt lên, đau đầu, nhức đầu, mệt mỏi đã dần tiêu tan, hàng ngày tinh thần công tác đã khá hơn. Đặc biệt trong chữa trị châm thích, bác sĩ Lý còn cho niệm nhóm số 60.40.30.720; 720. 60.40.30. Sau đó ít lâu, tôi đã giảm đau rất nhiều, thậm chí có lúc không còn thấy đau chút nào. Vì vậy tôi rất cảm ơn bác sĩ Lý.

Tự thuật 27: Tôi người dân tộc Tăm kỳ, 18 tuổi.

Tôi đau đầu khá lâu, đã chữa nhiều mà không khỏi. Sau đó tôi đến khám chữa tại bác sĩ Lý, bác sĩ cho tôi niệm số 60.50. Đầu của tôi đã hết đau, mà lại tỉnh táo hơn. Tại đây tôi không phải uống thuốc, cũng không phải tiêm, và lại không đau đốn gì, tôi chỉ biết nói là kỳ diệu.

Tự thuật 28: Tôi họ Vương, 54 tuổi.

Tháng 3 năm 1993, tôi đến thăm con dâu sinh cháu. Do đầu vú cháu bị nứt nẻ, gặp bác sĩ Lý, bác

cho niệm một số mật mã, niệm qua vài lần niệm đã thấy kiên hiệu. Còn tôi đã viêm khí quản hơn 10 năm (lúc đó tôi ho và khó thở). Bác sĩ Lý cho tôi niệm số 20.60, chỉ qua trên 10 phút, tôi đã thấy kiên hiệu. Sau đó tôi hàng ngày niệm, thấy bệnh ho và khó thở đã mất. Sau khi cháu đầy tháng thì bệnh của tôi cũng khỏi hẳn.

Tự thuật 29: Tôi họ Lưu, 60 tuổi, là nông dân.

Tháng 10 năm ngoái, do tức khí tôi đã bị bệnh là hay tiểu tiện, mỗi lần tiểu tiện là đau không chịu nổi, và cứ đến buổi chiều thì bụng dưới cũng rất đau. Trên nửa năm nay tôi đã đi chữa khắp nơi, kiểm tra tại bệnh viện chỉ được trả lời là không có bệnh gì cả. Tôi bị giày vò khổ sở vô cùng, coi như không còn cách nào đành phải về nhà uống thuốc, tiêm, truyền dịch, nhưng mỗi khi ngừng thuốc là lại đau như cũ, không hề giảm nhẹ.

Trước đây 1 tháng, nghe giới thiệu tôi đến xin chữa tại bác sĩ Lý. Bác sĩ cho tôi nhóm số, nhưng tôi niệm không thành, bác sửa đổi số đến 3 - 4 lần, mới quyết định cho tôi niệm số 600.50 kèm thêm tiêm thuốc và nhĩ áp. Tôi nay mới chỉ 1 tháng, mọi bệnh tật của tôi hầu như đã hết. Tôi vô cùng sung sướng. Nay ăn được, ngủ được giống như người bình thường. Con số của bác sĩ Lý thật có thần lực! Cảm ơn bác sĩ đã giải trừ khỏi bệnh cho tôi.

Tự thuật 30: Tôi họ Lưu.

Từ tháng 6 năm 1992. cánh tay phải của tôi bắt đầu đau và đau rất ghê gớm, đến không bưng nổi bát nước. Tôi đã khám ở bệnh viện và uống nhiều thuốc mà không khỏi. Tôi đã được một bác sĩ chữa theo cách châm phong bế, châm nhiều lần cũng không khỏi, tay tôi đã đau tới trên dưới 1 năm.

Sau này nghe nói có bác sĩ Lý ở Viện Giáo dục, bà cho niêm số và châm cứu rất giỏi, kể cả đau Can, đau lưng chỉ chữa một lần là khỏi. Nghe vậy, tôi muốn đến thử xem sao. Lần đầu bác sĩ cho tôi niêm 20.60, khi đó tôi đã chuyển biến tốt, lần thứ hai niêm 20.640 thấy kết quả càng tốt hơn. Lần thứ ba thì tay tôi hầu như đã khỏi hẳn. Bác sĩ Lý đúng là một thần y. Sau khi về nhà, cứ gặp ai tôi cũng nói đến bác sĩ Lý, cho bà là người làm sống lại người đã chết, "diệu thủ hồi xuân". Đến một bà từ Bắc Kinh cũng tìm đến bác sĩ Lý xin khám bệnh.

Tự thuật 31: Tôi họ Vu, học sinh lớp 12.

Sự bận rộn trong học tập đã làm tôi không thể được, cộng trời nóng nực tôi đã bị ốm. Mẹ tôi đưa tôi đi khám nhiều bệnh viện mà không chữa nổi chúng nôn mửa, đau đầu, vàng đầu. Sau đó mẹ tôi dẫn tôi đến bác sĩ Lý, Viện Giáo dục. Sau khi hỏi han tôi, bác cho tôi một nhóm số, bảo tôi niêm. Sau một lúc niêm, đột nhiên tôi cảm thấy tâm tình

bình tĩnh, không nóng lòng bất an như mấy ngày trước đây. Sau đó tôi tiếp tục niệm. Qua một lúc, tôi thấy óc tôi như mát mẻ ra, không còn nặng nề như trước, đầu cũng không đau nữa. Bác sỹ Lý nói với tôi, đó là liệu pháp tượng số và yêu cầu tôi thường xuyên niệm để trở thành một ý niệm, vận chuyển nhiều tới não, để đạt tới mục đích chữa bệnh. Để thoát khỏi cái khổ sở đã bám lấy tôi mấy ngày hôm nay, nên tôi cứ niệm không dừng lại. Qua mấy ngày, kỳ diệu thay là bệnh của tôi đều như khỏi cả, tôi lại tiếp tục học tập (nhóm số là 820.650).

Khi học thấy mệt mỗi tôi liền niệm một lúc thì thấy tâm tình thoải mái lan khắp cơ thể, tưởng như được thưởng thức một khúc nhạc êm vậy, làm tôi hết cả mệt mỏi. Mỗi khi tôi lo lắng bất an, tôi cũng niệm một lúc, tôi bình tĩnh lại ngay. Khi tham khảo các đề thi, đầu óc rất khẩn trương, niệm một lúc là tỉnh táo dễ dàng tìm ra được đáp án, mà đầu óc đặc biệt tỉnh táo, nên phát huy được năng lực, đã đạt được thành tích lý tưởng cho mình. Tôi cảm ơn nhóm số đó, càng cảm ơn phương pháp chữa trị bằng tượng số mà bác sỹ Lý đã sáng tạo ra, để trừ nỗi khổ của mọi người.

Tự thuật 32: Tôi họ Biên, 22 tuổi, là học sinh lớp 12.

Tháng 11 năm 1992, trong khi chuẩn bị thi rất

căng thẳng, không may tôi bị đau một bên đầu. Có khi chỉ cần chải đầu cũng đau không chịu nổi, đến nhiệm vụ học tập cũng không thực hiện được.

Tháng 5 năm 1993, trước khi tìm đến bác sĩ Lý, tôi cũng đã điều trị ở rất nhiều nơi, đã uống thuốc đông y, tây y, châm cứu, tốn mấy nghìn bạc, nhưng vẫn không kết quả rõ ràng.

Tới ngày 6 - 5 - 1993 tôi đến khám bác sĩ Lý, bác cho tôi một nhóm mã số kết hợp với ấn huyết tai, qua 9 lần chữa, hết gần 40 đồng, đã chữa khỏi hẳn bệnh đau đầu của tôi.

Nhớ lần đầu, bác sĩ luôn điều chỉnh mã số, yêu cầu niệm và luôn hỏi cảm giác của tôi. Cho đến khi thay đổi dần số 00, tôi cảm giác như đầu tôi có một dòng điện nhỏ thông qua, nó tê tê và chạy từ đầu xuống chân, khi đó đầu tôi rất dễ chịu, đau đã giảm hẳn. Sau đó vừa niệm số vừa ép tai, trong quá trình đó cơn đau thấy giảm, cứ làm như vậy một tuần hai lần.

Mã số gồm có 720.650.30; 720.60.530, khi điều chỉnh 820.650.30 thấy mắt bị nhức nhối, trào nước mắt, nhìn không rõ, bác vội điều chỉnh lại 820.60.530. Lúc đó tôi thấy rất tốt. Trong thời gian chữa trị, tôi có thể kiên trì đọc sách, sau khi chữa đến lần thứ 9, bệnh đau đầu của tôi khỏi hoàn toàn.

Hiện nay tuy đầu không đau, nhưng tôi đã trở thành tập quán vô thức cứ niệm số, tự nhiên tôi

nghe tới bác sĩ Lý tôn kính, bác đã dùng cách điều trị thần kỳ chữa khỏi bệnh đau đầu cho tôi; tôi vô cùng cảm kích, muốn nhắc mọi người có những bệnh quái ác bám lấy người, hãy đến đây mà chữa, vị bác sĩ thần kỳ này chính là bác sĩ Lý Sơn Ngọc tại Viện Giáo dục học.

Tự thuật 33: Tôi là Vương, 64 tuổi, ở xưởng đóng giấy.

Một lần tôi cảm cúm 4 -5 ngày, người phát sốt, cổ họng đau, ho, đến tối càng nặng. Hàng ngày tôi uống thuốc mà chẳng ăn thua gì, rất khó chịu. Sau này nghe đến bác sĩ Lý tại Viện Giáo dục, tôi bèn đến. Sau khi khám bác sĩ cho tôi niệm số 20. 50. Tôi niệm không bao lâu đã thấy nhẹ nhõm. Sau khi về nhà tôi tiếp tục niệm, cảm cúm đã hết, sau này tôi chẳng uống thuốc cũng khỏi. Tôi thấy so với uống thuốc thì cách chữa này nhanh hơn nhiều, tôi thường xuyên niệm thì bệnh dạ dày cũ của tôi cũng khỏi luôn, mà lại thấy người khỏe hơn, nên tôi vẫn thường xuyên niệm.

Sau này có lần tôi uống nước hoa quả làm tôi đau lưng, tiểu tiện nhiều lần không hãm được, khi đi tiểu còn thấy đau, tôi lại đến gặp bác sĩ Lý, bác cho tôi niệm số 200.50, chỉ 5 - 6 phút sau, thấy đỡ ngay, người dễ chịu, sau khi về nhà tiếp tục niệm thì bệnh khỏi hẳn.

Tự thuật 34: Tôi họ Trương, 42 tuổi, công tác tại Công ty lắp ráp.

Có lần tôi bị cảm cúm ho rất nặng, suốt trong 3 ngày uống thuốc chống viêm và thuốc ho nhưng không có tác dụng, sau đó tôi tìm đến nhà bác sĩ Lý. Sau khi bác cho tôi niêm số 20 thấy hết ho, về đến nhà tôi khỏi hẳn, tôi thấy cách chữa của bác sĩ Lý khác hẳn với cách chữa của bệnh viện. Đến bác sĩ Lý thường chỉ thời gian rất ngắn, tiền cũng hết ít mà bệnh đã khỏi rồi. Mấu chốt là những con số trên khi niêm nó thì tác dụng đặc biệt nhanh, đúng là các con số thần, tôi rất tin các con số ấy.

Tự thuật: 35 Tôi là Vương, 37 tuổi.

Tháng 10 năm 1992 tôi bị đau bụng (bụng dưới bên trái), đau rất ghê gớm phải đi khám bệnh viện bác sĩ nói không sao cả, cho nên chỉ cho tôi mấy viên thuốc về uống làm mấy lần là khỏi. Tới tháng 4 năm nay lại đau đến 3 lần, trong đó có một lần rất đau từ 3 giờ sáng cho đến 6 giờ, đến bệnh viện, nhưng bác sĩ lại không đi làm, chỉ vào phòng cấp cứu, họ tiêm cho một mũi mà chẳng có tác dụng, vẫn còn đau không ngớt, đến 7 giờ rưỡi tôi lại đến bệnh viện kiểm tra, bác sĩ nói đại khái là sỏi thận, đi kiểm tra siêu âm xem sao? Sau khi soi phát hiện viên sỏi to bằng hạt đỗ xanh. Bác sĩ cho một đơn thuốc về nhà uống, dặn uống nhiều nước cho nó xối

ra (có lẽ bác sĩ cho rằng điều kiện nhà tôi không đủ làm kích quang để phá sỏi). Trên đường về nhà tôi cho rằng chắc là chữa không khỏi. Vừa lúc đó gặp người hàng xóm nói trên Viện Giáo dục có bác sĩ Lý chữa bệnh rất giỏi. Thế là ngay chiều hôm đó tôi đã dùng xe đẩy đến Viện Giáo dục. Lần chữa thứ nhất đã thấy không đau, bác sĩ Lý cho tôi niệm số. Lần thứ nhất niệm số 6000. Bụng thì hết đau nhưng lại trướng lên, lưng bên trái lại đau ê ẩm, không thể ăn được gì cả (vì tắc khí trong bụng), đến ngày thứ 3 tôi lại đến chỗ bác sĩ Lý, tôi nói rõ tình hình cho bác biết, bác lại cho tôi niệm con số khác lại không tác dụng cuối cùng bác cho con số 3820.650. Lần này đã có tác dụng, hơi đã xì ra, người rất thoải mái, bệnh cũng đỡ nhiều và đã muốn ăn, tôi lại đi lần nữa và cũng là lần thứ 3 thì kết quả đã tốt hơn nhiều. Bệnh của tôi căn bản đã khỏi hoàn toàn. Chỉ niệm 3 đợt các con số đó đã thoát được viên sỏi như hạt đậu xanh, nay thì sỏi không còn, cảm ơn bác sĩ Lý, bà đã có bàn tay thần chữa khỏi bệnh cho tôi.

Tự thuật 36: Tôi là Phó, sinh năm 1960, là nông dân.

Vào buổi tối tháng 9 năm ngoái, tôi đột nhiên bị đau lưng và bụng dưới. Sau đó tôi có đi bệnh viện kiểm tra và làm siêu âm, xác nhận tôi có sỏi

bàng quang, đường kính 0,8 - 1 cm. Chữa ra sao bệnh viện cũng không trả lời rõ ràng, qua điều trị đông tây y vẫn không thấy có kết quả. Sau đó tôi đến bệnh viện 220 quân khu Xích Phong, cũng chẩn đoán là sỏi bàng quang, Nhưng bệnh viện 220 cho biết phá sỏi có thể chữa được, nhưng không bảo đảm hoàn toàn, phải vào điều trị bệnh viện, viện phí tối thiểu là 1000 đồng. 1000 đồng đối với người nông dân nghèo như chúng tôi đúng là con số đáng sợ, nhưng vì sinh mệnh tôi đã đi vay tất cả những người thân đủ 1000 đồng viện phí. Cũng lúc này em tôi đi công tác tại Viện Giáo dục Xích Phong đã dẫn tôi đến gặp bác sĩ Lý. Qua nhĩ áp và châm kim 2 lần nhưng chưa kết quả. Tôi đã thấy mất lòng tin, lần thứ 3 bác sĩ Lý cho tôi niệm số 60.2000. Quả nhiên đến sớm ngày thứ hai trong nước tiểu của tôi đã ra 2 viên sỏi bằng hạt đậu vàng. Tôi thật ngạc nhiên vô cùng kêu lên "Tuyệt! Quả là thần y!".

Ngày nay bệnh của tôi đã khỏi hoàn toàn. Tôi rất biết ơn bác sĩ Lý đã chữa cho tôi.

Tự thuật 37. Tôi họ Vương, 28 tuổi, là công nhân xưởng may.

Ngày 2 tháng 3 năm 1993, khi tôi hàn điện không may bị bỏng mắt, khi đó mắt tôi đỏ trào nước mắt, đau đớn vô cùng. Tôi đến chữa tại bác sĩ

Lý. Sau khi khám xong bác cho niệm số 003. Sau khi niệm mất tôi đã dần dần nhẹ nhõm, chưa đến nửa ngày đã khỏi.

Tự thuật 38: Tôi họ Mã, 30 tuổi.

Chân trái của tôi đau không thể lao động được, đến khám bệnh viện, bảo tôi viêm tĩnh mạch phải mổ. Sau đó nghe nói bác sỹ Lý có thể chữa khỏi tôi bèn tìm đến bà. Qua mấy lần chữa, bệnh gần như đã khỏi. Mỗi lần bác cho niệm một nhóm số tôi cảm thấy chuyển biến rõ ràng. Có một lần khi bác châm thích và cho niệm 720.40, chỉ cần niệm thì châm thích không thấy đau, nếu không niệm thì lại đau, tôi cảm thấy rất kỳ lạ nên tôi đã viết lại hiện tượng này, để giới thiệu lại với mọi người.

Tự thuật 39: Tôi họ Trương, 41 tuổi.

Sau lưng và sườn tôi đau đã một năm hơn. Khi bị đau tôi không đi lại dễ dàng. Sau đó tôi đến bác sỹ Lý. Trước tiên bác châm kim bốn lần, hiệu quả không cao. Tới lần thứ năm bác sỹ cho tôi niệm số 650. Sau khi niệm, trong ngày tôi đỡ hẳn, sang ngày thứ hai thì không đau nữa. Hiện toàn thân tôi rất thoải mái dễ chịu. Bác dặn tôi về nhà thường xuyên niệm để sức khỏe tăng lên. Tôi đã niệm khỏi và tôi tiếp tục niệm.

Tự thuật 40: Tôi họ Trương, 54 tuổi, là kế toán.

Tôi bị đau nửa đầu theo chu kỳ đã tới gần 10 năm, 4 - 5 năm lại đây đau ngày càng nặng. Tôi đã điều trị đông tây y rồi nhưng không kết quả. Ngoài đau bên đầu ra, cứ tối đến, chân tay tôi nóng lên, phần ngực tức nặng, không ngủ được. Khi đau đầu tôi chỉ biết uống thuốc, tay thì bóp đầu. Mỗi lần đau từ 3 - 5 ngày liền, nó đã trở thành chu kỳ. Cứ gặp điều gì gấp gáp là đầu lại đau.

Tôi nghe đồng sự nói "Bác sĩ Lý Viện Giáo dục Xích Phong dùng mã số và kim chữa khỏi bệnh". Ngày 30 - 6 - 1993 tôi đến khám. Đầu tiên bác cho tôi niệm số 650, tôi niệm chưa được 3 phút, tôi cảm thấy mặt tôi tê và nóng. Sau đó bác cho tôi niệm tiếp 60.50, niệm khoảng 10 phút, tôi thấy bàn chân như có hơi lạnh, đầu thấy mát mẻ. Tiếp đó bác sĩ châm cứu cho tôi. Ngay ngày hôm đó tôi về nhà, đầu tôi rất mát mẻ, tâm tình vui vẻ, tôi ngủ được, chân tay đã mát, chồng tôi sờ lên chân cũng nói là không nóng nữa. Sau đó bác lại sửa cho tôi niệm 60.50.30, tôi niệm vẫn tốt, duy chỉ khi niệm chân tay tôi nóng lên, nhưng khi không niệm thì chân tay lại mát, thay đổi rất rõ ràng, mỗi lần niệm như vậy đều có chồng tôi hỗ trợ và chứng kiến. Bắt đầu từ 16 - 7 bác lại chỉnh cho tôi niệm số 60.50.30.820. Niệm xong là tôi thấy buồn ngủ, toàn thân có cảm

giác nhẹ nhàng. đau đầu cũng giảm, chân tay hàng ngày nóng nay đã hết. Từ 26 - 7, bác lại chính cho tôi là 260.50.30.80, đầu nhẹ hẳn, trong lòng thấy nóng lên. Từ đó trở đi tôi thấy người nhẹ hẳn, cứ mỗi lần thay đổi mã số là có một cảm giác khác. Từ khi đổi sang niệ̣m số 260.50.30.80, tôi có cảm giác không buồn ngủ nữa, lưỡi khô nay đã hết, mềm mại trở lại.

Tự thuật 41: Tôi họ Trương, 58 tuổi.

20 năm nay tôi bị nấm da trâu (vẩy nến), và đã đi khắp nơi chữa nhưng không khỏi. Có người mách tôi đến chỗ bác sĩ Lý sẽ chữa khỏi, tôi tìm đến ngay. Bác sĩ cho tôi niệ̣m 650.7200, tôi niệ̣m mấy lần đã thấy có hiệu nghiệm, nay đã khỏi 50% và còn đang tiếp tục chữa.

Tự thuật 42: Tôi họ Mai, 51 tuổi, nữ nhân viên đài truyền hình.

Từ tháng 11 - 1992 khi phát hiện vai phải tôi bị tê, thấy tay giờ lên cao rất đau. Đến tháng 5, bác sĩ Lý bảo tôi niệ̣m số 820, sau đó thấy giảm dần, nay cơ bản không còn đau nữa, khi niệ̣m thấy người lâng lâng nhẹ nhàng.

Tự thuật 43: Tôi họ Quách, 38 tuổi.

Từ năm 1987 tôi bị viêm túi mật, tới nay đã 5 năm, ngoài ra tôi còn đau đầu, đau lưng, tiêu hóa

kém, đau dạ dày, v.v... cứ 5 - 6 ngày đến chữa một lần, qua châm cứu có hiệu quả, xong bác sĩ Lý cho niệm số, cuối cùng là số 40.60.3800 là có hiệu quả ngay, sau cho đến nay qua niệm trên 1 tháng, bệnh cơ bản khỏi. Nay đã hơn 1 năm, tôi vẫn niệm, hiện bệnh khỏi hẳn, không thấy tái phát nữa.

Tự thuật 44: Tôi họ Trương, 61 tuổi, người nông thôn.

30 năm trước tôi mắc bệnh tim. Mỗi lần đau thì tim tôi đập liên hồi không ngừng, lên đến tận cổ, toàn thân tôi phát run lên, còn da đầu tôi cứ căng ra rất khó chịu. Cứ mỗi lần bệnh, tôi lại mất bao sức lực, khi đó mỗi năm tôi bị vài lần, mỗi lần đến 45 phút, rồi cũng quen đi. Sau này tuổi càng cao, bệnh càng nặng thêm. 10 năm lại đây tôi hầu như ngày nào cũng bị, đặc biệt là 2 - 3 năm gần đây lại càng nguy hiểm, hàng ngày mấy lần không còn nhớ nữa và mỗi lần từ 20 phút đến 1 giờ, có lần tới 2 giờ 40 phút. Hai năm nay cổ họng tôi hình như có cái gì mắc trong đó, rất khó chịu, huyết áp cũng cao 180/130, luôn phải dùng thuốc giảm áp. Suốt ngày trong lòng rối bời, tứ chi hầu như hết lực, đầu thì căng ra như bị kẹp gỗ vậy, đúng là mười phần sống một. Mùa đông năm ngoái, con gái cả của tôi dẫn tôi đến chỗ bác sĩ Lý, thấy con gái được chữa tốt, nên tôi cũng quyết định thử xem

sao. Thú thực lúc đó tôi cũng chẳng có hy vọng nào, tuy bác sĩ Lý có tài giỏi, nhưng làm sao chữa khỏi cho bệnh tim đã có trên 30 năm. Khi đến tôi được niệm mấy số và cuối cùng niệm số 720.40. Tôi có cảm giác càng niệm càng thấy dễ chịu. Tôi về nhà tiếp tục niệm nghiêm túc. Tuy vẫn thỉnh thoảng còn có nhịp nhẩy ngược lên, nhưng chỉ vài lần rồi lại xuống. Tôi tiếp tục niệm gần một tháng, tôi đã thấy chuyển biến tốt, những nhát đập nhẩy ngược đã giảm, nếu có nhẩy ngược thì giảm xuống ngay. Người tôi đã có sức, trong lòng hết buồn bực, đầu đã tỉnh táo, họng cũng dễ chịu hơn. Tới nay gần được nửa năm chữa trị, bệnh tim của tôi có trên 20 năm về cơ bản đã khỏi, cao huyết áp có trên 10 năm giờ cũng đã bình thường. Đến nay tinh thần tôi rất phấn khởi, cứ như được sống lại vậy. Tôi không có văn hóa, không hiểu gì về y học, nhưng với phương pháp chữa bệnh bằng mã số đó của bác sĩ Lý thật kỳ diệu, không những vừa hiệu quả lại vừa nhanh, tôi thấy gặp ai đã chữa bệnh tại đây đều cho là thần kỳ. Chỉ cần vài lần chữa, niệm vài phút mã số, có người chỉ niệm vài lần đã khỏi bệnh. Đó là việc tôi đã được trải qua, tận mắt trông thấy mà tôi cũng không thể giải thích nổi. Tôi mong rằng tất cả những người bệnh như tôi trong thiên hạ đều có may mắn như tôi, không một

viên thuốc, không một mũi kim tiêm, không đau, không khổ, không mất thời gian, chỉ cần niệm là đã khỏi bệnh.

Tự thuật 45: Tôi là Lãng, 51 tuổi

Tôi là người nhà của đội địa chất 3, thành phố Xích Phong. Ngày 26 tháng 6 năm 1993. Khi tôi từ xe buýt công cộng tuyến 3 xuống xe, bị một người húc ngã, môi bị rách, lúc ấy phải đưa vào bệnh viện huyện khâu 2 mũi, môi bị sưng to, răng bị lung lay, 4 chiếc răng cửa bị lung lay nhiều. Cơm không ăn được, nước nóng không uống được, chỉ uống vài ngụm nước nguội, đau không chịu nổi, suốt đêm không chợp mắt được. Sáng ngày hôm sau, môi càng sưng to hơn, tôi bèn đến chỗ thầy Lý. Bà cho tôi đọc một nhóm chữ số là 2000.650, sau khi đọc chừng 10 phút, môi và răng đều không đau nữa, ở môi tựa như có con sâu bò cảm thấy rất dễ chịu. Đến ngày thứ 2, chỗ môi bị rách và sưng đều tiêu sưng hết, da môi dần dần sệ xuống, đến ngày thứ 3, da môi đều lộn trở lại, ngày thứ 7 môi trở lại bình thường, răng không lung lay nữa. Sau 7 ngày môi và răng đều không đau, sau đó trở lại như cũ.

Sau 7 ngày niệm những con số của thầy Lý mà tôi đã giảm được bao nhiêu đau đớn, đỡ bao nhiêu khổ, vết thương chóng lành, không phải uống một

viên thuốc tiêu viêm giảm đau nào, tôi không biết nói thế nào để cảm tạ thầy Lý, y đạo của thầy quá cao.

Tự thuật 46: Tôi là Hình, 40 tuổi

Tôi bị đau lưng đã hơn một năm, qua kiểm tra thì biết tăng sinh chất xương, uống thuốc điều trị, hiệu quả không nhiều, về sau tôi đến Viện Giáo dục nhờ thầy Lý điều trị. Sau khi xem, thầy Lý cho tôi đọc một nhóm số 60, bắt đầu có hiệu quả. Lần thứ 2 lại đổi là 1000.60 đọc một lúc, thấy hiệu quả rất rõ, lại kết hợp châm cứu, về sau tôi không có thời gian đến, vẫn thường xuyên đọc con số này, lưng hết đau. Mắc bệnh hơn một năm, điều trị giản đơn như vậy mà khỏi.

Tự thuật 47: Tôi là Liêm, 62 tuổi

5 năm trước tôi bị sỏi mật, đã cắt bỏ túi mật. Đến năm 1993 vùng mật tự nhiên đau hơn 1 tháng. Về sau tôi nghe nói ở Viện Giáo dục có thầy Lý chữa bệnh rất đặc biệt, tôi bèn đến điều trị. Thầy Lý bảo tôi đọc nhóm số 40, được một lúc thì khỏi đau. Sau khi niệm 3 ngày cơ bản không đau nữa. Tôi đã đến nhiều bệnh viện điều trị chưa hề nghe ai nói điều trị bằng con số. Tôi còn bệnh viêm phế quản cũng đỡ nhiều. Năm nay tôi đã hơn 60 tuổi, lần đầu tiên thấy cách chữa này chỉ trong thời gian ngắn đã khỏi. Tôi vô cùng cảm ơn thầy Lý, tôi nghĩ ai từng được

thầy Lý điều trị, hẳn đều cảm ơn thầy, thầy Lý vất vả đã đem hạnh phúc cho người khác.

Tự thuật 48: Tôi họ Cao, 20 tuổi.

Khớp gót chân phải của tôi từ nhỏ đã sưng đau, đi bị lắc, lúc mỗi càng đau dữ, điều trị đã nhiều năm mà không khỏi, tháng 2 năm 1993 sau khi tôi đến điều trị chỗ thầy Lý, bệnh cơ bản đã khỏi. Qua nửa năm, tình hình tốt, chỉ khi mệt quá mới cảm thấy đau. Tháng 8 tôi lại đến thầy Lý, thầy đổi nhóm số cũ một ít, ngay hôm đó không còn đau gì nữa, qua 4 lần đã khỏi hoàn toàn, lần trước nhóm số là 4000.820, lần này đổi là 4000.370, ở nhà mỗi khi đau, tôi đọc nhóm số ấy là khỏi.

Tôi không ngờ chỉ mấy con số mà chữa khỏi bệnh của tôi đã mắc hơn 10 năm qua, nay cơ bản bệnh đã chữa khỏi. Tôi phấn khởi biết chừng nào.

Tự thuật 49: Tôi họ Trọng, 48 tuổi, nông dân.

Tháng 9 năm ngoái, chân tôi bị đau ê ẩm không thể làm việc được, tôi đến khám tại bác sĩ Lý. Khám xong bác bảo tôi đau thần kinh tọa. Bác vừa châm cứu vừa cho tôi niệm số. Chữa đến 10 lần, mỗi lần chữa là mỗi lần cảm thấy nhẹ đi, và cuối cùng là hết đau.

Tháng 7 năm nay, vì lao động quá sức, đùi tôi lại đau, tôi lại đến vừa niệm mã số vừa châm cứu. Bắt đầu bác cho tôi niệm số 1000.80. sau đó lại

niệm 70.40, sau khi niệm đùi tôi lại hết đau. Nhất là khi niệm số 70 thấy rất hiệu nghiệm. Sau này cánh tay trái của tôi bị đau, bác lại cho tôi niệm 70.20, sau 4 - 5 phút là đã khỏi. Mỗi lần thay số tôi lại thấy hiệu quả hơn. Hiện nay tôi niệm số 70 thấy hiệu quả nhất. Giờ đùi tôi còn hơi đau, nên vẫn đang tiếp tục chữa.

Tự thuật 50: Tôi họ Vương, 35 tuổi, là nông dân.

Đầu tháng Giêng năm nay, cổ và hai cánh tay tôi bị đau ê ẩm, đã xoa bóp trên 20 ngày vẫn không hiệu quả. Ngày 3 - 8 tôi đến khám bác sĩ Lý, lần đầu tiên bác tiêm và cho niệm số 5000, lần sau là 40.70, tôi về nhà niệm thấy không hiệu quả lắm. Lần thứ 3, bác bảo tôi cần phải niệm tiếp tục tại nhà. Lần thứ 5 sửa thành mã số 50.70, tiêm xong tôi về nhà tiếp tục niệm. Cứ qua niệm xong, tôi lại thấy nhẹ đi. Trước tôi lấy tiêm làm chủ, niệm chỉ là thứ. Nhưng thực tế lại không như tôi tưởng. Tôi không ngờ niệm hơn hẳn tiêm, nhanh khỏi hơn, bệnh của tôi đã chuyển biến tốt. Đúng là tiêm và niệm của bác sĩ Lý rất là linh nghiệm.

Tự thuật 51: Cháu họ Tùng, 13 tuổi người nhà của xưởng giày da.

Khoảng trước đây một tuần, đùi cháu bị đau ghê gớm, tối đi ngủ cứ cảm thấy không có chỗ để

gác chân. sau đó cháu đến khám ở bác sĩ Lý. Bắt đầu bác cho cháu niêm số 650.380, cháu vừa niêm thì đã thấy từ đầu gối xuống gót chân toát ra hơi lạnh, cháu thấy cũng chịu được, sau đó thấy tê tê. Bác lại cho niêm 60.50 380, cháu thấy chân vẫn tê, cuối cùng bác sửa thành 650.30.80, niêm số này chân cháu đã hết tê, thấy rất tốt. Về nhà, cứ có thời gian rồi cháu lại niêm, quả nhiên chân của cháu đã hết đau. Sau đó cháu cũng không bị đau lại nữa. Vừa chẳng phải uống thuốc cũng không phải tiêm, mà đùi đã khỏi, thật kỳ lạ.

Tự thuật 52: Tôi họ Thời, 50 tuổi, nhân viên thuộc Viện Giáo dục.

22 năm trước tôi bị bệnh vi trùng que PUSS (bệnh nghề nghiệp). Xương thịt toàn thân bị đau; 20 năm lại đây lại huyết áp thấp, thân nhiệt thấp. Năm 1985 bị lại viêm khớp vai, năm 1988 lại viêm túi mật, tôi đã được liệt vào dạng người bệnh tật.

Đầu tháng 4 năm nay tôi thấy mũi khô và nóng, ngày ngày tôi thường phải rửa mũi mấy lần, đến giữa tháng, toàn thân thấy khó ở, chẳng muốn ăn uống gì, chẳng thấy mùi vị gì. Đến 25 - 4 mũi bị căng và đau, đến 8 giờ tối thì bên trái đau ghê gớm, hai bên cổ tôi sưng hạch, toàn thân thấy ê ẩm, chân trái đi khó khăn vừa đau vừa nhức. Sáng ngày 26, mặt tôi sưng đau, mũi mắt đều thẫm lại, môi trên

của tôi thâm lại và không động đậy, trong lòng buồn bực, đại tiểu tiện không thông. Cảm giác toàn thân như tấm gỗ. Nghĩ rằng tôi đã bị bệnh quái quỷ gì rồi đây. Muốn đi bệnh viện đã thấy hết sức. Khoảng 9 giờ tôi buộc phải đến chỗ bác sĩ Lý. Khi đó phòng khám đầy người, tôi vội kêu lên: "Bác sĩ ơi mũi tôi lên một cái nhọt độc, đau lắm, mau giúp tôi với". Bà vội vàng lấy bút ghi cho tôi mấy số và bảo tôi, hãy niệm những số này đi, có phản ứng gì cho tôi biết ngay. Tôi nhận mấy mã số đó là 720.4000. Bác nói với tôi, hãy về nhà niệm số này đi. Tôi nài nỉ bác hãy cho tôi ít thuốc! Bác nói "không cần thiết".

Tôi bán tín bán nghi về nhà, về nhà nằm lên giường niệm mã số 720.4000. Đến 14 giờ chiều, tai trái tôi tự nhiên phát ra tiếng kêu tè tè, nếu ngừng niệm thì cũng hết kêu. Tôi nghĩ có lẽ có hiệu quả nên tiếp tục niệm. Tôi niệm đến nửa đêm thì ngủ đi lúc nào không biết. Cơn đau làm tôi sực tỉnh, lại niệm. Chiều ngày 27 tôi còn nghi, nếu không uống thuốc thì khỏi làm sao được. Tôi lại đến phòng khám và có đề nghị cho tôi ít thuốc uống. Bác sĩ sau khi kiểm tra xong nói: "Nhọt của bác là nhọt độc, khí độc lớn lắm" và lại cho tôi mã số 820.160.430 tôi ngồi ghé niệm, đầu lưỡi ra nước, sau đó mồm tôi phun ra bọt trắng. Phun phì ra có tới gần một giờ mới ngừng. Trong người tôi đã cảm thấy mát mẻ. Sau khi về nhà niệm mấy giờ, tôi cảm giác mũi và

quanh mắt như thấp xuống, sau đó lại như miết từ dưới lên trên, sau mấy giờ thì cơn đau đã giảm nhẹ, mấy ngày sau lại tiếp tục phun phì ra bọt trắng, toàn thân ra mồ hôi, cảm giác như mọi chỗ đều có khí chảy ra ngoài. Niệm đến ngày thứ ba đã thông đại tiện và từ khô sang lỏng, phải 5 ngày chỉ ra bọt dính; cứ niệm thì ra, ngừng thì không ra. Sau một tuần thì niệm hay không vẫn đại tiện từ 4-5 lần mỗi ngày, có khi đến 10 lần, càng ngày càng lỏng, càng đi càng thấy tinh thần phấn chấn, hạch ở hai bên cổ đã nhỏ lại. Sau hai tuần thì khắp người từ tai, hai má, cổ, ngực, đùi, chân đều thấy lâm râm tê tê mọc lên những nốt đỏ to như hạt gạo rồi da nổi lên những mảng bằng phẳng, ngoài ra còn nổi lên các cục máu tím như hạt đỗ, rất ngứa. Ngực ra nhiều nhất. Tôi có cảm giác như toàn thân thải ra chất độc. Khi mày mặt bị căng thẳng của tôi đã giảm nhẹ, sắc mặt cũng tốt lên.

8 giờ sáng ngày mồng 2 tháng 6 ở giữa mũi có mọc lên như những rễ cây, đến 18 giờ thì nhiều nhất, cảm giác ở đầu mũi có cái rễ dài như củ cải được nhổ ra, ngay lập tức người tôi thấy dễ chịu, toàn thân nhẹ đi rất nhiều. Hôm sau tôi lại đến phòng khám, mới vào cửa tôi đã nói to: "Bác sĩ ơi, hôm qua tôi đã nhổ đi một cái rễ củ cải ở trong mũi". Bác sĩ nói "bà trắng ra rồi". Tôi nói "vẫn còn một chút mệt, làm thế nào hả bác?" Bà viết ra mã

số 650.30.820. sau khi niệm tôi cảm giác toàn thân ấm hẳn lên, đại tiện lỏng ngừng hẳn, các nốt ngứa đã khô. Tôi đã bắt đầu muốn ăn hoa quả, rau xanh, dần dần đã muốn ăn bánh bao, cháo v.v... ăn uống dần đã trở lại bình thường.

Bản thân tôi cũng không thể tin rằng đã niệm số gần 50 ngày, đại tiện lỏng. Mỗi ngày chỉ uống 2 lần thuốc củ cải với muối hoặc là canh đỗ xanh có thêm tý muối hoặc đường hoặc uống nước củ cải hoặc cháo ngô loãng, ăn mấy củ tỏi ngâm giấm đường. Khi đó người nhà rối cả lên, mấy lần tìm bác sỹ Lý nói: "Với thời gian dài ngày không ăn cơm thì chịu sao được", bác sỹ trả lời: "Bệnh khỏi rồi tự nhiên muốn ăn thôi". Khi đó các bạn bè và những người cùng làm việc gặp tôi nói: "Chị phải coi trọng bệnh của chị, không nên chần chừ, đi bệnh viện ngay hoặc đi lên Bắc Kinh!". Bản thân tôi cũng hoang mang không biết như thế nào. Vậy mà hiện nay tôi cảm thấy mình không còn là bệnh nhân nữa. Nghĩ lại cứ tưởng như năm mơ. Tôi cũng chẳng biết mấy con số của bác sỹ Lý như thế nào để cảm ơn, những con số thần kỳ này đã chữa khỏi bệnh cho tôi và khỏi luôn tất cả các bệnh mạn tính nữa.

Tự thuật 53: Tôi họ Tương, 36 tuổi, làm tại xưởng dệt.

Một năm trước đây tôi cảm thấy có lúc bị đau

lưng, đến mùa xuân năm nay, bệnh tình thấy nặng ra, thận phải và hệ thống bài tiết rất đau, dùng thuốc tiêu viêm cũng không kiến hiệu. Sau đó tôi đến khám bác sĩ Lý. Sau khi bà kiểm tra kỹ cho tôi chẩn đoán là sỏi thận. Bà cho tôi nhóm số 070, niệm một tuần thấy giảm đau. Lần thứ hai cho tôi niệm số 40.70, niệm những số này thì ngay trong ngày tôi đã thải ra những vật hỗn hợp màu trắng và còn đau từng trận, càng đau tôi càng niệm, đến ngày hôm sau thì đã thải ra những chất như bột to như những viên thuốc giảm đau. Lúc này tôi thấy lưng đã nhẹ nhàng, đau đã giảm. Sau đó tôi đến hai lần, đổi số niệm là 40.720, chỗ đau cơ bản đã mất. Sau này tôi đi công tác dài ngày cũng cảm thấy rất tốt chẳng phải đi chữa đã khỏi. Đến nay tôi cảm ơn bác sĩ Lý đã dùng rất ít thời gian mà loại trừ được một số bệnh lớn trên người tôi. Phương pháp này của bác sĩ Lý khó mà bình luận, tôi suốt đời chưa bao giờ nghe thấy chỉ mấy con số đã làm sạch sỏi trong mấy ngày, thật thần kỳ!

Tự thuật 54: Tôi họ Lý, 31 tuổi, là kỹ sư thủy lợi.

Tôi bị đau dạ dày đã trên 10 năm. 2- 3 năm lại đây bệnh nặng lên, thường xuyên đau. Lúc nặng nhất đến trên 10 ngày. Tôi đã dùng nhiều loại thuốc dạ dày nhưng không có hiệu quả rõ rệt. Bệnh dạ dày đã ảnh hưởng nhiều đến công tác

nghiên cứu của tôi. Năm nay nghe nói bác sĩ Lý có liệu pháp tượng số chữa được tất cả các bệnh nan y hiệu quả rất tốt. Tôi từ trước đến nay chưa từng khám bệnh, do chị tôi nói về bệnh tình của tôi, bác sĩ đã cho tôi 3 nhóm số 720.40; 70.40; 70. Cũng đúng vào buổi chiều hôm sau dạ dày tôi lại đau, tôi niệm 3 nhóm số này. Khi niệm mấy lần số 70.40, dạ dày tôi hết đau. Từ đó trở đi mấy lần cảm thấy dạ dày khó chịu tôi niệm 70. 40 thì lại khỏi ngay. Tôi đã niệm trong thời gian gần một tháng, thấy dạ dày không còn đau nữa. Tôi chân thành chúc liệu pháp tượng số của bà thành công và phát huy y thuật tinh tế, trừ được nhiều nỗi khổ cho bệnh nhân, cống hiến lớn lao cho sự nghiệp chữa bệnh của tổ quốc.

Tự thuật 55: Tôi họ Biên, 41 tuổi.

Tôi mắc cái bệnh thèm ngủ, lúc nào cũng chỉ muôn ngủ, lưng cứ trùng xuống, có đến 10 năm nay chữa và uống thuốc không khỏi. Cứ ngừng thuốc là lại như cũ. Sau này tôi đến chữa bác sĩ Lý. Bác cho tôi nhóm số 650.3820, niệm một lúc thấy tinh thần dồi dào, đầu sáng ra. Từ đó đến 3 tháng sau tôi không mắc bệnh thèm ngủ nữa. Khi nào thấy khó chịu tôi chỉ niệm mấy số này và thấy khỏe ra.

Ngoài ra, tôi còn một loại bệnh là lòng bàn tay hay ra mồ hôi, tay dễ bị run run, qua điều trị lần

này cũng khỏi luôn. Cho nên tôi xin giới thiệu với bạn bè của tôi đến chữa bác sĩ Lý.

Tự thuật 56: Tôi họ Trương, năm nay 46 tuổi.

Tôi mắc một bệnh quái đản. Đã 2 năm nay tôi bị bệnh từ dạ dày bốc hơi lạnh ngược lên, chân răng toát ra khí lạnh, mồm cùng lạnh, sau đó đầu lười và mồm bị co lại, răng toát ra khí lạnh, dạ dày trướng lên rất khó chịu. Tôi chữa khắp nơi, tốn khá nhiều tiền, có lúc cũng đỡ, có lúc lại đau ghê gớm, sau này nghe bác sĩ Lý dùng cách niệm số chữa bệnh, có người bị đau đầu chỉ cho niệm số là khỏi. Tôi cũng đến chữa, sau khi khám, bác cho tôi 3 nhóm số, cũng có ít hiệu quả; sau bác thay nhóm số 30.820.650. Sau khi niệm thấy rất thoải mái hình như khí đã chạy trở xuống, bệnh miệng bị co cũng đã chuyển biến tốt; sau này mỗi lần miệng bị co giật, chỉ niệm con số này là hết. Hiện nay cơ bản là không bị giật nữa, trong lòng tôi rất phấn khởi. Trước đây tôi tốn rất nhiều tiền mà không khỏi, thế mà nay có hiệu quả... Ngoài ra bệnh đau chân của tôi cũng đã đỡ nhiều. Khi chữa bác sĩ có cho tôi tiêm, nhưng mỗi lần thay số, tôi lại có cảm giác những con số cuối cùng là tốt nhất. Nhóm số này là 650.380.720. Tôi thấy hơi lạnh từ trong dạ dày không nhiều như trước nữa, khá hơn trước nhiều. Tôi vẫn đang tiếp tục chữa để khỏi triệt để.

Tự thuật 57: Tôi họ Lưu, 56 tuổi, là nông dân.

Tôi bị đau lưng từ 1990 và đã nằm bệnh viện một thời gian nhưng không khỏi vì đau lưng của tôi là do các khớp xương tăng sinh. Sau này tôi đi chữa tại bệnh viện chuyên khoa nhưng cũng không khỏi. Nghe nói đến bác sĩ Lý chữa rất giỏi, tôi bèn tìm đến. Lần thứ nhất bác cho tôi niệm số 10.60 không có kết quả. Lần thứ hai bác cho niệm 1000.80, tôi niệm một thời gian lưng có đỡ hơn. Lần thứ ba tôi niệm số 1000 thấy có hiệu quả hơn. Tôi cho rằng cách chữa bằng số của bác sĩ Lý là rất tốt, tuy có phải tiêm, nhưng niệm số 1000 tôi thấy hiệu quả rõ ràng hơn. Cuối cùng bác điều chỉnh cho tôi 7000.40, hiệu quả tốt hơn và tôi niệm theo số đó.

Tự thuật 58: Tôi họ Kỳ, giáo viên trường trung học.

Tôi đã bị đau thần kinh tọa bên trái 6 - 7 năm nay, lúc đau lúc không, khi đau tôi không thể dậy đi lại được, đồng thời cánh tay trái của tôi cũng đau 6 - 7 năm, thường xuyên đau tê, khi đau nhiều, đến bát ăn cơm cũng không cầm nổi, sinh hoạt không tự lo liệu được, uống thuốc và tiêm cũng đều không kết quả. Sau này tôi đến chữa tại bác sĩ Lý, bà cho tôi niệm số 7000 và 1000.70. Hai nhóm số này đều không hiệu quả, nhất là hai số sau niệm càng đau, sau bà cho niệm 70, số này càng niệm

càng dễ chịu. niệm khoảng 40 phút, tay và chân cơ bản đã trở lại bình thường, tôi rất phấn khởi. Tôi còn tiếp tục niệm để chữa khỏi triệt để.

Tự thuật 59: Tôi họ Trương, 40 tuổi, giáo viên tiểu học.

Chiều 29 - 5 năm nay, tôi dùng chiếc xẻng lớn để lóc vỏ cây không cần thận đã bập vào đầu gối, miệng xẻng dài đến nửa tấc. Lúc đó tôi cũng không sợ gì, đi về nhà chùng nửa cây số, và xử lý một cách đơn giản. Ngày hôm sau tôi đi bộ đi làm chùng 2 cây số, đến tiết học thứ 4, và chiều rồi lên khám bác sĩ Lý, bác sĩ Lý xem xong cho niệm số 70, niệm không đến 5 lượt, tôi cảm thấy vết thương lồi ra như một đường dài nóng rùng rục, tê tê rất thoải mái. Ba ngày sau thì vết thương đã khỏi rồi tôi ngừng niệm; nhưng chưa đến một ngày, vết thương bắt đầu chảy nước và đau nhức từng trận, sau đó đau đến không dám đi lại. Lúc đó tôi mới biết đã vào xương chưa khỏi kịp, tôi vội tiếp tục niệm, cái đau đã giảm. Chiều ngày thứ 5 tôi đến chỗ bác sĩ Lý, bà cho tôi niệm số 7000, tôi cảm giác tốt hơn, thấy luồng khí nóng vây quanh miệng vết thương, rất thoải mái cũng chẳng đau. Hai hôm sau tôi lại ngừng niệm, chưa đến nửa ngày lại cảm giác thấy vết thương khó chịu, tôi gập đùi không được linh hoạt, sau đó tôi lại niệm, 7 ngày sau thì

khỏi hẳn. Trong thời gian này tôi vẫn đi làm, vẫn làm một số việc nhà, không cần uống thuốc gì cả.

Hai năm lại đây bác sĩ Lý đã dùng liệu pháp tượng số chữa khỏi nhiều bệnh mới và cũ, khiến tôi rất tin tưởng liệu pháp này, tôi đã hiểu sâu sắc đến uy lực và sự thần kỳ của liệu pháp tượng số. Do bệnh của tôi được chữa thời gian ngắn mà lại là bệnh nặng, vì vậy cảm giác vừa nhanh lại vừa sâu, khiến tôi suốt đời không quên! Bác sĩ Lý người đã đem lại ân phúc cho sinh mệnh nhân loại?

Tự thuật 60: Tôi họ Vương, 23 tuổi, người nhà đội địa chất.

Một lần mắt tôi vừa đỏ lại vừa sưng, đau đến chảy nước mắt, miệng rất đắng, trong lòng thì buồn bực, tra thuốc trong một ngày không hiệu quả, tôi đến khám chỗ bác sĩ Lý. Xem xong bác cho niệm 003. Tôi niệm trong một lúc thấy mắt đã nhẹ đi. Về nhà tôi tiếp tục niệm, mắt đã tốt dần lên chỉ đến ngày hôm sau thì đã khỏi. Nhưng tôi không hiểu vì nguyên nhân gì từ chiều ngày hôm qua dạ dày bị đau đến hôm nay vẫn rất khó chịu. Tôi lại đến tìm bác sĩ, bà bảo tôi: "Dạ dày của chị bị hàn, thôi không niệm 003 nữa". Thật là kỳ lạ tôi ngừng niệm 003 thì dạ dày hết đau luôn.

Tự thuật 61 Tôi họ Vương, năm nay 66 tuổi, công nhân xưởng giày da đã về hưu.

Tôi bị huyết cao, xơ vữa động mạch, bán thân bất toại thể nhẹ, đục thủy tinh thể v.v... nhiều năm, tôi đã chữa khắp nơi nhưng không khỏi. Vì vậy tôi rất không yên tâm, không biết lúc nào sẽ bị bệnh đánh gục, không những khổ cho mình còn liên lụy cho người khác. Tôi thường buồn phiền dễ cáu. Sau bà nghe nói bác sĩ Lý chữa khỏi bệnh tôi đã đến khám. Đầu tiên châm cứu liên tục một thời gian, thấy bệnh tình có chuyển biến, tôi đã rất phấn khởi. Sau bà lại cho tôi niệm số, tôi rất lấy làm lạ. Nhưng sau khi niệm, người tôi dần dần thay đổi, và thường quên đi không biết tôi bị bệnh gì, huyết áp bình thường, di chứng của bán thân bất toại cũng tiêu tan dần, mắt tôi sáng lên nhiều. Trước đây ở bệnh viện bác sĩ đã nói với tôi rằng, 1 - 2 năm sau mắt bác phải mổ, nhưng ngày nay đã tốt rồi.

Trước đây tôi hay cáu, mà khi cáu huyết áp sẽ tăng. Nay thì đã khác rồi; khi mệt mỗi tôi niệm là hết ngay, có lúc tôi mất ngủ niệm một chút là ngủ luôn. Người tôi cảm giác đã có sức hơn, tôi đã có thể làm được tất cả việc ở trong nhà. Số mà tôi thường niệm là 260. Con số này đã trở thành bài thuốc kỳ diệu chữa bệnh cho tôi.

Tự thuật 62: Tôi họ Vương, 27 tuổi.

Ngày 20-8-1993. khi tôi cắt lúa cảm thấy đau lưng, sau đau đến nổi tôi không đứng lên được. Mọi người khuyên tôi nên đi khám bác sĩ. tôi cho rằng qua nhiều ngày là hết, nhưng không ngờ đã không hết mà lại đau luôn cả đùi trái như người bị rút gân vậy, không thể quỳ xuống được. Sáng ngày 12-9 tôi làm cỏ và tưới nước cho rau, đến chiều tôi đau đến nổi chảy nước mắt. Thế là tôi đã đến khám tại bác sĩ Lý, được biết là tôi bị đau thần kinh tọa. Bác Lý cho tôi nhóm số 70.20 tôi cảm giác thấy đỡ đau hơn. Lúc đầu tôi còn nghi ngờ niệm số làm sao mà chữa được khỏi bệnh. Đến ngày hôm sau tôi thấy lại tốt hơn không đau nhiều nữa, tiếp đến ngày thứ ba tôi đã tự quay người được. Lúc đó tôi mới tin, về nhà tôi tiếp tục niệm, đau không thấy tái phát. Tối nay khi làm việc mệt tôi vẫn còn hơi đau nhưng không nghiêm trọng. Tôi cũng đã phối hợp thêm nhưng thấy niệm tốt hơn, cứ niệm là hết đau. Tôi bắt đầu từ hoài nghi rồi đến phải phục "liệu pháp tượng số bát quái này". Tất cả chữa ba lần, cơ bản đã khỏi. Bác sĩ Lý đúng là một thầy thuốc giỏi, thái độ phục vụ đặc biệt tốt, đối với mỗi bệnh nhân đều rất hòa nhã thân thiết, tận tình, hỏi han bệnh tình, thử nghiệm các mã số, khiến mọi bệnh nhân đều rất vừa lòng.

Tự thuật 63: Tôi họ Liên, là học sinh.

Một tuần trước, buổi sáng sớm khi tôi nhảy dây không may bị treo lưng. Uống thuốc và chữa trị không kết quả. Sau tôi đến bác sĩ Lý, bác cho tôi niêm nhóm số 600, sau một lúc lưng tôi đã thấy nhẹ chút ít. Bác lại cho tôi niêm 6000, nhóm số này hiệu quả nhanh, sau trên 10 phút niêm cơ bản thấy hết đau. Từ trước đến giờ tôi chưa thấy cách chữa nào vừa nhanh vừa tốt lại không đau, tôi rất cảm ơn bác sĩ Lý. Sau này khi có bệnh, tôi tìm đến bác là tốt nhất!

Tự thuật 64: Tôi là Mỹ, học sinh.

Tối ngày 6-10-1993 tôi đột nhiên bị đau lưng, đau rất lâu, không động đậy được, thở cũng đau. Cho nên sau khi ăn xong tôi đến bệnh viện mua cao dán dán lên không thấy đỡ. Sáng ngày 8 tôi đến bác sĩ Lý, đầu tiên bác cho niêm số 60, cảm giác đầu có chút không thoải mái. Sau sửa thành 6000, cảm giác rất tốt, sau lại niêm nhóm số 6000.20 thấy càng tốt hơn không còn đau nữa. Tôi niêm độ 20 phút thì bệnh đã khỏi hẳn, tôi rất cảm ơn bác sĩ.

Tự thuật 65: Tôi họ Trương, công nhân dệt.

Đùi trái tôi đã đau trên 2 năm, đến bệnh viện khám nói là đau thần kinh tọa. Lúc sau thì không

đi được cũng chẳng muốn làm gì, rất khổ sở. Đã đi chữa nhiều bệnh viện không kết quả. Tôi đến kiểm tra tại bác sĩ Lý, bác cho tôi niêm số 7000, niêm một lúc thấy đùi đỡ nhiều, nhưng đầu vẫn căng căng, bác lại cho tôi niêm số 7000.20, số này có hiệu quả hơn, niêm chừng 30 phút thì đùi trái tôi trở lại bình thường, đầu cũng tỉnh táo, toàn thân thoải mái. Tôi cũng không ngờ chữa bệnh cho tôi lại đơn giản như vậy. Bác sĩ Lý bảo tôi cứ niêm một thời gian vừa để củng cố bệnh, vừa để tăng sức khỏe. Biện pháp này thực là tốt.

Tự thuật 66: Tôi họ Lý, là nông dân

Tám năm trước tôi bị phong thấp, chữa liên tục lúc khỏi lúc không, người gầy yếu. Sau này tôi mắc đủ các thứ bệnh: bệnh phụ khoa, bệnh dạ dày, viêm niệu đạo v.v... toàn là mạn tính, đi chữa khắp nơi, hàng năm uống rất nhiều thuốc đông y và tây y mà vẫn thấy không kết quả lắm. Một năm lại đây tôi đã không thể tham gia lao động thể lực được nữa, tinh thần rất tồi. Nghe nói bác sĩ Lý có thể chữa khỏi nên tôi đến thử xem, bác cho tôi niêm nhóm số 20.650.380. Bắt đầu vài lần thấy chưa có hiệu quả. Tiếp tục vài lần nữa dần dần đã cảm thấy dễ chịu, ăn được ngủ được, dần dần thể lực cũng đã được phục hồi, không giống như trước đây chỉ thích nằm nghỉ.

Sau khi chữa được một tháng, bệnh đã chuyển biến tốt. Có lúc tôi cảm thấy lạ, tôi nguyên bị phong thấp mà sao các bệnh khác cũng có hiệu quả? Sau này nghe bác sĩ Lý nói, trọng điểm là chữa phong thấp kỳ thực là chữa toàn cơ thể, đặc điểm những con số này là về nhà tiếp tục niệm thường xuyên, tinh lực sẽ dồi dào không thấy mệt mỏi. Phấn khởi nhất là chỗ nào trong cơ thể không thoải mái, chỉ cần niệm là khỏi ngay. Lúc làm việc mệt mỏi niệm một lúc là đỡ mệt ngay. Một đặc điểm khác là trước đây tôi chuyên phải nằm giường lò đắp chăn lông vũ vẫn cảm thấy lạnh, nhất là lúc 3 - 4 giờ sáng toàn thân vừa rét vừa đau, đành phải trở dậy hoạt động. Tới nay các hiện tượng đấy đều đã khác, 3 - 4 giờ sáng người lại thấy nóng lên, hai chân như toát mồ hôi mà trước đây không hề có. Tôi đã 51 tuổi, chưa thấy cách chữa nào vừa dễ dàng vừa tốt như vậy. Nay sức khỏe của tôi rất tốt không thấy mệt mỏi, nên bảo mọi người hãy đến chữa tại chỗ bác sĩ Lý.

Tự thuật 67: Tôi họ Đào, 30 tuổi, là giáo viên.

Một ngày trong tháng 10 năm 1993, đang đi trên đường, tôi thấy dạ dày đau ghê gớm. Tôi đến tìm bác sĩ Lý. Bác cho tôi niệm số 4000, ngay khi đó tôi thấy đã chuyển biến rõ ràng, sau nửa ngày thì khỏi hẳn, tôi thật lòng rất khâm phục y thuật

cao siêu của bác sĩ Lý và chân thành cảm ơn bác đã trừ bệnh cho tôi. Tôi là người đã thực sự được trải nghiệm và mong rằng mọi người ốm luôn được khỏe mạnh, vui vẻ thì hãy đến chữa tại bác sĩ Lý.

Tự thuật 68: Kinh gửi bác sĩ Lý!

Tôi là một người bệnh vừa mới được bác sĩ chữa khỏi. Từ mùa xuân năm 1992 chẳng hiểu sao tôi bị đau một đốt sống lưng. Cứ làm việc thì đau ghê gớm. Đến tháng 10, bệnh của tôi rất nặng cộng thêm bệnh đau lưng đến cơm cũng không thể thổi được. Tôi đến các bệnh viện được chụp phim, cho rằng tôi có thể bị bệnh về cột sống. Nhưng kết quả thì đốt sống lưng và lưng đều bình thường. Tôi được bác sĩ kê thuốc, nhưng tôi uống cũng không khỏi.

Đến mùa đông bệnh của tôi rất nặng, lại đến bệnh viện cho uống một 1 thang thuốc đông được cũng không kết quả. Thuốc uống nhiều, bệnh vẫn không giảm, chẳng biết làm sao nữa, tôi lại đến bệnh viện 220 họ lại chụp phim kết quả cũng không có bệnh gì. Tôi thực tế rất nóng lòng, bệnh mỗi ngày một tăng, tiền thuốc cũng không ít mà bệnh thì vẫn không khỏi. Tôi mới 29 tuổi, còn trẻ mà không làm được gì, lại cứ suốt ngày đau nhức thì khổ sở biết chừng nào.

Cũng may gặp một người bị bệnh đau đùi được bác sĩ Lý chữa khỏi và nói là chữa với một phương

pháp đặc biệt. mới nghe vậy tôi đã rất phấn khởi. Sáng sớm hôm sau tôi đi tìm đến người ân nhân cứu mệnh. Tôi nói rõ tình hình bệnh, bác sĩ Lý cho tôi niệm số 160 cộng với châm cứu, thấy chưa kết quả. Lần thứ hai cho tôi niệm số 60, niệm xong tôi cảm thấy lưng đã nhẹ đi nhiều sau đó lại châm cứu. Mấy ngày đó tôi chỉ niệm số 60. Lần thứ ba bệnh tôi đã khỏi.

Sự đau khổ như vậy của tôi đã được bác sĩ Lý giải trừ. Bác đã giải thoát bao sự thống khổ cho người bệnh, bác đúng là ân nhân cứu mệnh cho chúng tôi. Là một bác sĩ cao thượng, bác đã dùng bàn tay diệu kỳ của mình đem lại sức khỏe cho bao người bệnh. Nhân đây tôi đại diện cho nhiều người bệnh xin gửi tới bác sĩ sự cảm ơn chân thành và kính trọng.

Tự thuật 69: Tôi họ Vương, 70 tuổi.

Tôi bị viêm mũi trên 30 năm, và đã từng đi khắp nơi chữa chạy, uống thuốc đều không khỏi, cứ ngừng thuốc là lại bị viêm. Sau này bệnh quá nặng, khi mũi đau thì đầu tôi cũng đau, mặt cũng đau, nhất là bên phải càng đau, không dám sờ tay vào. Sau uống thuốc cũng không khỏi. Khi kinh tế gia đình có khó khăn tôi cũng chẳng chữa nữa. Sau này nghe nói bác sĩ Lý một, vị thần chữa bệnh của Viện Giáo dục, tôi tìm đến chữa. Bác cho tôi niệm 3

nhóm số 70; 720; 60 đều có hiệu quả, những số cuối cùng là có hiệu quả nhất. Khi đến phòng khám tôi đau đến nỗi không dám đụng tay vào, chỉ sau 30 phút niệm, thật kỳ lạ thay như đã khỏi; tôi sờ được lên những chỗ đau trước đây. Bác sĩ nói với tôi là về thường xuyên niệm. Tôi rất lấy làm lạ làm sao niệm số lại chữa được khỏi bệnh? Sự đau khổ của tôi đã giảm, vừa không mất đồng xu nào. Kỳ lạ thay mắt hoa của tôi cũng được sáng lên. Cám ơn bác sĩ, y thuật cao minh, y đức cao thượng!

Tự thuật 70: Tôi họ Hà, 26 tuổi.

Từ khi sinh cháu tôi mắc một cái bệnh là những khi đói, hoặc làm việc mệt mỏi, căng thẳng là tim tôi đập rất nhanh, trong lòng thì hoang mang cực độ, đúng là lục thần vô chủ, giống như mấy ngày tôi không được ăn cơm, toàn thân tôi bị run rẩy, có ngày đến 3 - 4 lần. Suốt nửa năm bị giày vò, tôi gần như người mất hồn, thân thể gầy còm, mặt vàng .

Đầu tháng 10 tôi đến chữa tại bác sĩ Lý. Bác cho niệm số 40.30 70, niệm một lúc tôi cảm giác trong lòng rất nhẹ nhõm, rất thoái mái. Về nhà tôi tiếp tục niệm, ngày thứ hai tôi cảm giác không bị run rẩy nữa. Sau đó tôi kiên trì niệm, bệnh không thấy nữa, tinh thần lại giống như trước, việc gì tôi cũng cảm thấy làm được.

Tự thuật 71: Tôi họ Trương, 53 tuổi, công tác tại cục Khí tượng.

Mùa thu năm 1992, đầu tôi bị đau, uống nhiều thuốc, tốn nhiều tiền mà không khỏi bệnh, tối tôi vẫn thấy đau. Mùa xuân năm 1993, tôi đến khám chỗ bác sĩ Lý, được niệm số 720.650.380, thời gian chừng 2-3 tháng niệm là đã khỏi, tôi cũng không còn đau nữa. Một điều kỳ lạ nữa là mái tóc bạc trắng của tôi đã đen lại, da dẻ cũng mịn màng hơn, móng tay trước cứng và giòn nay mềm lại, người thấy khỏe hơn trước, đã có sức. Tôi tin rằng tương lai không xa, phương pháp chữa này của bác sĩ sẽ là cống hiến lớn cho nhân loại.

Tự thuật 72: Tôi họ Vương, 26 tuổi

Sáng sớm ngày 01 - 11 vừa trở dậy, lưng tôi bắt đầu đau, tới trưa càng đau hơn. Nằm tối chiều, tối đến tôi không thể đi làm ca đêm được nữa, suốt đêm không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, tôi đến khám chỗ bác sĩ Lý. Bác cho tôi niệm số 20.600, tôi niệm một lúc, tôi có cảm giác như trong chân tôi có giun bò, rất thoải mái. Tôi tiếp tục niệm một ngày, đến tối đầu tôi không còn đau nữa, tôi đã có thể làm bất cứ việc nặng nào.

Nếu không có bác Lý, không biết uống bao nhiêu thuốc mới khỏi.

Wương, Viện thăm dò địa chất

Tự thuật 73: Tôi họ Vương, 32 tuổi, giáo viên.

Đã nghe nói bác sĩ Lý chữa khỏi rất nhiều bệnh nan y, trăm nghe không bằng mắt thấy. Tôi bị bệnh choáng đầu không rõ nguyên nhân. Ngày 30-10-1993 tôi đến khám chỗ bác sĩ Lý. Bác cho tôi niêm số 260, chỉ sau mấy ngày tôi đã thấy đầu óc rất tỉnh táo. Tôi rất cảm kích bác đã giải trừ bệnh cho tôi, cũng mong rằng y thuật của bác sẽ mang lại phúc âm cho nhiều người bệnh hơn.

Tự thuật 74: Tôi họ Triệu, người nông thôn.

Tôi đưa vợ đến khám chỗ bác sĩ Lý. Bác cho niêm một nhóm số, tôi ngồi bên phải vợ tôi. Khi đó ngực trái của tôi đau tới hơn nửa tháng cũng vô ý nhìn thấy trong tay vợ tôi chữ số 380, vừa nhìn thấy thì ngực trái của tôi đã hết đau, tôi rất phấn khởi. Thấy liệu pháp tượng số của bác sĩ là thần kỳ, tôi bày tỏ sự kính phục tới bác sĩ.

Tự thuật 75: Cháu họ Cao, 17 tuổi.

Cháu cảm ơn sâu sắc tới bác sĩ Lý đã chữa khỏi bệnh quái ác hành hạ cháu nhiều ngày nay.

Mấy ngày trước, trên mặt bên trái cháu đột nhiên mọc lên một nốt độc to bằng hạt đỗ. Do ngại chữa trị nay bệnh đã trở nên nguy hiểm, cuối cùng đau đến mức ăn không được và đêm cũng không chợp mắt được. Trong tình trạng nguy hiểm

dó cháu đến bác sĩ Lý. Bác đã không ngại bản, khổ, chữa cho cháu, bác đã trích nhọt, bôi thuốc, lấy kén độc, với y đức này khiến mọi người khâm phục. Khi chữa đã nhẹ nhàng sợ làm đau cháu, cháu có cảm giác ấm áp bác như người mẹ hiền vậy.

Tuy nhiên, mấy ngày bôi thuốc, lấy kén độc kiến hiệu còn chậm chạp, sẽ ảnh hưởng tới học tập của cháu. Cháu rất nóng ruột; bác cũng biết và cảm thông với đau đớn của cháu, đã dùng cách nhổ độc bằng phương pháp bất quá và cho cháu niệm số 2000, nói là hôm sau gặp lại bác.

Y thuật truyền thống của Trung Quốc thật thần diệu. Cháu niệm mã số đó trong một ngày hôm sau cháu đã thấy dễ chịu nhiều, sờ bên mặt trái, cháu vui vẻ muôn phần, cái nhọt đó đã tiêu tan. Khi bóc nhiều băng đắp trên nhọt, quả nhiên không còn nhọt mà vết trích đã tốt nhiều, đồng thời thấy một cục mủ đã thoát ra trên miếng băng, miệng nhọt đã mau lành.

Chữa khỏi bệnh nguy hiểm, giảm sự già yò khổ sở cho cháu, cháu chẳng biết bày tỏ lòng biết ơn thế nào đối với bác sĩ. Chỉ còn biết viết thư này cảm ơn bác sĩ. Một lần nữa xin gửi tới bác sĩ lời kính trọng.

Cao, học sinh của Viện

Tự thuật 76: Tôi họ Nhiếp, 44 tuổi.

Tục ngữ có câu: "Có gì sợ hơn là bệnh tật". Bệnh tật buộc trên người làm cho tâm trạng luôn cảm giác đau khổ...

Chẳng hiểu do lao động hay do phong thấp đã làm khớp gối và hai chân của tôi sưng lên đến mức đau đớn không chịu nổi, đi lại khó khăn, khó làm việc đã có tới nửa năm. Tôi đã chạy chữa khớp nơi đâu không có hiệu quả. Mãi không khỏi làm cho những người thân rối cả lên, có khi bản thân cũng mất lòng tin với sự sống.

Đầu thu năm nay, được chỉ dẫn của người thân, với thái độ hoài nghi và hãy thử xem sao, tôi được người nhà đèo xe đạp đến khám chỗ bác sĩ Lý. Vào phòng khám, ngồi xuống ghế, tôi nhìn quanh văn phòng khám chỉ khoảng 15m² đã có tới mười mấy bệnh nhân. Thấy một người cỡ trung niên mặc áo choàng trắng tay cầm kim bạc đang châm cứu, điểm huyết khí công, còn bệnh nhân miệng lảm bảm mấy con số mật mã. Với nụ cười hiền dịu, vị thiên sứ áo trắng đó hỏi han bệnh tình bệnh nhân và cảm giác trong quá trình chữa bệnh. Đến lượt tôi, tôi chìa tay ra, bác sĩ hỏi lịch sử bệnh. bắt mạch, quan sát chỗ đau của tôi, rồi sau đó viết mấy con số chữ Latinh 650 rồi bảo tôi niệm. Trong khoảnh khắc trong lòng tôi rất vui, sau đó bà trải một hàng kim để

châm vào huyết tay, huyết cổ, tai, lưng và đầu gối rồi sau đó đổi nhóm số với 6 chữ bảo tôi niệm. Ba ngày sau, bệnh của tôi thuyên giảm, đã bớt sưng, mức độ đau cũng giảm. Tôi đã tự đến chữa và tới nay đã trên 20 ngày, chữa cả thấy 11 lần, điều chỉnh mã số 4 lần, ít nhất là 3 số, nhiều nhất là 14 con số. Hiện tôi đang niệm là 1000.7000, niệm nhóm số này, chân đau của tôi giảm rõ rệt.

Hiện nay qua chữa trị bệnh tình của tôi đã chuyển biến lớn, đi lại đã linh hoạt và đã làm được một số việc nhẹ trong nhà. Hôm nay tôi không cần đến người thân và bạn bè chăm sóc nữa, đã tự đi lại được quãng đường hàng nghìn mét để đến phòng khám. Sau khi chữa trị, tôi đã cùng nói chuyện với bác sĩ mới biết bác tên là Lý Sơn Ngọc. Phương pháp điều trị của bác là "liệu pháp tượng số bát quái" có một không hai. Bác đã trải qua làm việc chuyên cần trên 10 năm của sự nghiệp chữa bệnh bằng tự học, nghiên cứu, chuyên sâu và thực tiễn, tổng kết ra một bộ kỹ thuật y liệu có hiệu quả thiết thực. "Sơn bát tai cao hữu tiên tắc danh, miếu bát tại đại hữu thân tắc linh" (ý nói là trên cao thì có tiên, trong miếu mạo thì có thân linh), 10 năm cần cù mồ hôi và nước mắt đã có được y thuật tinh tế, y đức cao thượng, đã được người bệnh đánh giá cao. "Liệu pháp tượng số bát quái" có một không hai đã điền thêm vào những khoảng

trông trên sự nghiệp chữa bệnh của thành phố ta. Mong rằng "liệu pháp tượng số bát quái càng được nâng cao và mở rộng, kỹ thuật chữa bệnh của bác sĩ Lý càng nâng cao...".

Tượng số trừ bệnh khứ, diệu thủ vân xuân hồi (ý là tượng số đã trừ được bệnh, bàn tay vàng đã cứu lại tuổi xuân).

Nhiếp

Tự thuật 77: Tôi họ Vương, 64 tuổi.

Bệnh của tôi đã niệm 260.40.70 là đã tốt rồi, nhưng có một ngày tôi bị ngã làm cho tôi đau ngực phải, đầu không thể quay được sang phải, sườn phải đau rất khó chịu. Tôi lại đến bác sĩ Lý, bác đã cho tôi niệm số 820.50, niệm một lúc cổ đã khá hơn nhưng vẫn khó chịu. Bác lại sửa thành 820.40, niệm một lúc thì thấy toàn thân như có một luồng gió nóng, rất dễ chịu, gió lạnh thì đi từ chân chạy lên, cổ và sườn thấy nhẹ đi, đã tốt lắm rồi, tim đập cũng đã tạm ổn, bác sĩ bảo tôi về nhà tiếp tục niệm số đó. Thật là con số tuyệt diệu, bệnh nào cũng chữa được.

Wương, xương giầy da

Tự thuật 78: Tôi họ Cách, 30 tuổi.

Tôi là giáo viên một viện, 30 tuổi, bị đau dạ dày trên 3 năm. Tôi đã chữa bệnh ở các bệnh viện lớn vẫn không thấy đỡ.

Lần này được bác sĩ Lý khám và chữa bệnh, hiệu quả đã tốt. Trước đây tôi ăn thứ gì không thích hợp, dạ dày lại đau, bác sĩ cho tôi niệm số 70.40, sau 20 ngày niệm, dạ dày đã hết đau. Đồng thời đột nhiên huyết áp tăng 150/90, nhức đầu hoa mắt, bác sĩ Lý bảo tôi niệm con số đó ngày thứ hai thì đã khỏi, không tái phát.

Cách

Tự thuật 79: Tôi họ Tống, 65 tuổi.

Tôi bị đau một bên đầu rất nghiêm trọng nhiều năm nay. Tôi đã uống thuốc đông tây y, thuốc dân gian và đã châm cứu tại một số bệnh viện đều không kết quả. Vào mùa hè năm nay đầu tôi bị đau ghê gớm, kèm mờ mắt, nôn mửa, mắt bị căng ra. Khi đó nghe nói bác sĩ Lý có thể chữa khỏi bằng phương pháp niệm số đơn giản dễ làm, nên tôi đã đến khám. Sau khi hỏi bệnh tình của tôi, bác sĩ đã cho tôi nhóm số để niệm, đồng thời theo dõi cảm giác của tôi để thay số. Qua cách chữa của bác sĩ, tôi cảm thấy thoải mái, đau đầu đã giảm. Sau khi niệm một số lần, đầu của tôi đã hết đau, không bị mờ mắt, hết nôn và mắt cũng không còn căng nữa. Nay đã được trên hai tháng không thấy tái phát. Tôi chỉ niệm mỗi số 260 để chữa bệnh đau đầu lâu năm. Tôi và cả nhà đều rất phấn khởi và rất cảm ơn bác sĩ Lý. Mong rằng bác sĩ vận dụng

liệu pháp cao siêu này để giải trừ sự thống khổ cho nhiều người bệnh và hy vọng phương pháp này sẽ được mở rộng ra toàn quốc.

Tự thuật 80: Tôi họ Khúc, 63 tuổi.

Tôi đã bị đau đùi 3 năm. Khi đó đi đường do không cẩn thận đã ngã bị thương mắt cá chân phải, uống rất nhiều thuốc tới trên một tháng mới thấy đỡ nhưng không khỏi hẳn. Hai tháng trước đây tôi cũng lại ngã một lần nữa, lần này thì nghiêm trọng hơn, cả đùi từ hông cho đến gót chân rất đau không thể đi đường được, đã chữa và uống thuốc ở một vài bệnh viện mà không khỏi. Bệnh tình ngày càng nặng, không thể xuống giường được. Người nhà rất bối rối. Đi khắp nơi chữa, uống thuốc trị phong thấp và chữa đau do ngã nhưng đều không kiến hiệu. Lúc đó được bạn bè nói bác sĩ Lý có thể chữa khỏi. Nghe nói bà không cho tiêm và cũng không uống thuốc mà chữa khỏi bệnh. Khi đó tôi không tin lắm, làm sao mà chữa khỏi được? Nhưng được bạn bè và người nhà thuyết phục. Đến nơi được bác sĩ nhiệt tình tiếp đãi và chẩn đoán kỹ càng. Trước hết bà thấy tôi về tư tưởng vẫn chưa tin, đã an ủi tôi, nói tôi đừng nên nóng vội, cần có lòng tin chiến thắng bệnh tật và cần phối hợp tốt với thầy thuốc, nhất định sẽ chữa khỏi. Cũng kỳ lạ, mới chỉ mấy câu nói của bác

sĩ đã làm cho bệnh của tôi nhẹ nhàng đi. Tiếp đó bác ấn huyết ở tai phải của tôi, sau bảo tôi niệm số 720.60.430. Sau khi niệm mười mấy lần cái đau đã cơ bản được giảm, bà bảo tôi đứng lên đi thử mấy bước. Ôi! Thật thần kỳ! Tôi đã đi được mười mấy bước. Sau đó bác sĩ bảo tôi về nhà tiếp tục niệm, dần dần sẽ hồi phục.

Hiện nay tôi đã đi lại được, làm một số việc nhẹ trong nhà. Đây là tất cả do bác sĩ Lý, một thần y đem lại cho tôi!

Tự thuật 81: Tôi họ Phó, 65 tuổi.

Tôi là một công nhân hợp đồng của viện, mấy ngày trước đây cánh tay phải của tôi hơi đau, sau dần càng ngày càng đau, tới nay đã được năm ngày, tối hôm qua đau quá làm tôi tỉnh giấc. Ho và thở đều đau, đi đường cũng không dám đi. Hôm nay bác sĩ Lý đến khám bảo tôi niệm nhóm số 430.820, niệm một lúc cảm thấy tốt hơn. Sau đó thay bằng nhóm số 430.80, nhóm này hiệu quả hơn, có cảm giác rất rõ ràng. Bác bảo tôi niệm một số ngày, nay không còn đau gì nữa. Năm nay tôi 65 tuổi, lần đầu tiên tôi thấy chữa bệnh bằng số, thật là một phương pháp mới mẻ.

Phó

Tự thuật 82: Tôi họ Trương, 46 tuổi, là nông dân.

Năm trước tôi bị viêm giác mạc, mắt vừa đau, vừa nhức, đau và khoang mắt suốt ngày đau và căng, khi đau nhiều tôi cứ phải đi đi lại lại từ nhà ra sân, từ sân vào nhà. 2 tháng trước tôi thấy bà dì chữa khỏi bệnh ở chỗ bác sĩ Lý nên tôi và bà cùng đến chỗ đó. Đầu tiên bà cho tôi niệ 260.50 có chuyển biến, sau đó là niệ số 2000, qua niệ số này có chuyển biến rõ rệt, nay bệnh của tôi đã cơ bản khỏi. Nhưng trước đây một tuần tôi lại bị đau bụng dưới, đau như là dao cắt, hôm đó tôi cũng không biết đi tiểu bao nhiêu lần. Tôi lại đến chỗ bác sĩ Lý, bác cho tôi niệ 2000.30, sau một ngày tôi không còn đau nhiều nữa. Sau mấy ngày bệnh tôi đã khỏi hoàn toàn. Tôi không nghĩ rằng niệ số lại có khả năng chữa bệnh. Phát minh này của bác sĩ Lý thật là tốt, vừa không phải tiêm, không uống thuốc và cũng không mất thời gian, chỉ cần niệ ở trong lòng là đã bệnh khỏi. Các bạn hãy tin lời tôi, nếu có bệnh xin mời đến đây đảm bảo kiến hiệu nhanh không bị đau, không tốn tiền. Bác sĩ lại rất có trách nhiệm, thái độ tốt ai cũng như ai.

Tự thuật 83: Tôi họ Dương, 60 tuổi.

Hai năm lại đây đầu tôi nhức choáng, toàn thân không sức lực, đi lại không vững, không thể tự mình đi ra ngoài. Lại bị viêm mũi, tắc mũi, tối

không ngủ, ngày nào cũng uống thuốc ngủ, tiêu hóa lại kém, 6 - 7 ngày mới đại tiện một lần. Khi xem sách xem báo cảm thấy buồn bực khó chịu, chỉ đọc một, hai hàng báo là khó chịu rồi. Do thể lực yếu và lại nhiều bệnh, đã nhiều năm chữa chạy uống đủ các loại thuốc và châm cứu đều không khỏi. Nghe nói bác sĩ Lý chữa bệnh bằng số, tôi cũng muốn đến xem sao.

Lần đầu tiên bà bảo tôi niệm số tôi không niệm được, đầu rất khó chịu, sau đó bà bảo tôi niệm số 0. Thoạt đầu không quen, nhưng sau một tuần lễ đầu tôi thấy nhẹ nhàng và dần ngủ được, không cần uống thuốc, đại tiện đã bình thường. Sau này niệm số 60.50 đầu tôi càng tỉnh táo. Tự mình đã có thể đến khám bệnh không cần người đi theo. Sau khi niệm 002 không những đầu đã nhẹ mà chân cũng có sức đi lại được vững vàng. Trước đây môi của tôi tím ngắt nay đã hồng lại. Khi niệm số 430 tạo ra cảm giác thích nhất, từ trên đầu hình như có một cái gì đó tụt xuống, sau đó thì đầu càng tỉnh táo, toàn thân nhẹ nhõm và có thể xem được 2 trang sách, mũi đã thông, thở đều đặn. Đó là cảm giác mà trước đây gần 2 năm không hề có.

Từ khi đến với bác sĩ Lý, tôi chẳng phải uống viên thuốc nào, chỉ có niệm số, mới trên 10 ngày mà đầu đã nhẹ, tinh thần đã tốt, người có sức. Liệu

pháp tượng số đã thắng cả linh đan. Trước đây tôi chỉ biết chữa bệnh bằng uống thuốc, tôi không ngờ con số còn có công lực hơn. Tôi đã nhiều năm ốm yếu nhiều bệnh mà chỉ trong hơn 20 ngày đã được thay như một con người mới, cảm thấy tôi trẻ lại. Tôi không chỉ kính phục thành quả nghiên cứu và chữa bệnh của bà mà còn rất kính phục y đức của bà. Tuy bà có kỹ thuật tuyệt vời nhưng không có một chút làm cao của một danh y. Thái độ ôn hoà bình dị gần người. Tôi cảm ơn bà đã giải khổ cho tôi. Phát minh sáng tạo của bà là viên ngọc vô giá. Cảm ơn bác sĩ Lý.

Tự thuật 84: Tôi họ Mạnh, 30 tuổi, là công nhân.

Tối ngày 10/10/93, họng tôi đau ghê gớm, tuyến hạch sưng to, nước bọt trong cổ họng không nuốt được, cúi đầu xuống càng đau. Ngày hôm sau tôi đến khám bác sĩ Lý. Sau khi kể bệnh tình cho bác, kiểm tra xong bác cho tôi niệm số 5000.20, tôi niệm chừng 5 phút đã thấy cổ nhẹ đi, họng thấy mát. Sau khoảng 20 phút niệm thấy đã giảm đau nhiều. Ngoài ra sau lưng tôi khi đeo con cũng rất đau, niệm những con số này thấy nhẹ hẳn đi. Sau khi về nhà tôi tiếp tục niệm, hễ có thời gian là tôi niệm, sau 12 ngày, họng tôi hoàn toàn khỏi hẳn, lưng và sườn cũng hết đau. Tôi cũng không nghĩ rằng con số lại chữa khỏi bệnh. Tôi hỏi bác sĩ Lý

vậy là thế nào, bác nói đây gọi là "liệu pháp tượng số bát quái". Nhân gian lại còn liệu pháp đặc biệt như thế này. nếu tôi không được thử nghiệm thì chắc không dám tin.

Tự thuật 85: Tôi họ Vương, 53 tuổi.

Tôi bị đau chân và sưng chân. Tháng 4 năm 1991, tôi đến khám bệnh viện, họ bảo bị viêm tĩnh mạch cần phải nằm viện mỗi lần là 500 đồng. Khi đó tôi hỏi bác sĩ: "Độ bao lâu thì chữa khỏi?". "Khỏi hay không khỏi tôi không đảm bảo". Thấy vậy tôi rất căng thẳng vì nếu không chữa khỏi thì chân tôi sẽ... Khi đó điều kiện kinh tế của tôi cũng không được dồi dào, chỉ cần mua một ít thuốc tây để uống. Sau này tôi lại nghe ông Chương Văn Hóa nói, bệnh này khó chữa, có một cán bộ nhà nước cũng bị bệnh này chữa không khỏi, buộc phải cưa chân. Khi đó nghe thấy vậy tôi hết hoảng, làm sao bây giờ? Cũng chính lúc ấy tôi được Vương Quốc Phú, người cùng thôn nói ở Viện Giáo dục chữa được bệnh này. Thế là tôi liền thử xem sao bèn đến khám. Máy tuần đầu tôi được châm cứu 2 lần, hiệu quả cũng bình thường, sau này bác sĩ Lý cho tôi niệm số đồng thời châm cứu, khi niệm số 650. 380 khoảng 10 phút, chân tôi tự nhiên thấy nhẹ nhõm. Sau đó sửa thành 650.070, mỗi tuần chữa một đến 2 lần và thường xuyên phải niệm số, bệnh ngày

càng chuyển biến tốt hơn. Qua 20 lần chữa, bệnh đã khỏi hẳn. Nay đã 2 năm rồi. Trong thời gian đó tôi có bị 2 lần nhưng đều nhẹ và rất chóng khỏi. Cuối cùng bác sĩ cho tôi niệm số là 530.720 và 530.380 cũng phối hợp với niệm số, mỗi một lần thay số thì chuyển biến càng tốt hơn. Nhất là khi niệm 500000.370.20 và 0007000.2650 thì cảm thấy tốt nhất. Sau khi khỏi, bác sĩ bảo tôi thường xuyên niệm số nhưng không cần niệm nhiều lần.

Ngoài ra tự tôi suy nghĩ, bác sĩ Lý đã chữa khỏi bệnh cho tôi một mặt là do châm cứu nhưng quan trọng hơn là niệm số. Nếu như những con số đó đúng với bệnh của mình thì niệm sẽ thấy nhanh hơn. Điều đó nói lên tác dụng của những con số là rất lớn, mặt khác tôi nghĩ, khi niệm số có cảm giác là số đi tìm bệnh, thấy khí chạy vào chỗ đau. Cho nên khi tôi niệm số là tâm niệm, khí niệm. Tôi nghĩ rằng khí có thể thông vào tim, vào gan, vào tỳ, vào huyết quản, cho nên khi niệm khí sẽ đến chỗ đau, bệnh sẽ nhẹ đi, thời gian không bao lâu sau bệnh sẽ khỏi.

Tự thuật 86: Tôi họ Kim, là học sinh.

Mấy ngày trước vai phải và đùi phải rất đau, tôi không rõ nguyên nhân đã đến khám bác sĩ Lý, hỏi xong bác cho tôi niệm số 80.20, tôi niệm những con số này qua một đêm thì vai đã bớt đau, nhưng

đùi (hai khớp gối) vẫn còn đau. Tôi nói rõ cho bác sĩ tình hình đó. Bác cho niệm số 7000, niệm con số này đùi tôi đã đỡ đau nhiều. Tôi tin rằng sau một vài ngày đùi tôi sẽ khỏi, đùi của tôi đã đau đến 2 năm. Tôi rất cảm ơn bác sĩ Lý, cũng tin rằng bác sẽ chữa khỏi đau đùi cho tôi.

Tự thuật 87: Tôi họ Diêm, 68 tuổi.

Trước tôi bị bệnh động mạch vành, được bác sĩ Lý chữa khỏi nhiều năm rồi, sau này mắc bệnh gì tôi đều tìm đến bác. Lần này tôi bị thương ở vai phải, bắp chân trái cũng cảm thấy co gân. Sau khi bác nghe xong cho niệm số 8000. Niệm được một lúc thấy vai phải của tôi đỡ nhiều, càng niệm càng thoải mái, nhưng bắp chân trái vẫn rất đau. Bác sĩ lại cho tôi niệm 8000.70, niệm 5 - 6 phút đùi cũng hết đau. Niệm một lúc thì đau vai cơ bản đã khỏi. Tôi nghĩ, sao con số lại thần kỳ vậy.

Tự thuật 88: Tôi họ Vương, 23 tuổi, công nhân mỏ than.

Tuy mới 23 tuổi tôi bị đau đùi rất ghê gớm, chữa trị tại chỗ không khỏi, bác sĩ nói rằng đau thần kinh tọa rất khó chữa. Sau đó tôi đi chữa khắp nơi, mất trên 7000 đồng tiền thuốc vẫn không khỏi. Sau nghe nói bác sĩ Lý chữa rất nhiều các loại bệnh, tôi bèn đến khám thử xem sao. Sau

khi hỏi và kiểm tra bệnh, bác cho tôi niệm số 650.00700, tôi niệm cảm thấy là lạ, đui của tôi như toát hơi lạnh ngày càng không thấy đau. Chừng 30 phút sau, đui tôi đã nhắc lên được, đi lại mà không cần cáng cũng không thấy đau, lại càng thấy có sức, điều mà hơn một năm nay tôi không thấy có. Trong lòng rất phấn khởi nói không nên lời. Tôi hỏi bác sĩ "liệu có còn bị lại nữa không?" bác cười và nói "bị làm sao nữa, cứ thường xuyên niệm những số này để củng cố sẽ không có vấn đề gì". Tôi cảm ơn bác sĩ nhiều lần, chỉ duy nhất có một lần mà bệnh của tôi đã khỏi. Nay đã qua 2 năm rồi mà tôi không sao cả.

Tự thuật 89: Tôi họ Tân, 22 tuổi, là công nhân địa chất.

Tôi bị tê mặt bên trái đến chũm tại chỗ bác sĩ Lý, bác cho tôi niệm số 50.000. Sau khi niệm một ngày thì tôi đã thấy nhẹ nhõm, nhưng tôi cảm thấy mặt bị giật và có hiệu quả. Tiếp tục niệm mấy ngày sau sinh lực đã tăng cường hết mệt mỏi, mặt bị tê cũng chuyển biến tốt. Sau chỉ thấy có chút buồn bực, bác lại cho tôi niệm 5000.40, sau khi niệm mặt đã cơ bản hết tê. Phấn khởi hơn là trí nhớ của tôi đã được tăng và thị lực của hai mắt tôi cũng được cải thiện. Trước đây mắt phải là 0,6; mắt trái là 0,7, tới nay mắt phải là 1, mắt

trái là 1.2. Tuy rằng khi chữa có châm cứu, nhưng mỗi lần niệm số thì tôi thấy sự thay đổi rõ ràng. Trước đây bệnh cận thị của tôi chữa nhưng không hiệu quả lắm, nay khỏi chỉ sau 20 ngày chữa trị, không thể ngờ rằng bệnh đau dạ dày của tôi cũng khỏi luôn.

Tự thuật 90: Tôi họ Cao, 35 tuổi.

Tôi bị sa chân, được bác sĩ Lý chữa đã khỏi. Nhưng một hôm đột nhiên thận trái của tôi rất đau, đau lan xuống dưới. Tôi vội đến chữa tại chỗ bác sĩ Lý. Khám xong bác bảo tôi bị đau thần kinh tọa, nghe thấy tôi có chút hoang mang, tôi biết rằng bệnh này rất khó chữa. Bác sĩ vừa an ủi tôi vừa viết cho tôi con số 7000, niệm một lúc tôi cảm thấy đỡ nhiều, chỉ còn chút ít khó chịu, bác lại sửa thành 7000.80, nhóm số này thật đặc hiệu, tôi chẳng còn đau chút gì nữa. Tôi là người hay đến chữa ở đây, là người được hưởng lợi ích của liệu pháp tượng số.

Tự thuật 91: Tôi họ Lâm, 25 tuổi, là nhân viên mậu dịch.

Tôi đau dạ dày 2 năm, chữa nhiều mà không khỏi, chỉ biết uống thuốc khi đau. Đặc biệt là sau khi uống rượu, dạ dày rất dễ đau. Lần này tôi công tác tại Xích Phong, một hôm sau khi uống rượu bị đau dạ dày 12 ngày, ngẫu nhiên tôi gặp bác sĩ Lý,

tôi nói rõ bệnh của tôi, bác bảo tôi niệm số 70.40. Tôi mới niệm 4.5 lần đã khỏi đau, nhưng tôi tiếp tục niệm lại cảm thấy có một chút khó chịu. Bác lại thay số 820.40. Sau khi niệm tôi thấy hết đau đốn, khó chịu duy chỉ có bốc lên một mùi hôi thối nồng nặc nhưng tôi vẫn chịu được và cảm thấy thần diệu. Sau khi về đơn vị trên 50 ngày tôi thấy sức khoẻ vẫn bình thường. Liệu pháp tượng số bát quái có thể nói vắn tắt là đơn giản, dễ dàng, đặc biệt! Mong bác sĩ sẽ mở rộng liệu pháp này.

Tự thuật 92: Tôi họ Trương, 31 tuổi.

Chân của tôi đã đau hai năm nay, qua kiểm tra ở bệnh viện cho là tôi đau thần kinh tọa. Đã hai năm tôi chạy chữa nhiều nơi nhưng không kết quả lắm, khi đau tôi cần có người chăm sóc. Không những mình chịu khổ mà còn liên lụy đến người khác, thật rất khổ sở. Nghe nói bác sĩ Lý chữa bệnh khác với người khác, tôi đến khám. Sau khi kiểm tra, bác cho tôi niệm số 7000.20. Sau khi niệm thấy càng niệm càng dễ chịu, đùi trái của tôi hình như có khí lạnh chạy từ trên xuống và toát ra từ gót chân, rất thoải mái, từ khi tôi bị đau, chưa bao giờ thấy thoải mái như hiện nay. Đùi tôi đau hai năm mà khỏi dễ dàng như vậy. Đúng là tôi không dám tin, cảm thấy như nằm mơ vậy.

Tự thuật 93: Tôi họ Từ, 37 tuổi, học sinh khoa Anh.

Tôi bị viêm bộ phận sinh dục trên hai năm, thường xuyên đau bụng, đau bụng dưới âm ỉ, luôn luôn ra khí hư. Tôi chữa nhiều nơi mà không khỏi, uống thuốc vào kiến hiệu, nhưng khi ngừng thuốc lại đau hoàn đẫy. Một lần tôi lên Y vụ xin thuốc, gặp bác sĩ Lý, có nói cho bác biết tôi mắc bệnh như vậy. Bác sĩ cho tôi niệם số 6000. Sau hai ngày, khí hư ra càng nhiều, tôi hơi lo, tôi tìm đến bác và bác có hỏi là đâu và bụng tôi có khó chịu gì không, tôi nói không sao cả. Bác bảo tôi, khí hư ra nhiều như vậy là hiện tượng xói rửa bệnh, bảo tôi cứ tiếp tục niệם. Đến ngày thứ 3 thì khí hư bắt đầu giảm. Niệם đến ngày thứ 5 thì hầu như mọi bệnh trạng đều đã tiêu tan. Đã qua 3 tháng rồi tôi không bị lại nữa.

Tự thuật 94: Tôi họ Thường, 14 tuổi.

Đầu năm tôi viêm ruột thừa phải mổ. Từ đó tới nay tôi thường xuyên bị đau bụng. Điều khổ tâm nhất là không hiểu ra sao mà bụng tôi càng ngày càng to ra. Không có cách nào, tôi đành phải mặc quần áo của người lớn. Vì vậy tôi khóc suốt ngày, mẹ tôi sợ tôi lo lắng nên cũng khóc theo. Đến bệnh viện kiểm tra thì cho là tôi bị dính ruột, nhưng tiêm thuốc và uống thuốc đều không tác dụng. Tôi theo mẹ tôi đến khám bác sĩ Lý. Qua kiểm tra bác cho tôi niệם số 650.820, qua mấy ngày niệם, bụng tôi

giảm dần, không đau nữa. Niệm sau 20 ngày, bụng của tôi co lại hoàn toàn như cũ. Tôi vô cùng phấn khởi, cảm ơn bác sĩ đã giải trừ bệnh này cho tôi.

Tự thuật 95: Tôi họ Vương, 56 tuổi.

Tôi là công nhân về hưu. Khớp gối trái của tôi bị phong thấp mấy năm nay, mỗi khi thời tiết thay đổi hoặc lao động mệt mỏi là lại đau. Mỗi lần đau lại là sưng, đi lại khó khăn, uống thuốc thấy không hiệu quả là bao. Tôi đến khám tại bác sĩ Lý. Khám xong bác cho tôi niệm số 0007000. Tôi niệm chừng nửa giờ, đùi của tôi hết đau. Sau 3 ngày niệm, tôi không còn thấy tí khó chịu nào nữa. Sau đó tôi tiếp tục niệm 2 tháng, thấy khỏe, nên đã thôi không niệm nữa.

Tự thuật 96: Tôi họ Sơ, 33 tuổi.

Tôi đã bị nấc trên 8 tháng. Từ đó đến nay tôi luôn chữa bệnh. Uống thuốc Tây, thuốc Đông, cả thuốc dân gian, châm cứu... nhưng đều không hiệu quả. Bệnh này giày vò tôi làm tôi rất khổ sở, tôi cảm thấy không còn cách nào khác nữa và cũng chẳng còn hy vọng. Trong lúc tuyệt vọng đó, tôi được biết tin bác sĩ Lý ở Viện giáo dục có cách chữa đặc biệt. Ngay hôm sau tôi đáp xe đến bác sĩ Lý. Khám xong bác cho tôi niệm số 20.60.50.30, tuy khó nhưng tôi cũng cố để niệm, càng niệm số lần nấc của tôi càng giảm dần. Niệm chừng 80 phút,

tiếng nấc của tôi gần như hết. Tôi vô cùng phấn khởi không biết nói thế nào nữa. Về nhà tôi tiếp tục niệm, nấc của tôi không tái phát nữa.

Đúng là những con số đã thắng cả linh đơn thần dược.

Tự thuật 97: Tôi họ Trương, 39 tuổi, giáo viên tiểu học.

20 năm trước tôi bị đau dạ dày không ăn được đồ nguội. Chẳng may phát bệnh lại vừa bị nôn, vừa bị tiêu chảy. Năm 1991, sau khi được bác sĩ Lý cho niệm số 40, 70 về đã cảm thấy dễ chịu, thấy ấm nóng. Sau 3 ngày niệm, dạ dày tôi đã khỏi. Rất cảm ơn kỹ thuật cao minh của bác sĩ Lý đã chữa khỏi dạ dày đau suốt bao năm nay của tôi.

Tự thuật 98: Tôi họ Trình, là nông dân.

Tôi bị viêm khí quản mạn tính trên 10 năm, lại còn bị nhức đầu, nặng lưng, thể chất yếu đuối. Chữa nhiều nơi nhưng chưa khỏi. Sau tôi đến chỗ bác Lý, bác cho tôi niệm số 20.640. Thấy có hiệu quả nhanh, bác bảo tôi về niệm số này. Hôm nay tôi lên núi làm việc, khi thay áo tôi mới nghĩ đến một mảnh giấy trong đó có chữ số của bác sĩ, tôi cuộn lại cho vào túi, vừa làm vừa niệm. Thật kỳ lạ, hôm qua niệm thì tốt như vậy, hôm nay sao lại khó chịu thế này. Tôi lại niệm một lúc thấy không được

càng niệm càng thấy khó chịu. Thế là thế nào. bóc mảnh giấy ở trong túi ra xem thì không phải là số 20.640 mà là 20.60. Nguyên do là tôi đã cuộn nhầm mảnh giấy. Tôi vội vàng vớt mảnh giấy đó đi, rồi vẫn niệm 20.640 chừng 20 phút thì đã thấy hết khó chịu, càng niệm càng thấy nhẹ đi. Đúng là có ý nghĩa, sau này tôi chỉ niệm số 20.640, không đến một tuần tất cả các loại bệnh tật của tôi đã tiêu tan. Tôi không ngờ rằng tôi thường xuyên uống thuốc mà chữa không khỏi bệnh, tượng số của bác sĩ Lý lại công hiệu như vậy, thực làm cho người ta kinh ngạc!

Tự thuật 99: Tôi họ Tuy, 44 tuổi, nhân viên bưu điện.

Tôi bị thoái hóa đốt sống cổ luôn bị đau đầu, vầng đầu, nặng lưng sườn đùi vô lực, mắt không nhìn rõ. Tôi còn viêm mũi, rất ít khi tôi thấy thoải mái. Đã chữa nhiều nhưng hiệu quả không cao, tôi rất khổ sở. Sau đến bác sĩ Lý, qua kiểm tra, bác đã dùng phương pháp chữa rất đơn giản là bảo tôi niệm nhóm số 2650.380, thật là kỳ lạ, niệm một lúc là toàn thân thấy nhẹ nhàng. Qua 10 lần chữa, thì các bệnh ngoan cổ đó đều khỏi hết. Bác bảo tôi về tiếp tục niệm, số lần niệm cũng không cần nhiều nhưng hiệu quả thì không ít, không những bệnh không tái phát mà thấy thị lực tăng lên, giảm

ân, tinh lực nâng cao, giảm béo. Sau này tôi thường xuyên niệm vì nó quá đơn giản, tự mình làm lúc nào cũng được. Cái phấn khởi nhất là đạt được hiệu quả mong muốn.

Tự thuật 100: Tôi họ Quán, 51 tuổi.

Tháng 8 năm 1991 tôi bị cường tuyến giáp trạng. Tháng 4 năm 1992 tôi uống thuốc đồng vị giảm kali trong bệnh viện Trung Nhật Tháng 10 năm 1992, bệnh giáp trạng của tôi rất rõ ràng như phản ứng chậm chạp, lưỡi to nói chậm, toàn thân phù, tứ chi hết lực, tinh thần mệt mỏi, đặc biệt sợ lạnh. Bệnh này không có thuốc nào chữa được nên đến chữa tại bác sĩ Lý.

Bác sĩ Lý cho tôi nhóm số 650.30.820, tôi niệm 2 tháng, dần dần thấy không sợ lạnh, thể lực khá lên nhiều, hết phù. Một hôm tôi lên phố mua một chiếc nhẫn bảo vệ sức khỏe, đeo trong 20 phút, thấy đoản hơi, tim đập nhanh. Tôi ngờ rằng nguyên nhân có thể là do đeo nhẫn, tôi đến hỏi bác sĩ Lý, bác nói chiếc nhẫn bảo vệ sức khỏe này không phải ai cũng đeo được. Tôi có đeo nhẫn này cũng chẳng sao cả.

Tai phải của tôi đã nghe kém nhiều năm, một ngày trong tháng 9 tôi hỏi bác sĩ Lý, thính lực của tôi có thể khôi phục được không, bác bảo tôi mỗi sớm ngồi dậy tưởng niệm đến huyết dưng tuyến trong 10 phút. Tôi làm theo bác sĩ, sau mấy ngày

thấy có hiện tượng phù. Tôi lại đi hỏi, bác nói, nguyên nhân do tôi đã hít nhiều âm khí. Bác lại cho tôi nhóm số 50.30.820.60, tôi niệm trên 20 ngày phù đã hết, hiện tôi cảm thấy rất tốt, thể lực đã hồi phục. Tinh thần rất tốt. Tôi nhiều lần được thực nghiệm trên cơ thể đã thấy y thuật khẩu quyết bằng con số của bác sĩ Lý là rất sâu sắc khó có thể tưởng tượng được.

Tự thuật 101: Tôi họ Trương, 46 tuổi, là công an.

Mấy năm trước bắt đầu xuất hiện ra mồ hôi trộm, buồn bực, thân thể thiếu lực. Tuy nhiên tôi đã có bồi dưỡng nhưng do sức khỏe yếu, dễ cảm cúm, thường xuyên chữa bệnh nên hiệu quả không tốt. Dần dần xuất hiện bệnh đau lưng, đùi nhẽo, liệt dương v.v... Tuy tôi đã chữa nhiều nơi nhưng hiệu quả vẫn chưa tốt. Gần đây vợ tôi biết được bác sĩ Lý. Tôi đã đến khám bác sĩ cho niệm số 2000.650. Tôi niệm được một thời gian, ho đã chuyển biến rõ, thể lực tăng dần, các hiện tượng về buồn bực, đoản hơi thiếu lực dần dần đã được giải trừ. Đặc biệt là bệnh cảm cúm trước đã làm tôi rất khổ nay hầu như không còn duyên nợ với tôi nữa, chứng liệt dương có chuyển biến tốt.

Tôi niệm số trên nửa năm, bệnh tật của tôi cơ bản đã hết. Niệm số đơn giản hiệu quả đáng tin, không có tác dụng phụ lại dễ áp dụng.

PHỤ LỤC

TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ

Sau khi bài luận văn "Liệu pháp tượng số bát quái" được phát biểu trên tuần báo "Trung hoa khí công" số 4 năm 1993, thư từ các độc giả đủ loại nghề nghiệp khác nhau ở các nơi trong toàn quốc tới tấp gửi đến, đề xuất nhiều vấn đề mà họ quan tâm. Nay xin trả lời đơn giản một số vấn đề do độc giả nêu lên như sau:

1. Liệu pháp tượng số bát quái bản thân cũng là một loại khí công tại sao không gọi tên là công pháp mà lại gọi là liệu pháp?

Trả lời: Ở đây có 2 nguyên nhân. Một là: liệu pháp tượng số bát quái là một loại lấy hạt nhân là học thuyết bát quái, lý luận đông y lấy tượng số bát quái là liệu pháp khí công, nó không giống như khí công nói chung, gồm một số động tác phải cần đến một số yêu cầu nào đó về mặt điều thân, điều tâm, điều ý; nó là "tự nhiên", "tự do", "tự vi"; hai là liệu pháp này tùy cho từng người để lập số biện

chứng thi trị, lấy trị bệnh là chính, do đó gọi là liệu pháp phù hợp với thực tế hơn.

2. Người sáng lập ra “Liệu pháp tượng số bát quái”, trong quá trình nghiên cứu những vấn đề hiển cổ điển đã cung cấp những khởi phát nào?

Trả lời: "Bất chi dịch, bất túc dĩ ngôn thái y" (không biết kinh dịch, đừng có nói làm thầy thuốc). Dịch y tương thông, đó là truyền thống quý báu của y học Trung Quốc. Trong thực tiễn chữa bệnh của những nhà y học cổ đại, họ đã tự giác kết hợp kê đơn thuốc đông y với tượng số bát quái, như dùng số của thiên địa vào bài thuốc, "chí chân yếu đại luận" nói: "quân nhất cự nhị, kỳ chi chế dã; quân nhị cự tứ, ngẫu chi chế dã; quân nhị cự tam, kỳ chi chế dã; quân nhị cự lục, ngẫu chi chế dã. Nên viết: cận giả kỳ chi, viễn giả ngẫu chi; hàn giả bất dĩ kỳ, hạ giả bất dĩ nẫu..." (ý nói chẵn lẻ dùng trong đơn thuốc). Có người thì dùng quái tượng lấy tên cho bài thuốc, như "khảm li hoàn", "khôn thuận đan", "thái cực hoàn", v.v... Có nhà y học cổ đại trong bài thuốc lại dùng "đại táo 6 quả". Dù là táo to hay nhỏ đều dùng "định số", ở đây trên thực tế là có sự kết hợp giữa "số" và "thuốc" trong lâm sàng. Có nghĩa là bản thân "số" cũng có tác dụng chữa bệnh. Đó là khởi phát của tôi, đồng thời từ đây tôi từng bước đi sâu vào thực nghiệm, và từ đó

sáng tạo ra "Liệu pháp tượng số bát quái". Trong sáng tạo của liệu pháp này là trên cơ sở nghiên cứu kinh dịch và lý luận đông y, khai mở được kho báu y học của tổ quốc. Thành quả của tôi là lấy được từ trên vai của các nhà y học cổ đại.

3. Bà là một nhà châm cứu, mới đầu có phải bà đã kết hợp liệu pháp tượng số bát quái vận dụng vào lâm sàng?

Trả lời: Đúng. Liệu pháp tượng số bát quái với châm cứu, nhĩ áp tai và điểm huyết v.v... đều là những liệu pháp đã được kết hợp vận dụng vào lâm sàng, sau này mới dần dần tách ra độc lập. Nhưng có khi trong kết hợp lại có lợi trong việc nâng cao hiệu quả điều trị, không nên bài xích kết hợp; điều này không ảnh hưởng đến sự phát triển độc lập của liệu pháp tượng số bát quái cũng giống như kết hợp đông y và tây y, nó cũng có lợi cho sự phát triển cả đông y và tây y.

4. Khi niệm tượng số, tại sao không lệ thuộc vào thời gian địa điểm, tư thế, phương vị, mà có thể niệm tùy ý, đi ngói hoặc nằm.

Trả lời: Vì tượng số bát quái là hình ảnh thu nhỏ của thiên đạo, vật đạo, nhân đạo, nó đều bao hàm các tin tức vũ trụ phong phú, là môi giới của "thiên nhân hợp nhất". Cho nên bản thân mỗi một mã tượng số đều mang theo những tin tức tương

ứng, trong quá trình niệm có thể điều chỉnh tự nhiên trường bát quái của cơ thể làm cho cộng hưởng đồng bộ với trường bát quái vũ trụ, vì thế không ràng buộc đến thời gian, địa điểm, tư thế, phương vị và có thể niệm tùy lúc, tùy nơi, trong khi đi, ngồi, nằm của sinh hoạt hàng ngày. Nhưng cũng có trường hợp đặc biệt, như có người bệnh đã theo một phương vị nhất định, niệm với thời gian nhất định để tăng cường hiệu ứng của tin tức thời gian, không gian.

5. Khi lập tượng số qua niệm không thích hợp, phải điều chỉnh nhóm số khác, thì thời gian giãn cách bao lâu là thích hợp.

Trả lời: Khi niệm nhóm tượng số, nếu xuất hiện những hiện tượng không thích hợp thấy từ đầu, dạ dày và tim, cũng có thể do lập số sai, hoặc do bản thân người bệnh vì khí huyết không lưu thông có kinh lạc bị tắc nghẽn, vẫn có thể thử niệm, hay thử niệm nhóm sau đó. Nhưng khi người bệnh có xuất hiện cảm ứng rõ ràng, thì hãy tạm nghỉ; đợi sau khi được hoãn giải lại niệm thử.

6. Khi niệm số thì niệm như thế nào?

Trả lời: Nói chung khi niệm thì niệm không thành lời hoặc phối hợp với ý niệm. Tốc độ niệm nên chỉ trung bình, không nhanh cũng không

chậm, nhanh quá dễ bị nóng, chậm quá dễ bị lạnh. Giữa các nguyên nên dừng một chút.

7. Ý nghĩa của số "0" ở trước và sau tượng số là thế nào?

Trả lời: Trường hợp chung số 0 đặt sau tượng số, ngoài công hiệu làm mạnh các tín hiệu tượng số và thông kinh lạc ra, còn có hiệu quả điều hòa. Nếu gặp các bệnh cấp tính hoặc các bệnh ngoan cố, thì trước và sau tượng số đều có thể thêm số 0 có tác dụng cường hóa. Mặt khác do âm dương có lúc thịnh lúc suy khác nhau, và số 0 trước và sau tượng số cũng không giống nhau. Trường hợp chung, khi thiên về âm hư hoặc dương thịnh, thì số không được đặt ở phía trước số. Ngược lại, được đặt tại phía sau số. Khi lập số trên lâm sàng còn phải căn cứ vào tính của âm dương sinh ra do số 0 là số chắn hay lẽ (số 0 chắn, là âm, 0 lẽ là dương cần phải được vận dụng linh hoạt).

8. Trong quá trình niệm liệu pháp tượng số, đa số người bệnh thuộc loại rõ ràng, có rất ít người bệnh thuộc loại ngấm, hiệu quả của nó ra sao?

Trả lời: Trường hợp chung, đa số bệnh nhân trong quá trình niệm số, có thể xuất hiện đầu nhẹ nhõm, sáng mắt, thần khí thoải mái, mát nóng, hành khí v.v... với những cảm giác dễ chịu khác

nhau. Loại cảm ứng này, nói chung trong quá trình niệm chỉ cần mấy phút hoặc mười mấy phút là đã xuất hiện nên thuộc loại rõ ràng. Còn có rất ít trường hợp phải niệm tới nửa giờ hoặc dài hơn nữa mới xuất hiện cảm ứng thì thuộc loại ngâm. Người loại bệnh rõ ràng, nói chung chữa tương đối nhanh, còn người loại bệnh ngâm thì tương đối chậm, tuy nhiên hiệu quả chữa trị vẫn là ổn định.

9. Liệu pháp tượng số có thể phối hợp với các liệu pháp khác hoặc khi công?

Trả lời: Thông thường có thể phối hợp các phương pháp chữa trị khác nhau như châm, ấn huyệt v.v... Khi dùng liệu pháp này thì không nên phối hợp với các loại khí công khác, vì có một số khí công có ảnh hưởng tới liệu pháp tượng số.

10. Trong quá trình điều trị bằng liệu pháp tượng số, không những chữa khỏi bệnh cần chữa ngay mà thường thường lại chữa được cả các bệnh khác kèm theo nữa, vậy tại sao?

Trả lời: Chỉh thể quan, bình hoành quan, vận động quan của vũ trụ là nguyên lý mà liệu pháp tượng số làm căn cứ. Cho nên bất cứ lập nhóm số nào hợp lý đều tác dụng trực tiếp vào cục bộ, ngoài ra nó còn tiến hành điều chỉnh chỉnh thể, để trường bát quái của người vận động chấn với trường của bát quái vũ trụ, để điều hòa khí huyết,

cân bằng âm dương làm cho toàn thân được điều chỉnh. Như thí dụ 69, bà đã 70 tuổi, viêm mũi đã 30 năm, không những là chữa viêm mũi cho bà, mà còn chữa cả hoa mắt, không cần đeo kính, lại còn khâu vá. Đó là cái lý như trên đã nói.

11. Tại sao niệm số, thường làm cho người ta hết mệt mỏi và tinh lực tăng cường

Trả lời: Khi niệm số, do trực tiếp điều tiết trường bát quái cơ thể, làm kinh lạc cơ thể khai thông, cộng chấn với trường bát quái thiên thể, càng lợi cho việc tiếp nhận tin tức của trường bát quái vũ trụ, bổ khí của cơ thể, làm tinh lực tăng trưởng, không thấy mệt mỏi.

12. Trong khi lập tượng số nên phối hợp với ngũ hành là tốt nhất phải không?

Trả lời: Đúng mà lại không đúng. Do vì thịnh suy âm dương của người bệnh khác nhau, có bệnh nhân tiếp thu được tượng số có phối hợp với thuộc tính ngũ hành, qua niệm thấy dễ chịu, nhẹ nhõm là thuộc bài niệm tốt nhất và hợp lý. Nhưng cũng có người bệnh không thể tiếp thu lập số có kết hợp thuộc tính ngũ hành. Đối với người bệnh này thì lập số theo ngũ hành là bài niệm không hợp lý.

Tóm lại: Khi lập số sẽ phải lập biện chứng khác nhau cho từng người, tức là chìa nào mở khóa nấy,

đó mới là bài niệm tốt nhất: cho dù là kết hợp hay không với thuộc tính ngũ hành, đều phải cộng chấn đồng bộ của trường bát quái trong và ngoài cơ thể, luôn luôn tương thông với nhau.

13. Tại sao lập tượng số đều theo thứ tự dương sinh của ngũ hành?

Trả lời: Quan hệ giữa tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái là quan hệ thể và dụng, liệu pháp tượng số chính là vận dụng quan hệ thể dụng này. Hậu thiên bát quái lấy thứ tự tương sinh ngũ hành, đem vạn sự vạn vật của thiên hạ phân loại theo ngũ hành nạp vào trong bát quái, lấy thứ tự thời gian làm thành một vòng tròn để biểu thị quy luật vận động biến hóa của vạn vật (bao gồm cả người). Cách lập tượng số của nó lấy thứ tự tương sinh ngũ hành, tức là thuận theo quy luật vận động của hậu thiên bát quái, thuận theo tượng thiên hợp nhất.

14. Trong lập tượng số chỉ dùng đến 8 quái số của tiên thiên bát quái, tại sao lại chữa được những chứng bệnh thiên biến vạn hóa.

Trả lời: Bát quái đại biểu cho 8 tính chất cơ bản của sự vật, nó có thể đại biểu cho tất cả mọi thứ, sự vật mà nó đại biểu là vô hạn cho nên các bệnh tật của con người dù thiên biến vạn hóa đều có thể căn cứ vào tượng để quy loại vào trong bát quái. Liệu

pháp tượng số, tuy chỉ có 8 số của tiên thiên, nhưng có thể lập tượng số biến hóa đa đoạn để điều trị bệnh.

15. Ưu điểm của liệu pháp tượng số là gì ?

Trả lời: Ưu điểm của nó là không làm tổn thương khí cho người điều trị, tiện lợi dễ dàng, phương pháp giản đơn, hiệu quả kỳ lạ, đạo lý thâm sâu, được sử dụng hàng ngày trong lúc đi, ngồi hay nằm, rất đơn giản, cách chữa bệnh nâng cao sức khỏe đúng đạo lý thiên nhân hợp nhất. Cho nên người niệm số mà kiên trì thường xuyên thì đều thu được hiệu quả tốt. Chỉ cần có đủ trí nhớ, tinh thần bình thường thì dù nam nữ lão ấu đều có thể thu lợi ích khi niệm.

16. Tại sao lập tượng số chỉ dùng số từ 1 đến 8 mà không dùng 9?

Trả lời: Liệu pháp tượng số bát quái là dùng số của tiên thiên bát quái tức là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Những con số khác không thấy ghi trong tiên thiên bát quái cho nên chỉ dùng 8 số.

17. Khi niệm tượng số, nói chung bao nhiêu thời gian thì xuất hiện cảm ứng?

Trả lời: Niệm tượng số, nói chung chỉ mấy phút hoặc mười mấy phút là đã xuất hiện các loại cảm ứng khác nhau. Thậm chí có rất ít người bệnh, chỉ

nhìn thoáng còn số hoặc nghi thoáng một cái là đã có cảm ứng; cũng có một số rất ít phải từ nửa ngày đến mười mấy ngày mới có cảm ứng. Cái gọi là cảm ứng nói chung là cảm ứng thoải mái như đầu nhẹ nhàng, sáng mắt, thần khí trong sáng, mát, nóng, hành khí v.v... Ngược lại cảm thấy khó chịu, xuất hiện ở đầu, dạ dày, tim v.v...

18. Khi niệm tượng số có cần cấm kỵ gì về ăn uống không?

Trả lời: Khi niệm tượng số không có một cấm kỵ nào về ăn uống cũng như thời gian trước và sau ăn uống, tất cả đều thuận theo tự nhiên.

19. Có một số người bệnh khi niệm số trên lâm sàng, dễ gây nên khó chịu. tại sao?

Trả lời:

1. Trường hợp này không tránh khỏi có nhầm lẫn trong lập số.

2. Nói chung trường hợp này và bệnh nhân này, một là do tính khí có nhiều suy tư, cũng có thể là do bệnh tình phức tạp, thời gian mắc bệnh quá dài nên gây ra kinh lạc không thông, bị tắc nghẽn rõ ràng, nên khi niệm số dễ gây ra khó chịu. Nếu gặp những trường hợp này có thể dùng những biện pháp sau: tức là chọn một nhóm số 0 thích hợp mỗi lần, cho niệm vài lần rồi thôi, nếu qua vài lần kinh lạc có thể có chấn động và có thể tiếp thu bài niệm.

20. Trong quá trình niệm tượng số, có một số rất nhỏ người xuất hiện hiện tượng tương tự như "ngây ngất" thì phải để phòng ra sao?

Trả lời: Quan sát quá trình người bệnh niệm số, thứ nhất trước tiên phải bảo người bệnh về những cảm ứng trong khi niệm (tức là thoải mái hoặc là khó chịu) thì báo ngay cho bác sĩ biết. Hai là bản thân người theo dõi cũng phải quan sát chú ý, hỏi han người bệnh: nói chung niệm trong 1 đến 2 phút hoặc thời gian ngắn hơn nữa là có thể hỏi cảm ứng của người bệnh. Trên lâm sàng có thể chia thành 3 loại. Loại cực nhạy, loại nhạy và loại chậm; trong đó nhạy chiếm đa số. Khi niệm nếu thấy thoải mái thì cứ tiếp tục niệm; nếu niệm thấy khó chịu thì chuyển xuống số khác. Nếu như có sự phối hợp giữa thầy thuốc và bệnh nhân thì sẽ không có hiện tượng "ngây ngất", đợi cho bệnh nhân nằm yên ít phút là có thể trở lại bình thường. Với những người bệnh nặng thì có thể ấn vào nhân trung, thập tuyên, hợp cốc, bách hội, lao cung v.v... hoặc có thể châm cứu, nhưng trong lâm sàng ít gặp.

21. Trong quá trình thực hiện chữa bệnh thì cần phải bao nhiêu thời gian để đi điều chỉnh lần khác?

Trả lời: Trong quá trình niệm số, nếu có phản ứng tốt thì có thể giữ nguyên số đó, nhưng đa số trường hợp căn cứ vào thay đổi của bệnh tình cần

phải điều chỉnh số mới để đạt hiệu quả và tốc độ nhanh nhất. Nhất là đối với bệnh mạn tính.

22. Khi niệm số, khoảng bao nhiêu thời gian thì có kết quả?

Trả lời: Với người nhạy bén thường thường là thu được nhanh, nhưng để củng cố bệnh phải căn cứ vào bệnh tình là cấp tính hoặc mạn tính mà cho niệm thời gian dài hay ngắn khác nhau. Đợi sau khi khỏi bệnh tiếp tục cho niệm không chỉ để củng cố chữa bệnh mà còn để nâng cao sức khỏe.

23. Nên có nhiều loại bệnh thì có thể đồng thời niệm nhiều nhóm số được không?

Trả lời: Không thể, dù là có nhiều bệnh, nhưng trên lâm sàng chỉ có một khái quát là "âm chứng" và "dương chứng", tức là phải lấy tổng cương của âm dương để điều chỉnh, tức là tùy theo nặng nhẹ mà điều chỉnh chỉnh thể, phải tôn trọng tuần hoàn "pháp vu âm dương, hợp vu số thuật". Cho nên mỗi lần chỉ niệm một nhóm số, tức được điều chỉnh có thứ tự từ từ, nếu niệm nhiều nhóm số một lúc dễ có phản ứng không tốt. Như ở Bắc Kinh có một độc giả họ Ngô... bị bệnh da đã chọn dùng một nhóm số trong luận văn của người viết để niệm tượng số chữa bệnh đã thu được hiệu quả rõ ràng. Nhưng lại muốn chữa trị thêm bệnh khác lại chọn 2 nhóm số, mỗi

ngày niệm 3 nhóm số nên nó đã ảnh hưởng đến nhau. Nên nhớ rằng mỗi nhóm số hợp lý, dù là tượng số nhiều hay ít đều phải tuân theo sinh khắc chế hóa của ngũ hành, phải lập theo "thiên nhân hợp nhất"; cho nên khi chữa khỏi bệnh chính nào đó thì những bệnh kèm theo khác cũng được chữa khỏi.

24. Liệu pháp tượng số bát quái có gì khác với số tự công của sinh mệnh con người?

Trả lời: Đây là hai loại công pháp và liệu pháp hoàn toàn khác nhau. Sự khác biệt của nó gồm 3 điểm sau: một là chữ số dùng khác nhau, số công của sinh mệnh con người là dùng 10 số (gồm cả 9). Hai là: hàm ý của chữ số cũng khác nhau, số của chúng tôi đúng là tượng số bát quái là "tỷ loại thủ tượng", "dĩ tượng định số". Còn "số tự công" là dùng mã số nhị tiến chế phản ánh hình thức xung mạch sinh vật của cơ thể, sau đó đem mã số nhị tiến vị phiên dịch thành chữ số thập tiến vị. Như "1" cân bằng âm dương; "2" - bình hành ba động; "3" - bình ổn; , "4" - đại hình ba động; "5" - chậm lại, âm ướt, v.v...

Ba là số tự công cần phải phối hợp nhiều loại thủ ấn v.v... Còn liệu pháp tượng số thì không dùng bất cứ động tác quy định nào. Nhưng cần nói rõ liệu pháp tượng số bát quái tuyệt đối không bác bỏ số tự công sinh mệnh cơ thể.

25. Bài "Liệu pháp tượng số bát quái" của bà sau khi đăng tải tại số trong "Trung Hoa khi công", trên xã hội đã có những phản ứng gì?

Trả lời: Sau khi bài viết được đăng tải, độc giả với nghề nghiệp khác nhau trong toàn quốc đã phản ánh nhiệt liệt, cô vũ chúng tôi. Có người yêu cầu học tập, có người muốn đến thăm, có người muốn đến chữa, có người thì chúc mừng; có người lại theo luận văn của chúng tôi đề nghị cung cấp người chữa bệnh theo liệu pháp tượng số bát quái. Dưới đây xin trích một số thư của độc giả:

- Thư của ông Ngô Chí Khôn ở Hắc Long Giang viết: Sau khi được đọc tác phẩm hay của bà về bài "Liệu pháp tượng số bát quái" tôi cảm thấy rất gần gũi với tác phẩm. Tôi đã đọc mấy lần vẫn không muốn rời sách. Nội dung của luận văn rất giàu tính triết lý, đối với "Chu dịch", đông y và khí công đã kết hợp hữu cơ với nhau, mà tác phẩm sáng tạo của bà đã gây một ảnh hưởng rất lớn về phương diện kết hợp đông y trong chữa bệnh. Bà đã đi sâu về khoa học tượng số, dịch lý, những bí mật của cơ thể người mà trước đây chưa từng có, là người tiên phong kể cả trong lẫn ngoài, cả cổ lẫn kim... tinh thần tìm tòi của bà có thể được coi là tinh thần của con cháu Trung Hoa chúng ta. Tôi rất kính phục và ca ngợi. Tinh thần này của chúng tôi là tinh

thần công hiến cho toàn nhân loại. Một ngày nào đó sẽ được toàn nhân loại nhận biết và ủng hộ".

- Ủy hội kinh tế tỉnh Hà Nam. Thư của ông Lâm Sơn cán bộ về hưu có viết: "Trong số 4 năm 1993 của tạp chí "Trung Hoa khí công", tôi đã hân hạnh được đón đọc tác phẩm lớn của bà "Liệu pháp tượng số bát quái". tôi đã đọc liền mấy lần, nó đã thu hút tôi như đá quặng. Là một tác phẩm sâu, phương pháp đơn giản, hiệu quả chữa bệnh rõ ràng. Đúng là một con đường lớn, cần phải phổ cập mở rộng liệu pháp này, cần mang nó tạo phúc cho nhân dân Trung Quốc và con cháu đời sau".

- Cục Văn hóa huyện Nghi Long tỉnh Tứ Xuyên. Thư của ông Phương Duy Nghĩa viết: "Nhìn thấy tác phẩm lớn của bà tôi rất khâm phục, ca ngợi và chúc mừng! Tôi là nhà nghệ thuật điêu khắc và là người yêu khí công. Tôi rất kính phục về phương pháp thần kỳ trong "Liệu pháp tượng số bát quái" do bà biên soạn. Tôi rất hứng thú và phấn khởi, không biết tại nơi bà có sách vở ghi tường tận và những tài liệu hàm thụ được bán "không, xin cho biết...".

- Ông Thường Trung Đức, Cục Bưu điện huyện Khang Lạc, tỉnh Cam Túc viết: Tôi đã được đọc bài "Liệu pháp tượng số bát quái" do bà viết, tôi rất khâm phục và đã đọc đến 10 lần, làm cho tai mắt

tôi phải sưng sờ, đó là một tị vui của giới khí công, tôi xin gửi và chúc mừng nhiệt liệt...

Bác sĩ Lý, tôi là người rất yêu thích khí công, tôi đã từng đọc rất nhiều sách có liên quan đến khí công, nhưng bài của bà nằm trong lĩnh vực mà tôi chưa biết tới. Sau khi đọc tác phẩm của bà, khiến tôi phải sưng sờ có cảm giác như trong không gian rộng lớn. Nay gửi công hàm này khẩn thiết được mong bà giúp cho tôi một số các mục sau...".

- Thư của ông Vũ Thanh tại thị trấn Vũ Hán viết: rất phấn khởi được xem "Liệu pháp tượng số bát quái" đăng trong "Trung Hoa khí công", tôi rất kính phục! Mong rằng sau này sẽ có liên hệ và trao đổi..."

- Thư của Cảnh Lễ Âm, xưởng Hóa dầu Thượng Hải viết: "Tôi là công nhân cơ khí đã về hưu, tôi rất thích môn khí công truyền thống... gần đây vợ tôi đi làm bằng xe đạp, vì tránh một chiếc xe mô tô ở trước mặt, vội phanh xe và nhảy xuống, không may bị tẹo mắt cá chân trái. Tối trưa thì mắt cá đã bị sưng đỏ và rất đau, không đi được. Đến tối tôi xem bài thí dụ được bà giới thiệu trong liệu pháp tượng số bát quái, niệm mật mã tượng số. Trong quá trình niệm, vợ tôi cảm thấy chỗ vết thương lúc lạnh lúc nóng, rồi dần dần cảm thấy đỡ hẳn. Không đầy 20 phút vợ tôi thử đi lại, cơ bản

thấy bình thường, và mỗi lần dậm chân xuống đất cũng không có cảm giác đau. Sáng ngày hôm sau đi đường đều bình thường, chân tuy còn sưng nhưng không có cảm giác đau. Đến ngày thứ 3 tất cả vết thương sưng đỏ đều tiêu tan. Các thầy giáo ở xung quanh đều cảm thấy rất kỳ lạ...".

- Thư của đồng chí Ô Thiệu Lâm, tài xế xưởng hóa chất Quảng Đông viết: "Trên tạp chí Trung Hoa khí công tôi đã được xem kinh nghiệm của tiền bối do bà nghiên cứu và sáng tạo ra "liệu pháp tượng số bát quái", tôi đã theo các quy luật ngũ hành và một số cái khác do bà viết, rất có hiệu quả. Tôi rất cảm ơn bà, cả tôi và vợ tôi đều chịu bà. Tôi rất có duyên là được nhìn thấy viên ngọc quý do bà cống hiến đã đến được với tôi. Bệnh của tôi là như thế này, trên đùi của tôi bị bệnh về da, rất ngứa và tình trạng rất đáng sợ: vừa đỏ, vừa to, nổi cộm lên một mảng lớn. Tôi là nam giới mà cũng không muốn đi khám tại bệnh viện, chỉ đến những hiệu thuốc lẻ mua ít thuốc viêm da để dùng, khi dùng thì tuy ngứa có giảm, nhưng không đến 1 ngày thì chỗ ngứa lại nổi lên một mảng lớn, đúng lúc không còn giải pháp nào, được xem liệu pháp tượng số bát quái do bà viết, tôi liền áp dụng và niệm 0002, làm tôi rất tin, chỉ qua một thời gian toàn bộ đã trở lại bình thường. Trước đây cứ mỗi

mùa đông hàng năm da tôi bị khô lại ngứa tới nay thì không thấy nữa, da đã trở lại rất tốt. Đúng là tôi đã có được viên ngọc, chẳng biết báo đáp bà như thế nào đây...".

- Ông Quách Quyên Lâm tỉnh Giang Tây gửi công hàm đến có viết: "Sau khi xem bài "Liệu pháp tượng số bát quái" của bà tôi liền lấy "07" để niệm chữa viêm mũi, hiệu quả rất tốt, lập tức là thông thoát, dễ chịu ngay, đích xác là một phương thuốc kỳ lạ để chữa bệnh. Để có được lý luận về phương pháp kỳ lạ và tiện cho người sử dụng, tôi viết thư này xin cầu mong có được một lý luận tỉ mỉ về cách lập số".

- Thư của ông Quách Vi Quyên, tỉnh Tứ Xuyên viết: "Tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần bài "Liệu pháp tượng số bát quái" của bà và đã căn cứ vào cách lập đã dùng nhóm số mật mã tượng số 0004000 và niệm trong 15 phút để chữa khỏi triệu khớp xương mắt cá chân. Càng tăng thêm lòng tin và thích thú của tôi đối với liệu pháp tượng số. Vì vậy tôi viết thư này gửi tới bà lời cảm ơn..."

- Đồng chí Vương Vạn Tường, tỉnh Tứ Xuyên gửi công hàm đến có viết: "Sau khi được xem bài "Liệu pháp tượng số bát quái" của bà đúng là lúc bệnh ở chân tôi tái phát, chủ yếu là huyết hành gian bị sưng đỏ và đau, lập tức tôi dựa vào tượng

số và quan hệ tương sinh ngũ hành của tàng tượng lấy số 04.03.08... niệm trong 10 phút, vết sưng đã bắt đầu tiêu, cũng không đỏ nữa, sang ngày hôm sau thì như cũ không còn đau...

Đầu tháng này khi tôi đứng với người bạn cũ ở cầu môn, do đối phương đá bóng làm đau bọng chân, chỗ bị thương là huyết hàm cốc thuộc kinh vị, tôi lấy số 06.04.03.07; tôi bảo ông niệm 03.07 trước, 3 đến 5 phút thì không thấy hiện tượng gì phản ứng rồi tiếp tục niệm, ngay đêm đó niệm thì thấy đau đã nhẹ hẳn, sáng hôm sau đã có thể xuống đất, sang ngày thứ 3 niệm thì khỏi hoàn toàn. Bạn tôi rất cảm ơn liệu pháp tượng số thần kỳ của bà nên viết thư tay này để cảm ơn bàn tay vàng của bà...".

- Thư của ông Trần Quế Thanh, tỉnh Phúc Kiến viết: "... bệnh nhân đã ở tuổi lục tuần, bị phong thấp viêm khớp trên 30 năm nay, mấy năm nay luyện khí công cũng đã có hiệu quả, mùa hè năm nay quanh vai trái, đau liên tục mấy tháng, uống thuốc và luyện khí công đều không kết quả. Tối nay thì cánh tay trái (cả bên phải cũng có một chút) thường bị đau và sợ lạnh. Khớp của 2 chân mỗi khi thời tiết thay đổi, sưng và đau, đặc biệt là đau ở bên vai trái. Thời gian cũng đã rất dài làm cho tôi rất khó chịu. Tôi thành tâm niệm tượng số

thấy hiệu quả rõ rệt. Kể cả bệnh phong thấp cũ sau khi niệm tượng số thì cũng thấy kiến hiệu mà trước đây tôi chưa hề nghĩ đến, nay thì tôi đã tin rồi... hàng ngày tôi đều niệm, kết quả rất tốt. vì thế tôi xin cảm ơn sâu sắc! .

- Thư của ông Cha Nhất Đường, tỉnh Hà Bắc có viết: "Về vấn đề tôi thử nhóm số là 0004000: tháng 9 năm nay con tôi chơi bóng rổ ở trên tỉnh rồi bị treo khớp chân, tôi cho cháu niệm ngay nhóm số đó và hỏi phản ứng của nó, sau mấy phút nó nói, đầu tiên cảm thấy vết thương lạnh, rồi sau đó nóng lên. Cháu kiên trì niệm 3 ngày vết thương không sưng nữa, ngoài ra có uống thêm thuốc hoạt huyết hóa ứ đã thấy khởi hẳn. Với tôi, bình thường sử dụng nhiều xoa bóp thấy cũng có hiệu quả; như khi tôi đi xe hỏa có một lần tôi bị đau bụng đột ngột, tôi bèn lập số 0008000, sau khi niệm thì khởi rất nhanh. Vì tôi bị bệnh đái đường cộng với huyết áp hơi cao, mất ngủ và một loạt chứng bệnh do âm hư làm viêm miệng và lưỡi, khi đó hàng ngày tôi niệm số 640.830 như đã giới thiệu. Có khi đằng sau tôi còn thêm số 20, tôi cảm thấy thoải mái nhẹ nhõm, đặc biệt là chứng đau mồm và lưỡi đã giảm rõ rệt. Vợ tôi do bị gió nên mắt cứ chảy nước mắt, nhất là vào mùa thu đông và mùa xuân, tôi bèn cho bà niệm 003, kết quả bà nói sau khi niệm mắt nhẹ hẳn đi, hiện tượng chảy nước mắt hiện nay đã

giảm đi rất nhiều. Bình thường bà còn hay đau lưng, tôi cho bà niệm số 260, niệm xong bà bảo đau đã giảm rõ ràng. Có một đồng chí nữ ở đơn vị tôi, do thận hư nên thường đau lưng, đau họng và huyết áp cũng không ổn định: tôi cho bà thủ niệm 260 kết quả trong quá trình niệm ở giữa lưng của bà xuất hiện một vòng sáng mỗi ngày một to, vòng to nhất đã vượt ra khỏi cơ thể bà. Chứng bệnh chỗ đau đã giảm nhẹ: Liệu pháp tượng số bát quái của bà rất linh nghiệm tôi đã được dùng thử với những người xung quanh. Tôi được biết bà nhưng chưa được gặp bà trong vũ trụ bao la, đó là duyên phận của bà và tôi, cũng là phúc phận của tôi... Tôi cũng không cầu mong gì, chỉ mong kính bà có thể chỉ bảo thêm nữa cho tôi...

- Thư của ông Dự Chí Xuân tỉnh Giang Tây viết: "Được xem tác phẩm của bà, tôi mới cảm thấy sự thần kỳ của liệu pháp tượng số bát quái..., chỉ cần niệm có mấy chữ số lại chữa khỏi bệnh, tăng cường sức khỏe; với mấy chữ số đơn giản đó lại có thể tổ hợp thông qua sự biến hóa vô cùng, vô tận trở thành thuốc và chất bổ để chữa bệnh, tăng cường sức khỏe thật là thần kỳ và cũng thật đơn giản. Tôi chỉ mong được bà cho vợ tôi một phương pháp chữa bệnh, vợ tôi tuổi quá ngũ tuần và đã mắc nhiều bệnh lâu năm...".

Ông Dự Chí Xuân, sau hơn một tháng nhận được thư của tôi, vì đã chữa bệnh có hiệu quả và cũng nhân ngày tết đã gửi một thiệp chúc tết trong đó có một bài thơ:

*Quái số thực kỳ công,
Pháp giản hiệu thần thông;
Chúc quân canh đặng phi,
Vạn sự lộ lộ thông;
Gia thái phúc mãn môn
Đắc ý thắng xuân phong.*

- Thư ông Tần Tấn tại Viện Phổi Bắc Kinh viết:

"... Tôi là một người yêu khí công, sau khi được luyện tập đã có những kết quả hữu ích, không những tự chữa bệnh cho mình còn làm tăng sức khỏe, lại còn có thể phục vụ người khác..., đã từng được mọi người hoan nghênh. Nhưng nhiều lần sau khi phát ngoại khí cũng cảm thấy mệt mỏi..., thường là để giải trừ đau khổ cho người khác, mà tự mình lại tăng thêm bệnh tật. Sau khi học được cách thải bệnh khí, đương nhiên là tốt, nhưng mỗi ngày phải điều trị cho nhiều người với nhiều lần liên tục cũng cảm thấy mệt mỏi. Như dạy công pháp cho bệnh nhân, thường thường công pháp đó ít được bệnh nhân tiếp thu, nếu như phải tiếp thu ngay khi đó thì họ cũng khó duy trì được lâu dài, do vậy hiệu quả cũng không cao. Sau khi đọc Liệu

pháp tượng số bát quái của bà tôi rất phấn khởi. tôi đã làm theo cách của bà miêu tả đã chữa trị trên 10 loại, cả về nội khoa, ngoại khoa và khoa da cho hơn 20 người đều thu được kết quả rõ ràng. Bệnh nhân đều vỗ tay khen là tốt. Vì vậy tại đây tôi xin thay mặt cho nhiều bệnh nhân và gia đình họ gửi tới bà lời cảm ơn chân thành! Và cũng bày tỏ lòng kính phục sâu sắc với liệu pháp của bà đã tạo phúc cho quảng đại nhân dân... "

- Bà Trương Dã Xuân Giáng, Tôkyô Nhật Bản (là khí công sư, ủy viên khí công học Hội y học thế giới): Tôi rất phấn khởi với liệu pháp tượng số bát quái, đã từng gửi điện tới Trung Hoa để học tập liệu pháp này".

Với rất nhiều thư từ như kể trên xin không đơn cử ra nữa.

26. Bà dự tính như thế nào về viễn cảnh phát triển của liệu pháp này?

Trả lời: Đối với viễn cảnh phát triển của liệu pháp này, tôi có đầy lòng tin, tôi tin rằng sẽ rất mau chóng được quảng đại người bệnh tiếp thu. Nó không chỉ tạo phúc cho con cái chúng ta mà còn ra khỏi nước để tạo phúc cho nhân loại. Trước khi xuất bản cuốn này, đã có các học giả nước ngoài mời tôi đến dạy học; cũng có rất nhiều nhà khí công nước ngoài đã nhiều lần liên hệ với tôi yêu cầu đến Trung Quốc để học tập liệu pháp này.

27. Chữa bệnh theo liệu pháp này rất đơn giản, đó là ưu điểm đặc biệt của nó, nhưng nắm vững và vận dụng liệu pháp này thì không đơn giản, vậy có con đường nào để nhập môn hay không?

Trả lời: Chỉ cần có kiến thức cơ bản có liên quan đến bát quái và đông y, nắm vững liệu pháp này không khó. Có một con đường nhập môn là trong 101 bài thí dụ các bệnh điển hình mà tôi đã giới thiệu trong sách. Nó cũng là 101 bài thuốc kinh nghiệm (kinh nghiệm phương), người bệnh có thể tự xem xét bệnh của mình, nếu tương tự cũng có thể áp dụng chữa được có hiệu quả nhất định. Nhưng là một người làm công tác y vụ, cần phải từ nguyên lý cơ bản nắm chắc các kiến thức cơ sở và kết hợp với thực tế của lâm sàng, cũng phải mất nhiều công phu, cũng giống nội dung của câu nói "bất chi dịch, bất túc dĩ ngôn thái y".

29. Liệu pháp của bà có phải bệnh của gì cũng chữa được không?

Trả lời: Trên trần thế này không có, cũng không có thể có loại liệu pháp vạn năng, không có một loại khí công nào hoặc liệu pháp nào có thể bao quát được bách bệnh. Trong thực tiễn lâm sàng chứng tỏ, liệu pháp này có hiệu quả với trên 70 loại bệnh, trong đó có hiệu quả chữa nhanh đến tôi cũng phải sợ.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
LỜI TỰA	7
<i>CHƯƠNG I</i>	
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	13
<i>PHẦN I</i>	
LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI VỚI CHU DỊCH	13
A. HỌC THUYẾT BÁT QUÁI	14
1. Quái tượng và quái số	16
2. Bát quái đồ	17
B. HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH	25
I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH	26
1. Phân loại ngũ hành đối với thuộc tính của sự vật	26
2. Thừa vũ sinh khác của ngũ hành	28
II HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH ỨNG DỤNG TRONG ĐÔNG Y HỌC VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	31
1. Thuyết minh về chức năng sinh lý và quan hệ tương hỗ của tạng phủ	31
2. Thuyết minh ảnh hưởng bệnh lý giữa các phủ tạng	32
3. Dùng để chẩn đoán và chữa trị	33
III. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG	35
1. Nội dung cơ bản của học thuyết âm dương	36
2. Ứng dụng của học thuyết âm dương đối với đông y học và liệu pháp tượng số bát quái	40

LÝ NGỌC SƠN - LÝ KIẾN DẪN

PHẦN II

HỌC THUYẾT TÀNG TƯỢNG CỦA ĐÔNG Y VỚI LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	46
I. SƠ LƯỢC VỀ HỌC THUYẾT TÀNG TƯỢNG	47
II. HỌC THUYẾT TANG TƯỢNG VỚI LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	50
A. SINH LÝ, BỆNH LÝ CỦA NGŨ TANG VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	51
1. Tâm (tim)	51
2. Phế (phổi)	54
3. Tỳ	58
4. Can	62
6. Thận	65
B. SINH LÝ, BỆNH LÝ CỦA LỤC PHỦ VÀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	71
1. Đăm (mật)	71
2. Vị (dạ dày)	72
3. Tiểu tràng (ruột non)	73
4. Đại tràng (ruột già)	74
5. Bàng quang	75
6. Tam tiêu	76
(Phụ lục I) Não	77
(Phụ lục II) Bào thai nữ	77

PHẦN III

ỨNG DỤNG LÂM SÀNG CỦA LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	79
I. ĐIỀU TRỊ BIỆN CHỨNG	79
II. CÁCH LẬP TƯỢNG SỐ	84
1. Lập số theo tượng của bát quái	86
2. Lập số theo lý luận tạng tượng	87
3. Lập số theo "quân cự tả sứ"	87
4. Lập số theo kinh lạc tuần hành	88
5. Lập số theo qui luật ngũ hành sinh khắc	89

CHỮA BỆNH THEO CHU DỊCH

III. MẤY ĐIỂM THUYẾT MINH	90
IV. QUI LOẠI TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	93

CHƯƠNG II

TÀI LIỆU LĂM SÀNG VỀ LIỆU PHÁP TƯỢNG SỐ BÁT QUÁI	95
A. 101 LOẠI BỆNH ĐIỂN HÌNH	95
B. 101 BÀI TỰ THUẬT CỦA BỆNH NHÂN	197
PHỤ LỤC	282

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

CHỮA BỆNH THEO CHU DỊCH

Chịu trách nhiệm xuất bản:
MAI QUỲNH GIAO

Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN THU HÀ

<i>Biên tập:</i>	TẠ THỊ HOAN
<i>Bìa:</i>	TRẦN ĐẠI THẮNG
<i>Sửa bản in:</i>	THẠCH SƠN
<i>Trình bày:</i>	PHƯƠNG HOÀNG

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 20,5 cm, tại Nhà in Đại học Quốc gia Hà Nội.
Giấy phép XB số: 749-2006/CXB/14-42/PN CXB ký ngày 29 - 9- 2006
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.

TRI THỨC GIA ĐÌNH

CHỮA BỆNH THEO CHU DỊCH



PHƯƠNG ĐÔNG BOOK

34D2 Trần Huy Liệu, Giảng võ Hà Nội

ĐT: 04.7724301, Fax: 7724301, Email: nhasachphuongdong@yahoo.com

GIÁ: 34.000Đ